

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 127 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 01 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Kiên Giang và
Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng của các đơn vị năm 2022.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 616/TTr-SNNPTNT ngày 28/12/2021; của Sở Tài chính tại Công văn số 2039/STC-TCHCSN ngày 12/10/2021 về ý kiến nguồn vốn kinh phí phòng cháy và chữa cháy rừng năm 2022 cho các đơn vị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án phòng cháy và chữa cháy rừng tỉnh Kiên Giang và Phương án phòng cháy và chữa cháy rừng của các đơn vị năm 2022 (đính kèm 05 Phương án), với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên phương án

1.1. Phương án phòng cháy và chữa cháy rừng tỉnh Kiên Giang năm 2022.

1.2. Phương án phòng cháy và chữa cháy rừng năm 2022 của Vườn Quốc gia U Minh Thượng.

1.3. Phương án phòng cháy và chữa cháy rừng năm 2022 của Vườn Quốc gia Phú Quốc.



1.4. Phương án phòng cháy và chữa cháy rừng năm 2022 của Ban Quản lý Rừng Kiên Giang.

1.5. Phương án phòng cháy và chữa cháy rừng năm 2022 của Ban Quản lý Dự án Lâm trường 422.

2. Mục tiêu của phương án

- Nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ rừng, kiểm soát cháy rừng và thực thi có hiệu lực, hiệu quả của công tác phòng cháy và chữa cháy rừng, nhằm huy động, phát huy tối đa các nguồn lực làm giảm thiểu số vụ cháy và thiệt hại diện tích rừng do cháy rừng gây ra.

- Đầu tư các công trình phòng cháy và chữa cháy rừng, trang thiết bị dụng cụ, phương tiện và bố trí lực lượng trực theo phương châm “04 tại chỗ” ở những khu vực trọng điểm có nguy cơ xảy ra cháy rừng cao trong cao điểm mùa khô.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành chức năng và chính quyền địa phương góp phần thực hiện có hiệu quả công tác phòng cháy là chính, đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức, thường xuyên tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm nếu có. Tổ chức huy động các lực lượng, phương tiện, thiết bị, triển khai các biện pháp chữa cháy rừng đúng theo quy định.

- Hạn chế thấp nhất số vụ cháy rừng và thiệt hại do cháy rừng gây ra, góp phần phát triển bền vững về kinh tế- xã hội, quốc phòng- an ninh và môi trường trên địa bàn tỉnh.

3. Đơn vị thực hiện

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Công an tỉnh; các sở, ngành có liên quan, chính quyền địa phương hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị chủ rừng thực hiện phương án được phê duyệt. Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm phối hợp các ngành chức năng triển khai, thực hiện Phương án phòng cháy và chữa cháy rừng tỉnh Kiên Giang bằng nhiều hình thức, rộng rãi trên địa bàn tỉnh để các cấp, các ngành, tổ chức và người dân biết, thực hiện có hiệu quả công tác phòng cháy và chữa cháy rừng.

- Các đơn vị: Vườn Quốc gia Phú Quốc, Vườn Quốc gia U Minh Thượng, Ban Quản lý Rừng Kiên Giang và Ban Quản lý Dự án Lâm trường 422 căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, đơn vị tổ chức thực hiện phương án phòng cháy và chữa cháy rừng trong phạm vi của từng đơn vị quản lý theo quy định.

4. Địa điểm và thời gian thực hiện

- Địa điểm thực hiện: trên diện tích rừng tỉnh Kiên Giang.

- Thời gian thực hiện phương án: năm 2022.

5. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí phân bổ cho các đơn vị thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy rừng năm 2022 là: 12.330.000.000 đồng (mười hai tỷ, ba trăm ba mươi triệu đồng), cụ thể:

5.1. Vườn Quốc gia Phú Quốc: 4.000.000.000 đồng.

5.2. Vườn Quốc gia U Minh Thượng: 1.800.000.000 đồng.



5.3. Ban Quản lý Rừng Kiên Giang: 2.000.000.000 đồng.

5.4. Ban Quản lý Dự án Lâm trường 422: 530.000.000 đồng.

5.5. Chi cục Kiểm lâm: 4.000.000.000 đồng.

6. Nguồn vốn:

Theo Công văn số 2039/STC-TCHCSN ngày 12/10/2021 của Sở Tài chính về ý kiến nguồn vốn kinh phí phòng cháy và chữa cháy rừng năm 2022 cho các đơn vị.

Điều 2.

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh có liên quan; UBND các huyện, thành phố có rừng; Thủ trưởng các đơn vị chủ rừng tổ chức triển khai thực hiện Phương án phòng cháy và chữa cháy rừng tỉnh Kiên Giang năm 2022.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc quá trình tổ chức thực hiện phương án và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an tỉnh, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các Vườn Quốc gia, đơn vị: Phú Quốc, U Minh Thượng, Ban Quản lý Rừng KG và Ban Quản lý Dự án Lâm trường 422; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Ban Chỉ đạo Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố: Phú Quốc, Hà Tiên, An Biên, An Minh, Hòn Đất, Kiên Hải, Kiên Lương, Giang Thành, U Minh Thượng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *Thư*

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTNT;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP, Phòng: KT, NC;
- Lưu: VT, tvhung.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

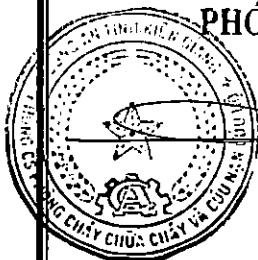


Lê Quốc Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

PHƯƠNG ÁN
PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY RỪNG
TỈNH KIÊN GIANG NĂM 2022

TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT
PCCC&CNCH-CÔNG AN TỈNH
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



[Signature]

CHI CỤC TRƯỞNG
CHI CỤC KIỂM LÂM



[Signature]

Đoàn Văn Thanh

Thượng tá Phạm Mạnh Hùng

BAN CHỈ ĐẠO PCCC VÀ CNCH TỈNH

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



[Signature]

Trương Thanh Hào

Tháng 12/2021

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
TÊN PHƯƠNG ÁN.....	1
PHẦN I. CƠ SỞ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN.....	2
1. Cơ sở pháp lý	2
2. Đặc điểm rừng tỉnh Kiên Giang.....	3
2.1. Thành phố Phú Quốc (Vườn Quốc gia Phú Quốc).....	3
2.2. Huyện U Minh Thượng	5
2.2.1. Vườn Quốc gia U Minh Thượng	5
2.2.2. Rừng sản xuất Hậu cần Công an tỉnh	6
2.3. Ban quản lý rừng Kiên Giang.....	6
2.3.1. Huyện Hòn Đất	6
2.3.2. Huyện An Minh	7
2.3.3. Huyện Kiên Lương	7
2.3.4. Thành phố Hà Tiên.....	8
2.3.5. Huyện Giang Thành.....	8
2.3.6. Huyện Kiên Hải	8
2.4. Ban quản lý dự án Lâm trường 422-Sư đoàn 4	9
2.5. Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Kiên Giang (huyện Hòn Đất).....	9
2.6. Nông lâm trường Hòn Đất - Công ty TNHH Nông Lâm Nghiệp Kiên Giang.....	9
3. Những nguy cơ gây cháy rừng	10
4. Thực trạng công tác phòng cháy, chữa cháy rừng:.....	10
4.1. Tình hình cháy rừng trong 05 năm qua (2016-2020)	10
4.2. Lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, công cụ PCCCR hiện có	10
4.3. Các giải pháp PCCCR đang áp dụng.....	11
4.5. Các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội ảnh hưởng đến nguy cơ cháy rừng	11
PHẦN II. PHÒNG CHÁY RỪNG.....	12
1. Tổ chức lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng	12
2. Các biện pháp phòng cháy rừng	13
2.1. Xác định thời gian dễ xảy ra cháy rừng trên địa bàn.....	13
2.2. Phân vùng trọng điểm cháy rừng.....	13
2.3. Theo dõi, cập nhật thông tin dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng.....	14
2.4. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và ý thức của cộng đồng về công tác PCCCR:	14
2.5. Huấn luyện và diễn tập chữa cháy rừng:	15
2.6. Xây dựng và duy trì các công trình phòng cháy.....	16
2.7. Xây dựng các biện pháp làm giảm nguồn vật liệu cháy.....	16
2.8. Xây dựng và thực hiện phát hiện điểm cháy rừng.....	16
3. Trang thiết bị phương tiện và thiết bị phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng.....	17

4. Kinh phí	17
PHẦN III. CHỮA CHÁY RỪNG.....	18
1. Quy định về tiếp nhận, xử lý thông tin, chế độ báo cáo cháy rừng.....	18
2. Thẩm quyền huy động lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng	18
3. Chỉ huy chữa cháy rừng.....	19
4. Phối hợp trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng	19
5. Phương án chữa cháy rừng	20
6. Trách nhiệm chữa cháy rừng, tham gia chữa cháy rừng	20
PHẦN IV PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG CHÁY RỪNG.....	21
1. Tình huống xảy ra cháy rừng (Chủ rừng tự tổ chức chữa cháy)	21
1.1. Giả định tình huống xảy ra cháy rừng tiểu khu 42 - Vườn quốc gia U Minh Thượng.....	21
1.2. Giả định tình huống xảy ra cháy rừng khu vực rừng Mũi Dương, ấp Chuồn Vích, xã Gành Dầu, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tại Tiểu khu 60 Phu khu phục hồi sinh thái rừng đặc dụng (Vườn quốc gia). Hiện trạng rừng thứ sinh ven biển.....	22
1.3. Giả định tình huống cháy rừng tại khoảnh 5, Lô 1, tiểu khu 23 thuộc xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất do Ban quản lý rừng Kiên Giang quản lý.....	25
1.4. Giả định tình huống xảy ra cháy rừng tiểu khu 34, xã Đông Hưng B, huyện An Minh do Ban quản lý rừng Kiên Giang quản lý	26
2. Phương án xử lý tình huống cháy phức tạp nhất	28
2.1. Tình huống cháy rừng vượt tầm kiểm soát của lực lượng xã, chủ rừng	28
2.2. Tình huống cháy rừng vượt tầm kiểm soát của lực lượng huyện	28
2.2.1. Giả định tình huống cháy phức tạp tại tiểu khu 42-Vườn quốc gia U Minh Thượng.....	29
a) Chiến thuật chữa cháy	29
b) Các phương pháp và biện pháp dập tắt các đám cháy rừng.....	30
c) Lực lượng, phương tiện dự kiến huy động	31
d) Tổ chức triển khai chữa cháy	33
2.2.2. Giả định vụ cháy rừng xảy ra tại tiểu khu 69 phân khu phục hồi sinh thái rừng đặc dụng (Vườn quốc gia), ấp Bãi Thơm, xã Bãi Thơm, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.....	37
2.3. Báo cáo tình hình chữa cháy rừng	40
2.4. Khắc phục hậu quả do cháy rừng gây ra	40
PHẦN IV. BỔ SUNG, CHỈNH LÝ PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY	41

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN
PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY RỪNG
TỈNH KIÊN GIANG NĂM 2022

Đơn vị thực hiện: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ : Số 985, Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Số điện thoại: 02973.910 019; 02973. 864145

PHẦN I CƠ SỞ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy năm 2013;

Căn cứ Lâm Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Thông tư 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng cháy chữa cháy rừng;

Căn cứ Thông tư 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy, chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy và nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an Quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy chữa cháy chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 của Bộ Công an quy định về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Tiêu chuẩn ngành số 04 TCN 88 – 2006 quy trình phòng cháy, chữa cháy rừng Tràm (Ban hành kèm theo Quyết định số 4110/QĐ-BNN – KHCVN ngày 31/12/2006 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

Căn cứ Quyết định số 3422/QĐ-BNN-TCLN ngày 28/8/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành kế hoạch phòng cháy chữa cháy rừng thực hiện Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 11/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy,

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12-01-2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 30/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Phương án chữa cháy Vườn Quốc gia U Minh Thượng;

Căn cứ Kế hoạch số 09/KHLN KL-CA-QĐ ngày 01/01/2007 về phối hợp giữa lực lượng Kiểm lâm, Công an, Tỉnh đội, Biên phòng, Sư đoàn 4-QK9 trong công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quy chế phối hợp số 2065/QC-QS-NN&PTNT ngày 22/09/2011 giữa Bộ chỉ huy quân sự tỉnh với sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn phối hợp hoạt động giữa lực lượng Dân quân tự vệ với lực lượng Kiểm lâm trong công tác bảo vệ rừng;

Căn cứ Kế hoạch số 231/KHPH-CAT-SNNPTNT ngày 05/11/2021 Phối hợp giữa Công an tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác phòng cháy và chữa cháy rừng.

Căn cứ Công văn số 2039/STC-TCHCSN ngày 12/10/2021 của Sở Tài chính về việc ý kiến nguồn vốn kinh phí phòng cháy và chữa cháy rừng năm 2022 cho các đơn vị.

2. Đặc điểm rừng tỉnh Kiên Giang

Kiên Giang, có tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp 82.652,10 ha, đất có rừng 60.916,18 ha (rừng tự nhiên 46.237,30 ha; rừng trồng 14.678,88 ha).

- **Phân theo chức năng** : Rừng đặc dụng 39.786,27 ha, rừng phòng hộ 31.358,02 ha, rừng sản xuất 11.507,81 ha.

- **Phân theo chủ quản lý, sử dụng**:

+ Vườn quốc gia Phú Quốc 36.262 ha.

+ Vườn quốc gia U Minh Thượng 8.529,45 ha.

+ Ban quản lý rừng Kiên Giang 11.142,19 ha.

+ Ban quản lý dự án Lâm trường 422, Sư đoàn 4, QK9 : 3.585,91 ha.

+ Các lực lượng vũ trang, Lâm trường, Công ty, doanh nghiệp nhận khoán, thuê môi trường rừng 9.878,12 ha.

Diện tích rừng phải xây dựng phương án PCCCR là rừng lá rộng thường xanh và rừng ngập phèn, phân bố trên địa bàn 08 huyện, thành phố bao gồm: Phú Quốc, Kiên Hải, thành phố Hà Tiên, Giang Thành, Kiên Lương, Hòn Đất, An Minh, U Minh Thượng, cụ thể:

2.1. Thành phố Phú Quốc (Vườn quốc gia Phú Quốc)

Tổng diện tích rừng là **36.262ha**, được chia làm 02 hợp phần: Hợp phần rừng đặc dụng 29.596 ha. Hợp phần rừng phòng hộ 6.666 ha.

Vườn quốc gia Phú Quốc có **31 tiểu khu**; trong đó: Rừng đặc dụng 23 tiểu khu (*từ tiểu khu 23 đến 74*); rừng phòng hộ 08 tiểu khu (*từ tiểu khu 75 đến 82*).

Có 3 hệ sinh thái rừng đặc trưng: (1) Rừng ngập mặn; (2) Rừng Tràm úng phèn; (3) Rừng thường xanh rụng lá cây họ Dầu.

Bao gồm 9 sinh cảnh rừng: (1) Sinh cảnh rừng thứ sinh ven biển; (2) Sinh cảnh rừng Tràm; (3) Sinh cảnh rừng Truong nhum; (4) Sinh cảnh rừng thưa cây họ Dầu; (5) Sinh cảnh rừng khô hạn núi đá; (6) Sinh cảnh rừng thường xanh cây họ Dầu; (7) Sinh cảnh rừng cây bụi Sim mua, trắng tranh; (8) Sinh cảnh rừng ngập mặn; (9) Sinh cảnh Tràm thưa, Tràm bụi trên đất cát. Đặc biệt sinh cảnh rừng Tràm, Truong Nhum, Trắng tranh và rừng khô hạn trên núi đá.

- *Trạng thái rừng, nguồn nước và các tuyến đường giao thông tại các khu vực trọng điểm thường xảy ra cháy:*

(1) Xã Bãi Thơm gồm: Khu vực rừng Tràm ấp Bãi Thơm, Rạch Tràm, khu vực núi Hàm Rồng, khu vực từ Hòn Một đến Xà Lục, khu vực Đá Bao tiểu khu 52,53,55. Hiện trạng rừng Tràm thưa xen lẫn đồng cỏ, cây bụi. Nguồn nước: 31 giếng khơi PCCCR, 28 bồn chứa nước loại 2.000 lít và 5.000 lít. Có các tuyến đường Cơ động PCCCR: tuyến đường từ Vũng Trâu Nằm tới núi Hòn Chảo, dài 1.350m, rộng 3m; tuyến đường từ Đồng Tràm Rạch Tràm tới suối lớn, dài 1.240m, rộng 3m; tuyến đường mòn liên xóm Xóm Mới vào Bung Ba Đình, dài 650m, rộng 3m; tuyến đường Bãi Thơm từ đường Dương Đông bắc đảo đến Bung Sáu Điền, dài 3.700m, rộng 4m; tuyến đường từ đường lộ Bãi Thơm đến Bào Cá Rô Trong, dài 2.700m, rộng 4m; tuyến đường Bãi Thơm đi Rạch Tràm đến Bào Cá Rô ngoài, dài 460m, rộng 4m.

(2) Xã Gành Dầu gồm: Khu vực Đồng lớn Gành Dầu, khu vực đồng Tranh cầu số 8. Hiện trạng rừng thứ sinh ven biển và rừng Truong Nhum tiểu khu 60. Nguồn nước: 09 giếng khơi PCCCR, 04 hồ nước lớn. Có các tuyến đường Cơ động PCCCR: tuyến đường liên xóm Rạch Vẹm vào Bung Ba Đình tiểu khu 58, dài 360m, rộng 3m.

(3) Xã Cửa Dương gồm: Khu vực Ông Thư, khu vực Cây Thông Trong, khu vực Đồi C5, khu vực Đồi CA. Hiện trạng rừng khô hạn trên núi đá tiểu khu 66, 69. Nguồn nước: vận chuyển bằng xe bồn và sử dụng nguồn nước tự nhiên từ Suối cái và giếng khoan công nghiệp. Có các tuyến đường Cơ động PCCCR: tuyến đường Suối Rùa vào Đồng Ông Thư, dài 4.000m, rộng 3,5-4m; tuyến đường từ đồi 1 đến đồi 3 ấp Cây Thông Trong, dài 1.400m, rộng 3m.

(4) Xã Hàm Ninh: khu vực đồng Bãi Bồn. Hiện trạng rừng Tràm thưa xen lẫn đồng cỏ, cây bụi. Nguồn nước: 21 giếng khơi PCCCR, 02 bồn chứa nước. Có các tuyến đường Cơ động PCCCR: tuyến đường giao thông từ lộ 47 đến Cảng Bãi Vòng có 04 đường cơ động kết nối với khu vực Đồng Tràm ấp Bãi Vòng, xã Hàm Ninh, tiểu khu 68, 72 có chiều dài từ 270m-700m, rộng 3m.

(5) Xã Cửa Cạn gồm: Khu vực Đồng Bà, khu vực Đồng ấp 2; và các khu vực vùng đệm tiếp giáp với Vườn quốc gia. Hiện trạng rừng Tràm thưa và rừng

Truong Nhum, tiểu khu 64, 65. Nguồn nước: 11 giếng khơi PCCCR, 05 bồn chứa nước. Có các tuyến đường Cơ động PCCCR dài 1.200m, rộng 3m.

(6) Thị trấn An Thới: Khu vực núi Bải Khem; khu vực núi Bải Sao; khu vực núi Rada. Hiện trạng rừng khô hạn trên núi đá, rừng Sim, Mua, Trảng Tranh tiểu khu 81. Nguồn nước: 02 bồn chứa nước tại khu vực núi Bải Khem, vận chuyển bằng xe bồn và sử dụng nguồn nước tự nhiên. Tiếp cận bằng đường mòn cơ động bằng xe honda và đi bộ.

(7) Xã Dương Tơ: Khu vực núi Vô Hương; khu vực núi Bảy Ròng (Suối Lớn); khu vực Suối Mây. Hiện trạng Tràm thưa xen lẫn cây bụi, cỏ tiểu khu 74. Nguồn nước: vận chuyển bằng xe bồn và sử dụng nguồn nước giếng khoan, nước tự nhiên (suối, ao hồ, nước biển). Tiếp cận bằng đường mòn cơ động bằng xe honda và đi bộ.

- Về địa hình, Vườn quốc gia Phú Quốc có địa hình đồi núi, độ dốc lớn từ 15-30° có nơi 45°, ở khu vực đồi núi cao các tuyến đường tiếp cận khó khăn, nhiều khu vực không có đường xe vào, chỉ cơ động bằng đường mòn, lối mở đi bộ, do đó khi có cháy xảy ra rất khó triển khai lực lượng tiếp cận nhanh để xử lý đám cháy.

- Về giao thông, có nhiều tuyến đường giao thông chính nối liền các xã xuyên qua Vườn quốc gia và một số tuyến đường mòn, đường dân sinh liên xóm, ấp.

- Về nguồn nước phục vụ PCCCR, chủ yếu lấy nước từ 83 giếng khơi PCCCR; 31 bồn chứa nước 2000 lít, 2 téc nước loại 4000 lít, 10 bồn nước 5000 lít, 04 bể xi măng thể tích 12m³/bể đặt cố định và cơ động tại các điểm xung yếu xảy ra cháy rừng; lợi dụng nguồn nước từ sông, suối, rạch tự nhiên và khu vực gần biển lấy nước biển để phục vụ công tác PCCCR.

2.2. Huyện U Minh Thượng

2.2.1. Vườn quốc gia U Minh Thượng

Tổng diện tích tự nhiên Vườn Quốc gia U Minh Thượng là 8.559,04 ha, nằm trên địa bàn hai xã: An Minh Bắc và Minh Thuận huyện U Minh Thượng.

Diện tích vùng đệm được Vườn Quốc gia sử dụng tạo đai rừng phòng hộ bao quanh Vườn Quốc gia là 491,64 ha.

Phân khu hành chính - dịch vụ 59,40ha;

Vùng lõi Vườn Quốc gia U Minh Thượng có diện tích 8.038 ha, cụ thể như sau:

Stt	Hiện trạng rừng VQG U Minh Thượng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %
I	Rừng tràm	5.178,83	64,33
1	Rừng tràm trên đất than bùn không bị cháy năm 2002	129,65	1,61
2	Rừng tràm tái sinh trên đất than bùn bị cháy năm 2002	2.249,10	27,98
3	Rừng tràm trên đất sét	1.069,06	13,30
4	Rừng tràm trồng	1.731,02	21,54

Stt	Hiện trạng rừng VQG U Minh Thượng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %
II	Đồng cỏ ngập nước theo mùa	1.699,40	21,14
III	Đầm lầy thực vật thủy sinh	1.012,86	12,60
1	Loài Súng ma (<i>Nymphaea nouchali</i> Burm. f.) chiếm ưu thế	269,38	3,35
2	Loài Bèo (<i>Pistia stratiotes</i> / <i>Salvinia cucullata</i>) chiếm ưu thế	797,24	9,92
3	Loài Bồn bồn (<i>Typha domingensis</i> Persoon.) chiếm ưu thế	95,13	1,18
4	Mặt nước trống	22,35	0,28
IV	Các rạch, kênh và đê bao trong	146,91	1,83
1	Các rạch tự nhiên	39,24	0,49
2	Kênh đào	56,97	0,71
3	Đê bao trong	50,70	0,63
Tổng		8.038	100

* Giao thông đường bộ:

Hiện nay trong vùng lõi có giao thông đường bộ phục vụ cho công tác PCCCR chủ yếu là đoạn từ cầu KT2 đến Trạm K14, đoạn từ trạm K6 đến K19, đê bao trong đoạn từ KT2 đến K17 và KT2 đến K11. Phương tiện đường bộ đi bằng ô tô có trọng tải trung bình 2,5 tấn.

Giao thông đi lại phục vụ cho công tác PCCCR chủ yếu là đường thủy và phương tiện đi bằng võ máy. Ở những khu vực hàng năm có nguy cơ cháy cao khoảng cách xa có đào hồ dự trữ nước để tiện lợi cho công tác PCCCR, ngoài những hồ dự trữ nước ra nguồn nước phục vụ cho công tác PCCCR chủ yếu là nước ở các tuyến kênh trong vùng lõi. Từ điểm có nguy cơ cháy đến nguồn nước chữa cháy điểm xa nhất là 1,5km.

2.2.2. Rừng sản xuất Hậu cần Công an tỉnh

Thuộc Tiểu khu 35, diện tích 1.131,79 ha rừng trồng từ 2013-2018 là 931,89 ha, kênh, bờ, tràm tái sinh theo cụm xen lẫn sậy, dây leo 199,9 ha.

- Phía đông giáp Kênh 01 (vùng đệm vườn quốc gia).
- Phía tây giáp Kênh Tàu Lũy (K2 Trại giam Kênh 7).
- Phía Nam giáp Kênh 21 (Vùng đệm vườn quốc gia).
- Phía Bắc giáp Kênh Làng Thứ 7.

Giao thông đường bộ đến đê bao rừng chiều dài 7km, Bên trong có kênh xung quanh dài 13,5 km và kênh chia lô rừng tổng chiều dài 18,8km. Nguồn nước phục vụ chữa cháy từ các kênh phân chia lô rừng nơi xa nhất là 600m.

2.3. Ban quản lý rừng Kiên Giang

2.3.1. Huyện Hòn Đất

Diện tích rừng tràm 4.297,42 ha, trong đó đã giao khoán cho Công ty Cổ phần gỗ MDF 1.443,8 ha, giao khoán hộ gia đình 1.123,2ha còn lại 1.730,42 ha

đơn vị quản lý. Thuộc địa bàn xã Nam Thái Sơn và xã Bình Sơn, phân làm 03 khu vực sau:

Khu vực 1: Đã giao khoán cho 224 hộ gia đình diện tích 1.123,2 ha, hiện nay rừng trồng từ 2-6 năm tuổi, thực bì cành nhánh cây khô rất dễ cháy và khó giữ nước vào mùa khô.

Khu vực 2: Đã giao khoán cho Công ty Cổ phần gỗ MDF diện tích 1.443,8 ha, khu vực này được chia thành 19 lô, lô lớn nhất diện tích 114 ha, lô nhỏ nhất diện tích 28,4 ha, rừng trồng từ năm 2015 – 2018, có kênh phân lô rộng 2,5m. Thảm thực bì chủ yếu cành nhánh sau khai thác, lung bào, năng khô.

Khu vực 3: Diện tích 1.730,42 ha đơn vị trực tiếp quản lý, khu vực này được chia thành 14 lô rừng, lô lớn nhất diện tích 161 ha, lô nhỏ nhất diện tích 73,5 ha; rừng trồng các năm 2002- 2004, 2014-2018, kênh chín rộng từ 7-10 mét và có kênh phân lô rộng 2,5m. Thảm thực bì dày, chủ yếu cành nhánh sau khai thác, cỏ u du, năng, bông bông, nhất các lô rừng trồng từ năm 2014-2018.

2.3.2. Huyện An Minh:

Tổng diện tích rừng trầm phòng hộ trên địa bàn huyện An Minh là 2.826,49 ha nằm trên địa bàn 03 xã: Vân Khánh, Vân Khánh Tây và Đông Hưng B, bao gồm:

+ Tiểu khu 34 (xã Đông Hưng B) đã giao khoán cho 145 hộ và 3 đơn vị với diện tích 1.259,2 ha.

+ Tiểu khu 32 (xã Vân Khánh) giao khoán cho Công ty TNHH Cửu Long Thành Minh, diện tích 151,3 ha.

+ Tiểu khu 33 (xã Vân Khánh Tây) giao khoán cho Công ty Cổ phần Gỗ MDF Kiên Giang, diện tích 1.373,1 ha.

Thực bì chủ yếu là sậy, năng, dớn, dây choại...mọc rải rác những nơi rừng thưa, rừng mới trồng và phát triển rất tốt ở những nơi đất trống có diện tích lớn hoặc khu vực khai thác trắng chưa kịp trồng lại rừng. Đây là lớp vật liệu rất dễ cháy vào mùa khô.

Giao thông chủ yếu trong khu vực 3 tiểu khu là hệ thống kinh mương, cụ thể như sau: Tiểu khu 33 khoảng 40 km kênh, tiểu khu 32 khoảng 8 km kênh và tiểu khu 34 khoảng 30 km kênh, hệ thống kênh gồm kênh bao rừng các tuyến kênh phân chia lô rừng.

Hệ thống giao thông đường bộ chủ yếu là giao thông nông thôn, mặt đường 2,5m, hệ thống giao thông này chỉ đi đến bìa rừng.

2.3.3. Huyện Kiên Lương:

Trọng điểm phòng cháy chữa cháy rừng của huyện gồm các khu vực sau:

+ Khu vực 1 xã Hòn Nghê: Đã giao khoán 43 hộ với diện tích 165,87ha, người dân nhận khoán trồng những cây bản địa, nông nghiệp để tăng gia sản xuất, lượng thảm thực bì ít do người dân thường xuyên lên vườn vệ sinh thảm thực vật, nguy cơ cháy là không cao.

+ Khu vực 2 xã Sơn Hải: Đã giao khoán cho 127 hộ với diện tích 458,79ha, ngoài hòn 3 hòn Nhum, hòn Ngang và hòn Heo thì các hòn còn lại là cây tái sinh trên núi đất, đối với các hòn có người dân sống đất rừng không có thảm thực vật nhiều, khả năng cháy là thấp.

+ Khu vực 3: Rừng đặc dụng Hòn Chông : Diện tích 963,7ha nằm trên địa bàn 02 xã: Bình An và Bình Trị, có lộ nhựa chạy bao quanh khu rừng đi lại khá thuận lợi, tuy nhiên bên trong rừng chỉ có đường mòn người dân đi lại. Tuần tra đôi khi gặp nhiều khó khăn. hàng năm vào mùa khô vẫn thường xảy ra các vụ cháy rừng nhỏ lẻ ở vườn của các hộ nằm ở khu vực vùng đệm, đối với những khu vực gần hộ dân trồng tiêu, cây ngăn ngày sẽ có nguồn nước tưới tiêu để giữ ẩm khả năng cháy là thấp. Tuy nhiên, đối với khu vực dân không canh tác, cây rừng tự nhiên nhiều, thảm thực vật nhiều khả năng cháy là cao, khu vực dễ cháy thường xảy ra ở Ba Trại, Bãi Giếng, Bình Đông.

2.3.4. Thành phố Hà Tiên:

Tổng diện tích Hệ sinh thái rừng thường xanh mưa ẩm nhiệt đới vùng đồi núi và hải đảo là 1.466,88 ha. Địa hình đồi núi dốc, thực bì mùa khô, nhiều, xung quanh các khu vực trên không có hồ chứa nước, các hộ dân phải chở nước sinh hoạt từ nơi khác đến trong mùa khô. Trọng điểm xảy ra cháy rừng 1.466,88 ha, gồm:

- + Phường Bình San: Gồm núi Bình San, núi Đề Liêm.
- + Phường Pháo Đài: Gồm các núi Giếng Tượng, Xóm giữa, Dùm Trua, Xóm Eo, Tà Lu, Tà Pang, Đèn Rọi, Ông Doãn.
- + Phường Tô Châu: Gồm các núi Tiểu Tô Châu, Đại Tô Châu.
- + Phường Mỹ Đức: Gồm các núi Địa Tạng, Thạch Động, Sa Kỳ, Bà Lý.
- + Xã Thuần Yên: Gồm các núi Bào Sen, Lãng Ông, Núi Đông, Núi Nhon, Núi Đồng, Xoa Áo, núi Ông Cọp.
- + Xã Tiên Hải: Gồm Hòn Tre, Hòn Đước, Hòn Giang.

2.3.5. Huyện Giang Thành:

Tổng diện tích rừng tràm là 294,3 ha thuộc xã Vĩnh Phú, rừng trồng 3-5 năm tuổi. Dưới tán rừng có lớp than bùn tiềm tàng hình thành do thời gian phân hủy yếm khí của xác thực vật và vật liệu cháy dày.

Giao thông của khu rừng chủ yếu bằng đường thủy, đây cũng là con đường chính để vận chuyển phương tiện PCCCR.

2.3.6. Huyện Kiên Hải:

Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp của huyện là 1.280 ha. Đặc trưng của khu vực là hệ sinh thái rừng thường xanh mưa ẩm nhiệt đới vùng đồi núi và hải đảo. Địa hình chia cắt, độc lập trên biển, đỉnh cao nhất là 395 m và thực vật chủ yếu là đất trồng có cây gỗ rải rác. Giao thông chủ yếu bằng tàu, đò, trọng điểm cụ thể:

- *Xã Lại Sơn*: được phân ra làm 04 khu vực (mỗi khu vực trực thuộc một ấp), gồm ấp Bãi Bắc, ấp Thiên Tuế, ấp Bãi Nhà A, ấp Bãi Nhà B. Trạng thái rừng 1C, có nhiều cây lâu năm mọc xen kẽ như: xoài, dừa, mít...do nơi đây là địa hình đồi núi cho nên vào mùa khô thì hầu như nguồn nước rất khan hiếm, một số hộ dân tranh thủ dọn cỏ và gom đống lại để đốt nên dễ xảy ra cháy rừng.

- *Xã An Sơn*: được phân ra làm 03 khu vực (mỗi khu vực là một ấp), gồm: ấp Cù Tron, ấp An Cư, ấp Bãi Ngự. Trạng thái rừng 1C, có nhiều cây lâu năm mọc xen kẽ như: xoài, dừa, mít...do nơi đây là địa hình đồi núi cho nên vào mùa

khô thì hầu như nguồn nước rất khan hiếm, một số hộ dân tranh thủ dọn cỏ và gom đồng lại để đốt nên dễ xảy ra cháy rừng.

2.4. Ban quản lý dự án Lâm trường 422-Sư đoàn 4

Tổng diện tích rừng tràm 2.786,7 ha, trong đó: rừng phòng hộ 2.297,4 ha và rừng sản xuất 311,3 ha, gồm:

+ **Huyện Hòn Đất:** diện tích 1.170,2 ha (Sư đoàn 4).

+ **Huyện Giang Thành:** diện tích 1.616,5 ha (Sư đoàn BB330: 629,7ha; Trung đoàn BB30: 723,6 ha; Lâm trường 422: 263,2 ha).

Các loại thực bì chủ yếu là cỏ mồm, cỏ năng, cỏ bàng, cỏ bắc, cỏ ống, đế sậy, bông bong ... Hệ thống giao thông đường bộ đến bìa rừng, giao thông trong rừng bằng hệ thống kênh bao và kênh phân chia các lô rừng.

2.5. Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Kiên Giang (huyện Hòn Đất)

Khu vực rừng phòng hộ: gồm tiểu khu 21, 22 và một phần tiểu khu 23 với diện tích 1448,8 ha, nằm trong địa bàn 2 xã Nam Thái Sơn và xã Bình Sơn. Ranh giới khu vực này như sau:

* Phía Bắc, phía Đông và phía Tây giáp đất lâm hộ.

* Phía Nam giáp tiểu khu 23 và 24A BQL rừng Kiên Giang.

Khu vực rừng sản xuất: gồm tiểu khu 16, 19, diện tích 1081,4 ha nằm trong địa bàn xã Bình Sơn. Ranh giới của khu vực này như sau:

* Phía Bắc giáp kênh 10.

* Phía Đông giáp xã Nam Thái Sơn.

* Phía Tây giáp đất lâm hộ.

* Phía Nam giáp kênh 7.

Giao thông đường bộ có tuyến quốc lộ 80 chạy dọc qua huyện Hòn Đất.

Hệ thống giao thông thủy trong khu vực của dự án gồm có: phía Đông có kênh KH9, có chiều rộng 9m kênh này nối liền với kênh Rạch Giá – Hà Tiên. Kênh có nước quanh năm sử dụng cho giao thông đi lại, thoát lũ và xả phèn. Phía Bắc có kênh 7 dài 6,5km, rộng 6m. Phía Nam có kênh ranh Bình Sơn dài 7,5km, rộng 9m. Phía Tây có kênh H7 dài 6,5km, rộng 6m. Các kênh này có độ sâu 2 đến 2,5m.

Ngoài ra, trong vùng dự án còn có kênh Thầy Thép và kênh Sư Nam được nạo vét và mở rộng vào năm 2004 có chiều dài 6,5km, rộng 13m, sâu 2,5m, 2 kênh này giao cắt nhau hình chữ thập. Bên cạnh đó các kênh phân khoảnh bao gồm kênh 5, kênh 6, kênh 7 và các kênh nhỏ khác rộng 4m, sâu 2m phân bố đều trên khu vực này. Hệ thống kênh này thuận lợi cho việc chữa cháy rừng.

2.6. Nông lâm trường Hòn Đất-Công ty TNHH Nông Lâm Nghiệp Kiên Giang

Tổng diện tích 926,17 ha, rừng trồng từ năm 2017-2020: 867,93ha, đế bao, kênh mương: 58,24ha. Loài cây trồng: Tràm nước, tràm úc và keo lai. Thực bì là dây leo, cây bụi, cỏ năng chiếm ưu thế, độ che phủ thực bì từ 30 – 70% diện tích.

-Phía Đông – Nam : Tiếp giáp đất sản xuất lúa của nông hộ.(Kênh KH9)

-Phía Tây – Bắc : Tiếp giáp khu rừng sản xuất của Công ty CP MDF Kiên Giang (kênh sư nam).

-Phía Tây - Nam : Tiếp giáp BQL rừng Phòng hộ (kênh 7).

-Phía Đông - Bắc : Tiếp giáp khu nông nghiệp của nông dân huyện và cánh đồng mẫu lớn của Cty CP Nông Nghiệp Phan Minh Kiên Giang.

Về giao thông : Khu vực đất rừng Nông lâm trường đang quản lý thuộc địa phận ấp Sơn Thành, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất. Giao thông chủ yếu là đường thủy, duy nhất chỉ có một đường bộ từ Quốc lộ 80 vào đến trung tâm là 7,3km nhưng chỉ di chuyển chủ yếu bằng xe 2 bánh.

Về nguồn nước phục vụ chữa cháy : Diện tích rừng được Nông lâm trường bố trí kênh, mương phục vụ phòng chống cháy theo hệ thống : Kênh Vành đai rộng 6m, cao trình 2m, được bố trí theo từng lô rừng (mỗi lô 1km²).

Bên trong từng lô được đào kênh phân thành 02 khu, mặt kênh rộng 3m, cao trình 1,2m, đồng thời từng khu được đào 03 tuyến dẫn nước dọc theo líp (500m) phục vụ chữa cháy, quy cách tuyến 1,2m, cao trình 1,2m. Nhìn chung tất cả các kênh lưu thông chính và các kênh dẫn nước đáp ứng nhu cầu chữa cháy trong điều kiện khô hạn nhất.

3. Những nguy cơ gây cháy rừng

Người dân vào rừng dùng lửa bắt ong, nấu ăn, săn bắt động vật rừng, vớt tàn thuốc,...

Một số hoạt động của người dân như đốt vườn rẫy, đồng ruộng, đốt vàng mã,... khu vực tiếp giáp rừng gây cháy lan vào rừng.

Đốt rừng nhằm mục đích bao chiếm đất rừng.

4. Thực trạng công tác phòng cháy, chữa cháy rừng

4.1. Tình hình cháy rừng trong 05 năm qua (2017-2021)

Thống kê 05 năm, 2017- 2021 toàn tỉnh xảy ra 56 vụ cháy rừng, diện tích cháy 624 ha (Phú Quốc 45 vụ; Giang Thành 04 vụ; Kiên Hải 02 vụ; Hòn Đất 05 vụ).

Huy động trên 4.900 lượt người; 188 lượt máy bơm phao chữa cháy cùng nhiều phương tiện, thiết bị phục vụ chữa cháy. Triển khai các biện pháp chữa cháy trực tiếp kịp thời và hiệu quả các vụ cháy rừng. Tuy nhiên các vụ cháy rừng trên địa bàn huyện Hòn Đất do Ban quản lý rừng Kiên Giang và Công ty cổ phần gỗ MDF VRG quản lý, do địa bàn xa, thiếu phương tiện và máy vận chuyển lực lượng tiếp cận đám cháy chậm.

4.2. Lực lượng, Phương tiện, trang thiết bị, công cụ PCCCR hiện có

Lực lượng phòng cháy chữa cháy rừng: Ban Chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh và Văn phòng BCĐ PCCC và CNCH tỉnh 41 thành viên; 08 BCĐ PCCCR cấp huyện và 02 BCĐ PCCCR của 02 Vườn quốc gia 266 thành viên; 34 Ban Chỉ huy-PCCCR cấp xã 639 thành viên; 172 tổ ,đội PCCCR cơ sở 1.583 thành viên và 818 lực lượng của 02 Vườn quốc gia, 02 Ban quản lý rừng (Ban quản lý rừng Kiên Giang và BQL dự án Lâm trường 422-Su đoàn 4) và các tổ chức nhận khoán rừng, thuê môi trường rừng...

Duy trì thực hiện chặt chẽ quy chế phối hợp bảo vệ và PCCCR giữa các lực lượng Kiểm lâm-Công an- Quân đội, khi có cháy rừng lớn xảy ra, khả năng huy động lực lượng ứng cứu trên địa bàn tỉnh

Cấp tỉnh: Lực lượng dự bị dự kiến huy động và các lực lượng quân đội đóng quân trên địa bàn khi có cháy lớn xảy ra khoảng 420 đến 810 người.

Cấp huyện: Huy động lực lượng trên địa bàn huyện từ 120-200 người.

Phương tiện, trang thiết bị, công cụ PCCCR hiện có (kèm bảng thống kê chi tiết)

4.3. Các giải pháp PCCCR đang áp dụng

- Xác định thời gian dễ xảy ra cháy rừng từng vùng trên địa bàn tỉnh.
- Phân vùng trọng điểm có nguy cơ xảy ra cháy rừng.
- Theo dõi, cập nhật thông tin dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng.
- Tuyên truyền nâng cao nhận thức và ý thức của cộng đồng về công tác PCCCR.

- Tập huấn nghiệp vụ PCCCR, thực tập phương án PCCCR.
- Đầu tư mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, trang thiết bị, phương tiện PCCCR.

- Thực hiện các biện pháp làm giảm nguồn vật liệu gây cháy rừng. Bơm nước vào rừng duy trì độ ẩm vật liệu cháy.

- Tuần tra ngăn chặn người dân vào rừng trái phép. Bố trí điểm trực tại các vùng trọng điểm theo phương châm 4 tại chỗ.

- Kiểm tra, đôn đốc và tăng cường hỗ trợ trang thiết bị PCCCR cho các địa phương, chủ rừng...

4.4. Các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội ảnh hưởng đến nguy cơ cháy rừng

Phụ thuộc vào tập quán sản xuất và sinh hoạt từng vùng, nhìn chung tình hình dân cư phân bố không đều, trình độ dân trí của một bộ phận người dân còn thấp, chưa hiểu biết về giá trị nguồn tài nguyên rừng, chỉ thấy lợi ích trước mắt, chưa thấy lợi ích lâu dài của rừng đem lại cho con người. Việc tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về Luật Lâm nghiệp, các Nghị định, Chỉ thị của Chính phủ về phòng cháy, chữa cháy rừng cho người dân sống ven rừng và đồng bào dân tộc được tổ chức thường xuyên nhưng chưa làm chuyển biến về nhận thức của họ. Tập quán lâu đời của những người dân sống trong rừng, ven rừng có thể gây cháy rừng như:

Đối với rừng tràm tiếp giáp xung quanh là đất sản xuất nông nghiệp. Người dân đốt đồng để canh tác vụ mới; vào rừng bắt ong, bắt cá, lấy củi, bắt chuột...có sử dụng lửa gây cháy rừng.

Đối với vùng hải đảo Phú Quốc, Kiên Hải và rừng đồi núi trong đất liền người dân sống xen trong rừng, làm rẫy xung quanh rừng, hoạt động du lịch, đốt đồng cỏ để chăn thả gia súc... gây cháy lan vào rừng.

PHẦN II PHÒNG CHÁY RỪNG

1. Tổ chức lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng

Ban Chỉ đạo PCCC&CNCH tỉnh, Ban Chỉ đạo PCCC&CNCH cấp huyện, Ban Chỉ huy PCCCR cấp xã (gọi tắt là BCD).

Hàng năm, cơ quan thường trực BCD các cấp tham mưu cho UBND cùng cấp củng cố kiện toàn Ban Chỉ đạo, Ban Chỉ huy về PCCC&CNCH, PCCCR trên toàn tỉnh; các Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ tham mưu cho UBND các cấp, Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác PCCCR; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án, kế hoạch PCCCR trên địa bàn, tổng hợp báo cáo theo quy định.

Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, huyện, Ban Chỉ huy cấp xã xây dựng quy chế hoạt động; phối hợp, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong ban để nâng cao hiệu quả trong công tác PCCCR tại địa phương.

- **Cấp tỉnh:** Ban Chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (BCĐ PCCC&CNCH) cấp tỉnh có 34 thành viên. Trưởng Ban là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách khối; Phó trưởng Ban là Phó Giám đốc Công an tỉnh phụ trách phòng chống cháy nổ và Phó trưởng Ban là Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phụ trách phòng cháy, chữa cháy rừng (thành viên là các Sở, ngành có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, và Văn phòng BCD-PCCC và CNCH tỉnh có 08 thành viên, đặt tại Phòng Cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ-Công an tỉnh. (Văn phòng thường trực phụ trách PCCCR là Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kiên Giang).

Sở Nông nghiệp và PTNT (trực tiếp là Chi cục Kiểm lâm) là cơ quan tham mưu cho Ban Chỉ đạo cấp tỉnh tổ chức thực hiện công tác PCCCR, có nhiệm vụ xây dựng văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện PCCCR đồng thời tổ chức lực lượng thường xuyên tuần tra, kiểm tra về công tác PCCCR trên địa bàn toàn tỉnh.

Lực lượng sẵn sàng cơ động tham gia chữa cháy rừng, cứu hộ, cứu nạn trong trường hợp xảy ra cháy lớn gồm: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm, đơn vị Quân đội đóng quân trên địa bàn... là lực lượng phối hợp tham gia chữa cháy rừng khi có lệnh huy động.

Đào tạo, tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và đầu tư trang thiết bị chữa cháy rừng cần thiết phục vụ công tác PCCCR; phối hợp xây dựng phương án chữa cháy rừng cấp tỉnh sát với điều kiện thực tế ở từng địa phương, từng loại rừng.

- **Cấp huyện :** Có 08 BCĐ PCCCR cấp huyện, 02 BCĐ PCCCR của 02 Vườn quốc gia có 266 thành viên.

Hạt Kiểm lâm huyện, thành phố là cơ quan tham mưu cho Ban Chỉ đạo cấp huyện tổ chức thực hiện công tác PCCCR trên địa bàn quản lý, đồng thời xây dựng quy chế hoạt động phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng thành viên trong BCD.

Hạt Kiểm lâm có trách nhiệm tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCCR cho lực lượng chủ rừng và các lực lượng phối hợp theo quy chế phối hợp bảo vệ rừng.

Các lực lượng: Quân đội, Công an và các cơ quan, đơn vị đóng quân trên địa bàn... là các lực lượng phối hợp tham gia chữa cháy rừng khi có lệnh huy động của cấp thẩm quyền.

- **Cấp xã** : Có 34 Ban Chỉ huy-PCCCR cấp xã có 639 thành viên.

Công chức Kiểm lâm phụ trách địa bàn cấp xã tham mưu cho Ban Chỉ huy PCCCR cấp xã tổ chức thực hiện công tác PCCCR trên địa bàn quản lý.

Các xã trọng điểm cháy rừng thành lập các Đội PCCCR, nòng cốt là lực lượng dân quân tự vệ và đoàn viên thanh niên ở địa phương. Mỗi đội: có từ 10 - 20 người dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch UBND xã và hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của công chức Kiểm lâm phụ trách địa bàn, được tập huấn và bồi dưỡng về công tác PCCCR. Đội có quy chế hoạt động và phân thành từng nhóm phụ trách các khu vực trọng điểm dễ cháy.

Kiểm lâm phụ trách địa bàn có trách nhiệm tham mưu cho Ban Chỉ huy cấp xã, xây dựng và triển khai phương án, kế hoạch PCCCR trên địa bàn quản lý theo quy định tại Điều 45 Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ.

- **Tổ, đội PCCCR cơ sở** : có 172 tổ, đội PCCCR có 1.583 thành viên.

Các ấp, khu phố có rừng thành lập Tổ PCCCR, mỗi tổ có ít nhất từ 10-15 người do trưởng hoặc phó ấp, khu phố làm tổ trưởng. Tổ PCCCR, là lực lượng tại chỗ, trực tiếp chữa cháy và phối hợp với nhân dân trong đại bàn chữa cháy rừng.

Chủ rừng là tổ chức (quy định tại Điều 8 Luật Lâm nghiệp) thành lập Ban Chỉ huy, các tổ, đội bảo vệ rừng và PCCCR (số lượng thành viên, tổ viên tùy theo điều kiện bố trí cho phù hợp), phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; thực hiện nhiệm vụ PCCCR trong lâm phần quản lý.

- **Lực lượng phối hợp ứng cứu chữa cháy rừng**: Theo quy chế phối hợp giữa các lực lượng Kiểm lâm-Công an-Quân sự. Ngoài ra, ở các huyện có rừng có các lực lượng Quân đội đóng quân trên địa bàn gồm huyện Hòn Đất và Giang Thành có Sư đoàn 4- QK9; huyện Phú Quốc có Lữ đoàn 950-QK9, Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân, Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 4...

2. Các biện pháp phòng cháy rừng

2.1. Xác định thời gian dễ xảy ra cháy rừng trên địa bàn

Trong năm, thời gian có thể xảy ra cháy rừng từ tháng 01 đến tháng 06 là thời gian cao điểm của mùa khô, nắng hạn kéo dài, độ ẩm thấp, nhiệt độ cao (30-40⁰c) cùng với thời điểm người dân đốt đồng chuẩn vụ mùa tới hoặc đốt các trảng cỏ để có cỏ non làm thức ăn cho gia súc. Đối với rừng tràm mùa khô kéo dài rất dễ bén lửa; đối với rừng đồi núi dân phát dọn vườn làm rẫy do đốt cành nhánh cây khô và cỏ dại ven rừng cháy lan vào rừng.

2.2. Xây dựng bản đồ phân vùng trọng điểm cháy rừng

Xác định địa bàn trọng điểm cháy rừng dựa trên kết quả tổng hợp, theo dõi diễn biến cháy rừng hằng năm, xác định số lần xuất hiện các vụ cháy trên thực địa, trạng thái rừng thường xảy ra cháy, vật liệu cháy, khí hậu, điều kiện

gây cháy... vùng trọng điểm cháy rừng trên địa bàn tỉnh hàng năm được xây dựng bản đồ phân vùng trọng điểm cháy rừng và bản đồ bố trí lực lượng, phương tiện trực 24/24 nhằm tập trung nguồn lực cho vùng trọng điểm cháy.

Diện tích vùng trọng điểm có nguy cơ xảy ra cháy rừng trong mùa khô năm 2022 cụ thể như sau:

TT	Địa phương cấp huyện	Diện tích rừng có nguy cơ xảy ra cháy cao năm 2022	Đơn vị trực tiếp quản lý
1	An Minh	2.783	BQL rừng Kiên Giang
2	Giang Thành	1.626	- BQL Lâm trường 422:856 ha. - BQLR KG: 294 ha. - BQL Khu bảo tồn loài-sinh cảnh Phú Mỹ: 476 ha.
3	Hòn Đất	7.295	- BQL rừng Kiên Giang: 4.195 ha. - BQL Lâm trường 422:1.169 ha. - Cty gỗ MDF Kiên Giang: 1.100 ha. - Cty NLN Kiên Giang: 1.000 ha.
4	Kiên Hải	1.280	BQL rừng Kiên Giang
5	Kiên Lương	2.249	BQL rừng Kiên Giang
6	TP. Hà Tiên	745	BQL rừng Kiên Giang
7	U Minh Thượng	9.100	- Vườn quốc gia UMT: 8.000 ha. - Hậu cần, CA tỉnh: 1.100 ha.
8	TP. Phú Quốc	16.000	Vườn quốc gia Phú Quốc
	Tổng cộng	39.058	

2.3. Xây dựng dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng

Tổ chức cập nhật thông tin dự báo thời tiết của Đài Khí tượng thủy văn Trung ương và địa phương, dự báo nguy cơ cháy rừng trên trang website của Cục Kiểm lâm tại địa chỉ: <http://www.kiemlam.org.vn> để phát hiện sớm điểm cháy rừng và Chi cục Kiểm lâm phối hợp với Trung tâm Khí tượng thủy văn tỉnh, Trạm Khí tượng thủy văn Vườn quốc gia U Minh Thượng, Trạm Khí tượng thủy văn Phú Quốc dự báo và thông báo cấp cháy rừng của từng khu vực đến các địa phương, chủ rừng và thông tin trên đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, đài truyền thanh huyện, xã có rừng.

Khi dự báo cháy rừng cấp III, IV, V, Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm, lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng và các lực lượng chức năng liên quan rà soát, xác định các khu vực trọng điểm có nguy cơ cháy rừng cao trên địa bàn, tổ chức trực và canh phòng trực tại các khu rừng có nguy cơ cháy rừng cao, thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo sớm cháy rừng trên Website của Cục Kiểm lâm và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng cháy theo từng cấp cháy rừng.

2.4. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về PCCCR

2.4.1. Nội dung tuyên truyền

Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy, Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trách nhiệm của các ngành, các cấp, các đơn vị, tổ chức, chủ rừng và người dân trong công tác phòng cháy và chữa cháy rừng.

Tác hại, tính chất nguy hiểm của cháy rừng; các nguyên nhân gây cháy và giải pháp phòng ngừa; biện pháp xử lý các tình huống cháy rừng; công tác tự kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng cho các chủ rừng; biện pháp sử dụng lửa an toàn trong sản xuất và sinh hoạt, thông tin về dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng, phát hiện sớm điểm cháy rừng.

Hướng dẫn các biện pháp, quy trình phòng cháy rừng, báo tin cháy rừng xảy ra; hướng dẫn quy trình xử lý khi có cháy rừng xảy ra. Thực tập phương án chữa cháy rừng và cứu nạn, cứu hộ, kỹ năng sử dụng phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng.

2.4.2. Hình thức tuyên truyền

Thông qua các hội nghị, họp chuyên đề về phòng cháy và chữa cháy rừng hoặc lồng ghép chuyên đề về phòng cháy và chữa cháy rừng với các hội nghị khác, các cuộc họp dân cư sống gần rừng.

Quy định nội dung phòng cháy và chữa cháy rừng vào cam kết thực hiện các quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng.

Trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Kiên Giang, các Đài truyền thanh huyện, xã có rừng, loa lưu động...

Phát hành tờ rơi, xây dựng bảng tin, biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng, biển cấm lửa tại các khu rừng, khu dân cư sống gần rừng.

Các hình thức tuyên truyền khác: Tuyên truyền lưu động, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về phòng cháy và chữa cháy rừng, tổ chức các lớp học ngoại khóa cho học sinh, sinh viên.

2.4.3. Trách nhiệm thực hiện tuyên truyền

Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về phòng cháy và chữa cháy rừng tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Lực lượng Kiểm lâm có trách nhiệm hướng dẫn, xây dựng chương trình, tuyên truyền về phòng cháy và chữa cháy rừng cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý và thường xuyên thực hiện ở các địa bàn trọng điểm về cháy rừng.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về công tác phòng cháy và chữa cháy rừng cho cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên, học sinh, sinh viên và quần chúng nhân dân.

2.5. Huấn luyện và diễn tập chữa cháy rừng

Chi cục Kiểm lâm phối hợp với phòng Cảnh sát PCCC&CNCH-Công an tỉnh tổ chức tập huấn cho các lực lượng bảo vệ rừng và các tổ đội PCCCR ở cơ sở về nghiệp vụ quản lý lửa rừng; kỹ thuật PCCCR; kiến thức phòng cháy, chữa cháy rừng cho cộng đồng và diễn tập có sự phối hợp các lực lượng tham gia

chữa cháy rừng theo phương châm 4 tại chỗ (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ).

Các đơn vị chủ rừng tổ chức thực tập phương án chữa cháy có sự tham gia của các lực lượng PCCCR.

- Tập huấn nghiệp vụ quản lý lửa rừng cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng và các lực lượng có liên quan.

- Phổ biến những kiến thức cơ bản về PCCCR, kỹ thuật, chiến thuật chữa cháy, biện pháp an toàn, nguyên nhân và tác hại của cháy rừng.

- Thực tập chữa cháy rừng: Lực lượng chủ rừng diễn tập chữa cháy rừng trong phạm vi quản lý với sự tham gia của các lực lượng cấp xã, phối hợp với lực lượng Quân sự, Công an trong các cuộc diễn tập cấp huyện (nếu có) nhằm giúp chính quyền địa phương, Ban Chỉ đạo, Ban Chỉ huy, lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng các đơn vị liên quan tiếp cận với các tình huống chữa cháy, rèn luyện khả năng tổ chức chỉ huy, phối hợp chữa cháy rừng và kỹ năng sử dụng trang thiết bị, dụng cụ chữa cháy. Kết hợp tuyên truyền về sự nguy hiểm và thiệt hại khi xảy ra cháy rừng, các biện pháp phòng cháy và biện pháp, kỹ thuật chữa cháy rừng, đảm bảo an toàn trong chữa cháy rừng.

2.6. Xây dựng và duy trì các công trình phòng cháy

Chỉ đạo các đơn vị chủ rừng đầu tư xây dựng và duy trì các công trình phòng cháy như hệ thống đường giao thông (đường bộ, kênh mương...) phục vụ công tác PCCCR và sản xuất lâm nghiệp; xây dựng hệ thống đường băng cản lửa, kênh mương chứa nước; xây dựng hệ thống chòi canh lửa rừng; xây dựng hệ thống cống, đập, trạm bơm nước, hồ, bể chứa nước, hệ thống dẫn nước...

2.7. Xây dựng các giải pháp làm giảm nguồn vật liệu gây cháy rừng

Xây dựng hệ thống đường băng cản lửa, đường tuần tra quản lý, bảo vệ rừng. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh làm giảm vật liệu gây cháy rừng, đốt trước vật liệu cháy có kiểm soát. Bơm nước ở các khu rừng tràm. Cày, ủ vật liệu cháy, phát quang...theo phương án từng đơn vị chủ rừng.

Hàng năm chủ rừng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và thực hiện việc giảm vật liệu cháy rừng để phòng ngừa xảy ra cháy rừng, giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại khi xảy ra cháy rừng.

Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ rừng thực hiện việc giảm vật liệu cháy trên diện tích rừng quản lý.

Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn người dân địa phương việc sử dụng lửa an toàn trong sản xuất, canh tác, đốt xử lý thực bì trên địa bàn; chỉ đạo, hướng dẫn người dân thực hiện đúng thời điểm, địa điểm; tổ chức cam kết bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng đối với các hộ dân có hoạt động sản xuất, canh tác gần rừng.

2.8. Xây dựng và thực hiện phát hiện điểm cháy rừng

Đối với các vùng trọng điểm có nguy cơ xảy ra cháy rừng, tăng cường bố trí trạm chốt, lán trại trực theo phương châm 4 tại chỗ. Từng bước đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ như lắp đặt hệ thống cảnh báo, phát hiện, báo cháy rừng.

Phân công lực lượng trực chòi canh quan sát, sớm phát hiện điểm cháy rừng. Duy trì và tổ chức thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa chủ rừng, Kiểm lâm và chính quyền địa phương; Quy chế phối hợp giữa các lực lượng kiểm lâm Công an, Quân sự trong công tác bảo vệ và PCCCR. Tăng cường lực lượng tuần tra, ngăn chặn người dân vào rừng.

Tăng cường công tác kiểm tra, thường xuyên thông tin phản ánh diễn biến tình hình PCCCR hàng ngày để các ngành chủ động hỗ trợ, ứng cứu lực lượng, trang thiết bị chữa cháy, phương tiện theo quy chế.

3. Trang bị phương tiện và thiết bị phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng (kèm bảng thống kê chi tiết).

4. Kinh phí phòng cháy và chữa cháy rừng năm 2022

Kinh phí phân bổ cho Chi cục Kiểm lâm thực hiện phương án PCCCR tỉnh Kiên Giang năm 2022 là **4.000.000.000** đồng.

Ngoài ra, kinh phí phân bổ cho các đơn vị thực hiện phương án PCCCR năm 2022, cụ thể như sau:

- Vườn Quốc gia Phú Quốc : 4.000.000.000 đồng.
- Vườn Quốc gia U Minh Thượng: 1.800.000.000 đồng.
- Ban quản lý rừng Kiên Giang : 2.000.000.000 đồng.
- Ban quản lý dự án Lâm trường 422: 530.000.000 đồng.

(Theo Công văn số 2039/STC-TCHCSN ngày 12/10/2021 của Sở Tài chính về việc ý kiến nguồn vốn kinh phí phòng cháy và chữa cháy rừng năm 2022 cho các đơn vị).

PHẦN III CHỮA CHÁY RỪNG

1. Quy định về tiếp nhận, xử lý thông tin, chế độ báo cáo cháy rừng

Khi tiếp nhận tin báo cháy rừng, người nhận tin báo phải hỏi rõ và ghi vào sổ tiếp nhận các thông tin sau: Họ, tên, địa chỉ, số điện thoại (nếu có) của người báo cháy; địa điểm, thời gian xảy ra cháy; những thông tin về đám cháy như: loại rừng xảy ra cháy, diện tích đám cháy, nguy cơ cháy lan, nguy cơ ảnh hưởng đến khu vực dân cư và những thông tin khác liên quan đến đám cháy; đồng thời, báo cáo ngay thông tin đã tiếp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, việc xử lý thông tin báo cháy rừng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

Kiểm lâm cấp tỉnh, cấp huyện là cơ quan kiểm tra, tổng hợp báo cáo, cung cấp thông tin số liệu về diện tích, số vụ cháy rừng cho cơ quan cấp trên; các lực lượng, đơn vị có liên quan trước khi thông tin, báo cáo cấp trên về diện tích, số vụ cháy rừng phải thống nhất với cơ quan Kiểm lâm các cấp; chế độ báo cáo cháy rừng thực hiện theo Điều 14, Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng.

2. Thẩm quyền huy động lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị của tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý để sửa chữa cháy rừng. Trong trường hợp đám cháy lớn vượt quá khả năng kiểm soát hoặc đám cháy quy mô không lớn nhưng có nguy cơ ảnh hưởng đến người dân, đến an ninh quốc phòng, sự an toàn của các công trình quan trọng, các công trình, vật kiến trúc có nguy cơ gây cháy nổ lớn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để huy động chữa cháy rừng.

Khi nhận được tin báo cháy rừng và đề nghị hỗ trợ của Ban Chỉ đạo cấp huyện, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh huy động, chỉ đạo lực lượng chính về phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh tổ chức triển khai phối hợp với các lực lượng chữa cháy trên địa bàn, triển khai nhanh đến hiện trường, kịp thời ứng cứu; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, điều tra; truy tìm thủ phạm gây cháy rừng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị của tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý để chữa cháy rừng. Trong trường hợp vượt quá khả năng kiểm soát của cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh để huy động chữa cháy rừng.

Khi nhận được tin báo cháy rừng và đề nghị hỗ trợ của Ban Chỉ huy cấp xã, Ban Chỉ đạo cấp huyện báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện huy động, chỉ đạo lực lượng chính về phòng cháy, chữa cháy rừng cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai phối hợp với các lực lượng chữa cháy trên địa bàn cơ động, triển

khai nhanh đến hiện trường, kịp thời ứng cứu; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, điều tra; truy tìm thủ phạm gây cháy rừng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị của tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý để chữa cháy rừng. Trong trường hợp vượt quá khả năng kiểm soát của cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Chỉ huy cấp huyện để huy động lực lượng chữa cháy rừng.

Khi nhận được tin báo cháy rừng hoặc đề nghị hỗ trợ chữa cháy rừng của chủ rừng, Ban Chỉ huy cấp xã có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện chỉ huy, tổ chức huy động lực lượng, phương tiện, dụng cụ tại địa phương tham gia chữa cháy.

Chủ rừng là tổ chức khi xảy ra cháy rừng, cấp trưởng có trách nhiệm huy động, tổ chức điều động lực lượng, phương tiện, dụng cụ tại đơn vị để chữa cháy. Trong trường hợp vượt quá khả năng kiểm soát của đơn vị, chủ rừng phải báo cáo và phối hợp với Ban Chỉ huy cấp xã tổ chức huy động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng; đồng thời thực hiện báo cáo Ban Chỉ đạo cấp trên theo quy định.

Lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH, Công an tỉnh huy động lực lượng, phương tiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

3. Chỉ huy chữa cháy rừng

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp hoặc người được ủy quyền có mặt tại đám cháy rừng là người chỉ đạo chung: Người chỉ huy chữa cháy rừng quy định tại Điều 37 Luật Phòng cháy và chữa cháy, khoản 23 Điều 32 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

4. Phối hợp trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng

Khi xảy ra cháy rừng, lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phối hợp với lực lượng Kiểm lâm; chủ rừng và phối hợp với các lực lượng Quân đội tham mưu cho Ban Chỉ đạo cùng cấp trong việc điều động, sử dụng lực lượng tham gia chữa cháy rừng; Phối hợp tổ chức chữa cháy, khắc phục hậu quả sau cháy rừng theo phương án phòng cháy, chữa cháy rừng đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành. Phối hợp tổ chức kiểm tra, xác minh và điều tra, xử lý các vụ cháy rừng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng, Ban Chỉ đạo, Ban Chỉ huy các cấp phải thường xuyên báo cáo kịp thời tình hình cháy rừng cho Ban Chỉ đạo cấp trên trực tiếp biết để theo dõi chỉ đạo. Trong trường hợp đám cháy vượt quá khả năng cứu chữa của cấp mình phải nhanh chóng báo cáo và đề nghị Ban Chỉ đạo cấp trên hỗ trợ chỉ viện lực lượng và phương tiện chữa cháy.

Ban Chỉ đạo, Ban Chỉ huy các cấp ngay khi nhận được thông tin, báo cáo đề nghị chỉ viện chữa cháy rừng của Ban Chỉ đạo, Ban Chỉ huy cấp dưới, phải

kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND cùng cấp huy động lực lượng, phương tiện hỗ trợ địa phương chữa cháy rừng.

Các lực lượng chính và lực lượng phối hợp tham gia chữa cháy ngay khi nhận được lệnh huy động của cơ quan có thẩm quyền phải nhanh chóng cơ động đến nơi xảy ra cháy rừng và tích cực phối hợp tham gia chữa cháy rừng.

5. Phương pháp chữa cháy rừng

Chữa cháy rừng phải đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và phương tiện chữa cháy. Các phương pháp chữa cháy rừng gồm:

*** Chữa cháy rừng bằng phương pháp trực tiếp:**

Là phương pháp bố trí đội hình chữa cháy trực tiếp đối đầu, bao vây ngọn lửa và dùng các dụng cụ, vòi chữa cháy ... xịt nước liên tục vào đám cháy từ nhiều phía, nhằm mục đích là để tách rời đám cháy, làm phân tán sức nóng, giảm bớt khả năng sấy khô những vật liệu cháy lân cận và tiêu diệt dần đến khi nó tắt hẳn. Chỉ được sử dụng khi đám cháy có ngọn lửa thấp, cường độ cháy chậm.

*** Chữa cháy rừng bằng phương pháp gián tiếp:**

Dùng cưa xăng, máy cắt cỏ, dao, lạng... để cưa, cắt dọn cây, cỏ tạo thành đường băng trắng chặn đầu ngọn lửa... Bố trí đội hình chỉ huy chữa cháy gián tiếp: Trên cơ sở địa hình tự nhiên như kênh, mương, khe, suối... và nguồn thông tin của nhóm trinh sát báo cáo để xác định vị trí của con đường cách xa và song song với đám cháy, trên đó người ta cho phát dọn toàn bộ cây, cỏ đẩy về hướng của đám cháy trước khi lửa lan tràn đến. Song song với công việc phát dọn băng phía thì người chỉ huy cũng ra lệnh bố trí đội hình thực hiện biện pháp này ngay hai bên sườn của đám cháy nhằm thu hẹp dần diện tích cháy một cách có kiểm soát. Khoảng cách từ đám cháy đến con đường chặn lại sẽ tùy thuộc vào cường độ, của đám cháy, điều kiện về thời tiết và do người chỉ huy quyết định.

6. Trách nhiệm chữa cháy rừng, tham gia chữa cháy rừng

- Chữa cháy rừng là trách nhiệm của toàn dân;
- Chủ rừng, đội phòng cháy, chữa cháy rừng nơi gần nhất, các lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội, chính quyền địa phương sở tại, cơ quan liên quan có nhiệm vụ chữa cháy, tham gia chữa cháy rừng theo quy định;
- Lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng khi nhận tin báo cháy trong địa bàn quản lý hoặc nhận lệnh điều động phải lập tức đến chữa cháy; trường hợp nhận thông tin báo cháy ngoài địa bàn quản lý, phải báo ngay cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng nơi xảy ra cháy, đồng thời phải báo cáo cấp trên trực tiếp;
- Các cơ quan Y tế, Điện lực, cấp nước và các cơ quan liên quan khi nhận được yêu cầu của người chỉ huy chữa cháy rừng phải nhanh chóng điều động người và phương tiện đến nơi xảy ra cháy để phục vụ chữa cháy rừng;
- Lực lượng Công an, Dân quân tự vệ có trách nhiệm tổ chức giữ gìn trật tự, bảo vệ khu vực chữa cháy và tham gia chữa cháy rừng.

PHẦN IV

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG CHÁY RỪNG

1. Tình huống xảy ra cháy rừng (chủ rừng tự tổ chức chữa cháy)

1.1. Giả định tình huống xảy ra cháy rừng tiểu khu 42-Vườn quốc gia U Minh Thượng:

Vào lúc G giờ ngày N, đội phòng cháy chữa cháy số 3 phát hiện đám cháy xảy ra tại tiểu khu 42 (thuộc khu phục dựng căn cứ tỉnh ủy) cách trạm Xáng Mượn 1.000 mét về hướng khu Căn cứ tỉnh ủy, cách đê bao trong giáp khu căn cứ tỉnh ủy 500 mét về hướng Bắc-Nam và cách đê bao hướng K6 500m. Diện tích cháy khoảng 250m² vật liệu cháy là rừng tràm trên đất than bùn 10 năm tuổi có sậy, dớn, choại khô cành nhánh cây tràm và tràm khô tốc độ cháy chậm gió yếu, hướng gió theo hướng Đông-Tây. Nguyên nhân cháy là do người dân vào rừng bắt ong trái phép.

Tổ chức triển khai chữa cháy

Trường hợp này đội số 3 địa điểm khu vực trạm Xáng Mượn là đội gần điểm cháy nhất cũng là đội phát hiện đám cháy. Đầu tiên đội trưởng có trách nhiệm triển khai lực lượng của tổ trong quá trình chữa cháy đồng thời **báo cáo điểm cháy** ngay về BCH-PCCCR của Vườn bằng điện thoại di động. Vừa báo cáo vừa triển khai lực lượng của tổ PCCCR để tiếp cận điểm cháy.

Cách tiếp cận đám cháy của đội số 3.

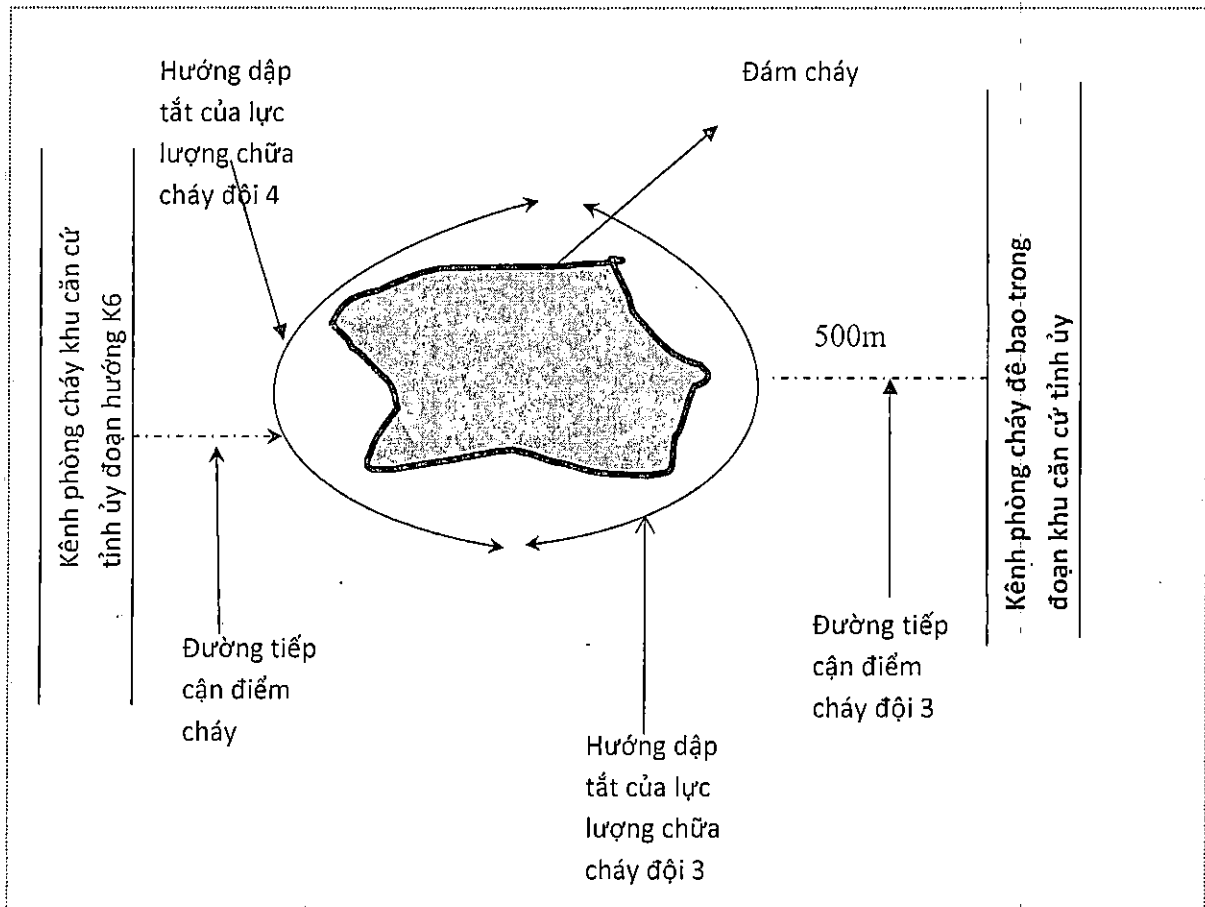
Phương tiện và lực lượng sẵn sàng tại đội triển khai lực lượng và phương tiện chữa cháy bằng võ máy đã chuẩn bị sẵn. Tiếp cận điểm cháy từ hướng kênh đi thẳng vào theo hướng vuông góc với điểm cháy để tiếp cận vào điểm cháy một cách nhanh nhất. Triển khai phương tiện gồm máy chữa cháy chuyên dùng đặt dưới mé kênh và nối dây chữa cháy (dây A) từ máy đến điểm cháy. Khi đến điểm cháy nối dây chữa cháy ra thành 2 hướng (dây B) để dập tắt lửa bao quanh điểm cháy. Những người còn lại dùng chổi, xẻn, cành nhánh cây... để bao quanh đám cháy dập lửa.

Tình huống đội số 3 không chế lửa chưa kịp thời còn để cháy lan

BCH-PCCCR điều động đội số 4 (tại trạm K6) đến ứng cứu. Phương tiện và lực lượng chữa cháy được vận chuyển bằng võ máy vận chuyển từ đội số 4 đến đường vào điểm cháy của đội số 3, đi theo hướng kênh từ trạm K6 đến hướng trạm Xáng Mượn. Khi đến khu căn cứ rẽ trái đi đường kênh bao của khu căn cứ tỉnh ủy đến khi đối diện với đội số 3 triển khai tiếp cận đám cháy. Tiếp cận điểm cháy từ hướng kênh đi thẳng vào theo hướng vuông góc với điểm cháy để tiếp cận vào điểm cháy một cách nhanh nhất. Triển khai phương tiện gồm máy chữa cháy chuyên dùng đặt dưới mé kênh và nối dây chữa cháy (dây A) từ máy đến điểm cháy. Khi đến điểm cháy nối dây chữa cháy ra thành 2 hướng (dây B) để dập tắt lửa bao quanh điểm cháy. Những người còn lại dùng chổi, xẻn, cành nhánh cây... để bao quanh đám cháy dập lửa. Khi cần thiết thì điều động đội chữa cháy số 1 (Cây gòn) đi theo hướng tiếp cận điểm cháy của đội số 3 và đội số 2 (K19) đi theo hướng tiếp cận của đội số 4 đồng thời điều động 2/3

lực lượng các trạm bảo vệ rừng đến cũng thực hiện giống như vậy cho đến khi dập tắt lửa trên bề mặt không còn phát lửa. Trong trường hợp này Giám đốc Vườn Quốc gia (Trưởng Ban chỉ huy PCCCR) là người chỉ huy chữa cháy.

Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy tiểu khu 42



1.2. Giả định xảy ra cháy khu vực rừng Mũi Dương, ấp Chuông Vích, xã Gành Dầu, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tại Tiểu khu 60 Phân khu phục hồi sinh thái rừng đặc dụng (Vườn quốc gia). Hiện trạng rừng thứ sinh ven biển.

Lúc 6 giờ, ngày N, viên chức quản lý bảo vệ rừng trực tháp quan sát phòng cháy chữa cháy rừng Bãi Dài phát hiện đám cháy tại khu vực rừng Mũi Dương, ấp Chuông Vích, xã Gành Dầu, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, lập tức báo cáo cho Đội trưởng Đội Quản lý bảo vệ rừng Gành Dầu. Sau khi nhận được tin báo, Đội trưởng Đội Quản lý bảo vệ rừng Gành Dầu lập tức báo cáo về Ban Chỉ huy PCCCR của Vườn quốc gia Phú Quốc để chỉ đạo, huy động điều động phương tiện, lực lượng và tổ chức chữa cháy. Đồng thời tổ chức ngay lực lượng tại chỗ để xử lý đám cháy.

Sau khi nhận báo cáo từ Đội trưởng Đội Quản lý bảo vệ rừng Gành Dầu; Ban Chỉ huy PCCCR Vườn quốc gia chỉ đạo tập trung huy động lực lượng đến đám cháy, khu vực xảy ra cháy là rừng thứ sinh ven biển, cây chồi tái sinh, có cấp kính nhỏ xen lẫn trắng cỏ, dây leo cây bụi. Thời gian cháy là vào buổi trưa. Đám cháy tán và đang lúc gió mạnh. Sau khi tiếp cận và quan sát đám cháy. Trưởng Ban Chỉ huy PCCCR Vườn quốc gia trực tiếp chỉ huy và phân công nhiệm vụ, phương tiện, dụng cụ, lực lượng triển khai chữa cháy.

Chiến thuật chữa cháy rừng:

- Về phương pháp chữa cháy: Áp dụng phương pháp chữa cháy trực tiếp và chữa cháy gián tiếp.

- Về biện pháp chữa cháy:

+ Chữa cháy trực tiếp: Dùng nước phun vào đám cháy, dùng chà cây dập lửa...

+ Chữa cháy gián tiếp: Dùng cưa xăng, máy cắt cỏ, dao, lạng để cưa, cắt dọn cây, cỏ tạo thành đường băng trắng chặn đầu ngọn lửa...

- Các biện pháp bảo đảm an toàn cho lực lượng, phương tiện chữa cháy:

+ Các thành viên tham gia chữa cháy rừng phải chấp hành theo mệnh lệnh của người chỉ huy chữa cháy. Trong quá trình chữa cháy nếu phát hiện có vấn đề gì chưa phù hợp thì phải báo cáo xin ý kiến người chỉ huy chữa cháy, tuyệt đối không được làm theo ý cá nhân.

+ Xe chữa cháy, xe tải chở lực lượng, dụng cụ phải có người trông coi và đậu ở khu vực có đường di chuyển thuận lợi, khoảng cách với đám cháy phải bảo đảm an toàn.

+ Các dụng cụ chữa cháy rừng phải được sử dụng vào mục đích chữa cháy rừng, sau khi sử dụng xong phải bảo quản theo quy định.

- Cơ chế thông tin chỉ huy điều hành chữa cháy: Người chỉ huy chữa cháy phải thường xuyên liên lạc để chỉ đạo lực lượng thực hiện nhiệm vụ chữa cháy rừng bằng bộ đàm hoặc điện thoại và ngược lại. Trường hợp đám cháy vượt ngoài tầm khống chế của lực lượng và phương tiện tại chỗ phải kịp thời báo cáo đến Ban Chỉ đạo PCCC&CNCH của thành phố để xin hỗ trợ lực lượng và phương tiện.

Lực lượng, phương tiện dự kiến huy động:

- Về lực lượng: Vườn quốc gia Phú Quốc tham gia chữa cháy: 65 người,

- Về phương tiện, dụng cụ: Điều động 02 xe ô tô tải của Vườn quốc gia Phú Quốc, 06 máy bơm phao và 1.200 mét dây chữa cháy, 10 máy bơm áp lực Honda 5,5HP và 1.500 mét dây chữa cháy, 04 máy xịt nước đeo vai, 02 máy thổi gió, 02 máy Cưa xăng, 10 máy đeo vai, 20 cây Rựa, 20 can nhựa, 30 cây Leng, 20 bàn cào...

- Dự kiến trường hợp đám cháy vượt ngoài tầm kiểm soát sẽ báo cáo Ban Chỉ đạo PCCC&CNCH thành phố Phú Quốc xin hỗ trợ 02 xe chuyên dụng chữa cháy và 50 người để tham gia chữa cháy rừng.

Tổ chức triển khai chữa cháy:

- Về phân công nhiệm vụ và thực hiện biện pháp chữa cháy:

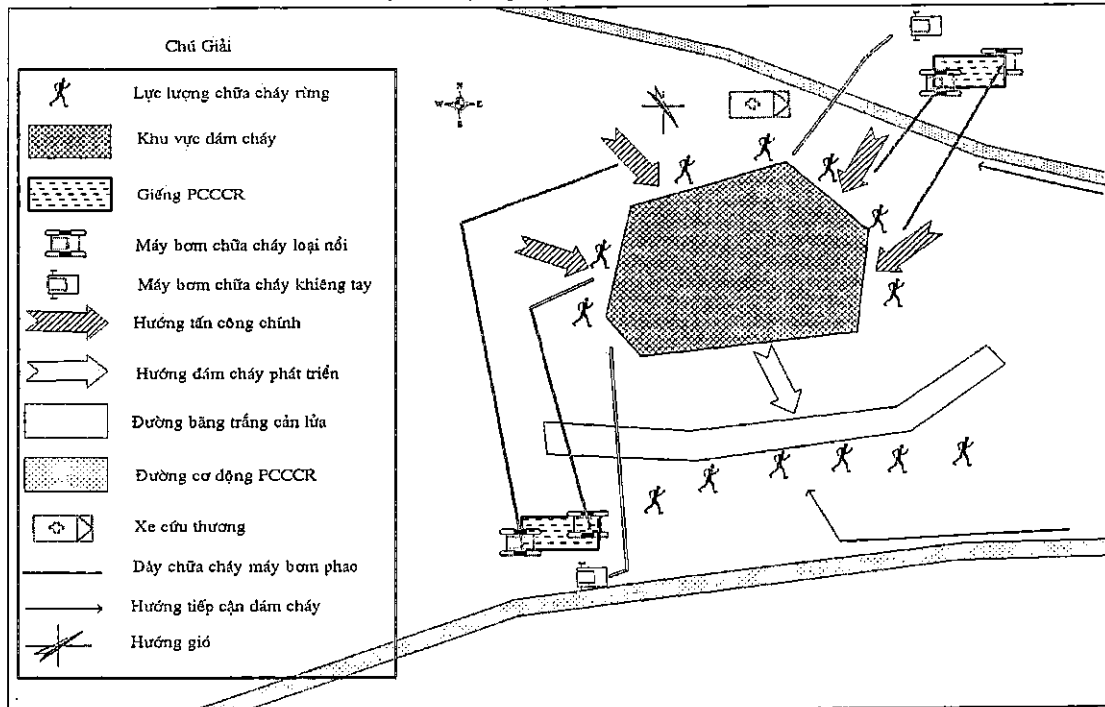
+ Tổ 1: Phó Trưởng Ban chỉ huy PCCCR Vườn quốc gia phụ trách chỉ đạo phát dọn đường băng (bao vây mũi lửa). Tổ chữa cháy 30 người, gồm: Tổ máy 8 người, tổ cắt đường băng 15 người, tổ xe 02 người, tổ hậu cần, y tế 05 người phục vụ nước uống, thức ăn, công tác sơ cấp cứu, chăm sóc nạn nhân trong các vụ cháy, nổ, ngạt khói xảy ra (nếu có). Nhiệm vụ: Sau khi tiếp cận, xác định mũi lửa, hướng gió, tốc độ lây lan của đám cháy, địa hình, địa vật. Áp dụng phương pháp chữa cháy gián tiếp, cắt tạo đường băng cản lửa, đảm bảo khoảng cách an toàn với đám cháy. Lực lượng được dàn thành hàng ngang theo hình cánh cung, dùng cưa xăng, lềm cắt dọn cây, cành nhánh đưa về phía đám cháy. Dùng máy thổi gió, bàn cào cào cành khô, lá mục thực bì đưa về phía đám cháy để tạo thành đường băng trắng cản lửa, dùng máy đeo vai phun ướt vật liệu cháy đã dọn về phía đám cháy và đường băng trắng tạo độ ẩm để làm dịu ngọn lửa, chiều dài đường băng 60m, chiều rộng đường băng 10m, đảm bảo ngọn lửa đến nơi không vượt qua được.

+ Tổ 2: Trưởng phòng Quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng phụ trách chỉ đạo dập tắt đám cháy. Tổ chữa cháy 35 người, gồm: Tổ máy 8 người, tổ xe 02 người, tổ chữa cháy 20 người, tổ hậu cần, y tế 05 người. Nhiệm vụ: Áp dụng phương pháp chữa cháy trực tiếp, lực lượng được chia làm 2 nhóm áp sát bên hông đám cháy. Mỗi bên bố trí 03 máy phao, 05 bom áp lực, 05 máy đeo vai, lềm, xẻng, bàn dập lửa. Dùng vòi phun nước trực tiếp vào hai bên hông đám cháy khống chế ngọn lửa, làm giảm cường độ đám cháy và suy yếu ngọn lửa. Dùng máy bơm áp lực đi phía sau để khống chế cháy lan mặt đất, cắt gốc, cành khô và cây mục. Bộ phận sử dụng thủ công, dàn đều hai bên hông đám cháy, cự ly mỗi người cách nhau 3m để hỗ trợ và quan sát lẫn nhau, có sự hỗ trợ của máy bơm đeo vai, dùng bàn dập, chà cây, lềm, để dập, quyết vật liệu, thăm mục vào phía trong đám cháy, đảm bảo không để than củi vương lại phía sau cũng như ra ngoài đám cháy. Phối hợp với máy bơm tiến dần về đầu đám cháy và khép dần mũi lửa cho đến khi gặp đường băng cản lửa do Tổ 1 tạo ra, tập trung lực lượng dập tắt hoàn toàn đám cháy.

Sau khi đám cháy được khống chế và dập tắt hoàn toàn thì lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng phải thực hiện nhiệm vụ thu thập chứng cứ, nguyên

nhân xảy ra cháy, lập biên bản, đánh giá mức độ thiệt hại, lập hồ sơ vụ cháy báo cáo Vườn quốc gia Phú Quốc.

Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy tiểu khu 60



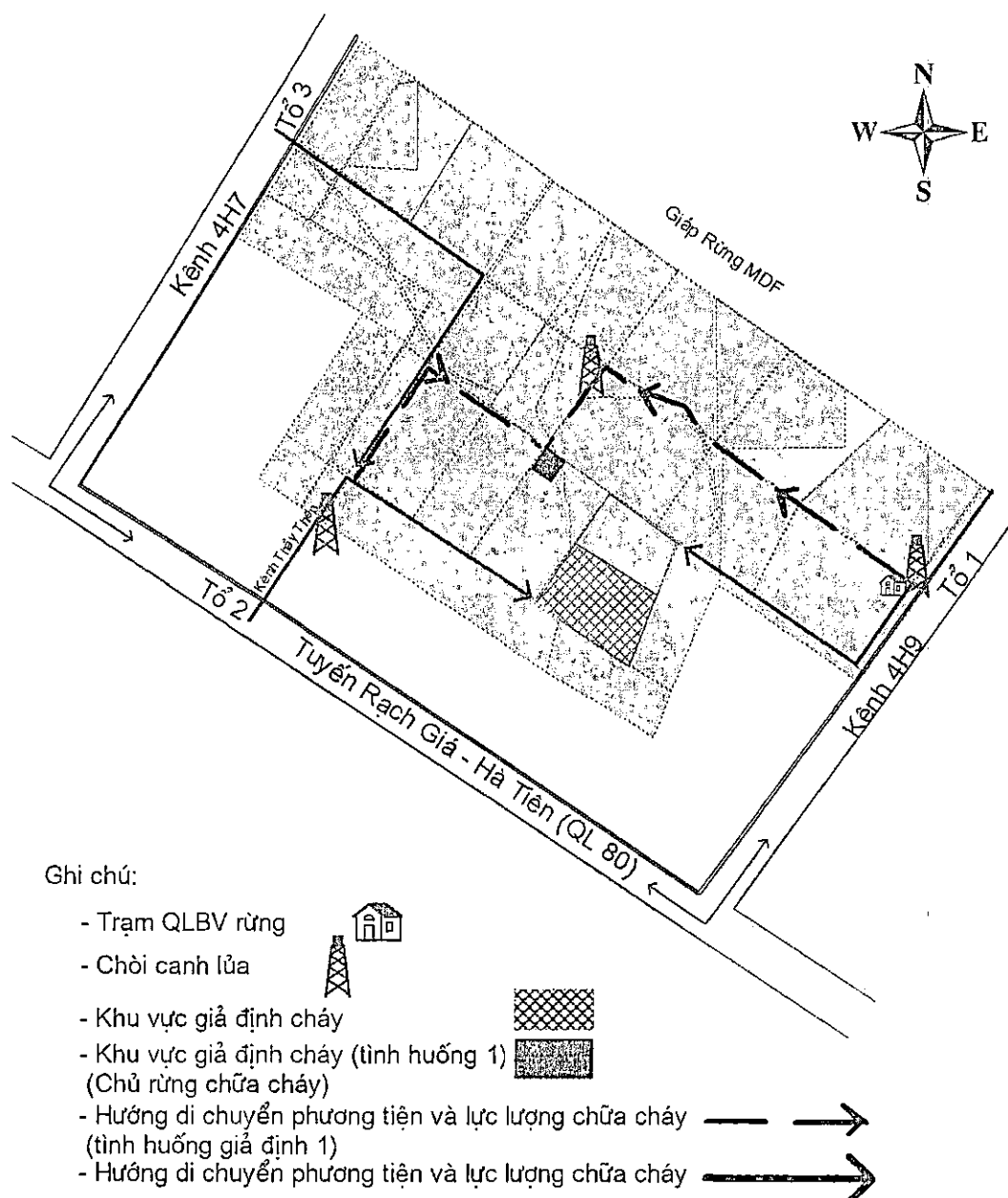
1.3. Giả định tình huống cháy rừng tại khoảnh 5, Lô 1, tiểu khu 23 thuộc xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất do Ban quản lý rừng Kiên Giang quản lý.

Vào G giờ, ngày N trên chòi quan sát, lực lượng trực phòng chống cháy rừng phát hiện khói phát ra trong khu vực rừng tràm thuộc rừng phòng hộ phạm vi quản lý, lập tức báo ngay cho viên chức phụ trách trạm kiểm tra, xác định đám khói và khẳng định đã xảy ra cháy rừng, nằm trong khu vực 3, sau đó lập tức thực hiện ngay các biện pháp như sau:

- Điều động 04 tổ đã thành lập chữa cháy cho khu vực 3, lực lượng gồm 37 người, sử dụng phương tiện vũ máy vận chuyển trang thiết bị chữa cháy gồm: 03 Máy chữa cháy, 150 vôi chữa cháy, nhiên liệu, leng, xô.... di chuyển từ trạm quản lý bảo vệ rừng K4H9 đến khu vực xảy ra cháy.

Do phát hiện kịp thời, lực lượng 04 tổ cơ động nhanh, xác định đúng vị trí cháy, nên đám cháy được khống chế và dập tắt. BQL rừng tổng hợp kết quả chữa cháy báo cáo Ban chỉ huy phòng chống cháy rừng. Thiệt hại của đám cháy không lớn, vật liệu cháy chủ yếu là đưng, lã và cành nhánh khô.... Biện pháp khắc phục là “tràm trồng”.

SƠ ĐỒ GIẢ ĐỊNH CHÁY RỪNG KHU VỰC RỪNG TRÀM HUYỆN HÒN ĐẤT



1.4. Giả định tình huống xảy ra cháy rừng tiểu khu 34, xã Đông Hưng B, huyện An Minh do Ban quản lý rừng Kiên Giang quản lý.

Vào G, ngày N trên chòi quan sát tại chốt trực kênh 27, lực lượng trực phòng chống cháy rừng phát hiện khói phát ra trong khu vực rừng tràm thuộc rừng phòng hộ phạm vi quản lý, lập tức báo ngay cho viên chức phụ trách trạm kiểm tra, xác định đám khói và khẳng định đã xảy ra cháy rừng tại tiểu khu 34, sau đó lập tức thực hiện ngay các biện pháp như sau:

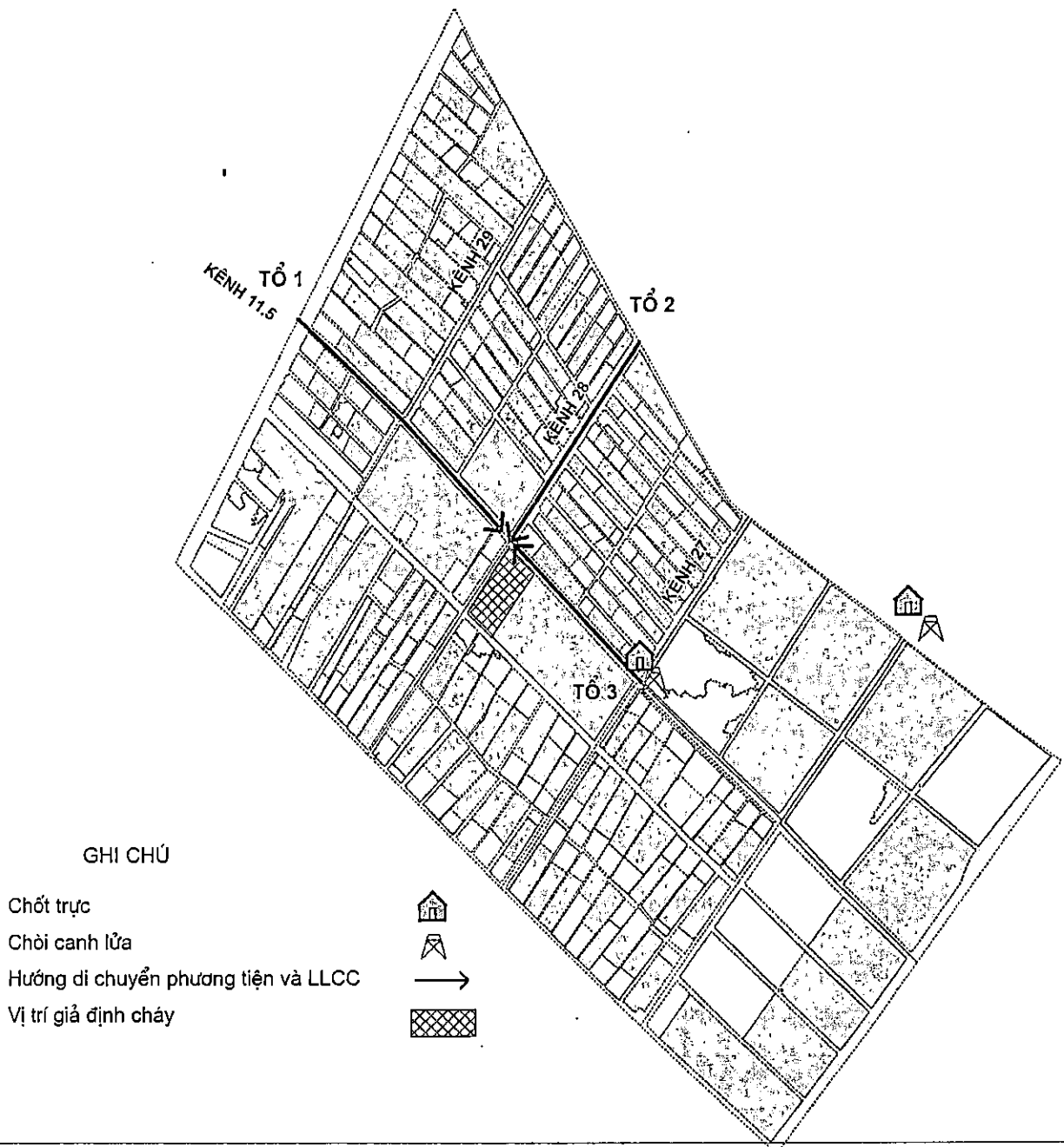
- Tổ 2, điều động 4 lực lượng, phương tiện tại chỗ, lưu thông từ kênh 11,5 đến vị trí chữa cháy, lập tức thông báo cho tổ 1 và tổ 2 hỗ trợ cùng với lực lượng trực tại chỗ đối với các hộ nhận khoán.

- Trạm trưởng QLBV rừng báo Phó Giám đốc phụ trách về diễn biến đám cháy và chủ động phân công viên chức lo hậu cầu phục vụ cho lực lượng chữa cháy.

- Phó giám đốc phụ trách địa bàn báo cho Hạt Kiểm lâm huyện và Chính quyền địa phương để được hỗ trợ thêm lực lượng, phương tiện.

Do phát hiện kịp thời, lực lượng tại chỗ cơ động nhanh, xác định đúng vị trí cháy, nên đám cháy được khống chế và dập tắt. BQL rừng tổng hợp kết quả chữa cháy báo cáo Ban chỉ huy phòng chống cháy rừng. Thiệt hại của đám cháy không lớn, vật liệu cháy chủ yếu là cỏ sậy mọc xen kẽ với rừng non mới trồng sau khi khai thác 2019, hiện tại bước vào chăm sóc năm thứ 2. Biện pháp khắc phục là đưa vào kế hoạch bố trí vốn chăm sóc năm 2, phát dọn cỏ sậy và trồng lại rừng ở vực bị cháy.

VỊ TRÍ GIẢ ĐỊNH CHÁY TIỂU KHU 34, ĐÔNG HƯNG B, AN MINH, KIÊN GIANG



2. Phương án xử lý tình huống cháy phức tạp nhất

2.1. Tình huống cháy rừng vượt tầm kiểm soát của lực lượng xã, chủ rừng

Chủ tịch UBND cấp huyện, thành phố nhận được tin chỉ đạo Ban chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng, Hạt Kiểm lâm tham mưu thành lập ngay Ban Chỉ huy chữa cháy rừng theo quy định để chỉ huy, điều hành chung, đồng thời triển khai phương án phòng cháy, chữa cháy rừng đã xây dựng, tổ chức huy động ngay lực lượng, phương tiện trên địa bàn và trực tiếp chỉ huy các lực lượng chữa cháy; đồng thời báo ngay cho Chủ tịch UBND tỉnh về tình hình xảy ra cháy rừng trên địa bàn huyện để được tăng cường hỗ trợ lực lượng, trang thiết bị, phương tiện chữa cháy rừng, đồng thời

- Về nhân lực: Huy động lực lượng tại chỗ trên địa bàn huyện, dự kiến từ 120 đến 200 người, lực lượng nòng cốt tham gia chữa cháy gồm: Ban Chỉ huy quân sự huyện: từ 30 đến 50 người. Công an huyện: từ 10 đến 20 người. Kiểm lâm huyện: từ 05 đến 10 người. Tổ đội PCCCR : từ 60 đến 100 người. Chủ rừng : từ 20 đến 100 người. Ngoài ra, huy động nhân dân địa phương và cán bộ chiến sỹ đóng quân trên địa bàn huyện tham gia chữa cháy.

- Về phương tiện, dụng cụ chữa cháy, thuốc dự phòng và các thiết bị cứu thương... sử dụng của các đơn vị (Công an, Quân đội, Kiểm lâm, Chủ rừng).

- Về chỉ huy chữa cháy rừng: Đồng chí Trưởng ban chỉ đạo PCCC huyện và các thành viên Ban chỉ đạo huyện.

Thủ trưởng các đơn vị và cơ quan được điều động lực lượng chữa cháy rừng phải chỉ đạo cho cán bộ, chiến sỹ tham gia chữa cháy rừng theo lệnh chỉ huy.

2.2. Tình huống cháy rừng vượt tầm kiểm soát của lực lượng huyện

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được tin chỉ đạo Ban Chỉ đạo PCCC&CNCH tỉnh thành lập ngay Ban Chỉ huy chữa cháy rừng theo quy định để chỉ huy, điều hành chung. Chỉ đạo huy động lực lượng, trang thiết bị, phương tiện trên địa bàn tỉnh; đồng thời báo cáo Ban Chỉ đạo các vấn đề cấp bách về bảo vệ và phát triển rừng Trung ương để tăng cường lực lượng, thiết bị ứng cứu theo quy định.

- Về nhân lực:

- + Huy động lực lượng tại chỗ gồm: Huyện đội, Công an huyện, Kiểm lâm, Chủ rừng, Tổ đội PCCCR cơ sở, nhân dân địa phương ...

- + Huy động lực lượng tỉnh và lực lượng các huyện khác tham gia chữa cháy.

Dự kiến từ 420 đến 810 người, lực lượng nòng cốt tham gia chữa cháy gồm:

Bộ chỉ Quân sự tỉnh: từ 100 đến 200 người.

Bộ chỉ Biên phòng: từ 50 đến 100 người.

Sư đoàn 4 Quân khu 9: từ 100 đến 200 người.

Công an trên toàn tỉnh (Chiến sỹ PCCC) : từ 40 đến 60 người.

Kiểm lâm trong tỉnh: từ 30 đến 50 người.

Tổ, Đội PCCCR : từ 100 đến 200 người.

- Về phương tiện, dụng cụ chữa cháy, thuốc dự phòng và các thiết bị cứu thương sử dụng tại chỗ và huy động từ các đơn vị (Huyện đội, Công an, Kiểm lâm, chủ rừng và các ngành khác).

- Ngoài lực lượng nòng cốt trên địa bàn còn huy động nhân dân địa phương và cán bộ chiến sỹ đóng quân trên địa bàn huyện tham gia chữa cháy.

- Về chỉ huy chữa cháy rừng: Đồng chí Trưởng Ban chỉ đạo PCCC tỉnh và các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị được chỉ định tham gia chữa cháy.

2.2.1. Giả định tình huống cháy phức tạp tại tiểu khu 42-Vườn quốc gia U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang

- Thời gian xuất phát cháy: vào lúc G giờ, ngày N.

- Địa điểm xuất phát cháy: Tiểu khu 42 (tháp cây Gòn) cách kênh Trung tâm 300 m về hướng Đông Bắc, cách đê bao rừng già 1.600 m.

- Diện tích đám cháy lúc phát hiện: khoảng 5 ha.

- Chất cháy chủ yếu: thảm khô, thảm tươi (Sậy, choại, dớn, Tràm, ...), cây thân gỗ (Tràm, Mốp, Bù, ...).

Nguyên nhân xảy ra cháy: Do một nhóm người vào rừng bắt ong trái phép, do mùa khô vật liệu cháy khô rất dễ bén lửa cùng với gió thổi mạnh làm cho người bắt ong không khống chế được đám cháy làm cho ngọn lửa cháy lan nhanh, phát tán trên diện rộng.

Sau khi phát hiện cháy rừng, BCH PCCCR VQG U Minh Thượng đã thông báo, thông tin cho các đội PCCCR sử dụng các phương tiện chữa cháy rừng tại chỗ khẩn trương tham gia chữa cháy rừng. Tuy nhiên, do nhiệt độ cao, gió Tây Nam thổi mạnh nên đã làm cho đám cháy lan sang các tiểu khu lân cận.

Lúc này, lực lượng tham gia chữa cháy rừng tại hiện trường không thể khống chế được đám cháy, cần huy động thêm lực lượng của xã An Minh Bắc. Trưởng Công an xã An Minh Bắc đã huy động thêm 10 người tham gia chữa cháy. Tuy nhiên, gió Tây Nam thổi mạnh và đổi hướng mang theo tàn lửa làm xuất hiện nhiều đám cháy khác, lực lượng PCCCR Vườn Quốc gia U Minh Thượng và lực lượng tại xã An Minh Bắc không thể khống chế được đám cháy. Vườn Quốc gia U Minh Thượng đã huy động thêm lực lượng và báo cáo với Ban chỉ đạo PCCC-CNCH tỉnh xin chỉ viện lực lượng, phương tiện ứng cứu.

Nhận định đám cháy có diễn biến phức tạp, Giám đốc Công an tỉnh đã báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xin chỉ thị điều động các lực lượng của tỉnh chỉ viện cho công tác chữa cháy và CNCH tại Vườn Quốc gia U Minh Thượng.

Chiến thuật chữa cháy

Nguyên tắc chữa cháy : Tuân thủ phương châm “bốn tại chỗ” gồm: chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ.

- Người chỉ huy chữa cháy rừng tiếp nhận, xử lý thông tin, kết hợp với quan sát diễn biến của đám cháy để quyết định truyền đạt mệnh lệnh. Lực lượng

chữa cháy tập trung cao độ và thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật, tổ chức chữa cháy để đạt được hiệu quả chữa cháy cao nhất.

- Lực lượng và phương tiện chữa cháy được chia thành: lực lượng, phương tiện thủ công và lực lượng, phương tiện cơ giới:

+ Lực lượng, phương tiện thủ công: Kiểm lâm, công an, quân đội, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, tổ đội quần chúng bảo vệ rừng, dân quân địa phương và các lực lượng huy động khác cùng với dụng cụ chữa cháy thủ công như: dao, phang, chổi đập lửa, cành cây, ...

+ Lực lượng, phương tiện cơ giới gồm: con người với các thiết bị chữa cháy cơ giới như: máy bơm chữa cháy, máy thổi gió, cưa xăng, kobe, ...

Lực lượng chữa cháy được tổ chức thành các tổ, có tổ trưởng và tổ phó. Tổ trưởng là người nắm vững kỹ thuật chữa cháy, đặc điểm khu rừng, có tính quyết đoán nhanh nhẹn, mệnh lệnh dứt khoát, rõ ràng, chính xác.

Tổ chức tốt công tác hậu cần chữa cháy, trong đó cần chuẩn bị đảm bảo về phương tiện cơ giới, dụng cụ thủ công và bảo hộ lao động (quần, áo, giày, mũ, đèn pin, bình nước cá nhân; thuốc uống, bông băng sơ cứu, ...), thức ăn, thực phẩm đảm bảo phục vụ cho lực lượng chữa cháy tại chỗ và lực lượng huy động tại địa phương.

Các phương pháp và biện pháp dập tắt các đám cháy rừng

Phương pháp chữa cháy đám cháy rừng thường được chia làm 02 loại: phương pháp chữa cháy trực tiếp và phương pháp chữa cháy gián tiếp:

- Phương pháp chữa cháy trực tiếp là phương pháp bố trí các đội hình chữa cháy trực tiếp “đối đầu”, bao vây ngọn lửa và sử dụng tất cả các phương tiện thủ công và cơ giới tác động trực tiếp vào đám cháy. Phương pháp này được áp dụng với đám cháy có cường độ thấp, dễ tiếp cận. Khi áp dụng phương pháp này cần coi trọng vấn đề an toàn cho con người. Khi cường độ cháy và tốc độ cháy lan của ngọn lửa nhanh (0,4 km/giờ) thì chỉ áp dụng phương pháp chữa cháy này vào lúc chiều tối khi nhiệt độ đã hạ thấp, tốc độ gió giảm xuống.

- Phương pháp chữa cháy gián tiếp được áp dụng khi đám cháy lớn, cường độ cao, tốc độ cháy lan nhanh, sức nóng lan tỏa trên phạm vi diện tích đám cháy hơn 01 ha, diện tích rừng còn lại cần bảo vệ rất lớn. Bố trí đội hình bằng cách làm băng khống chế lửa. Khoảng cách giữa băng khống chế lửa với lưỡi lửa tùy thuộc vào cường độ của đám cháy, tốc độ gió nhưng phải bố trí sau khi thi công xong băng khống chế lửa thì đám cháy mới tiến đến băng này. Bề rộng băng từ 15 – 20 m, thậm trí đến 30 m.

- Đào rãnh ngăn cháy ngầm: do dưới rừng tràm là lớp than bùn có độ dày từ 0,3 – 1,5 m có thể sử dụng kobe để đào rãnh ngăn lửa để chặn đứng sự cháy lan của những đám cháy ngầm. Rãnh sâu hơn lớp than bùn từ 20 – 50 cm, rộng 6 – 10 m.

- Biện pháp đốt chặn: BCH triển khai cho phát dọn cây, thảm tươi, đẩy về hướng của đám cháy trước khi lửa lan truyền đến. Sau khi chuẩn bị xong, dùng dầu đốt thành vệt dài trên toàn bộ tuyến băng để cho lửa cháy về phía đám cháy. Người chỉ huy chữa cháy bố trí đội hình thực hiện biện pháp này ngay hai bên sườn của đám cháy nhằm thu hẹp dần diện tích cháy một cách có kiểm soát.

Lực lượng, phương tiện dự kiến huy động : Theo Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Phương án chữa cháy Vườn Quốc gia U Minh Thượng.

Bảng lực lượng, phương tiện dự kiến huy động

Stt	Đơn vị huy động	Điện thoại	Số người huy động	Số lượng, chủng loại phương tiện huy động	Ghi chú
1	Công an xã An Minh Bắc		10	02 máy bơm nổi, 10 cuộn vòi B, 02 lăng B	Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của BCH
2	Công an xã Minh Thuận	02973.568.005	10	01 máy bơm nổi, 10 cuộn vòi B, 02 lăng B	
3	Chi Cục kiểm lâm	02973.864145	25	50 máy bơm, 500 cuộn vòi B, 50 lăng B	Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của BCH
4	Công an huyện U Minh Thượng	02973.522.113	20	01 xe chở quân, 01 máy bơm nổi, 05 cuộn vòi A, 10 cuộn vòi B, 01 hai chạc, 03 lăng A, 06 lăng B	Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của BCH
5	Công an huyện An Minh	02973.884.015	28	02 xe chở quân, 01 máy bơm nổi, 15 cuộn vòi B, 02 lăng B, 02 cái hai chạc	
6	Công an huyện Vĩnh Thuận	02973.829.045	50	02 xe chở quân, 02 máy bơm nổi, 05 cuộn vòi A, 10 cuộn vòi B, 01 lăng A, 02 lăng B	

Stt	Đơn vị huy động	Điện thoại	Số người huy động	Số lượng, chủng loại phương tiện huy động	Ghi chú
7	Công an huyện An Biên	02973.882.689	22	01 xe chở quân, 02 máy bơm nổi, 06 cuộn vòi A, 25 cuộn vòi B, 01 hai chạc, 03 lăng A, 04 lăng B, 02 cái hai chạc	
8	Đội CC-CNCH khu vực U Minh Thượng	02973.882.114	10	01 xe chở quân, 02 máy bơm nổi, 10 cuộn vòi A, 10 cuộn vòi B, 01 hai chạc, 02 lăng A, 02 lăng B, 02 cái ba chạc	
9	Ban sản xuất phòng hậu cần CAT		10	01 xe chở quân, 04 máy bơm nổi, 31 cuộn vòi A, 25 cuộn vòi B, 01 ba chạc, 02 lăng A, 02 lăng B	
10	Trại giam kênh 7	Võ Văn Vũ, Phó Giám thị 0919.540.041	40	02 xe chở quân	Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của BCH
11	Ban chỉ huy quân sự huyện U Minh Thượng	02973.883.734	30	01 xe chở quân	Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của BCH
12	Ban chỉ huy quân sự huyện Vĩnh Thuận		30	01 xe chở quân	Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của BCH
13	Ban chỉ huy quân sự huyện An Minh		30	01 xe chở quân	
14	Ban chỉ huy quân		30	01 xe chở quân	

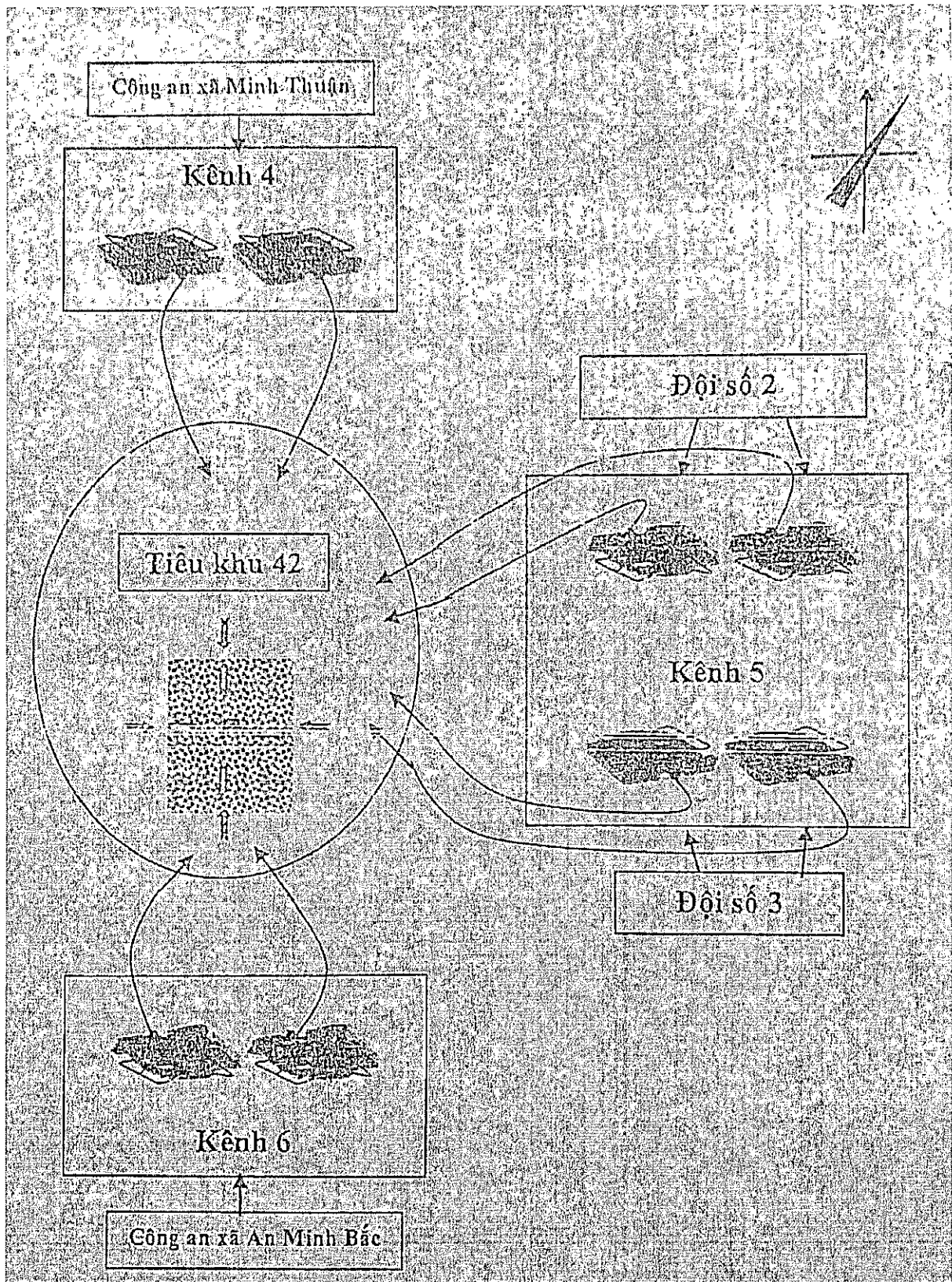
Stt	Đơn vị huy động	Điện thoại	Số người huy động	Số lượng, chủng loại phương tiện huy động	Ghi chú
	sự huyện An Biên				
15	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		500	20 xe chở quân, 12 máy bơm nổi	Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của BCH
16	Tiểu đoàn Cảnh sát Cơ động		200	08 xe chở quân	Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của BCH
17	Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH	02973.815.008	20	01 xe chở quân, 04 máy bơm nổi, 20 cuộn vòi A, 20 cuộn vòi B, 02 lăng A, 02 lăng B, 02 cái ba chạc	Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của BCH

Tổ chức triển khai chữa cháy

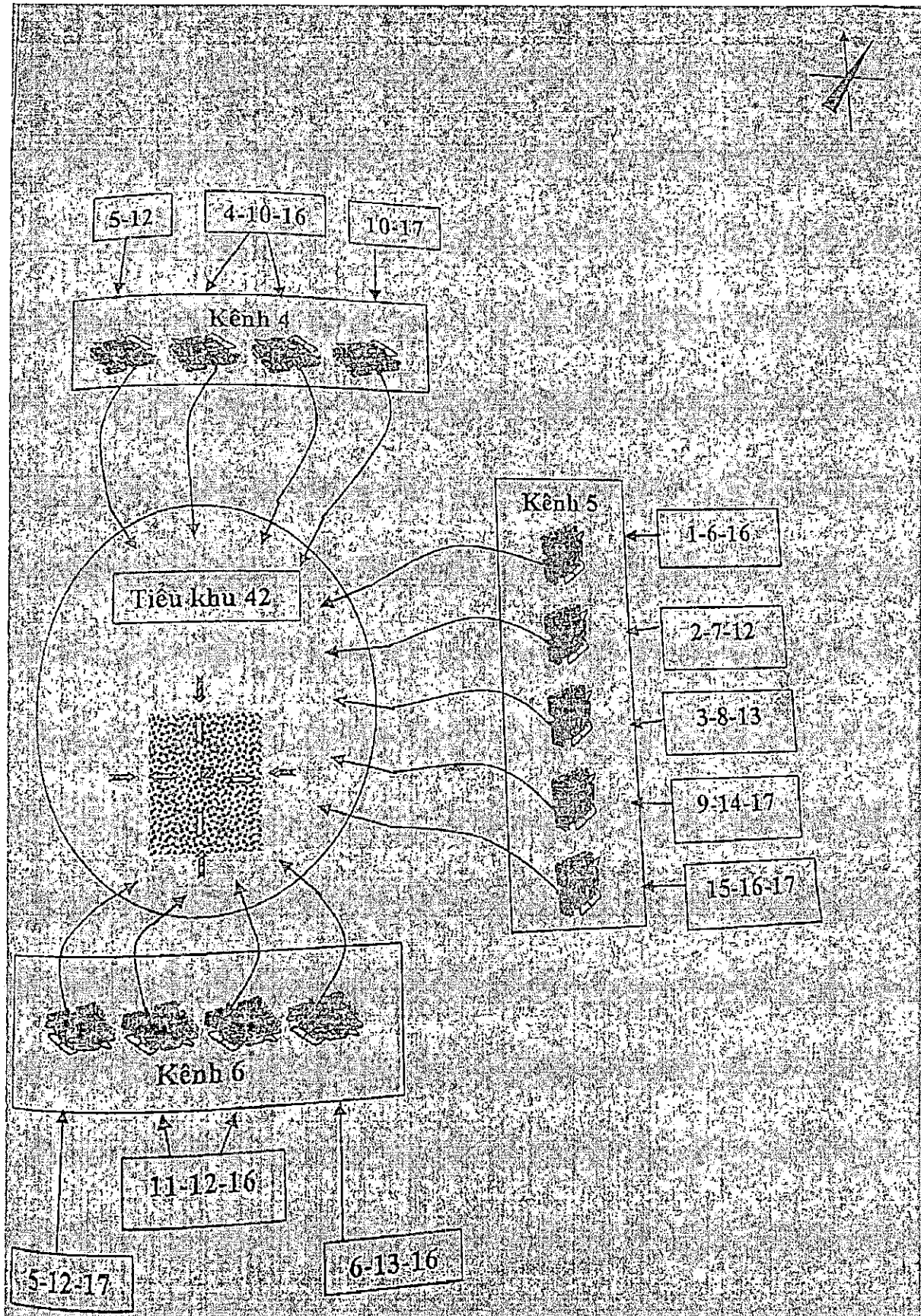
Thực hiện theo phương án chữa cháy Vườn quốc gia U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, theo Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Phương án chữa cháy Vườn Quốc gia U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

(Triển khai lực lượng, phương tiện xử lý theo 3 cấp).

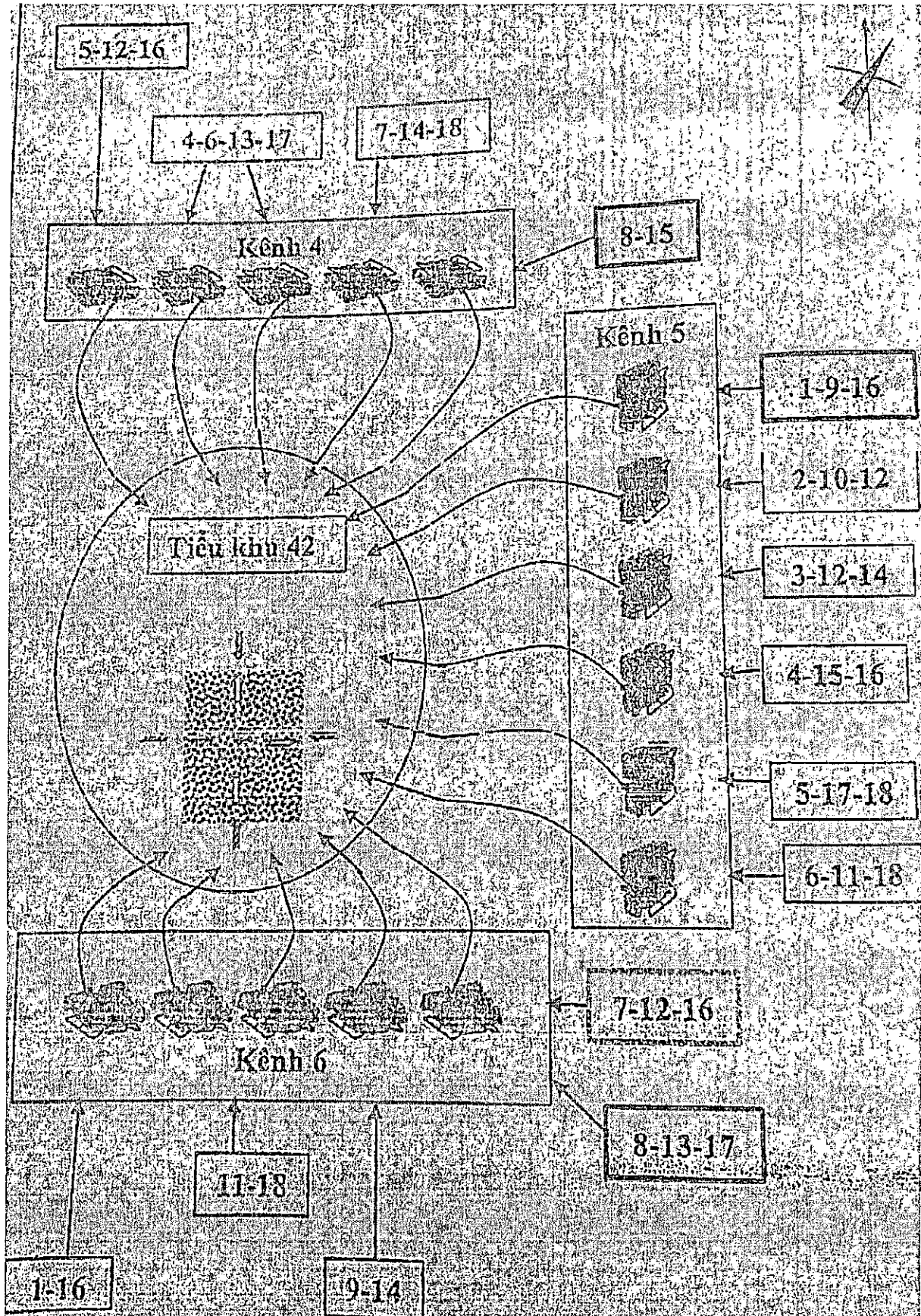
Hình Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện xử lý cấp I



Hình Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện xử lý cấp II



Hình Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện xử lý cấp III



2.2.2. Giả định vụ cháy rừng xảy ra tại Tiểu khu 69 Phân khu phục hồi sinh thái rừng đặc dụng (Vườn quốc gia), thuộc ấp Bải Thơm, xã Bải Thơm, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (Khu vực cháy trên đồi núi không có đường tiếp cận phương tiện không vào được, chữa cháy bằng phương pháp thủ công kết hợp với máy chuyên dụng).

Tại địa bàn xã Bải Thơm lúc 6 giờ, ngày N viên chức Đội Quản lý bảo vệ rừng Bải Thơm trực Tháp quan sát lửa rừng phát hiện đám cháy xảy ra khu vực núi sau tổ 08, tiếp giáp Hòn Một tại Tiểu khu 69 Phân khu phục hồi sinh thái rừng đặc dụng (Vườn quốc gia), thuộc ấp Bải Thơm, xã Bải Thơm, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (hiện trạng là rừng xanh phục hồi xen trắng tranh), lập tức báo cáo đồng chí Đội trưởng Đội Quản lý bảo vệ rừng Bải Thơm. Đồng chí Đội trưởng Đội Quản lý bảo vệ rừng Bải Thơm báo cáo Ban Chỉ huy PCCCR Vườn quốc gia và Ban Chỉ huy PCCC-CNCH xã Bải Thơm biết để huy động lực lượng, phương tiện sẵn có để xử lý chữa cháy rừng.

Sau khi nhận được tin báo Ban Chỉ huy PCCCR Vườn quốc gia Phú Quốc đã hội ý khẩn trương đánh giá và nhận định tình hình, vụ cháy xảy ra tại thời điểm đang nắng nóng, điều kiện địa hình đồi núi, độ dốc cao, đường tiếp cận để đưa lực lượng, phương tiện không có. Thời gian xảy ra cháy vào buổi trưa. Từ điểm tập kết đến đám cháy xa và đám cháy xảy ra lớn, dạng cháy tán, có nguy cơ cháy lan rộng, khó dập tắt. Đồng chí Trưởng ban chỉ huy quyết định báo cáo tình hình vụ cháy với Ban Chỉ đạo PCCC&CNCH thành phố Phú Quốc xin hỗ trợ lực lượng, phương tiện chữa cháy. Sau khi lực lượng tiếp cận đám cháy, quan sát và hội ý nhanh với Ban Chỉ đạo PCCC&CNCH của thành phố quyết định tổ chức triển khai chữa cháy.

Chiến thuật chữa cháy rừng:

- Về phương pháp chữa cháy: Áp dụng phương pháp chữa cháy trực tiếp và chữa cháy gián tiếp.

- Về biện pháp chữa cháy:

+ Chữa cháy trực tiếp: Dùng nước phun vào đám cháy, dùng chà cây dập lửa...

+ Chữa cháy gián tiếp: Dùng cửa xăng, máy cắt cỏ, dao, leng... để cưa, cắt dọn cây, cỏ tạo thành đường băng trắng chặn đầu ngọn lửa...

- Các biện pháp bảo đảm an toàn cho lực lượng, phương tiện chữa cháy:

+ Các thành viên tham gia chữa cháy rừng phải chấp hành theo mệnh lệnh của người chỉ huy chữa cháy. Trong quá trình chữa cháy nếu phát hiện có vấn đề gì chưa phù hợp thì phải báo cáo xin ý kiến người chỉ huy chữa cháy, tuyệt đối không được làm theo ý cá nhân.

+ Xe chữa cháy, xe cứu thương, xe tải chở lực lượng phải có người trông coi và đậu ở khu vực có đường di chuyển thuận lợi.

+ Các dụng cụ chữa cháy rừng phải được sử dụng vào mục đích chữa cháy rừng, sau khi sử dụng xong phải bảo quản theo quy định.

- Cơ chế thông tin chỉ huy điều hành chữa cháy: Người chỉ huy chữa cháy phải thường xuyên liên lạc để chỉ đạo lực lượng thực hiện nhiệm vụ chữa cháy rừng bằng bộ đàm hoặc điện thoại và ngược lại. Trường hợp đám cháy vượt ngoài tầm khống chế của lực lượng và phương tiện tại chỗ phải kịp thời báo cáo đến Ban Chỉ đạo PCCC&CNCH của thành phố để xin hỗ trợ lực lượng và phương tiện.

Lực lượng, phương tiện dự kiến huy động:

- Lực lượng 400 người: Trong đó lực lượng vũ trang Lữ đoàn 950 gồm có 205 người, Cảnh sát PCCC&CNCH 24 người, xã Bãi Thơm 80 người; Vườn quốc gia và Hạt Kiểm lâm thành phố 82 người; Trung tâm y tế thành phố 07 người, Trạm y tế xã 02 người.

- Phương tiện: 04 xe Bồn chở nước (Vườn quốc gia: 01 xe; Hạt Kiểm Lâm thành phố: 01 xe; Đội Cảnh sát PCCC&CNCH: 02 xe); 02 xe tải lớn, 02 xe tải nhỏ của Vườn quốc gia và Hạt Kiểm lâm thành phố chở dụng cụ, lực lượng; 20 máy cưa, 15 máy thổi gió; 60 máy bơm đeo vai; 05 máy bơm chuyển nước lên từ bạt chứa nước...

- Dụng cụ: 100 cái lềm phát; 50 leng đào đất; 200 can nhựa loại 20 lít; bàn cào 30 cái; túi bạt li lông chứa nước 05 cái (loại 5m³/ cái); máy định vị GPS bộ đàm liên lạc....

Tổ chức triển khai chữa cháy:

Phân công nhiệm vụ và chỉ huy chữa cháy như sau:

- Đ/c Phó Trưởng ban chỉ đạo PCCC&CNCH thành phố Phú Quốc chỉ huy và điều động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy, quyết định phương án chữa cháy.

- Đ/c Giám đốc Vườn quốc gia - Trưởng BCH PCCCR Vườn quốc gia Phú Quốc chỉ huy thực hiện các biện pháp chữa cháy rừng.

- Đ/c Đội Trưởng Đội Cảnh sát PCCC-CNCH Công an thành phố Phú Quốc chỉ huy kỹ thuật chữa cháy và bố trí sử dụng phương tiện chữa cháy chuyên dụng.

- Đ/c Lữ đoàn Trưởng Lữ đoàn 950 chỉ huy điều động lực lượng vũ trang trực tiếp tham gia chữa cháy.

- Đ/c Trưởng BCH PCCC-CNCH xã Bãi Thơm phụ trách huy động lực lượng, phương tiện, chỉ huy hậu cần, y tế.

Nhiệm vụ của các tổ trực tiếp chữa cháy:

- **Tổ 1:** Đồng chí Phó BCH PCCCR Vườn quốc gia Phú Quốc phụ trách. Lực lượng 80 người; sử dụng máy cưa cắt đường băng 15 người; sử dụng lềm phát, máy thổi gió, bàn cào, máy bơm đeo vai dọn đường băng trắng và làm ẩm vật liệu cháy phía trước đường băng 85 người. Nhiệm vụ: Sau khi tiếp cận, xác định mũi lửa, hướng gió, tốc độ lây lan của đám cháy, địa hình, địa vật, áp dụng phương pháp chữa cháy gián tiếp, cắt tạo đường băng cản lửa. Lực lượng được dàn thành hàng ngang theo hình cánh cung, dùng cưa xẻ, lềm cắt dọn cây, cành nhánh đưa về phía đám cháy. Dùng máy thổi gió, bàn cào cào cành khô, lá mục hất về phía đám cháy để tạo thành đường băng trắng cản lửa, chiều dài rộng

đường băng khoảng 250m, chiều rộng đường băng 12m đảm bảo mũi lửa không vượt qua.

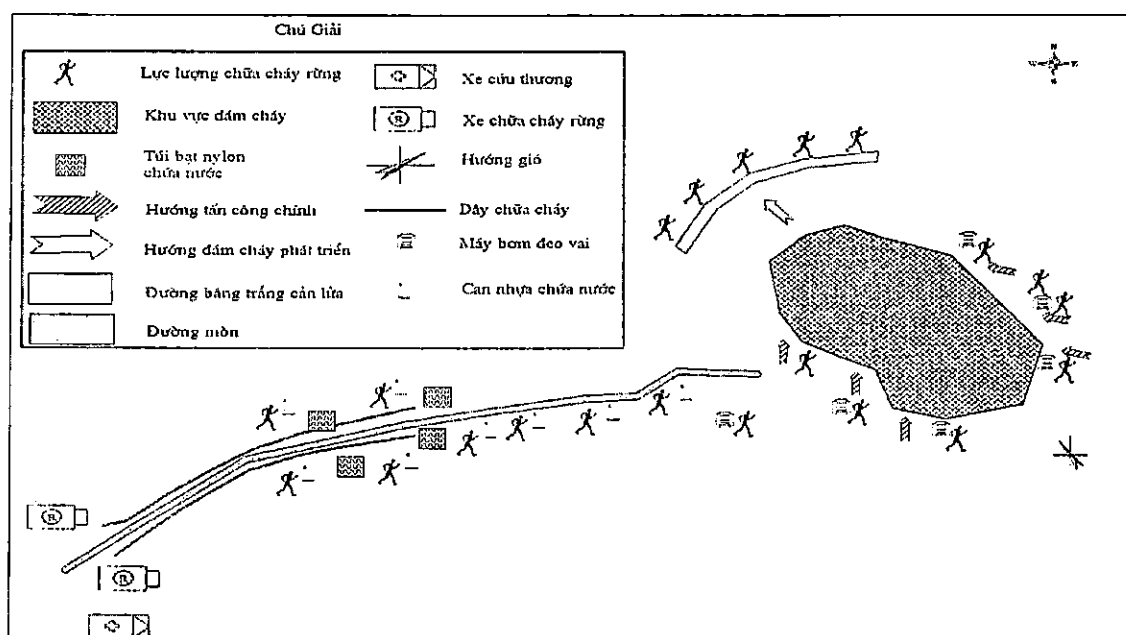
- **Tổ 2:** Đồng chí Đội Trưởng Đội Cảnh sát PCCC-CNCH Công an thành phố Phú Quốc phụ trách. Lực lượng 180 người. Nhiệm vụ: Bố trí lực lượng men theo hai bên hông đám cháy dùng máy bơm đeo vai phun nước vào chân đám cháy, máy thổi gió làm giảm ngọn lửa đồng thời thổi cành lá mục vào phía đám cháy, để lực lượng phía sau bố trí cự ly mỗi người cách nhau 03m dùng chĩa cây, bàn dập lửa, bàn cào, leng dập lửa và quét vật liệu cháy vào trong đám cháy lần dần về hướng mũi lửa cho đến khi tiếp cận đường băng trắng cản lửa theo hình chữ V ngược, để bao vây triệt tiêu đám cháy.

- **Tổ 3:** Đồng chí Lữ đoàn Trưởng Lữ đoàn 950 phụ trách. Lực lượng 100 người: Tổ máy 20 người sử dụng máy bơm dẫn nước; tổ xe 04 người, 76 người vận chuyển nước. Nhiệm vụ: Đặt máy bơm túi bạt ly lông chứa nước tại chân núi và các vị trí tiếp cận dần với đám cháy để bơm chuyển nước lên các túi chứa, sau đó lực lượng vận chuyển nước bằng can phục vụ chữa cháy, phân chia thành nhiều tổ nhỏ, mỗi tổ phụ trách một quãng đường. Nước được lấy từ điểm tập kết vào can nhựa sau đó vận chuyển theo chặng đến khu vực chữa cháy để tiếp nước cho máy đeo vai chữa cháy.

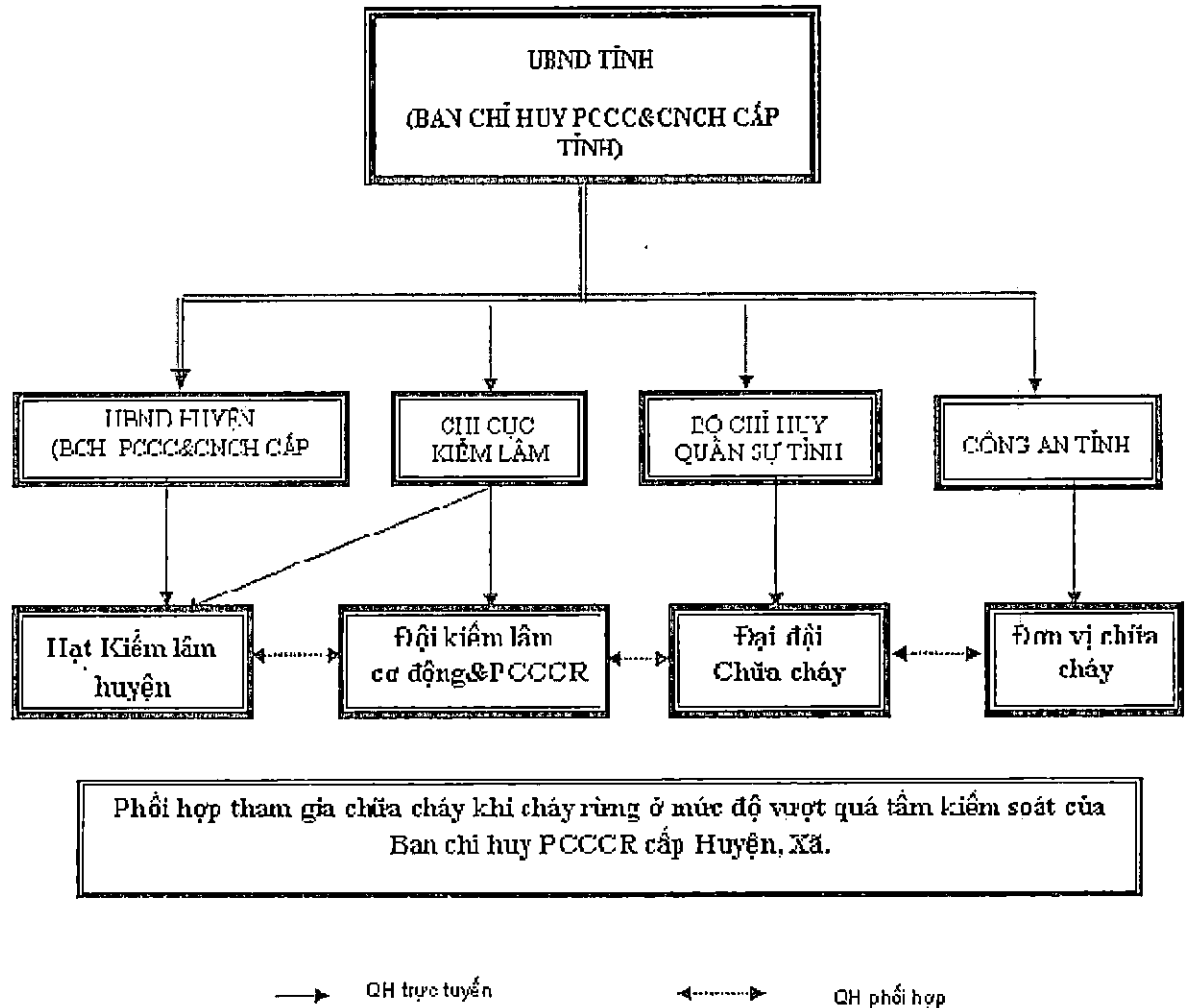
- **Tổ 4:** Đồng chí Trưởng BCH PCCC-CNCH xã Bãi Thơm có nhiệm vụ chỉ đạo công tác hậu cần, y tế. Lực lượng 20 người (phục vụ cung cấp thức ăn, nước uống); công tác sơ cấp cứu, chăm sóc nạn nhân trong các vụ cháy, nổ, ngạt khói, sập hố, gãy chân tay, ... xảy ra (nếu có).

Sau khi đám cháy được khống chế và dập tắt hoàn toàn thì các lực lượng hỗ trợ, lực lượng của xã được rút về trước. Riêng lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng phải thực hiện nhiệm vụ thu thập chứng cứ, nguyên nhân xảy ra cháy, lập biên bản, đánh giá mức độ thiệt hại, lập hồ sơ vụ cháy báo cáo Vườn quốc gia Phú Quốc.

Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy



Sơ đồ chỉ đạo lực lượng chữa cháy rừng



2.3. Báo cáo tình hình chữa cháy rừng

Chủ rừng xác định mức độ rừng bị thiệt hại sau khi cháy, thống kê và báo cáo cơ quan Kiểm lâm, Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn hộ, chính quyền địa phương sở tại.

Chi cục Kiểm lâm tổng hợp báo cáo về Ban Chỉ đạo các cấp và cơ quan Kiểm lâm cấp trên.

2.4. Khắc phục hậu quả do cháy rừng gây ra

Sau mỗi vụ cháy rừng, đơn vị chủ rừng phối hợp với lực lượng Kiểm lâm và các ngành chức năng, chính quyền địa phương xác định diện tích cháy, mức độ thiệt hại, đề xuất khắc phục hậu quả do cháy rừng gây ra bằng biện pháp cụ thể như trồng lại rừng nếu rừng không có khả năng phục hồi sau cháy; hoặc khoanh nuôi tái sinh tự nhiên phục hồi rừng; hoặc trồng dặm...

Cơ quan Kiểm lâm, Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, cơ quan điều tra, xác định nguyên nhân, đối tượng gây cháy rừng, mức độ thiệt hại và xử lý theo quy định của pháp luật.

PHẦN V
BỔ SUNG, CHỈNH LÝ PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

TT	Ngày, tháng, năm	Nội dung bổ sung, chỉnh lý	Thủ trưởng đơn vị

Trên đây là phương án PCCCR tỉnh Kiên Giang năm 2022. Kính trình Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện./.

Kiên Giang, ngày 22 tháng 12 năm 2021

CHI CỤC TRƯỞNG



Đoàn Văn Thanh



KINH PHÍ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY RỪNG NĂM 2022

ĐVT : đồng

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Trực phòng cháy				800.000.000
II	Khen thưởng (60 tập thể, 30 cá nhân)				80.000.000
III	Nhiên liệu				500.000.000
1	Xăng	lít	9.125	24.000	219.000.000
2	Dầu	lít	12.000	18.000	216.000.000
3	Nhớt	lít	650	100.000	65.000.000
IV	Vật tư văn phòng				10.000.000
1	Mua văn phòng phẩm phục vụ in bản đồ				10.000.000
V	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc				330.000.000
1	Truyền Thanh				16.500.000
2	Truyền Hình				144.000.000
3	Báo Kiên Giang				60.000.000
4	Các báo khác				41.000.000
5	Thông tin liên lạc (Card điện thoại)				48.500.000
6	In tờ rơi, Bảng gol tuyên truyền ngày PCCC, tuyên truyền họp dân, tập huấn PCCCR,...				20.000.000
VI	Hội nghị (công tác tuyên truyền PCCCR)				115.000.000
1	Triển khai ra dân (49 cuộc, 1270 người)				31.410.000
1.1	In ấn tài liệu				12.010.000
1.2	Nước uống				19.400.000
2	In ấn tài liệu triển khai, sơ kết tổng kết công tác PCCCR (triển khai nội bộ)				4.445.000
3	Tập huấn PCCCR (17 cuộc, 755 người)				79.145.000
3.1	In ấn tài liệu				5.545.000
3.2	Bồi dưỡng báo cáo viên				6.600.000
3.3	Thuê hội trường, phương tiện				3.800.000
3.4	Chi bù tiền ăn				46.800.000
3.5	Nước uống				16.400.000
VII	Công tác phí				600.000.000
1	Tiền vé tàu đò				100.000.000
2	Lưu trú				342.000.000
3	Phòng nghỉ				153.000.000
4	Chi phí khác				5.000.000
VIII	Thuê mướn				50.000.000
1	Thuê phương tiện vận chuyển trang thiết bị chữa cháy và tuyên truyền lưu động				21.000.000
2	Thuê mướn tàu, đò kiểm tra PCCCR các hòn ở xã đảo				29.000.000
IX	Sửa chữa tài sản				165.000.000

1	Sửa, thay vỏ xe ô tô chuyên dùng				60.000.000
2	Tài sản và thiết bị chuyên dùng: các loại trang thiết bị PCCCR				50.000.000
3	Các thiết bị công nghệ thông tin: máy in bản đồ				20.000.000
4	Các tài sản và công trình hạ tầng khác				35.000.000
4.1	Sửa xe mô tô				30.000.000
4.2	Sửa máy chạy vỏ và vỏ				2.000.000
4.3	Sửa băng dự báo cấp cháy				3.000.000
X	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn				100.000.000
1	Mua hàng hóa vật tư: Can, len, ...				13.000.000
2	Đèn pin sạc (80 cái x 150.000đ) (7049)	cái	80	150.000	12.000.000
4	Loa cầm tay sạc pin (10 cái x 2.500.000đ) (7049)	cái	10	500.000	25.000.000
5	Tài liệu phục vụ công tác chuyên môn				20.000.000
6	Hộp đồng dự báo cấp cháy				30.000.000
XI	Chi phí mua sắm				1.120.000.000
1	Lắp đặt bộ thiết bị quan sát phát hiện lửa rừng kết hợp giám sát phát hiện người xâm nhập rừng trái phép tại các vùng trọng điểm	bộ	1	400.000.000	400.000.000
2	Loa di động tuyên truyền	cái	2	7.500.000	15.000.000
3	Bình chữa cháy đeo vai có động cơ (20 cái x 5.000.000 đ)	cái	20	5.000.000	100.000.000
4	Ống nhôm (04 cái x 5.000.000 đ)	cái	4	5.000.000	20.000.000
5	Mua pin phục vụ Flycam (2 bộ x 20.000.000 đ)	cái	2	20.000.000	40.000.000
6	Máy chạy vỏ Honda 13 HP (1 cái)	cái	1	20.000.000	20.000.000
7	Mua máy bơm áp lực và cuộn vòi chữa cháy (15 x 15.000.000đ)	cái	15	15.000.000	225.000.000
8	Mua cuộn vòi D50 và các phụ kiện kèm theo (100 cuộn x 2.500.000đ)	cái	100	2.500.000	250.000.000
9	Mua máy phát điện (2 máy x 10.000.000đ)	cái	2	10.000.000	20.000.000
10	Mua xe kéo hỗ trợ vận chuyển máy chữa cháy (4 xe x 5.000.000.đ)	cái	4	5.000.000	20.000.000
11	Mua máy cuộn vòi chữa cháy (2 máy x 5.000.000đ)	cái	2	5.000.000	10.000.000
XII	Dự phòng (các khoản phí, lệ phí, bảo hiểm các phương tiện và các nội dung chi khác cho hoạt động PCCCR)				130.000.000
	TỔNG CỘNG				4.000.000.000

Bảng chữ : Bốn tỷ đồng chẵn./.

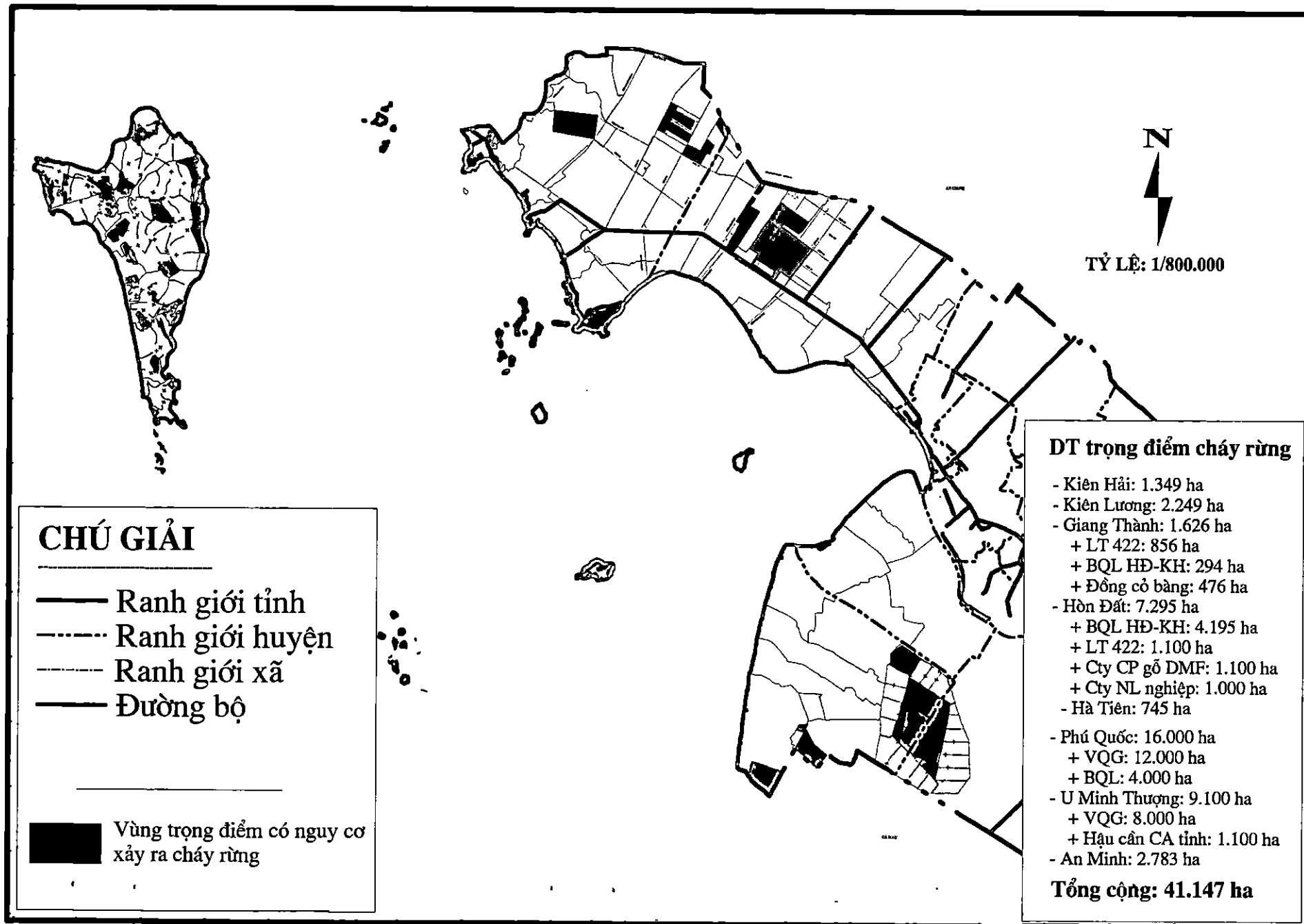
BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG TIỆN PCCC CỦA LỰC LƯỢNG KIỂM LÂM NĂM 2022

[illegible]

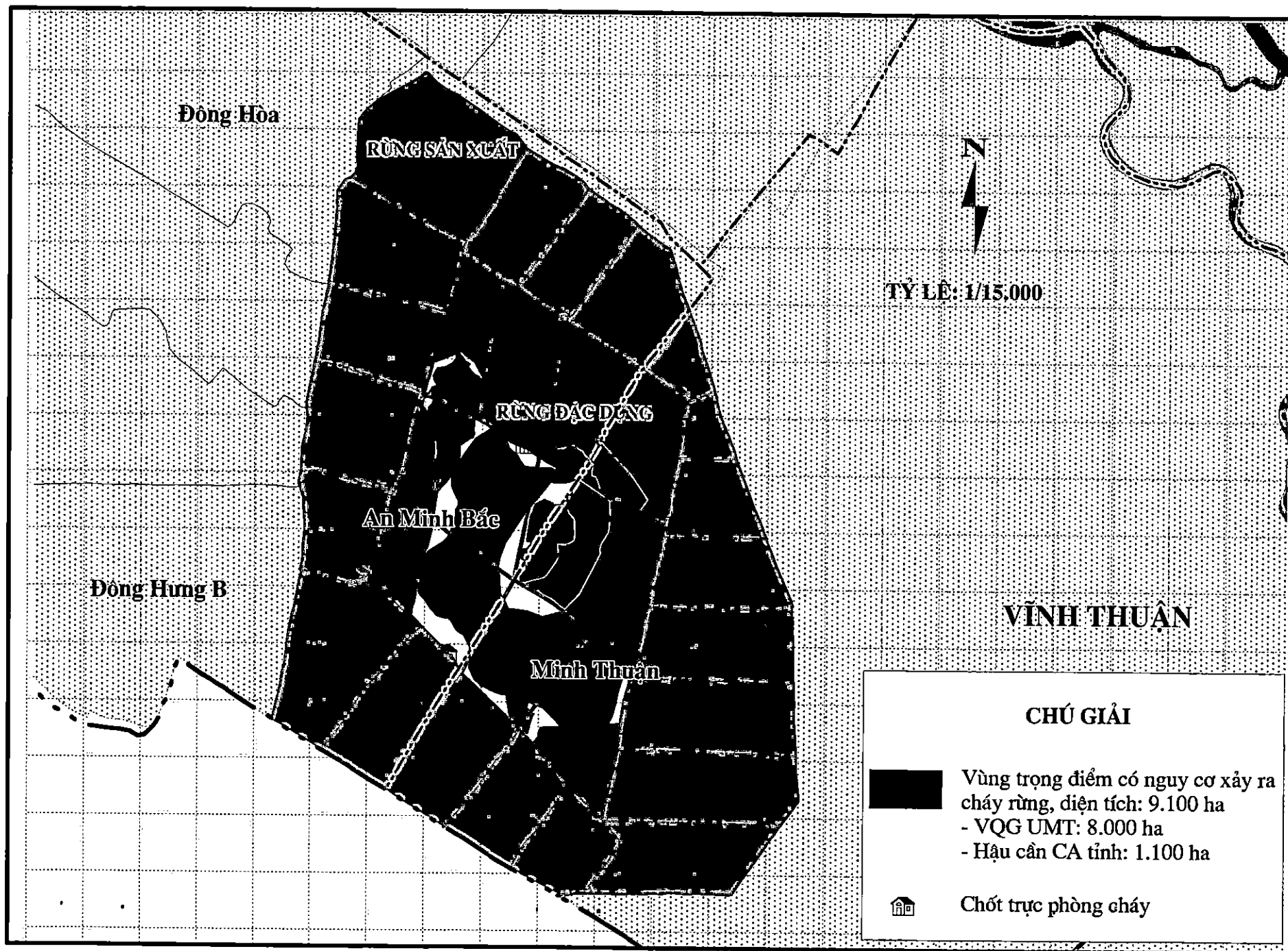
BẢNG TỔNG HỢP
CÔNG TRÌNH, TRANG THIẾT BỊ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY CỦA CÁC ĐƠN VỊ CHỦ RỪNG NĂM 2022

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	VQG PQ	VQG UMT	BQLR Kiên Giang						BQLR Lâm trường 422				Cty cổ phần gỗ MDF		DNTN Quách Văn Dân	Cty TNHH Cửu long thành minh	DNTN Mười Kèn	Cty NLN Kiên Giang	Hậu cần Công An tỉnh	Tổng cộng
					Hòn Đất	Kiên Lương	Giang Thành	Hà Tiền	Kiên Hải	An Minh	Sư đoàn 4 (Hòn Đất)	Trung đoàn BB30	Sư đoàn BB330	Công ty 622	Hòn Đất	An Minh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	23	24	25
1	Trạm bảo vệ rừng	Cái	16	10	3	1	1	1	3							4		1		1	4	45
	Tháp quan sát	Cái	3	14	3		1									3						24
2	Xe tải	Chiếc	2	1																		3
3	Xe bồn chở nước	Chiếc	1																			1
4	Kope	Chiếc		1																		1
	Máy vớt bèo	Chiếc		1																		1
5	Vô + máy các loại	Chiếc		12	6		4			3	6	9	3	2	13	3	1	4	2	4	3	75
6	Xe bồn chở nước	Chiếc	1																			1
7	Xe ủi, máy cày	Chiếc	3																			3
8	Ca nô chữa cháy	Cái		1																		1
	Xuồng chữa cháy	Cái		1																		1
9	Xe chữa cháy	Chiếc																				0
10	Máy bơm phao	Cái	8	9	6		2		2	2	3	2	1	1	5	3	1	1		2	4	52
11	Máy bơm Tohachi - Shibaura	Cái		2	1						2											5
12	Máy bơm Honda	Cái	45			3			2													50
13	Ống dây nhựa	Mét	16.900						1.200													18.100
14	Vòi chữa cháy	Mét	2.100	20.600	3.400		1.000			1.000	1.940	720	400	700	2.360	1.400	10	600		1.000	1.300	38.530
15	Máy thổi gió	Cái	9			3			2													14
16	Trạm bơm	Trạm		2	1																1	4
17	Bồn chứa nước	Cái	60																			60
18	Máy định vị GPS	Cái	11			3			1							2						17

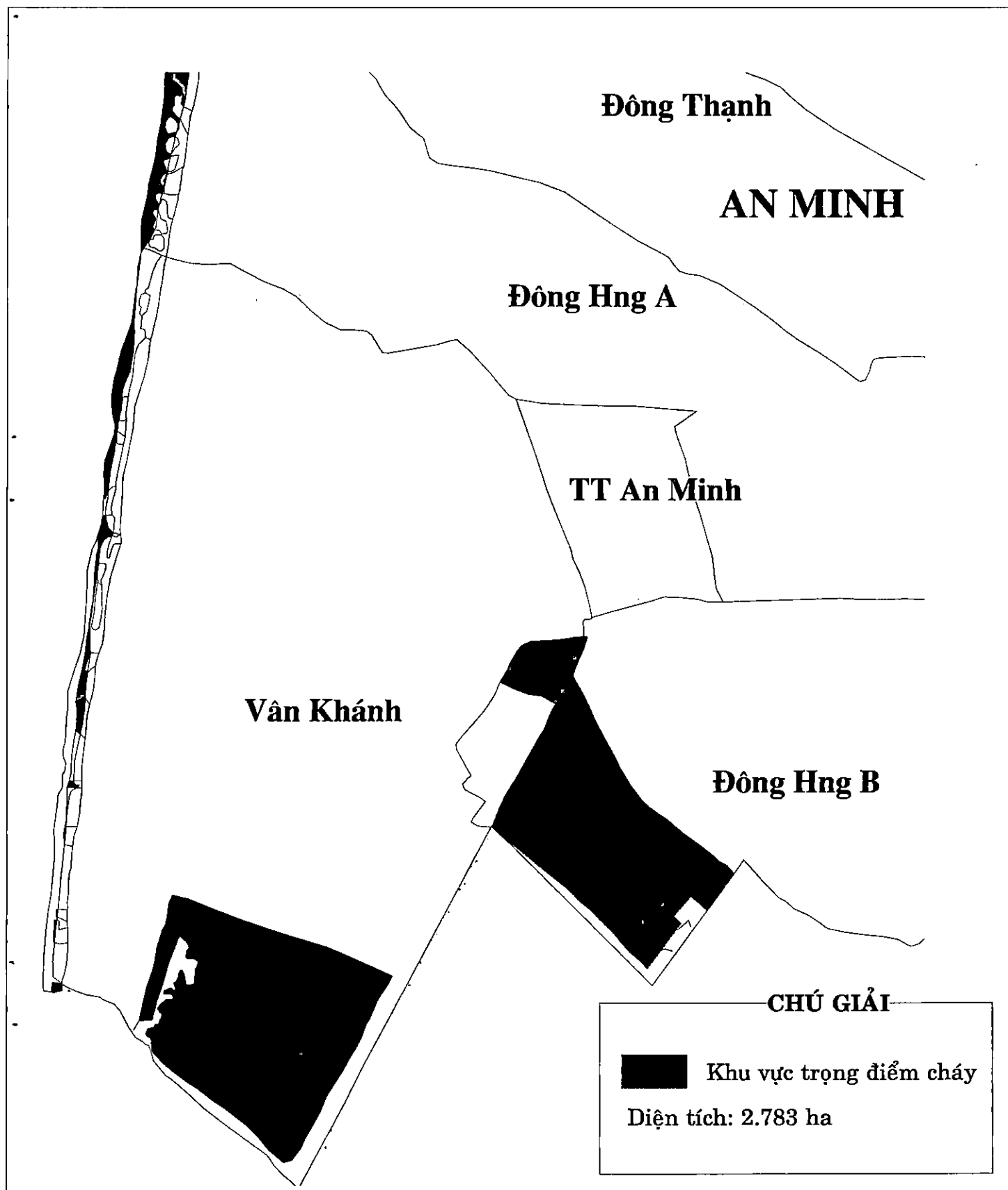
BẢN ĐỒ VÙNG TRỌNG ĐIỂM CÓ NGUY CƠ XẢY RA CHÁY RỪNG TỈNH KIÊN GIANG - NĂM 2022



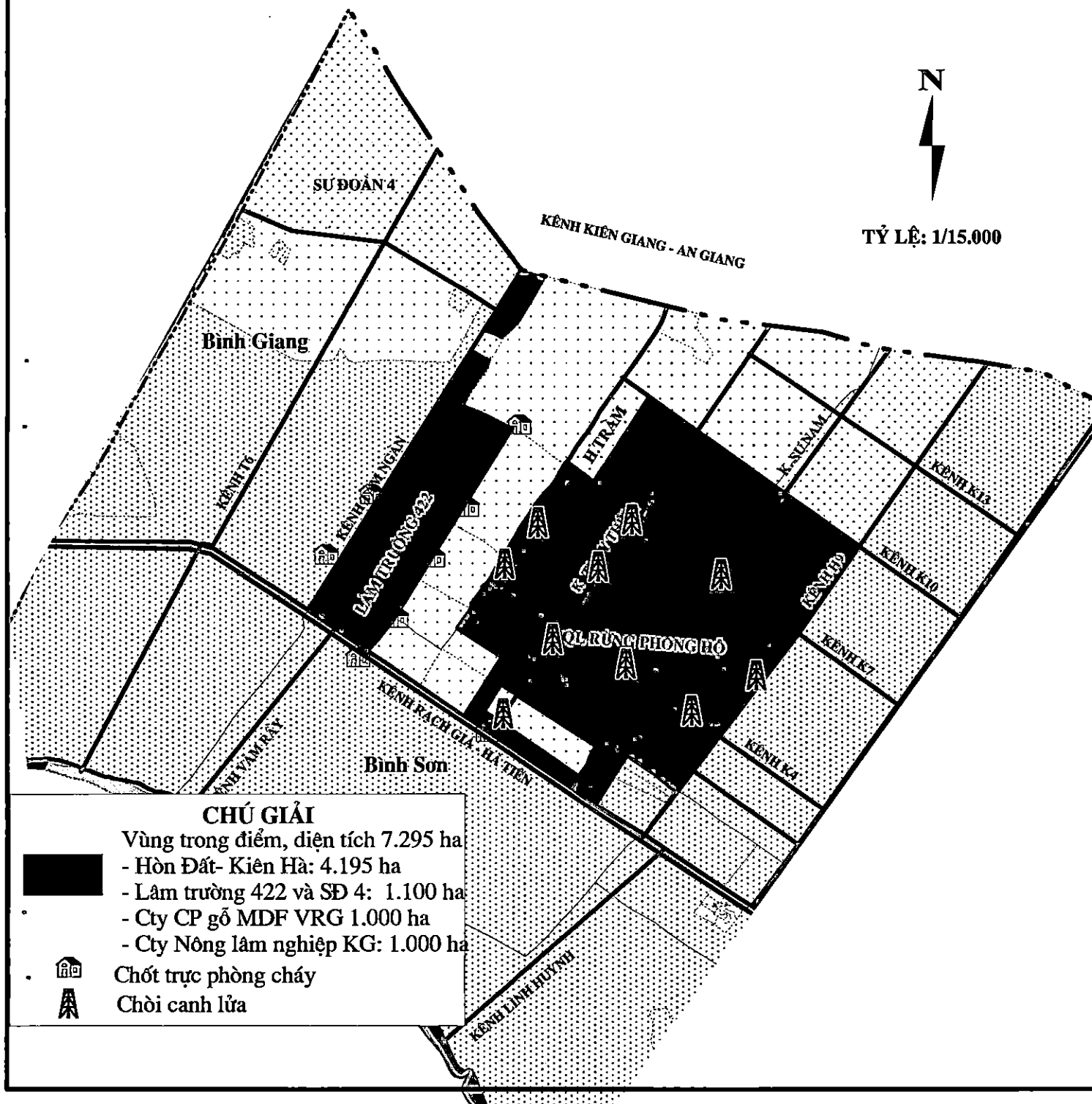
BẢN ĐỒ VÙNG TRỌNG ĐIỂM CÓ NGUY CƠ XẢY RA CHÁY RỪNG HUYỆN U MINH THƯỢNG NĂM 2022



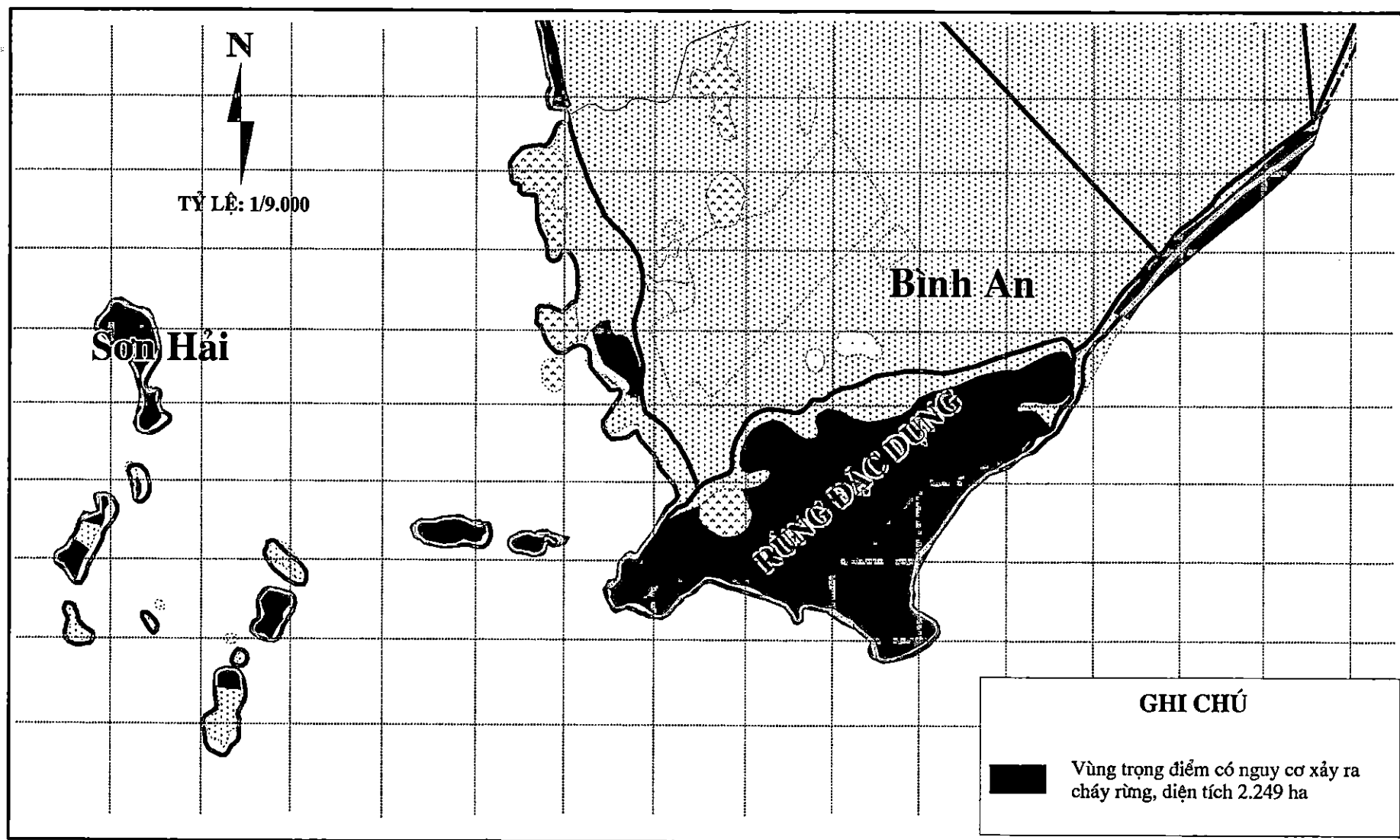
**VÙNG TRỌNG ĐIỂM CÓ NGUY CƠ XẢY RA CHÁY RỪNG
HUYỆN AN MINH - NĂM 2022**



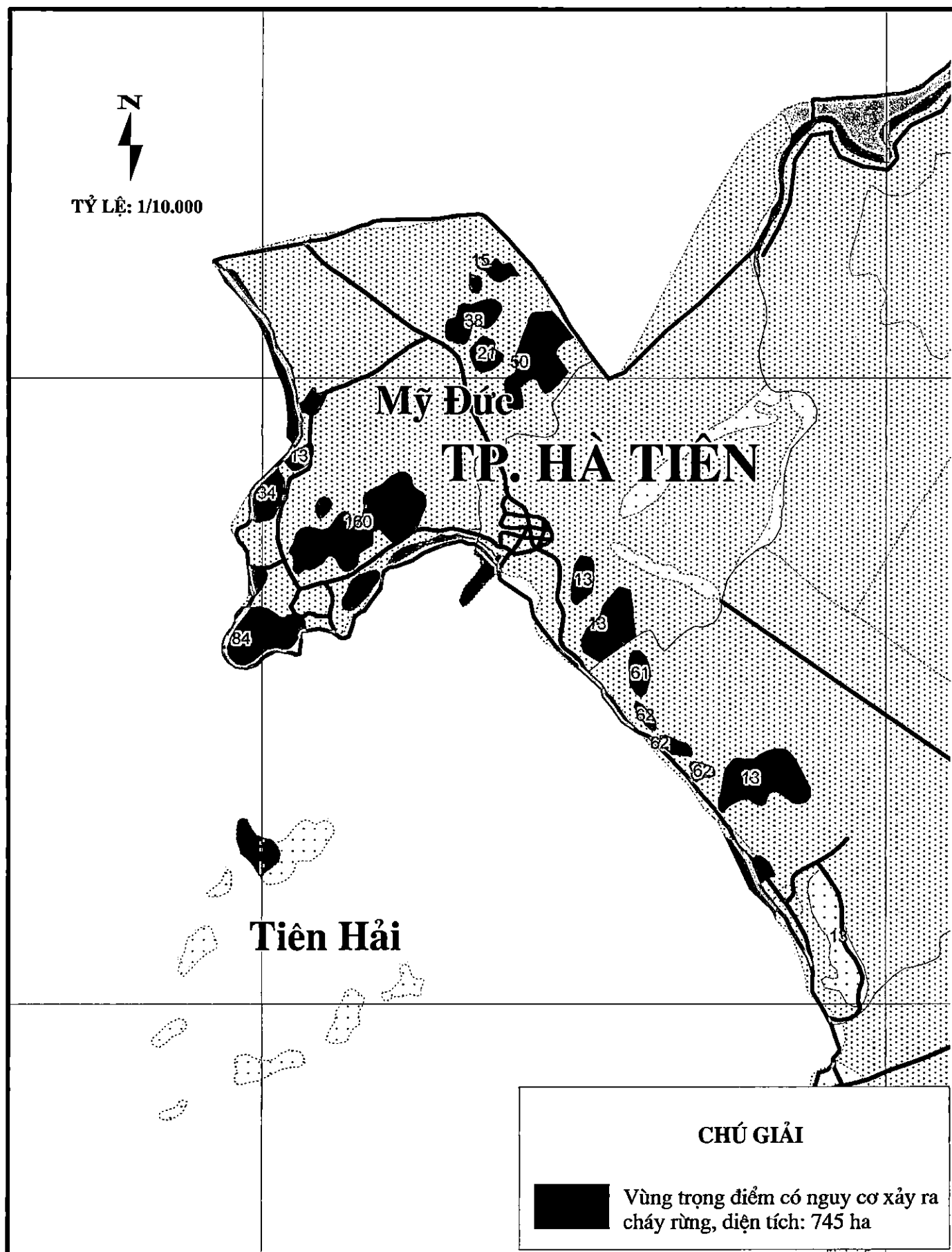
BẢN ĐỒ VÙNG TRỌNG ĐIỂM CÓ NGUY CƠ XẢY RA CHÁY RỪNG HUYỆN HÒN ĐẤT NĂM 2022



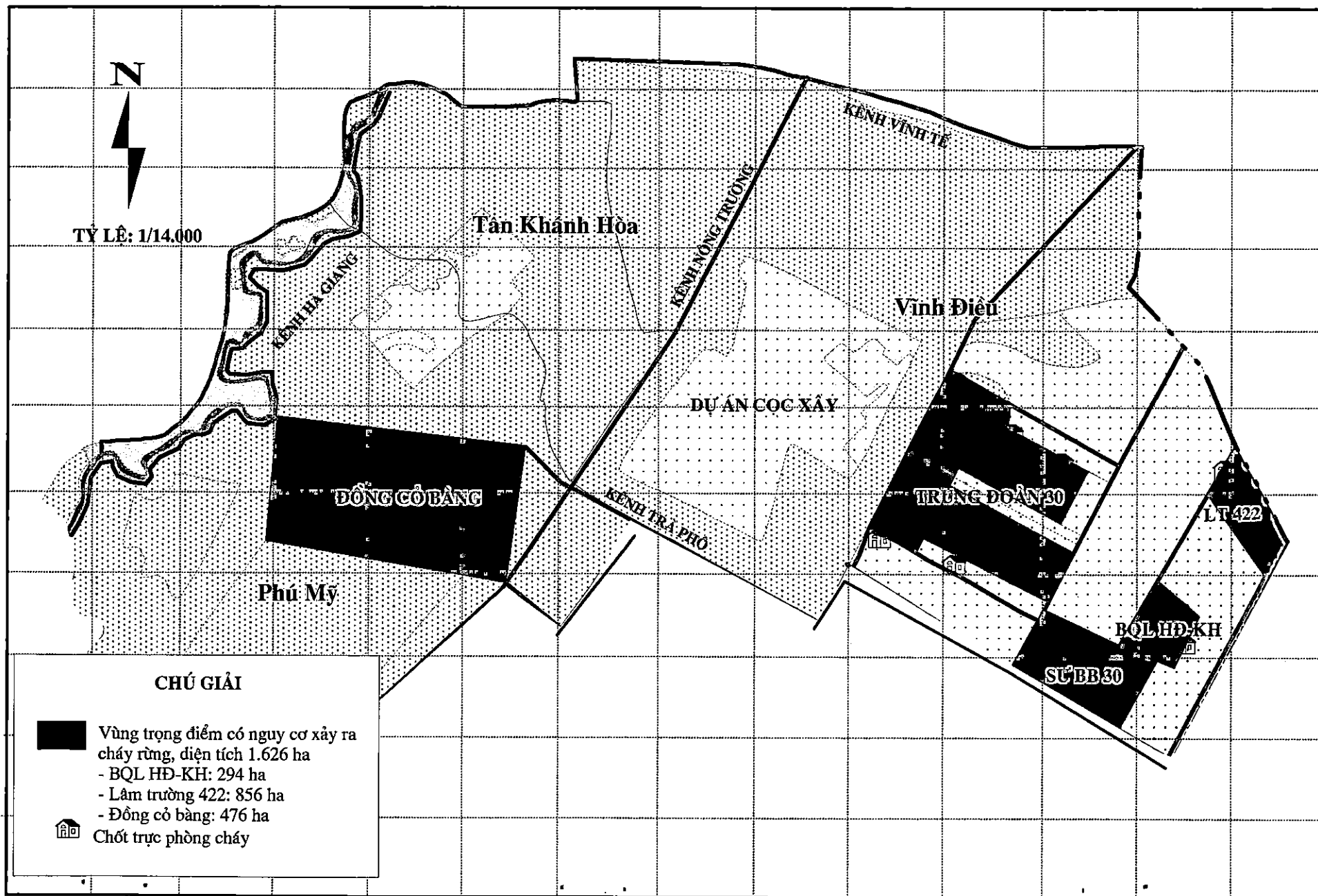
**BẢN ĐỒ VÙNG TRỌNG ĐIỂM CÓ NGUY CƠ XẢY RA CHÁY RỪNG
HUYỆN KIÊN LƯƠNG NĂM 2022**



BẢN ĐỒ VÙNG TRỌNG ĐIỂM CÓ NGUY CƠ XẢY RA CHÁY RỪNG THÀNH PHỐ HÀ TIÊN - NĂM 2022



BẢN ĐỒ VÙNG TRỌNG ĐIỂM CÓ NGUY CƠ XẢY RA CHÁY RỪNG HUYỆN GIANG THÀNH - NĂM 2022



BẢN ĐỒ VÙNG TRỌNG ĐIỂM CÓ NGUY CƠ XẢY RA CHÁY RỪNG HUYỆN KIÊN HẢI NĂM 2022



TỶ LỆ: 1/300.000

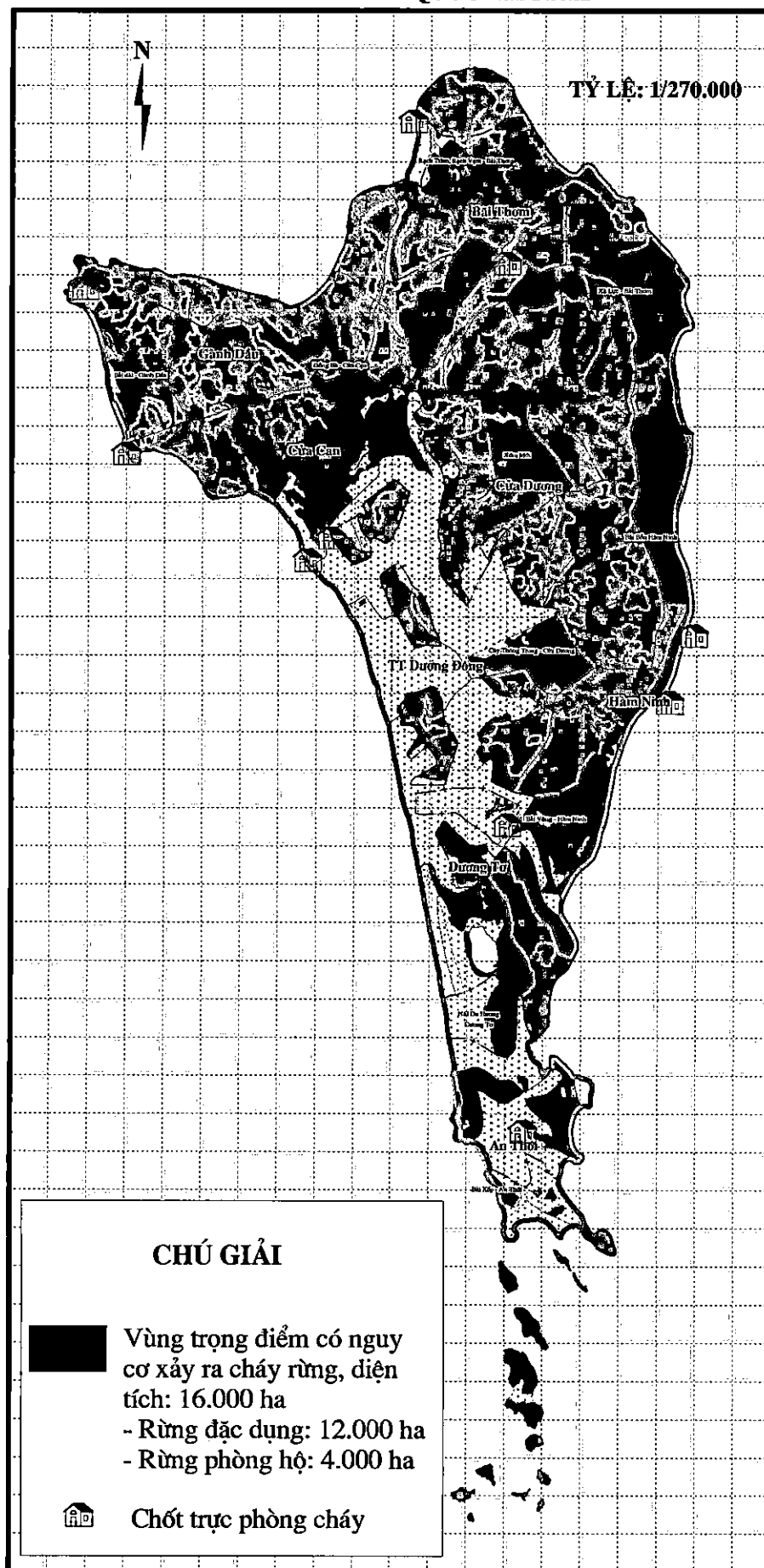


CHÚ GIẢI



Vùng trọng điểm có nguy cơ xảy ra
cháy ra cháy rừng, diện tích 1.349 ha

**BẢN ĐỒ VÙNG TRỌNG ĐIỂM CÓ NGUY CƠ XẢY RA CHÁY RỪNG
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC NĂM 2022**



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1978/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 12 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**V/v kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ
tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 17/8/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh tại Tờ trình số 761/TTr-VP ngày 30/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh Kiên Giang; gồm các ông có tên sau:

1. Ông Nguyễn Thanh Nhân, Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban.
2. Ông Trần Văn Cung, Đại tá, Phó Giám đốc Công an tỉnh làm Phó Trưởng ban phụ trách công tác phòng, chống cháy nổ và cứu nạn, cứu hộ.
3. Ông Trương Thanh Hào, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Trưởng ban phụ trách công tác phòng, chống cháy rừng và bảo vệ rừng.

***. Các thành viên:**

4. Ông Nguyễn Thanh Nhanh, Đại tá, Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an tỉnh.



5. Ông Huỳnh Văn Hưng, Thượng tá, Phó Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;

6. Ông Bùi Minh Trí, Đại tá, Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;

7. Ông Nguyễn Quốc Khởi, Phó Giám đốc Sở Tài chính.

8. Ông Trần Quốc Tuấn, Phó Giám đốc Sở Lao động- Thương binh và Xã hội;

9. Ông Nguyễn Xuân Kiệm, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông;

10. Ông Lưu Thanh Bình, Phó Giám đốc Sở Xây dựng;

11. Ông Lâm Huỳnh Nhân, Phó Giám đốc Sở Công Thương;

12. Mời ông Ngô Phương Vũ, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;

13. Mời ông Lâm Quốc Toàn, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh Đoàn;

14. Ông Nguyễn Văn Tiếp, Giám đốc Vườn Quốc gia Phú Quốc;

15. Ông Nguyễn Văn Cường, Phó Giám đốc Vườn Quốc gia U Minh Thượng;

16. Ông Nguyễn Thanh Cao, Phó Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;

17. Ông Đoàn Văn Thanh, Chi Cục trưởng Chi cục Kiểm lâm- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

18. Ông Trương Hoàng Anh, Phó Trưởng ban Ban Thi đua- khen thưởng tỉnh- Sở Nội vụ;

19. Mời ông Trần Ngọc Nền, Phó Giám đốc Công ty Điện lực KG;

20. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Điều 2. Ban Chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh và xây dựng Quy chế về tổ chức và hoạt động; đồng thời phân công nhiệm vụ của Thường trực và từng thành viên trong Ban Chỉ đạo tỉnh theo quy định hiện hành.

- Công an tỉnh là Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh về công tác phòng, chống cháy nổ và cứu nạn, cứu hộ.

- Sở Nông nghiệp và PTNT là Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh về công tác phòng, chống cháy rừng và bảo vệ rừng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh có liên quan; Văn phòng Ban Chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan,

đơn vị có liên quan và các ông có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế cho Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang, về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *T. Cảnh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh (Đảng, CQ, ĐT và DNNN tỉnh)
- UBND các huyện, TP;
- Công an tỉnh (10b);
- Cty Điện lực KG;
- LĐVP, Phòng: KT, NC, KGVX và TH;
- Lưu: VT, tvhung.



CHỦ TỊCH

T. Cảnh
Lâm Minh Thành

Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang
Email: ubnd@kiengiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang
Thời gian ký: 12.08.2021 14:48:07 +07:00



Người ký: Sở Tài chính
Thời gian ký: 12.10.2021 16:45:37
+07:00

**UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2039 /STC-TCHCSN
V/v ý kiến nguồn vốn kinh phí
phòng cháy và chữa cháy rừng
năm 2022 cho các đơn vị.

Kiên Giang, ngày 12 tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển tỉnh Kiên Giang

Sở Tài chính nhận được Tờ trình số 477/TTr-BCĐ ngày 05/10/2021 của Ban Chỉ đạo PCCC và CNCH về việc phê duyệt phân bổ kinh phí phòng cháy và chữa cháy rừng năm 2022 cho các đơn vị cấp tỉnh. Sở Tài chính có ý kiến về nguồn vốn năm 2022 thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng như sau:

Căn cứ vào báo cáo dự toán thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2021 và khả năng cân đối ngân sách năm 2022 trên cơ sở hướng dẫn tại Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024, Sở Tài chính có ý kiến về nguồn vốn kinh phí phòng cháy và chữa cháy rừng năm 2022 cho các đơn vị cấp tỉnh, với tổng kinh phí: 12.330.000.000 đồng, cụ thể:

1. Vườn Quốc gia Phú Quốc:	4.000.000.000 đồng
2. Vườn Quốc gia U Minh Thượng:	1.800.000.000 đồng
3. Ban quản lý rừng Kiên Giang:	2.000.000.000 đồng
4. Ban quản lý dự án Lâm trường 422:	530.000.000 đồng
5. Chi cục Kiểm Lâm:	4.000.000.000 đồng

Đồng thời, Sở Tài chính đề nghị Ban Chỉ đạo phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ thông báo các đơn vị xây dựng kinh phí thực hiện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án thực hiện trên tinh thần cân đối, sắp xếp hợp lý các nội dung cần triển khai để đảm bảo kế hoạch đạt hiệu quả.

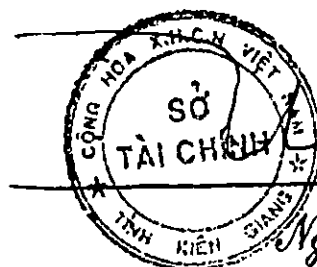
Trên đây là ý kiến của Sở Tài chính về nguồn vốn thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2022. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHCSN, ptexuan.

GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Truật

Số: 1979/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 12 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**V/v kiện toàn Văn phòng Ban Chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và
cứu nạn, cứu hộ tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 17/8/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh tại Tờ trình số 761/TTr-VP ngày 30/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Văn phòng Ban Chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh Kiên Giang; gồm các ông có tên sau:

1. Ông Nguyễn Thanh Nhanh, Đại tá, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ- Công an tỉnh làm Chánh Văn phòng;

2. Ông Đoàn Văn Thanh, Chỉ huy trưởng Chi Cục Kiểm lâm- Sở Nông nghiệp và PTNT làm Phó Chánh Văn phòng.

***. Các thành viên:**

3. Ông Dương Hữu Bình, Thượng tá, Phó Trưởng phòng Công tác Đảng và công tác chính trị, Công an tỉnh;

4. Ông Trương Hoàng Anh, Phó Trưởng ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh- Sở Nội vụ;

5. Ông Châu Văn Mạnh, Chuyên viên Phòng Tài chính hành chính sự nghiệp- Sở Tài chính;



6. Ông Phạm Mạnh Hùng, Thượng tá, Phó Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ- Công an tỉnh.

7. Ông Hồ Văn Hoàng, Trưởng phòng Quản lý bảo vệ rừng, Chi cục Kiểm lâm- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

8. Ông Nguyễn Văn Trung, Trung tá, Đội trưởng Đội Tham mưu, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ- Công an tỉnh.

Điều 2. Các thành viên Văn phòng Ban Chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; dưới sự chỉ đạo, điều hành của Chánh Văn phòng.

Văn phòng Ban Chỉ đạo tỉnh đặt tại Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ- Công an tỉnh; số 836, đường Nguyễn Trung Trực, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh có liên quan; Văn phòng Ban Chỉ huy phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan và các ông có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế cho Quyết định số 1190/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang, về việc kiện toàn Văn phòng Ban Chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh (Đảng, CQ, ĐT và DNNN tỉnh)
- UBND các huyện, TP;
- Công an tỉnh (10b);
- LĐVP, Phòng: KT, NC, KGVX và TH;
- Lưu: VT, tvhung.

CHỦ TỊCH



Thỉnh

Lâm Minh Thành

CÔNG AN TỈNH - SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 231/KHPH-CAT-SNN&PTNT

Kiên Giang, ngày 05 tháng 11 năm 2021

CHI CỤC KIỂM LÂM KIÊN GIANG

KẾ HOẠCH

Phối hợp giữa Công an tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
trong công tác phòng cháy và chữa cháy rừng

Số: 698
ĐẾN Ngày: 15/11/2021

Chuyển:

Lưu hồ sơ số:

Thực hiện Quy chế số 06/QC-BCA-BNN&PTNT ngày 30/12/2020 giữa Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phối hợp trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch phối hợp trong công tác phòng cháy và chữa cháy rừng (PCCCR), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tăng cường phối hợp giữa Công an tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi tắt là 02 cơ quan) nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và PCCCR; rà soát những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong tổ chức thực hiện chính sách pháp luật có liên quan đến công tác PCCCR; thống nhất các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để phối hợp tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật, bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất giữa 02 cơ quan trong hoạt động phối hợp về công tác PCCCR; chủ động, trách nhiệm, hiệu quả khi xử lý, giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động phối hợp, không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của 02 cơ quan.

II. NỘI DUNG PHỐI HỢP

1. Xây dựng cơ chế trao đổi thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác PCCCR thuộc phạm vi chức năng quản lý, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ huy điều hành về PCCCR.

2. Phối hợp trong việc sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách và các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan trong công tác PCCCR.

3. Phối hợp trong công tác phòng cháy rừng, tập trung các nội dung như: Xây dựng tài liệu hướng dẫn công tác PCCCR; tổ chức các đoàn công tác đồn đốc, kiểm tra an toàn về PCCCR theo quy định của pháp luật; phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương IV, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

4. Phối hợp trong công tác chữa cháy rừng; diễn tập, thực tập phương án chữa cháy rừng; điều tra nguyên nhân cháy rừng; nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong công tác PCCCR, cơ chế chia sẻ, sử dụng chung các phương tiện chữa cháy để nâng cao khả năng chữa cháy rừng.

5. Phối hợp đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho lực lượng chữa cháy rừng chuyên ngành, lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng.

6. Phối hợp các nhiệm vụ khác khi được lãnh đạo 02 Bộ giao.

III. NHIỆM VỤ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

Nhiệm vụ cụ thể và thời gian thực hiện tại Phụ lục kèm theo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH thuộc Công an tỉnh và Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là đơn vị thường trực giúp lãnh đạo 02 cơ quan tham mưu, tổ chức thực hiện nội dung Kế hoạch; theo dõi, tổng hợp, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tham mưu, đề xuất tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch này.

2. Hàng năm, 02 cơ quan luân phiên tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm công tác phối hợp và thống nhất chương trình, nhiệm vụ cho năm tiếp theo trước ngày 15/12. Căn cứ vào tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phối hợp, lãnh đạo 02 cơ quan quyết định tổng kết, rút kinh nghiệm bằng hình thức tổ chức cuộc họp hoặc báo cáo bằng văn bản.

3. Kinh phí phục vụ cho hoạt động phối hợp do 02 cơ quan tự bảo đảm, theo nguyên tắc cơ quan nào chủ trì xử lý vụ việc thì cơ quan đó bảo đảm kinh phí cho hoạt động phối hợp.

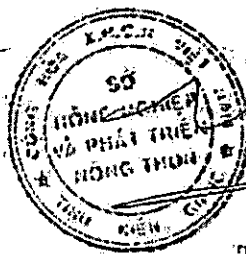
Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu phát sinh vướng mắc, bất cập, 02 cơ quan cùng trao đổi, thống nhất sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp để thực hiện có hiệu quả công tác phối hợp PCCCR./. Hg

GIÁM ĐỐC
CÔNG AN TỈNH KIÊN GIANG
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đại tá Trần Văn Cung

GIÁM ĐỐC
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN TỈNH KIÊN GIANG
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trưởng Thanh Hào

Nơi nhận:

- Văn phòng BCA (để báo cáo);
- Văn phòng Bộ NN và PTNT (để báo cáo);
- Cục CS PCCC và CNCH (để báo cáo);
- Cục Kiểm lâm (để báo cáo);
- Đ/c Giám đốc Công an tỉnh (để chỉ đạo);
- Đ/c Giám đốc Sở NN và PTNT (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, CAT(PCCC), CCKL, Ch.(08).

PHỤ LỤC VỀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN
(Kèm theo Kế hoạch số 31 /KHPH-CAT-SNN&PTNT, ngày 05/11/2021
về việc phối hợp trong công tác phòng cháy và chữa cháy rừng)

TT	NỘI DUNG PHỐI HỢP	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	Trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến công tác PCCC rừng			
1.1	Trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn	Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ		Định kỳ 06 tháng hoặc khi có đề nghị
1.2	Số liệu cháy rừng và dự báo tình hình cháy rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công an tỉnh	Định kỳ 06 tháng hoặc khi có đề nghị
2	Tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác PCCC rừng			
2.1	Sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật	Công an tỉnh Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Khi có chỉ đạo của 02 Bộ hoặc 02 Cục nghiệp vụ
2.2	Phối hợp sửa đổi, bổ sung Tiêu chuẩn, Quy chuẩn hướng dẫn về công tác PCCC, PCCC rừng theo quy định của pháp luật	Công an tỉnh Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Khi có yêu cầu hoặc kiến nghị của địa phương
3	Công tác phòng cháy rừng			
3.1	Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn chủ rừng thực hiện công tác PCCCR theo quy định	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công an tỉnh	Năm 2021
3.2	Phối hợp kiểm tra an toàn PCCC rừng tại địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công an tỉnh	Theo kế hoạch cụ thể
3.3	Tuyên truyền, huấn luyện, tập huấn về PCCC và CNCH, PCCC rừng đối với lực lượng Kiểm lâm, lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng	Công an tỉnh Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Theo kế hoạch cụ thể, khi có yêu cầu
3.4	Nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong công tác phòng cháy rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công an tỉnh	Hàng năm

TT	NỘI DUNG PHỐI HỢP	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
4	Công tác chữa cháy rừng			
4.1	Phối hợp diễn tập, thực tập phương án chữa cháy rừng có quy mô lớn huy động lực lượng, phương tiện của nhiều cơ quan, tổ chức, địa phương tham gia	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Công an tỉnh		Theo kế hoạch cụ thể
4.2	Nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật liên quan đến công tác chữa cháy rừng	Công an tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Theo kế hoạch
5	Công tác đầu tư, trang bị phương tiện, thiết bị PCCC rừng			
	Phối hợp tham mưu, xây dựng danh mục, định mức đầu tư thiết bị, phương tiện PCCC rừng cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH, lực lượng Kiểm lâm, lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng và các lực lượng có liên quan đến công tác bảo vệ rừng theo quy định	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công an tỉnh	Theo kế hoạch

Số: 09 /KHLN KL-CA-QĐ

Rạch Giá, ngày 01 tháng 01 năm 2007

KẾ HOẠCH

**Phối hợp giữa lực lượng Kiểm lâm, Công an, Tỉnh đội, Biên phòng,
Sư đoàn 4 QK9 trong công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy
rừng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

Căn cứ vào Thông tư liên tịch số 144/2002/TTLT/BNN&PTNT-BCA-BQP ngày 13 tháng 12 năm 2002 của Bộ Nông Nghiệp & PTNT – Bộ Công an – Bộ Quốc phòng về việc hướng dẫn phối kết hợp giữa các lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội trong công tác bảo vệ rừng.

Trong những năm qua, việc thực hiện “Luật bảo vệ và phát triển rừng” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đã đạt được nhiều kết quả, góp phần quan trọng vào việc ngăn chặn nạn phá, đốt rừng làm ruộng, rẫy, khai thác rừng trái phép, lấn chiếm đất rừng và tình hình đốt đồng bừa bãi làm cháy lan vào rừng... Tuy nhiên, tình hình vi phạm pháp luật trên lĩnh vực này vẫn còn xảy ra, là một trong những nguyên nhân quan trọng của tình hình trên là do công tác phối hợp hành động trong đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý rừng, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR) giữa các cơ quan: Công an, Quân đội, Biên phòng với lực lượng Kiểm lâm thiếu chặt chẽ, việc phối hợp chưa được thường xuyên, thiếu trao đổi thông tin, xử lý vi phạm chưa kịp thời, thiếu sự thống nhất trong nhận thức pháp luật của mỗi ngành.

Để góp phần khắc phục tình hình trên và để nâng cao hơn nữa hiệu quả thực hiện Chỉ thị số 12/2003/CT-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp cấp bách để bảo vệ và phát triển rừng và Thông tư liên tịch số 144/2002/TTLT/BNN&PTNT-BCA-BQP ngày 13 tháng 12 năm 2002 của Bộ Nông Nghiệp & PTNT – Bộ Công an – Bộ Quốc phòng.

Nay Lực lượng Kiểm lâm, Công an, Tỉnh đội, Biên phòng, Sư đoàn 4 Quân khu 9, phối hợp thực hiện công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh như sau:

I/- TRÁCH NHIỆM CỤ THỂ CỦA TỪNG LỰC LƯỢNG TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ RỪNG VÀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG:

A. Đối với lực lượng Kiểm lâm:

1. Tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ rừng và PCCCR, vận động các cơ quan, tổ chức và toàn thể nhân dân tích cực tham gia.

2. Kiểm tra ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về rừng cũng như các quy định về PCCCR. Tham mưu cho UBND các cấp thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng, PCCCR ở địa phương.

3. Có kế hoạch đơn đốc, hướng dẫn các chủ rừng, chủ dự án lâm nghiệp trên các huyện, thị xã có rừng xây dựng và thực hiện phương án PCCCR trên lâm phần được giao. Tham mưu xây dựng kế hoạch, phương án bảo vệ rừng, PCCCR cho Ban chỉ huy PCCCR cùng cấp trong mùa khô hàng năm.

4. Chủ động phối hợp với cơ quan Công an, Tỉnh đội, Biên phòng, Sư đoàn 4, chính quyền địa phương... để tổ chức kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác bảo vệ rừng, PCCCR của các chủ rừng trong tỉnh. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm các quy định về PCCCR và chống chặt phá rừng. Hàng năm phối hợp Công an phòng cháy tỉnh mở các lớp tập huấn nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy rừng cho các huyện, thị xã có rừng.

5. Tham gia chữa cháy rừng và chỉ huy chữa cháy rừng khi có cháy rừng xảy ra (khi được ủy quyền).

B. Đối với lực lượng Công an:

1. Phối hợp với cơ quan Kiểm lâm trong công tác phát hiện, điều tra các vụ vi phạm về bảo vệ rừng, các quy định về PCCCR; bảo đảm an ninh, trật tự, luôn sẵn sàng tham gia phối hợp lực lượng khi có yêu cầu.

2. Hướng dẫn việc xây dựng, thực tập phương án bảo vệ rừng, PCCCR, tham gia xét duyệt dự án, thiết kế và phương án bảo vệ rừng.

3. Phối hợp với cơ quan Kiểm lâm tiến hành kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác bảo vệ rừng của các chủ rừng trong tỉnh.

4. Bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ về công tác PCCCR, hướng dẫn việc mua sắm trang thiết bị và phương tiện chuyên dùng về PCCCR, tham gia cứu chữa các vụ cháy rừng và chỉ huy việc chữa cháy rừng (theo điều 37 luật PCCC quy định "Người có chức vụ cao nhất của đơn vị Cảnh sát PCCC có mặt tại nơi xảy ra cháy là người chỉ huy chữa cháy").

C. Đối với lực lượng Quân đội (Tỉnh đội, Biên phòng, Sư đoàn 4):

1. Giáo dục cán bộ, chiến sỹ nắm vững và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ rừng và PCCCR, tích cực tham gia PCCCR và chống chặt phá rừng ở nơi đóng quân.

2. Chỉ đạo các đơn vị đóng quân trong rừng và ven rừng phải có phương án bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, tham gia tuần tra bảo vệ rừng và sẵn sàng ứng cứu khi có trường hợp xảy ra cháy rừng theo lệnh huy động của Ban chỉ huy PCCC ở nơi đóng quân.

3. Có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Kiểm lâm nơi đóng quân, vận động gia đình và nhân dân không phá rừng, hướng dẫn nhân dân trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

4. Những đơn vị Quân đội được giao rừng, đất trồng rừng, có trách nhiệm xây dựng các công trình PCCCR, tổ chức đội chữa cháy rừng ở nơi đóng quân. Có kế hoạch hành quân dã ngoại đến các điểm nóng về phá rừng để cùng lực lượng Kiểm lâm, Công an ngăn chặn việc chặt phá rừng.

II/- BIỆN PHÁP BẢO VỆ RỪNG, PCCCR :

A. Biện pháp phòng cháy rừng:

* Đối với cấp tỉnh:

Chỉ huy Kiểm lâm, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy biên phòng, là lực lượng chủ lực trong công tác bảo vệ rừng, PCCCR trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm sau :

1. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về rừng, giáo dục cho cán bộ, chiến sỹ trong đơn vị nghiêm chỉnh thực hiện các quy định về quản lý, bảo vệ và phát rừng, PCCCR, đồng thời phối hợp tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân tham gia tích cực công tác bảo vệ rừng ở địa phương (Quân đội, Công an, Kiểm lâm).

2. Chỉ đạo các đơn vị cơ sở cấp dưới (Công an huyện, thị xã; Hạt, Trạm Kiểm lâm huyện, thị xã; Huyện đội, Đồn biên phòng...) tham gia thực hiện công tác bảo vệ rừng, PCCCR trên địa bàn (Quân đội, Công an, Kiểm lâm).

3. Kiểm tra việc triển khai thực hiện phương án bảo vệ rừng, PCCCR của các chủ rừng, Ban quản lý dự án lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh (Kiểm lâm, Công an, Quân đội).

4. Tham mưu xây dựng phương án bảo vệ rừng, PCCCR, ban hành các văn bản chỉ đạo về công tác bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh vào mùa khô hàng năm (Kiểm lâm, Công an).

5. Mua sắm các dụng cụ, máy móc và phương tiện chuyên dùng để chữa cháy và hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ công tác PCCCR hàng năm (Công an, Kiểm lâm).

6. Tiến hành điều tra, xác minh, xử lý các trường hợp vi phạm các quy định về bảo vệ rừng, PCCCR đúng theo quy định của pháp luật (Kiểm lâm, Công an).

7. Báo cáo các sơ tổng kết công tác bảo vệ rừng, PCCCR trên địa bàn tỉnh, khen thưởng hoặc đề xuất khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ rừng, PCCCR hàng năm (Kiểm lâm, Công an).

* Đối với cấp huyện:

Hạt, Trạm Kiểm lâm, Công an huyện, thị xã; BCH Quân sự huyện; Tiểu đoàn 207; Hải quân vùng 5; Cảnh sát biển; các Đồn biên phòng trực thuộc Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh, Sư đoàn 4 Quân khu 9, là lực lượng chủ lực trong công tác bảo vệ rừng, PCCCR trên địa bàn huyện, thị xã có trách nhiệm:

1. Giáo dục cho cán bộ, chiến trong đơn vị nghiêm chỉnh thực hiện các quy định về bảo vệ rừng, PCCCR, đồng thời phối hợp tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân tham gia tích cực công tác bảo vệ rừng ở địa phương (Quân đội, Công an, Kiểm lâm).

2. Kiểm tra việc triển khai thực hiện phương án bảo vệ rừng, PCCCR của các chủ rừng, Ban quản lý dự án lâm nghiệp trên địa bàn huyện, thị xã (Kiểm lâm, Công an).

3. Tham mưu xây dựng phương án bảo vệ rừng, PCCCR, ban hành các văn bản chỉ đạo về công tác bảo vệ rừng trên địa bàn huyện, thị xã hàng năm (Kiểm lâm, Công an).

4. Thông tin kịp thời các cấp dự báo cháy rừng trên thông tin đại chúng ở địa phương và Ban chỉ huy- chỉ đạo PCCC tỉnh (Kiểm lâm).

5. Chuẩn bị sẵn sàng về nhân lực, phương tiện... để tham gia cứu chữa khi có cháy rừng xảy ra (Kiểm lâm, Công an, Quân đội).

6. Tiến hành điều tra, xác minh, xử lý các vụ vi phạm các quy định về quản lý bảo vệ và phát triển rừng, PCCCR (Kiểm lâm, Công an, Quân đội).

7. Báo cáo sơ tổng kết công tác bảo vệ rừng, PCCCR trên địa bàn huyện, khen thưởng hoặc đề xuất khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ rừng, PCCCR hàng năm (Kiểm lâm).

B. Biện pháp chữa cháy:

Khi có cháy rừng xảy ra trên địa phương nào, thì trước hết trách nhiệm của Ban chỉ huy PCCC và chống chặt phá rừng cấp đó phải chỉ đạo việc chữa cháy rừng và việc huy động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy.

Phối hợp giữa các lực lượng Kiểm lâm, Công an, Tỉnh đội, Biên phòng, Sư đoàn 4, lực lượng nông cốt cùng với tổ, đội phòng cháy, chữa cháy và chống chặt phá rừng ở cơ sở, chủ rừng và các cơ quan ban ngành tại địa phương tham gia chữa cháy.

1. Trường hợp cháy nhỏ:

- Huy động lực lượng và phương tiện, dụng cụ tại chỗ để xử lý và có biện pháp ngăn ngừa không để cháy lớn. Trong đó lực lượng nông cốt là: Kiểm lâm, chủ rừng, chính quyền địa phương, Tổ, Đội PCCCR ở cơ sở.

- Chỉ huy chữa cháy rừng: Đồng chí trưởng ban chỉ huy PCCC xã và các thành viên trong BCH, đồng thời báo cáo BCH cấp trên.

2. Trường hợp xảy ra cháy lớn:

* *Tình huống 1:* Nếu đám cháy có nguy cơ cháy lớn dần mà lực lượng và phương tiện tại chỗ không có khả năng dập tắt được, thì chính quyền địa phương khẩn trương chỉ đạo các đơn vị trên địa bàn huyện hỗ trợ thêm về nhân lực và phương tiện, dụng cụ chữa cháy rừng.

- Về nhân lực: Huy động lực lượng tại chỗ trên địa bàn huyện, dự kiến từ 120 đến 190 người, là lực lượng nông cốt tham gia chữa cháy rừng gồm:

- | | |
|-------------------|---------------------|
| - Huyện đội: | từ 30 đến 50 người. |
| - Công an huyện: | từ 10 đến 20 người. |
| - Kiểm lâm huyện: | từ 05 đến 10 người. |

- Tổ, Đội PCCCR:

từ 50 đến 100 người.

- Chủ rừng:

từ 05 đến 10 người.

Ngoài lực lượng nòng cốt trên địa bàn còn huy động nhân dân địa phương và cán bộ, chiến sỹ đóng quân trên địa bàn huyện tham gia chữa cháy.

- Về phương tiện, dụng cụ chữa cháy, thuốc dự phòng và các thiết bị cứu thương... sử dụng hiện có của các đơn vị (Công an, Quân đội, Kiểm lâm, Chủ rừng).

- Về chỉ huy chữa cháy rừng: Đồng chí trưởng ban chỉ huy PCCC huyện và các thành viên trong BCH.

Thủ trưởng các đơn vị và cơ quan được điều động lực lượng chữa cháy rừng phải chỉ đạo cho cán bộ, chiến sỹ tham gia chữa cháy rừng theo lệnh chỉ huy.

* *Tình huống 2:* Nếu đám cháy ngày một lớn dần mà trên địa bàn huyện không thể đủ khả năng về nhân lực, phương tiện, máy móc, dụng cụ tham gia cứu chữa, thì phải báo cáo ngay đến BCH-chỉ đạo PCCC cấp tỉnh, để được điều động thêm về nhân lực và phương tiện cứu chữa kịp thời.

- Về nhân lực:

+ Huy động lực lượng tại chỗ gồm: Huyện đội, Công an huyện, Kiểm lâm, Chủ rừng, Tổ, Đội PCCCR cơ sở, nhân dân địa phương...

+ Huy động lực lượng của tỉnh và lực lượng của các huyện khác tham gia chữa cháy.

Dự kiến lực lượng từ 420 đến 810 người là lực lượng nòng cốt tham gia chữa cháy, gồm:

Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh: từ 100 đến 200 người.

Bộ chỉ huy Biên phòng: từ 50 đến 100 người.

Sư đoàn 4 Quân khu 9: từ 100 đến 200 người.

Công an trên toàn tỉnh (chiến sỹ PCCC): từ 40 đến 60 người.

Kiểm lâm trong tỉnh: từ 30 đến 50 người.

Tổ, Đội PCCCR: từ 100 đến 200 người.

- Về dụng cụ, phương tiện, thuốc dự phòng và các thiết bị cứu thương: sử dụng tại chỗ và huy động từ các đơn vị (Huyện đội, Công an, Kiểm lâm, Chủ rừng và các ngành khác).

- Ngoài ra, huy động từ các đơn vị của tỉnh và huyện khác, gồm: Phương tiện và lực lượng chữa cháy rừng).

- Về chỉ huy chữa cháy: Đồng chí trưởng ban chỉ huy-chỉ đạo PCCC tỉnh, các thành viên trong ban chỉ huy tỉnh: Thủ trưởng các đơn vị được chỉ định tham gia chữa cháy.

* *Tình huống 3:* Nếu cháy rừng ở mức độ lớn ngoài tầm kiểm soát chữa cháy của lực lượng trong tỉnh thì:

- Huy động lực lượng, phương tiện, dụng cụ chữa cháy trong tỉnh.
- Huy động lực lượng chuyên trách, phương tiện, dụng cụ chữa cháy chuyên dùng ở tỉnh khác và Trung ương.
- Về chỉ huy chữa cháy: Ban chỉ đạo PCCC Trung ương, Ban chỉ huy chỉ đạo PCCC cấp tỉnh.
- Về nhân lực, phương tiện, dụng cụ, thuốc dự phòng chữa cháy... tùy theo mức độ cháy và khả năng chữa cháy, ban chỉ đạo PCCC Trung ương có thể chỉ đạo tăng cường cho địa phương theo đề xuất của đồng chí Trưởng ban chỉ huy chỉ đạo PCCC tỉnh.

3. Công tác điều tra và khắc phục hậu quả:

- Lực lượng Kiểm lâm phối hợp với Công an và chủ rừng tiến hành kiểm tra thực tế hiện trường cháy rừng, xác định nguyên nhân, địa điểm, diện tích cháy và mức độ thiệt hại do cháy rừng, hoàn thành hồ sơ ban đầu xử lý, chuyển hồ sơ cho cơ quan Công an điều tra, nếu vụ vi phạm vượt quy định xử lý vi phạm hành chính.
- Sau khi nhận được hồ sơ, cơ quan Công an phối hợp lực lượng Kiểm lâm tiến hành điều tra, xác minh tìm ra nguyên nhân, thủ phạm gây cháy rừng và xử lý đúng theo quy định của pháp luật.
- Ban chỉ huy PCCC cấp cơ sở chỉ đạo cho chủ rừng làm thủ tục và chi trả chế độ chữa cháy rừng (lực lượng tham gia chữa cháy, nhiên liệu, phương tiện chữa cháy...) theo tin thần Thông tư liên tịch số 62/TTLT-BNN-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2005 của Bộ Nông Nghiệp & PTNT, Bộ Tài chính về việc hướng dẫn dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.
- Trường hợp có tai nạn bị thương phải cấp cứu kịp thời; không may bị thiệt hại về tài sản hay tính mạng khi tham gia chữa cháy rừng thì phải giải quyết theo đúng chế độ quy định "Luật phòng cháy chữa cháy".

4. Chế độ báo cáo các vụ cháy rừng:

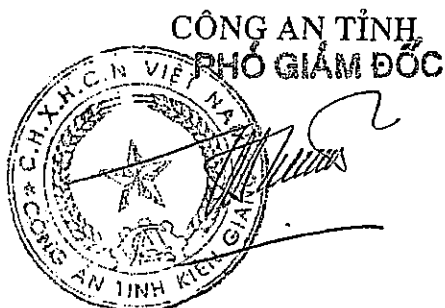
Sau mỗi vụ cháy rừng, ban chỉ huy PCCC cấp cơ sở hoàn chỉnh hồ sơ của vụ cháy rừng, tiến hành báo cáo về BCH-PCCC cấp trên theo quy định.

III/- TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

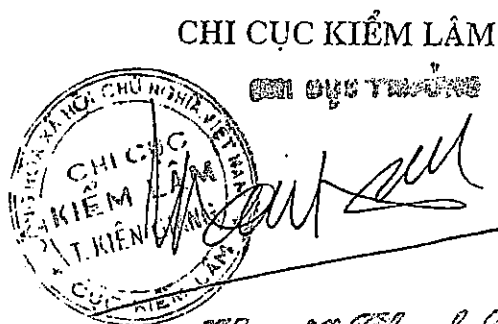
- Kế hoạch phối hợp thực hiện công tác bảo vệ rừng, PCCC trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được xây dựng trên cơ sở thống nhất cao giữa các ngành: Công an, Quân đội, Kiểm lâm và sự chỉ đạo của UBND tỉnh.
- Kế hoạch được triển khai thực hiện ngay sau khi các ngành: Công an, Quân đội, Kiểm lâm ký kết với nhau và UBND tỉnh phê duyệt.
- Các ngành Công an, Quân đội, Kiểm lâm có trách nhiệm chỉ đạo Kế hoạch này cho các đơn vị cấp dưới thuộc ngành mình thực hiện tốt.
- UBND các cấp theo chức năng nhiệm vụ phải tổ chức, triển khai cho các ngành, các đơn vị đóng quân trên địa bàn thực hiện tốt công tác PCCC trong mùa khô hàng năm.

- Tất cả các cơ quan, ban ngành, các lực lượng, Quân đội, vũ trang đóng quân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và toàn thể nhân dân phải nghiêm chỉnh thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định của Nhà nước và sẵn sàng tham gia chữa cháy rừng khi có lệnh chỉ huy, điều động.

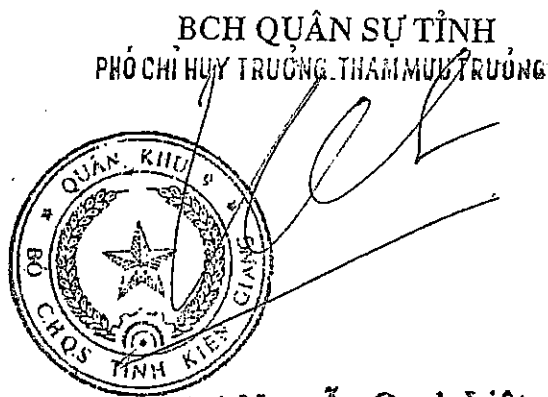
Trong quá trình tổ chức thực hiện có gì vướng mắt báo cáo kịp thời về Ban chỉ huy - chỉ đạo PCCC tỉnh có ý kiến chỉ đạo.



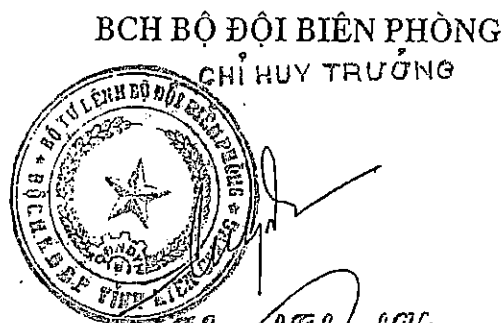
Đại tá: Nguyễn Văn Nhúm



Nguyễn Thanh Bình



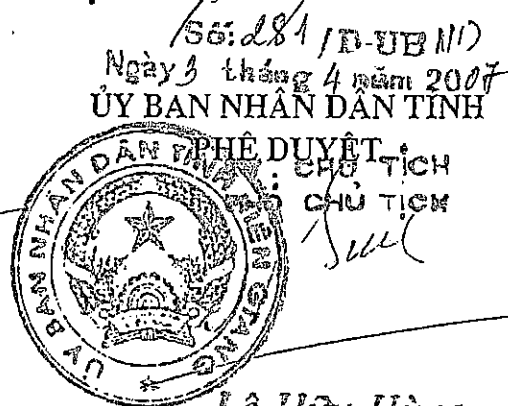
Đại tá Nguyễn Oanh Liệt



Đại tá: Nguyễn Thanh Bình



Đại tá Trần Đua



Lê Hữu Hùng

QUẬN KHU 9
BQL DA LÂM TRƯỜNG 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG AN
PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY RỪNG NĂM 2022

TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT
PCCC&CNCH - CÔNG AN TỈNH
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



[Handwritten signature]

Thượng tá Phạm Mạnh Hùng

CHI CỤC TRƯỞNG
CHI CỤC KIỂM LÂM



[Handwritten signature]

Đoàn Văn Thanh

BAN CHỈ ĐẠO PCCC&CNCH TỈNH
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



[Handwritten signature]

Trương Thanh Hào

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY RỪNG NĂM 2022

Tên chủ rừng: Ban Quản lý Dự án Lâm Trường 422 (Sư đoàn 4)

Địa chỉ: ấp Thuận Tiến, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất

Điện thoại: 0916 467 666 – 0914 768 585

NĂM 2022

Số: 246 /TTr-BQLLT422

Kiên Giang, ngày 21 tháng 12 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc xin phê duyệt Phương án PCCCR năm 2022
của Ban Quản lý Dự án Lâm trường 422**

Kính gửi:

- Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kiên Giang;
- BCD - PCCC và CHCN tỉnh Kiên Giang.

Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 25/11/2017;

Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng;

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy chữa cháy;

Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy, chữa cháy; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy, chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy, chữa cháy cơ sở; lực lượng phòng cháy, chữa cháy chuyên ngành;

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 của Bộ Công an quy định về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/11/2017 của Ban Bí thư Trung

ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 03/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng;

Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 03/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường các biện pháp cấp bách về bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng;

Kế hoạch số 09/KHLN KL-CA-QĐ ngày 01/01/2007 về phối hợp lực lượng Kiểm lâm, Công an, Tỉnh đội, Biên phòng, Sư đoàn 4- QK9 trong công tác bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Công văn số 4261/SNN&PTNT-KHCT ngày 11/8/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng và xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2022;

Căn cứ đề cương hướng dẫn xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng của Ban Chỉ huy phòng cháy chữa cháy & chống chặt phá rừng của tỉnh Kiên Giang.

Ban Quản lý Dự án Lâm trường 422 trình Chi cục Kiểm lâm, BCĐ - PCCC và CHCN tỉnh Kiên Giang với các nội dung như sau:

1. Mục tiêu

Đầu tư Phương án phòng cháy, chữa cháy, trang thiết bị dụng cụ, phương tiện, nhiên liệu và bố trí theo phương châm 4 tại chỗ ở những khu vực trọng điểm có nguy cơ xảy ra cháy cao.

Tăng cường công tác phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành và chính quyền địa phương trên địa bàn đơn vị đóng quân góp phần có hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô năm 2022. Hạn chế mức thấp nhất thiệt hại do cháy rừng gây ra, góp phần phát triển bền vững về mọi mặt kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh và môi trường trên địa bàn.

2. Nội dung kinh phí cụ thể sau

Nhằm đảm bảo tốt công tác PCCC mùa khô năm 2022, Ban Quản lý Dự án Lâm trường 422 lập Tờ trình xin kinh phí đầu tư trang bị, phương tiện, nhiên liệu và chi phí khác như sau:

Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Mã NDKT	Thành tiền
Nhiên liệu		412	017	6503	130.000.000
- Xăng (Vô máy, xe, máy chữa cháy)	Lít	3.000	22.500		67.500.000
- Dầu (Bơm nước giữ ẩm)	Lít	3.500	15.000		52.500.000
- Nhớt (Máy các loại)					10.000.000
Mua sắm phương tiện PCCCR		412	017		400.000.000
Mua sắm dây chữa cháy D50	Cuộn	100	2.000.000	9054	200.000.000

Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Mã NDKT	Thành tiền
Mua sắm máy bơm phao PCCR	Máy	02	100.000.000	9054	200.000.000
Tổng cộng:					530.000.000

Bằng chữ: (Năm trăm ba mươi triệu đồng).

Kính trình Chi cục Kiểm lâm, BCĐ - PCCC và CHCN tỉnh Kiên Giang xem xét chấp thuận để Ban Quản lý Dự án Lâm trường 422 hoàn thành tốt nhiệm vụ trên giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BQL. H04.



Phần I

CƠ SỞ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Căn cứ pháp lý

Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 25/11/2017;

Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng;

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của phòng cháy chữa cháy;

Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy, chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy;

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an Quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy, chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy chuyên ngành;

Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 của Bộ Công an quy định về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Nghị quyết số 71/NG-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 13-CP/TU ngày 12/11/2017 của Ban Bí thư trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 03/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng;

Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 03/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường các biện pháp cấp bách về bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng;

Kế hoạch số 09/KHLN KL-CA-QĐ ngày 01/01/2007 về phối hợp lực lượng Kiểm lâm, Công an, Tỉnh đội, Biên phòng, Sư đoàn 4- QK9 trong công tác bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Công văn số 4261/SNN&PTNT- KHCT ngày 11/8/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng và xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2022;

Căn cứ đề cương hướng dẫn xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng của Ban Chỉ huy phòng cháy chữa cháy & chống chặt phá rừng của tỉnh Kiên Giang.

2. Đặc điểm của khu rừng

- BQL dự án Lâm trường 422 nằm ở vùng Tứ giác Long Xuyên, giáp với biên giới Việt Nam- Campuchia, có vai trò rất quan trọng về an ninh quốc phòng, là tuyến phòng thủ cửa ngõ Tây Nam của tổ quốc.

- Khu rừng hiện nay nằm trong khu vực Tứ Giác Long Xuyên, chịu ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên của khu vực, do đó điều kiện kinh tế - xã hội cũng bị chi phối trong tình hình chung. Hạn chế rõ nét nhất của vùng này là tình trạng xâm nhập mặn ở phần tiếp giáp với kênh Rạch Giá - Hà Tiên, đồng thời phần lớn là đất nhiễm phèn.

Hiện nay ven rừng dân định cư thưa thớt, chủ yếu là nhà tạm bợ cất dọc theo các tuyến kênh, đến hết vụ sản xuất họ lại về quê quán hoặc đi làm thuê nơi khác. Dân cư quanh rừng tập trung chủ yếu ở khu vực kênh Tám Ngàn chạy về Tri Tôn- An Giang, kênh Vĩnh Tế chạy song song với ranh giới Kiên Giang- An Giang và kênh T3 chạy dài về Kiên Lương. Nghề nghiệp chính là làm ruộng, thu nhập hàng năm còn thấp. Do trình độ dân trí và sự nhận thức còn hạn chế, ít hiểu biết về khoa học tự nhiên và xã hội nên các tệ nạn vẫn còn xảy ra.

*** Thuỷ lợi**

Do có sự tập trung đầu tư của Trung ương và của tỉnh Kiên Giang nên hệ thống thuỷ lợi tương đối hoàn chỉnh.

- Kênh cấp 1: bắt nguồn từ kênh Vĩnh Tế, chảy ra theo hướng kênh Hà Tiên.

+ Kênh T3: đi qua khu rừng Sư đoàn quản lý có chiều dài 4.000m.

+ Kênh T4: đi qua khu rừng Sư đoàn 4,330, Lâm trường 422 có chiều dài 4.000m.

+ Kênh T5: đi qua khu rừng Sư đoàn 330, Lâm trường 422 có chiều dài 3.500m.

+ Kênh Tám ngàn: đi qua kênh 85B, kênh 422, kênh ranh (kênh ninh phước) với chiều dài 11.500m.

- Kênh cấp 2:

+ Kênh ranh An Giang và Kiên Giang: bắt nguồn từ kênh Vĩnh Tế, song song kênh T1 đổ ra kênh T6 và kênh Tám ngàn. Phần tiếp giáp với khu rừng có chiều dài 5.500m.

+ Kênh K1, K2, K3: nối kênh T3, T4 và kênh K11, có chiều dài đi qua rừng Sư đoàn 4,330, LT422 ở mỗi tuyến kênh là 4.950m.

+ Ngoài ra còn có một số kênh như kênh 85b, kênh 422, kênh cấp 2 nối kênh Tám ngàn với kênh KH7, chiều dài bình quân của mỗi tuyến kênh đi qua khu rừng Trung đoàn 2,10 là 2km.

Tóm lại, hệ thống kênh trong khu vực khu rừng tương đối hoàn chỉnh; Hệ thống trạm, chốt bảo vệ rừng ở các tiểu khu hiện có 24 trạm, chốt và 3 tháp canh xây dựng từ nguồn vốn 661 và nguồn vốn của đơn vị, số còn lại tạm dựng làm bằng gỗ tạm thời đang xuống cấp nên lực lượng bảo vệ rừng gặp nhiều khó khăn nhất là trong mùa khô. Do đó, trong thời gian tới cần đầu tư thêm một số trạm bảo, tháp canh vệ kiên cố để thuận lợi cho việc quản lý, bảo vệ phòng chống cháy rừng.

+ Tổng diện tích có rừng của dự án là: 2.786,7ha, trong đó: rừng phòng hộ: 2.297,4 ha và rừng sản xuất: 311,3 ha, rừng Sur đoàn trồng năm 2014: 178ha. Các loại thực bì chủ yếu là cỏ mồm, cỏ năn, cỏ bàng, cỏ bắc, cỏ ống, đế sậy, bông bong ...

+ Năm 2015- 2016 BQL dự án Lâm trường 422 xin chủ trương Bộ Tư lệnh Quân khu và UBND tỉnh khai thác 190ha rừng tràm phòng hộ được Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp phép khai thác đến tháng 12- 2016 hoàn thành, BQL thực hiện công tác chăm sóc tái sinh chồi 140ha và năm 2017 trồng lại rừng sau khai thác 50ha tại tiểu khu 15 xã Bình Sơn huyện Hòn Đất.

+ Năm 2016- 2017 khai thác khu 269,8ha rừng do đơn vị Lâm trường 422- Tổng Công ty 622 quản lý. Năm 2019 khai thác 130ha do Sur đoàn 330 quản lý.

+ Tổng diện tích đã khai thác đến nay: 589,8ha/ 2.786,7ha.

+ Tuy diện tích rừng đã trồng thuộc phạm vi dự án hầu hết đã được quy hoạch kênh mương, xây dựng hệ thống cống, chủ động và thuận lợi trong việc đi lại tuần tra và cơ động đưa phương tiện, lực lượng khi tình huống cháy xảy ra. Mặt khác chủ động điều tiết mực nước giữ ẩm cho đất và thuận lợi cho việc bơm nước giữ ẩm vào mùa khô,

Khai thác tràm trên toàn bộ lô thiết kế, vận xuất, vận chuyển ra bãi tập kết đúng theo quy định. Khi khai thác phải chặt (hoặc cưa) sát gốc cây, chiều cao gốc chặt chừa lại không quá 10 cm để không làm ảnh hưởng đến quá trình xử lý thực bì và trồng lại rừng sau này.

Khai thác đến đâu phải vận xuất cây ra bãi đến đó, không để cây tồn trong rừng quá 7 ngày. Khi cây ra bãi, sắp xếp phân loại cây theo mục đích sử dụng và khi đầy đủ số lượng thì vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

Xử lý thực bì sau khai thác: Thu gom cành nhánh thành luống để chúng tự hoại mục hoặc có thể đốt để giảm chất bồi gây ra cháy rừng sau này. Khi đốt phải tổ chức giám sát, kiểm tra và đốt vào buổi chiều để hạn chế cháy lan sang khu vực khác. Nếu không đốt được do môi trường đốt không thuận lợi, mặt đất rừng có nước và mưa nhiều thì tổ chức thu gom cành nhánh thừa không tận dụng được vùi xuống dưới mương giữa 2 liếp để chúng tự hoại mục sau này.

Việc khai thác phải tiến hành nhanh, đảm bảo hoàn thành đúng thời gian quy định để tạo điều kiện cho công tác tái tạo rừng kịp thời vụ. Ban quản lý rừng phải tổ chức trồng lại rừng không quá một năm sau khi khai thác.

Thiết kế đường vận xuất, vận chuyển: Đường vận xuất là các mương đã đào sẵn xen kẽ giữa các liếp trồng Tràm. Do phần lớn khu vực khai thác là có

liếp bề ngang nương rộng 3 m, sâu 1 m. Tràm khai thác được chất xuống xuống để đưa ra đường vận chuyển về bãi tập kết cù Tràm.

- Thể chế chính sách

Ban Quản lý dự án rừng Lâm trường 422 là Ban Quản lý kiêm nhiệm, lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng là lực lượng vũ trang ngoài thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, SSCĐ còn tham gia bảo vệ rừng; do vậy từ trước đến nay không là lực lượng chuyên nghiệp và cũng không có chính sách nào hỗ trợ, bồi dưỡng trực phòng chống cháy hàng năm và khi tham gia chữa cháy rừng cho đơn vị bạn; do vậy năm 2022 đề nghị Chi Cục Kiểm Lâm tỉnh bổ sung phần trực phòng chống cháy.

3. Những nguy cơ gây cháy rừng

Các loại thực bì chủ yếu là cỏ mồm, cỏ năn, cỏ bàng, cỏ bắc, cỏ ống, đế sậy, bông bong ...Đặc biệt là lớp cỏ khô, lớp xác bã thực vật trên mặt đất dễ bắt lửa và khi có gió tác động dễ cháy lan và cháy ngầm rất khó cho công tác tổ chức chữa cháy, nhất là đối với khu vực chưa hoàn chỉnh hệ thống kênh nương giữ nước, giữ ẩm cho rừng.

Nhân dân sống ven rừng hoàn cảnh còn nhiều khó khăn phải bươn chải kiếm sống hàng ngày, ý thức trong việc thực hiện quy ước bảo vệ rừng có mặt còn hạn chế. Hơn nữa một số đồng các hộ hợp đồng sản xuất nông nghiệp còn canh tác cạnh các tiểu khu rừng và trong việc thực hiện dự án di dân bố trí lại khu vực sản xuất sẽ gặp không ít khó khăn vướng mắc từ đó nguy cơ xảy ra vẫn tiềm ẩn trên diện rộng. Từ thực tế rừng của nước ta và các nước trên thế giới thì: mọi vụ cháy rừng dù lớn hay nhỏ đều do con người trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra.

4. Thực trạng công tác phòng cháy và chữa cháy rừng

- Dân cư sinh sống ở ven rừng chủ yếu là người ngoài địa phương, cuộc sống không ổn định, đa số là hộ nghèo, một bộ phận hộ dân còn dựa vào rừng để sinh sống như: nhổ bàng, bắt cá, đốn cây, bắt ong...Từ đó, gây khó khăn cho Ban quản lý rừng và chính quyền địa phương trong công tác quản lý địa bàn, đảm bảo an ninh trật tự xã hội cũng như phổ biến tuyên truyền luật phòng cháy, chữa cháy cho người dân am hiểu và nghiêm túc thực hiện.

- Do diện tích rừng trồng không lớn, lại trải dài trên địa bàn của 02 huyện Giang Thành và Hòn Đất nên công tác quản lý bảo vệ và phòng chống cháy rừng vào mùa khô của Ban quản lý còn gặp nhiều khó khăn.

- Công tác phòng cháy chữa cháy rừng tập trung khu rừng tràm thuộc rừng phòng hộ môi trường. Để tổ chức phòng cháy chữa cháy rừng hữu hiệu hàng năm chỉ đạo Trung đoàn 2, Trung đoàn 10, Trung đoàn 30, Bộ phận sản xuất Sư đoàn 330, Lâm trường 422- Cty 622 xây dựng kế hoạch PCCCRR trình Ban chỉ đạo phê duyệt và triển khai thực hiện.

- Tình hình cháy rừng: Thống kê trong vòng 5 năm, giai đoạn 2017 – 2021

Tổng số vụ cháy: 02 vụ

Tổng diện tích cháy vụ 01: 10.200 m² tràm tái sinh chồi

Đặc điểm cháy: Qua điều tra và nhận định vụ cháy do người dân len lỏi vào rừng sử dụng lửa bắt ong lấy mật bất cẩn gây cháy

Khu vực xảy ra cháy: Tại Tiểu khu 5; Ấp Đồng Cơ, xã Vĩnh Phú, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

Thời điểm xảy ra cháy: Do người dân lợi dụng khoản tiếp giáp giữa các chốt vào rừng bắt ong, thời gian khoảng 15h đến 18h.

Tổng diện tích cháy vụ 02: 30ha thực bì sau khai thác và cỏ năng.

Đặc điểm cháy: Qua điều tra và nhận định vụ cháy do người dân len lỏi vào rừng sau khai thác lấy củi bất cẩn gây cháy

Khu vực xảy ra cháy: Tại Tiểu khu 7; Ấp Đồng Cơ, xã Vĩnh Phú, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang (do Đội sản xuất Sư đoàn 330 quản lý).

Thời điểm xảy ra cháy: Do người dân lợi dụng khoản tiếp giáp giữa các chốt vào rừng lấy củi, thời gian khoảng 11h30 ngày 13/4/2021.

Phần II

PHÒNG CHÁY RỪNG

*** Khi xảy ra cháy rừng Đ/c Phó Sư đoàn trưởng- Tham mưu trưởng và Đ/c Trung đoàn trưởng trực tiếp chỉ huy chữa cháy ngoài thực địa (khu vực xảy ra cháy rừng). Đ/c Sư đoàn trưởng chỉ huy chung.**

1. Lực lượng huy động chữa cháy rừng của từng đơn vị trực tiếp quản lý các vị trí rừng cụ thể như sau:

*** Trung đoàn 2: Diện tích quản lý: 929,2ha rừng phòng hộ. Tổng quân số tham gia chữa cháy là: 225đ/c. Chỉ huy trực tiếp tại khu rừng cháy đồng chí Phó Sư đoàn trưởng - TMT Sư đoàn 4 và đ/c Trung đoàn trưởng Trung đoàn 2.**

+ Quân số tại chỗ: 45đ/c thường trực khi cháy lớn Ban chỉ đạo tăng cường quân số của cơ quan và đơn vị cụ thể là: (Phòng Tham mưu:40đ/c; Phòng Chính trị: 10đ/c; Phòng Hậu cần: 20đ/c; Phòng Kỹ thuật: 10đ/c; Trung đoàn 10: 100đ/c).

+ Phương tiện chữa cháy tại chỗ 4 máy phao đồng bộ khi cháy lớn Ban chỉ đạo tăng cường thêm 4 máy phao (PMT: 1 máy; PHC: 1 máy; PKT: 1 máy đồng bộ)

+ Phương tiện cơ động: Phòng Hậu cần 1 xe cứu thương và tổ quân y, lực lượng chữa cháy cơ động đường bộ theo các hướng đã được phân công cụ thể.

*** Trung đoàn 10: Diện tích 178ha rừng sản xuất. Tổng quân số tham gia chữa cháy là: 185đ/c. Chỉ huy trực tiếp tại khu rừng cháy đồng chí Phó Sư đoàn trưởng - TMT Sư đoàn 4 và đ/c Trung đoàn trưởng Trung đoàn 10.**

+ Quân số tại chỗ: 45đ/c thường trực khi cháy lớn Ban chỉ đạo tăng cường quân số của cơ quan và đơn vị cụ thể là: (Phòng Tham mưu: 20đ/c; Phòng Hậu cần: 10đ/c; Phòng Kỹ thuật: 10đ/c; Trung đoàn 10: 100đ/c).

+ Phương tiện chữa cháy tại chỗ 2 máy phao đồng bộ khi cháy lớn Ban chỉ đạo tăng cường thêm 4 máy phao (PMT: 1 máy; PHC: 1 máy; PKT: 1 máy đồng bộ)

+ Phương tiện cơ động vận chuyển lực lượng tham gia chữa cháy gồm: Phòng Tham mưu: 2 xe 16 chỗ và 1 võ 2 tấn, Phòng Hậu cần 1 xe Kmát, 1 xe 29 chỗ, 1 xe cứu thương (tổ quân y).

*** Trung đoàn 30: Diện tích quản lý: 723,6ha rừng phòng hộ. Tổng quân số tham gia chữa cháy là: 215đ/c. Chỉ huy trực tiếp tại khu rừng cháy đồng chí Phó Sư đoàn trưởng - TMT Sư đoàn 4 và đ/c Trung đoàn trưởng Trung đoàn 30.**

+ Quân số tại chỗ: 50đ/c thường trực khi cháy lớn Ban chỉ đạo tăng cường quân số của cơ quan và đơn vị cụ thể là: (Phòng Tham mưu: 30đ/c; Phòng Chính trị: 05đ/c; Phòng Hậu cần: 10đ/c; Phòng Kỹ thuật: 10đ/c; Trung đoàn 2: 10đ/c; Trung đoàn 10: 100đ/c).

+ Phương tiện chữa cháy tại chỗ 4 máy phao đồng bộ khi cháy lớn Ban chỉ đạo tăng cường thêm 4 máy phao (PMT: 1 máy; PHC: 1 máy; PKT: 1 máy đồng bộ)

+ Phương tiện cơ động vận chuyển lực lượng tham gia chữa cháy gồm: Phòng Tham mưu: 2 xe 16 chỗ và 1 võ 2 tấn, Phòng Hậu cần 1 xe Kmát, 1 xe 29 chỗ, 1 xe cứu thương (tổ quân y).

*** Bộ phận sản xuất Sư đoàn 330: Diện tích quản lý: 629,7ha rừng phòng hộ. Tổng quân số tham gia chữa cháy là: 180đ/c.**

+ Quân số tại chỗ: 15đ/c thường trực khi cháy lớn Ban chỉ đạo Sư đoàn 4 và Sư đoàn 330 tăng cường quân số của cơ quan và đơn vị cụ thể là: (Trung đoàn 30: 15đ/c; Sư đoàn 330: 150đ/c).

+ Phương tiện chữa cháy tại chỗ 2 máy phao đồng bộ khi cháy lớn Ban chỉ đạo Sư đoàn 330 tăng cường thêm 4 máy và Trung đoàn 30: 1 máy đồng bộ

+ Phương tiện cơ động vận chuyển lực lượng tham gia chữa cháy Sư đoàn 330 bảo đảm phương tiện 1 xe cứu thương (tổ quân y), Trung đoàn 30: 1 võ 2 tấn.

+Lâm trường 422- Công ty 622: Quân số: 50đ/c Trung đoàn 10.

*** Lâm trường 422- Cty 622: Diện tích quản lý: 263,2ha rừng phòng hộ. Tổng quân số tham gia chữa cháy là: 90đ/c. Chỉ huy trực tiếp tại khu rừng cháy đồng chí Giám đốc Lâm trường 422 và chỉ huy Trung đoàn 10.**

+ Quân số tại chỗ: 25đ/c thường trực khi cháy lớn Ban chỉ đạo Sư đoàn 4 tăng cường quân số của đơn vị cụ thể là: Trung đoàn 30: 15đ/c; Trung đoàn 10: 50đ/c.

+ Phương tiện chữa cháy tại chỗ 2 máy phao đồng bộ khi cháy lớn Ban chỉ đạo Sư đoàn 4 tăng cường thêm 2 máy phao Trung đoàn 30: 1 máy đồng bộ; Trung đoàn 10: 1 máy.

+ Phương tiện cơ động vận chuyển lực lượng tham gia chữa cháy Sư đoàn 4 bảo đảm phương tiện và 1 xe cứu thương (tổ quân y), Trung đoàn 30: 1 võ 2 tấn.

Lưu ý: Khi điều động lực lượng tham gia chữa cháy rừng phải mang theo đầy đủ các trang bị được biên chế như: xô, chậu, cal, dao tông, cuốc xẻng...;

2. Các biện pháp phòng cháy rừng

Rút kinh nghiệm từ tình hình các vụ cháy rừng trong khu vực và trên địa bàn trong những năm qua để chủ động, kiểm soát tình hình cháy một cách hiệu quả. Biện pháp chủ yếu trong phòng và chống cháy rừng được xác định lấy phòng là chính; cụ thể:

- Thường xuyên giữ được độ ẩm cần thiết trên toàn bộ bề mặt các lô, không để đất bị quá khô gây nguy cơ cháy tại chỗ hoặc bắt cháy từ nơi khác lan tới.

- Chủ động kết hợp với các hộ dân có ruộng dẫy xung quanh khu vực và các hộ dân sản xuất được bố trí theo kế hoạch di dân, chủ động đốt ven sát khu vực vành đai ở các điểm thường xảy ra cháy, tham gia phòng chống cứu chữa khi có cháy. Lưu ý các vị trí tiếp giáp phía Tây Nam và Đông Nam ở từng khu vực.

- Phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với chính quyền và các ngành chức năng của địa phương, các đơn vị có rừng tiếp giáp, thông báo rộng rãi cho nhân dân trong khu vực biết các khu vực cấm, kết hợp với hệ thống biển báo, cấm ở từng lô, khoảnh và xung quanh khu vực vành đai, không được để dân tự do ra vào đánh bắt chim, cá, lấy mật ong, lấy củi...nếu bất cẩn có thể dẫn đến cháy rừng.

- Tổ chức các tổ quan sát, thông báo, báo động, tuần tra canh gác nghiêm ngặt, nhất là vào mùa khô, có các biển báo, biển cấm ở từng khu vực, tổ chức phát quan, đào mương dẫn nước, phân lô từng khu rừng...Giáo dục cho mọi cán bộ, chiến sỹ và vận động nhân dân nêu cao ý thức phòng chống cháy rừng, bảo vệ rừng là trách nhiệm trung toàn xã hội.

2.1. Xác định thời gian dễ xảy ra cháy rừng trên địa bàn

Căn cứ vào tình hình thực tế trên địa bàn, khí hậu thời tiết diễn biến hàng năm cho thấy thời gian của các tháng 11, 12 năm 2021 và tháng 1, 2, 3, 4, 5, 6 năm 2022 là những tháng dễ xảy ra cháy cao hơn và xảy ra bất cứ lúc nào. Đơn vị sẽ kết hợp với Hạt Kiểm lâm huyện Hòn Đất, huyện Giang Thành và theo dõi dự báo cấp cháy trên phương tiện thông tin đại chúng để có kế hoạch chủ động phòng ngừa và đối phó với tình huống xảy ra.

2.2. Bản đồ phân vùng trọng điểm cháy

Dự kiến một số khu vực dễ bị cháy

- *Khu vực rừng Trung đoàn 10 (khu rừng diện tích 178ha)*

Khu vực ruộng lúa phía Tây Nam và dọc tuyến kênh Ninh Phước Kiên Giang

- *Khu vực rừng Trung đoàn 2*

- * Khu vực 1: Diện tích 929, 2ha*

Gồm toàn bộ vành đai phía Tây Nam, Đông Nam và Đông Bắc TK 14, TK 15 tập trung hướng chủ yếu là Tây Nam và Đông Nam TK 15 nguy cơ chủ yếu dân đốt đồng làm ruộng;

- * Khu vực 2: Diện tích 154,26ha*

Gồm toàn bộ vành đai phía Bắc giáp kênh 85B (khu 154,26ha) khu xây dựng thao trường huấn luyện, hiện tại rừng tạp cây bụi gậm nhiều tiềm ẩn nguy

cơ cháy cao, mùa khô Trung đoàn BB2 tăng cường lực lượng tuần tra kiểm soát quản lý chặt chẽ không để xảy ra cháy.

- Khu vực rừng Trung đoàn 30

* **Khu vực 1:** thuộc vành đai Nam K1

* **Khu vực 2:** từ kênh 1000.T3 đến kênh 1000.T4, Bắc và Nam K2

* **Khu vực 3:** là khu vực Tây K1, giáp ruộng của dân thuộc Tiểu khu 1,2.

* **Khu vực 162,6ha và khu 155,7ha** hiện nay 2 khu vực đất đang hợp đồng 6/4 với dân do mâu thuẫn tranh chấp, dân đòi đơn vị giao phần đất rừng để dân canh tác, từ tranh chấp trên gây không ít khó khăn trong công tác quản lý bảo vệ rừng ở khu vực này.

- Khu vực Lâm trường 422

Khu vực Nam T2 và Đông K6 giáp khu vực bố trí lại dân cư. Khu vực Tây Nam kênh HK 1. Khu vực này dự kiến xin chủ trương khai thác, Lâm trường 422 là đơn vị quản lý trực tiếp khi có giấy phép khai thác phải bảo đảm an toàn công tác PCCCR nếu để xảy ra cháy Lâm trường 422 chịu trách nhiệm.

- Khu vực rừng Sư đoàn 330

Khu vực Tây T4 và Bắc K1 nối dài

2.3. Xây dựng dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng

a) Bảo đảm thông tin liên lạc thường xuyên

- Bảo đảm liên lạc (kết hợp liên lạc VTĐ – HTĐ, kênh bưu điện) để báo cáo tình hình hàng ngày và liên lạc với Sư đoàn khi có cháy xảy ra.

Tiểu đoàn 1,2,3 Trung đoàn 2 trang bị máy thông tin mạng nội bộ, Tiểu đoàn 5,6 Trung đoàn 10 và khu vực Trung đoàn 30 thời kỳ cao điểm trang bị bằng máy PRC 25 để báo cáo tình hình hàng ngày về Sư đoàn. Trường hợp khi có cháy xảy ra liên lạc PRC 25 không bảo đảm được các đơn vị báo cáo về BCD Sư đoàn qua Trục ban Tác chiến bằng máy điện thoại duy động.

b) Bảo đảm liên lạc trong thực hành chống cháy

- Khi thực hành chống cháy bảo đảm 5 máy PRC 25.

- 01 máy trực ở SCH, 04 máy cơ động trên các hướng.

c) Quy định thông báo – báo động hoặc triển khai bằng ĐTĐĐ.

2.4. Tuyên truyền về công tác phòng cháy chữa cháy rừng

Bằng lực lượng và phương tiện hiện có của đơn vị, kết hợp chặt chẽ với Chi Cục Kiểm Lâm, đơn vị có rừng trong khu vực cùng với các ngành chức năng (Hạt Kiểm lâm huyện, chính quyền xã, ấp ...) tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân xung quanh khu vực vành đai và số hộ dân được bố trí lại sản xuất trong khu vực thực hiện tốt pháp lệnh PCCC, bảo vệ tốt vốn rừng, giữ gìn môi trường sinh thái, hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do cháy rừng xảy ra từ nhiều nguyên nhân, để cho mọi người hiểu được và có ý thức trong việc bảo vệ tài nguyên rừng cũng như tác hại khi rừng bị hủy hoại bằng nhiều dạng. Mặt khác

nâng cao vai trò trách nhiệm của mọi người trong công tác bảo vệ và tích cực trong công tác phát triển vốn rừng trong thời gian tới.

2.5. Xây dựng và duy trì các công trình phòng cháy rừng

Với hệ thống kênh mương hiện có, chủ động tu bổ các đê bao, hệ thống cống để giữ nước, điều tiết mực nước phù hợp đảm bảo cho cây phát triển, tăng trưởng đồng thời đảm bảo đủ độ ẩm để nhằm ngăn ngừa việc cháy ngầm, cháy ngùn. Nếu nắng hạn kéo dài trong nhiều ngày, mực nước cạn kiệt, mặt đất khô hạn thì phải tổ chức bơm nước giữ ẩm ở mức độ cần thiết, tuyệt đối không thể để đất khô hạn kéo dài nhiều ngày dẫn đến nguy cơ bị cháy cao.

2.6. Xây dựng các giải pháp giảm vật liệu cháy

Tổ chức đốt ven quanh khu vực có rừng nhằm ngăn ngừa việc cháy lan từ ngoài vào, các đơn vị chủ động đốt ven khu vực rừng quản lý hoặc dọn sạch các vật liệu, cây cỏ khô dễ cháy tạo đường băng sạch. Thông báo cho các hộ khi đốt đồng làm ruộng, rẫy phải báo cho đơn vị biết trước để chuẩn bị phương tiện, lực lượng chủ động chữa cháy khi có tình huống cháy lan xảy ra.

2.7. Tổ chức tuần tra canh gác

Đây là khâu quan trọng trong công tác phòng chống cháy, nếu tổ chức tuần tra canh phòng tốt thì sẽ giới hạn tối đa việc người đi vào rừng bắt ong, đánh cá, lấy củihơn nữa sẽ sớm phát hiện và báo động kịp thời khi có cháy xảy ra và chủ động dập tắt khi đám cháy mới phát ở mức độ nhỏ. BQL chỉ đạo các Tiểu đoàn (d) của các Trung đoàn (e), Lâm trường (LT) sắp xếp lịch tuần tra thường xuyên và hàng ngày trên các chòi canh lửa luôn luôn có người trực từ sáng sớm đến chiều tối. Chú ý nơi giáp ranh các hộ dân sản xuất nông nghiệp và các vùng đất còn hoang hóa.

2.8. Công tác huấn luyện, luyện tập các phương án PCCCR

Được sự quan tâm của Đảng ủy- BCH Sư đoàn và Ban chỉ đạo PCCC chỉ đạo các cơ quan đơn vị xây dựng kế hoạch luyện tập các phương án PCCC xác thực tế của đơn vị quản lý rừng từ đó mọi cán bộ chiến sĩ nắm và sử dụng thành thạo các loại phương tiện trang bị hiện có, khi có tình huống cháy xảy ra cán bộ chiến sĩ nắm chắc nhiệm vụ và làm chủ phương tiện trang bị.

2.9. Thực tập, diễn tập phương án PCCR

3. Trang bị phương tiện và thiết bị phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng

Từ nguồn vốn tự có và được sự hỗ trợ của Ban Chỉ huy phòng cháy chữa cháy & chống chặt phá rừng của Tỉnh, hiện đơn vị đang trang bị 14 máy bơm phao (Trong đó 6 máy Chỉ huy Kiểm Lâm tăng cường) trung bình 100 mét dây/máy phân bổ trên 16 chốt canh giữ rừng rải rác trên toàn bộ khu vực, với trang bị này không đủ đảm bảo cho thực hiện phương châm 4 tại chỗ, chưa tính đến việc cần có số máy nhất định để cơ động hỗ trợ giúp các đơn vị đóng quân trên địa bàn và các chủ rừng trong khu vực khi có tình huống cháy xảy ra.

Hiện nay phương tiện trang bị cho các Tiểu đoàn, các chốt của các Trung đoàn, BQL dự án Lâm Trường chưa được đồng bộ và đầy đủ đặc biệt là hệ thống thông tin liên lạc cần được bổ sung trang bị thích hợp để kịp thời thông báo khi có tình huống xấu xảy ra. Ngoài ra các phương tiện bơm nước chuyên dùng, dụng cụ chữa cháy, phương tiện đi lại, các chòi canh lửa cần được đầu tư, xây dựng thêm mới đảm bảo phục vụ cho công tác PCCC trong mùa khô tới.

- Bảo đảm trực thường xuyên tại Ban Hành chính: 02 vỏ máy

- Trực Trung đoàn 2 : 04 vỏ

- Trực Trung đoàn 10 : 03 vỏ máy

- Trực Trung đoàn 30 : 04 vỏ máy

- Trực tại Phòng HC-KT : 04 xe tải, 01 xe cứu thương

- Lâm trường 422 : 01 vỏ máy

- Bộ phận SX fBB330 : 03 vỏ máy

* Phương tiện quan sát : Mỗi vọng quan sát được trang bị ống nhòm

Biểu 1: Phân bổ phương tiện PCCCR trong khu vực quản lý

STT	Phương tiện, thiết bị, công cụ PCCCR	ĐVT	Toàn ban	Phân bổ			
				Trạm e2,e10	Trạm e30	Trạm f330	Trạm LT422
I	Phương tiện		17				
1	Vỏ máy		16	7	4	3	2
2	Xe ô tô		2				
II	Thiết bị, dụng cụ		2024				
1	Máy dầu bơm nước	Máy	1		1		
2	Máy bơm phao chữa cháy	Máy	14	6	4	2	2
3	Vòi chữa cháy	Cuộn	200	90	60	30	20
4	Ống nhòm	Ống	10	4	2	2	2
5	Can nhựa đựng nước	Can	300	250	50		
6	Rựa	Cái	300	250	50		
7	Xô + thau	Cái	600	500	100		
8	Cuốc, xẻng	Cái	600	500	100		
...	...						

4. Tổng hợp dự toán kinh phí PCCR năm 2022

Phương tiện PCCC Ban quản lý Lâm Trường 422 qua nhiều năm sử dụng xuống cấp một số máy, dây không còn sử dụng được để đảm bảo công tác PCCC mùa khô 2021, dự kiến đầu tư mua nhiên liệu, trang bị một số phương tiện PCCCR như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Mã NDKT	Thành tiền (đ)
1	Nhiên liệu				6503	130.000.000
1.1	Xăng (Vỡ máy, xe, máy chữa cháy)	Lít	3.000	22.500		67.500.000
1.2	Dầu (bơm nước chữa ảm)	Lít	3.500	15.000		52.500.000
1.3	Nhớt (máy các loại)					10.000.000
2	Mua sắm vòi chữa cháy D50	Cuộn	100	2.000.000	9054	200.000.000
3	Mua sắm máy bơm phao PCCCR	Máy	02	100.000.000	9054	200.000.000
	Tổng cộng:					530.000.000

Bằng chữ: (Năm trăm ba chục triệu đồng chẵn)

Phần III

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG CHÁY RỪNG

1. Tình huống xảy ra cháy rừng

Tình huống cháy ở vành đai

Các đài quan sát của Tiểu đoàn 2, Tiểu đoàn 3 phát hiện đám cháy lúc 16h đã báo ngay Chỉ huy Trung đoàn 2.

- Khi phát hiện cháy thông báo cho các (lực lượng tại chỗ) Tiểu đoàn ở gần nhất về hướng và khu vực cháy để các Tiểu đoàn nhanh chóng cơ động dập tắt đám cháy, không để lan rộng đồng thời báo cáo ngay cho Trục ban Tác chiến Sư đoàn, lực lượng các cơ quan, đơn vị nhanh chóng triển khai bơm nước chặn hướng cháy ngăn không cho cháy lây lan, sử dụng một phần lực lượng cơ động ra điểm phát cháy để dập tắt hoặc chống ngùn, chống lan cùng với lực lượng của dân tại điểm cháy. Đồng thời nhanh chóng triển khai lực lượng ở phía dưới hướng gió so với điểm cháy để kiểm soát tình hình cháy, dập tắt kịp thời các đốm lửa bay vào khu vực vành đai hoặc phát cháy vào khu vực trung tâm, đồng thời báo cáo ngay về Trục ban Tác chiến Sư đoàn qua các phương tiện thông tin liên lạc hoặc tín hiệu thông báo báo động để kịp thời huy động các chốt ở gần nhất cùng tham gia cứu chữa

- Lực lượng các cơ quan, đơn vị khi được thông báo hướng và khu vực cháy phải nhanh chóng triển khai cơ động ra khu vực cháy phối hợp cùng chủ đất, lực lượng địa phương để kiểm soát tình hình cháy kiên quyết dập tắt tại chỗ chống cháy ngùn, chống cháy lan.

- Quân số huy động của từng khu vực khi xảy ra cháy: (như khoản 1 phần II)

+ **Trung đoàn 2:** Quân số: 45đ/c là lực lượng tại chỗ của Trung đoàn nhanh chóng dập lửa và báo cáo về Sư đoàn qua Trục ban tác chiến để huy động lực lượng ứng cứu.

+**Trung đoàn 10:** Quân số: 45đ/c là lực lượng tại chỗ của Trung đoàn nhanh chóng dập lửa và báo cáo về Sư đoàn qua Trục ban tác chiến để huy động lực lượng ứng cứu.

- **Số lượng phương tiện huy động khi xảy ra cháy:**

+ **Trung đoàn 2 :** 04 vỏ máy, 04 máy phao, vỏ máy, xô chậu, cuốc xẻng

+**Trung đoàn 10 :** 03 vỏ máy, 02 máy phao, vỏ máy, xô chậu, cuốc xẻng.

+ Phòng Tham mưu- Sư đoàn: 1 Tiểu đội trực, 01 máy phao , vỏ máy, xô chậu, cuốc xẻng

- Bố trí lực lượng chữa cháy như sau: Lực lượng của toàn Sư đoàn sẽ cơ động theo các hướng: Cụ thể 4 cơ quan theo hướng cầu 85B cơ động bằng vỏ và chạy bộ vào các khu vực cháy: Trung đoàn 10 và Trung đoàn 2 cơ động theo hướng phía sau Trung đoàn bộ; Trung đoàn 2 cơ động thẳng đến khu vực cháy.

- Sau khi đám cháy được khống chế và dập tắt, đơn vị tổng hợp kết quả chữa cháy báo cáo Ban chỉ huy phòng chống cháy rừng và hạt Kiểm lâm huyện. Căn cứ mức độ thiệt hại của vụ cháy đề ra biện pháp khắc phục hậu quả sau cháy rừng.

2. Phương án xử lý tình huống cháy lớn.

2.1. Giả định tình huống cháy phức tạp nhất

- Thời gian, giờ G + ngày N -, địa điểm xuất phát cháy hướng đông nam kênh 85B khu 154,26ha và khu 929,2ha

- Nguyên nhân: Người dân và rừng bắc ong gây cháy

- Loại rừng, lớp thảm thực bì: Rừng tràm, thực bì lá tràm mục và các loại dây leo như bông bông vv...

- Khả năng cháy lan, những yếu tố ảnh hưởng đến việc chữa cháy: Do thuận theo hướng gió nên khả năng cháy lan rất cao, nguồn nước trong rừng khô cạn, hệ thống kênh rạch sa và thiếu nước để chữa cháy.

2.2. Tổ chức triển khai chữa cháy rừng

- Chỉ huy Sư đoàn 4 tổng chỉ huy chung, giao cho chỉ huy Trung đoàn 2, Trung đoàn 10, trực tiếp chỉ huy khu vực rừng mình quản lý và phối hợp cùng lực lượng tại địa phương.

- Về lực lượng tham gia chữa cháy gồm:

* **Trung đoàn 2: Tổng quân số tham gia chữa cháy 225đ/c.**

+ Quân số tại chỗ: 45đ/c. Quân số tăng cường: Phòng Tham mưu: 40đ/c; Phòng Chính trị: 10đ/c; Phòng Hậu cần: 20đ/c; Phòng Kỹ thuật: 10đ/c; Trung đoàn 10: 100đ/c.

* **Trung đoàn 10: Tổng quân số tham gia chữa cháy là: 185đ/c.**

+ Quân số tại chỗ: 45đ/c. Quân số tăng cường: Phòng Tham mưu: 20đ/c; Phòng Hậu cần: 10đ/c; Phòng Kỹ thuật: 10đ/c; Trung đoàn 10: 100đ/c.

*** Trung đoàn 30: Tổng quân số tham gia chữa cháy là: 215đ/c.**

+ Quân số tại chỗ: 50đ/c. Quân số tăng cường: Phòng Tham mưu: 30đ/c; Phòng Chính trị: 05đ/c; Phòng Hậu cần: 10đ/c; Phòng Kỹ thuật: 10đ/c; Trung đoàn 2: 10đ/c; Trung đoàn 10: 100đ/c.

*** Bộ phận sản xuất Sư đoàn 330: Tổng quân số tham gia chữa cháy là: 180đ/c.**

+ Quân số tại chỗ: 15đ/c thường trực khi cháy lớn Ban chỉ đạo Sư đoàn 4 và Sư đoàn 330 tăng cường quân số của cơ quan và đơn vị cụ thể là: (Trung đoàn 30: 15đ/c; Sư đoàn 330: 150đ/c).

*** Lâm trường 422-Cty 622: Tổng quân số tham gia chữa cháy là: 90đ/c.**

+ Quân số tại chỗ: 25đ/c thường trực khi cháy lớn Ban chỉ đạo Sư đoàn 4 tăng cường quân số của đơn vị cụ thể là: Trung đoàn 30: 15đ/c; Trung đoàn 10: 50đ/c.

+ Phương tiện, trang bị tại chỗ:

***Trung đoàn 2:** 04 máy phao, tăng cường thêm 4 máy phao vỏ máy , xô chậu, cuốc xẻng.

*** Trung đoàn 10:** 02 máy phao , vỏ máy , xô chậu , cuốc xẻng

*** Trung đoàn 30:** 04 máy phao , vỏ máy , xô chậu , cuốc xẻng.

*** Lâm trường 422:** 02 máy phao ,vỏ máy , xô chậu .

*** Bộ phận sản xuất Sư đoàn 330:** 02 máy phao, vỏ máy , xô chậu , cuốc xẻng.(kết hợp phương tiện CHCN của Sư đoàn 330)

+ Các đơn vị huy động tăng cường :

(Như khoản 1 phần II của Phương án)

2.3. Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng

2.4. Báo cáo tình hình cháy rừng

Trong quá trình chữa cháy, các tổ thường xuyên báo cáo về Ban chỉ đạo PCCCR huyện và Hạt Kiểm lâm huyện, tỉnh đề xin ý kiến về cách chữa, bổ sung phương tiện, hỗ trợ lực lượng.

Sau khi đám cháy được khống chế và dập tắt phải xử lý dứt điểm theo quy trình chữa cháy. Đơn vị phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện, ngành chức năng và chính quyền địa phương đo vẽ xác định thiệt hại tài nguyên rừng. Lập hồ sơ, điều tra nguyên nhân, đánh giá mức độ thiệt hại và báo cáo theo quy định.

2.5. Khắc phục hậu quả do cháy rừng gây ra

Đặc điểm khu vực là rừng trồng tràm, sau cháy xem xét khả năng tái sinh của khu vực mà thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả: bằng những giải pháp khoanh nuôi tái sinh tự nhiên kết hợp với trồng bổ sung hoặc trồng lại rừng mới.

Phần IV

BỔ SUNG, CHỈNH LÝ PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Phần IV
BỔ SUNG, CHỈNH LÝ PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
DANH SÁCH CHỈ HUY TRỰC TIẾP TỪNG KHU RỪNG

TT	Họ và tên	Cấp bậc	Chức vụ	Đơn vị	Số ĐT Liên lạc
01	Lê Quang Vượng	3//	et	Trung đoàn 2	0979 458 876
02	Nguyễn Nhật Linh	3//	et	Trung đoàn 10	0368 805 471
03	Nguyễn Văn Quang	3//	et	Trung đoàn 30	0865 352 911
04	Phạm Minh Huyền	1//	GD	Lên trường 422	0949 230 864
05	Lê Văn Đảo	3/	Đội trưởng	Đội SX f330	0767 287 376

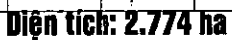
Hòn Đất, ngày 21 tháng 12 năm 2021

TRƯỞNG BAN

 CHINH HANH
 CÔNG TY TNHH
 MỘT THÀNH VIÊN
 LÂM TRƯỜNG
 422
 H. HON DAT - TINH KIENG GIANG

Đại tá Nguyễn Thanh Giang

THUỘC BAN QUẢN LÝ RỪNG LÂM TRƯỜNG 422 - SƯ ĐOÀN 4



UBND TỈNH KIÊN GIANG
VƯỜN QUỐC GIA PHÚ QUỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN
PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY RỪNG
NĂM 2021 – 2022

Tên chủ rừng: Vườn quốc gia Phú Quốc.

Địa chỉ: Ấp Xóm Mới, xã Bãi Thơm, Tp. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Điện thoại: 02978.682555

Tháng 12 năm 2021

UBND TỈNH KIÊN GIANG
VƯỜN QUỐC GIA PHÚ QUỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG AN
PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG
VƯỜN QUỐC GIA PHÚ QUỐC
NĂM 2021 - 2022

TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT
PCCC&CNCH, CÔNG AN TỈNH
KT. TRƯỞNG PHÒNG



TRƯỞNG PHÒNG

[Signature]

CHI CỤC TRƯỞNG
CHI CỤC KIỂM LÂM



Đoàn Văn Thanh

Thượng tá Phạm Mạnh Hùng

BAN CHỈ ĐẠO PCCC&CNCH TỈNH

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



[Signature]

Trương Thanh Hào

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY RỪNG
(Chủ rừng là tổ chức)

Tên chủ rừng : Vườn quốc gia Phú Quốc.

Địa chỉ : Ấp Xóm Mới, xã Bãi Thơm, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Điện thoại : 02978.682.555.

PHẦN I
CƠ SỞ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017;
- Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng;
- Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp cấp bách về phòng cháy, chữa cháy rừng;
- Quy trình phòng cháy, chữa cháy rừng Tràm (Ban hành kèm theo quyết định số 4110-QĐ/BNN-KHCN ngày 31/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT);
- Công văn số 1261/SNNPTNT-KHTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông nghiệp tỉnh Kiên Giang về việc triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2022;
- Căn cứ tình hình công tác quản lý bảo vệ rừng, PCCCR trên địa bàn Vườn quốc gia Phú Quốc.

Với phương châm “Phòng là chính, chữa cháy phải kịp thời, hiệu quả” và từ những vấn đề pháp lý, cơ sở thực tiễn; nhằm chủ động ngăn chặn và hạn chế thấp nhất các vụ cháy rừng gây thiệt hại đến tài nguyên rừng do cháy rừng gây ra; nâng cao vai trò trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương, các ngành có liên quan đến công tác quản lý bảo vệ rừng, PCCCR và ý thức chấp hành pháp luật về PCCCR của cộng đồng dân cư. Vườn quốc gia Phú Quốc xây dựng phương án PCCCR mùa khô 2021-2022 cụ thể như sau:

2. Đặc điểm của khu rừng

Vườn quốc gia Phú Quốc có diện tích rừng là 36.262ha, được chia thành 02 hợp phần:

- Hợp phần rừng đặc dụng: 29.596 ha.

- Hợp phần rừng phòng hộ: 6.666 ha.

+ Có 31 tiểu khu, trong đó: Rừng đặc dụng 23 tiểu khu (từ 23 đến 74); Rừng Phòng hộ 08 tiểu khu (từ 75 đến 82).

+ Có 3 hệ sinh thái rừng đặc trưng: Hệ sinh thái rừng ngập mặn, Hệ sinh thái rừng Tràm úng phèn, Hệ sinh thái rừng thường xanh rụng lá cây họ Dầu.

+ Có 9 sinh cảnh rừng: (1) Sinh cảnh rừng thứ sinh ven biển; (2) Sinh cảnh rừng Tràm; (3) Sinh cảnh rừng Truong Nhum; (4) Sinh cảnh rừng thưa cây họ Dầu; (5) Sinh cảnh rừng khô hạn núi đá; (6) Sinh cảnh rừng thường xanh cây họ Dầu; (7) Sinh cảnh rừng cây bụi Sim mua; (8) Sinh cảnh rừng ngập mặn; (9) Sinh cảnh rừng Tràm thưa, Tràm bụi trên đất cát. Đặc biệt sinh cảnh rừng Tràm. Truong Nhum, Trảng tranh và rừng khô hạn trên núi đá.

- Trạng thái rừng, nguồn nước và các tuyến đường giao thông tại các khu vực trọng điểm thường xảy ra cháy:

(1) Xã Bãi Thơm: Khu vực rừng Tràm áp Bãi Thơm, Rạch Tràm; khu vực núi Hàm Rồng, Đá Bao; Khu vực từ Hòn Một đến Xà Lục thuộc tiểu khu 52,53,55. Hiện trạng rừng Tràm thưa xen lẫn đồng cỏ, cây bụi. Nguồn nước: có 31 giếng khơi PCCCR, 28 bồn chứa nước loại 2000 lít và 5000 lít. Có các tuyến đường cơ động PCCCR: Tuyến đường từ Vũng Trâu Nầm tới núi Hòn Chảo, dài 1.350m, rộng 3m; Tuyến đường từ Đồng Tràm Rạch Tràm tới Suối Lớn, dài 1.240m, rộng 3m; Tuyến đường mòn liên xóm Xóm Mới vào Bung Ba Đình, dài 650m, rộng 3m; Tuyến đường Bãi Thơm từ đường Dương Đông - Bắc Đảo đến Bung Sáu Điền, dài 3.700m, rộng 4m; Tuyến đường Bãi Thơm đi Rạch Tràm đến Bào Cá Rô ngoài, dài 460m, rộng 4m; Tuyến đường từ đường lộ Bãi Thơm đến Bào Cá Rô Trong, dài 2.700m, rộng 4m.

(2) Xã Gành Dầu gồm: Khu vực Đồng lớn Gành Dầu; khu vực đồng Tranh cầu số 8 thuộc tiểu khu 60, hiện trạng rừng thứ sinh ven biển và rừng Truong Nhum. Nguồn nước: 09 giếng khơi PCCCR, 04 hồ nước lớn. Có các tuyến đường cơ động PCCCR: Tuyến đường liên xóm Rạch Vem vào Bung Ba Đình dài 360m, rộng 3m.

(3) Xã Cửa Dương: Khu vực Ông Thờ, khu vực cây Thông Trong, khu vực Đồi C5, khu vực Đồi CA thuộc tiểu khu 66, 69, hiện trạng rừng khô hạn trên núi đá tiểu khu 66, 69. Nguồn nước: Vận chuyển bằng xe bồn và sử dụng nguồn nước tự

nhiên từ Suối Cái và giếng khoan công nghiệp. Có các tuyến đường cơ động PCCCR: Tuyến đường Suối Rùa vào Đồng Ông Thu, dài 4.000m, rộng 3,5m-4m; Tuyến đường từ đồi 1 đến đồi 3 ấp Cây Thông Trong, dài 1.400m, rộng 3m.

(4) Xã Hàm Ninh: Khu vực đồng Bãi Bồn. Hiện trạng rừng Tràm thưa xen lẫn đồng cỏ, cây bụi. Nguồn nước: 21 giếng khơi PCCCR, 02 bồn chứa nước. Có các tuyến đường cơ động PCCCR: Tuyến đường giao thông từ lộ 47 Cảng Bãi Vòng, 04 đường cơ động kết nối với khu vực Đồng Tràm Bãi Vòng xã Hàm Ninh, tiêu khu 68, 72 có chiều dài từ 270m đến 700m, rộng 3m.

(5) Xã Cửa Cạn gồm: Khu vực Đồng Bà, khu vực Đồng áp 2 thuộc tiểu khu 64, 65 và các khu vực vùng đệm tiếp giáp với Vườn quốc gia. Hiện trạng rừng Tràm thưa và rừng Truông Nhum. Nguồn nước: 11 giếng khơi PCCCR, 05 bồn chứa nước. Có các tuyến đường cơ động PCCCR dài 1.200m rộng 3m.

(6) Phường An Thới: Khu vực núi Bãi Khem, khu vực núi Bãi Sao, khu vực núi Ra đa thuộc tiểu khu 81, hiện trạng rừng khô hạn trên núi đá, rừng xim, mua, Trảng Tranh. Nguồn nước: 02 bồn chứa nước tại khu vực núi Bãi Khem, vận chuyển bằng xe bồn và sử dụng nguồn nước tự nhiên. Tiếp cận bằng đường mòn cơ động bằng xe honda và đi bộ.

(7) Xã Dương Tơ: Khu vực núi Vu Hương, khu vực núi Bảy Rông (suối Lớn), khu vực Suối Mây thuộc tiểu khu 74, hiện trạng Tràm thưa xen lẫn cây bụi. Nguồn nước: Vận chuyển bằng xe bồn và sử dụng nguồn nước giếng khoan, nước tự nhiên (suối, ao hồ, nước biển). Tiếp cận bằng đường mòn cơ động bằng xe honda và đi bộ.

- Về địa hình Vườn quốc gia Phú Quốc có địa hình đồi núi, độ dốc lớn từ 15-30° có nơi 45°, ở khu vực đồi núi cao các tuyến đường tiếp cận khó khăn, nhiều khu vực không có đường xe vào, chỉ cơ động bằng đường mòn, lối mở đi bộ, do đó khi có cháy xảy ra rất khó triển khai lực lượng tiếp cận nhanh để xử lý đám cháy.

- Về giao thông có nhiều tuyến đường giao thông chính nối liền các xã xuyên qua Vườn quốc gia và một số tuyến đường mòn, đường dân sinh liên xóm, ấp.

- Về nguồn nước phục vụ PCCCR, chủ yếu lấy từ 83 giếng khơi PCCCR, 31 bồn chứa nước loại 2.000 lít, 10 bồn loại 5.000 lít và 02 téc nước loại 4.000 lít, bốn bể xi măng thể tích 12m³/bể đặt cố định và cơ động tại các địa điểm xung yếu xảy ra cháy rừng; Lợi dụng nguồn nước tự nhiên từ sông, suối, rạch và các khu vực gần biển để phục vụ công tác PCCCR.

- Có các cụm dân cư tập trung trên các địa bàn trung tâm 7 xã, 02 phường. Ngoài ra còn có số lượng dân di cư lớn sống rải rác trong rừng, ven rừng theo các tuyến đường giao thông xuyên qua rừng, đồng thời còn một bộ phận lớn lượng công nhân lao động đang làm việc tại các công trình xây dựng ở khu vực vùng đệm tiếp giáp với Vườn quốc gia.

3. Những nguy cơ gây cháy rừng

Do người dân sống đan xen trong rừng, ven rừng các công trình xây dựng gần rừng tập trung đông công nhân, sử dụng lửa sinh hoạt bất cẩn; Đốt nương rẫy canh tác, đốt lán chiếm, đốt phá do thù ghét cá nhân; Lốp thực bì tích lũy qua nhiều năm, nhiều khu vực tập trung trảng cỏ Tranh, cỏ Đốt trúc, cỏ Năng, cỏ Lác, cây

bụi, dây leo, rừng Tràm; thời tiết nắng nóng khô hạn độ ẩm không còn nhiệt độ tăng cao dẫn đến khả năng cháy rừng rất lớn.

4. Thực trạng công tác phòng cháy và chữa cháy rừng

4.1. Tình hình cháy rừng:

Trong 31 tiểu khu Vườn quốc gia quản lý có 17 tiểu khu có nguy cơ cháy cao cụ thể là các tiểu khu 52, 53, 54, 56 xã Bãi Thơm. Tiểu khu 60, 61 xã Gành Dầu. Tiểu khu 64, 65 xã Cửa Cạn. Tiểu khu 66, 69, 70, 73 xã Cửa Dương. Tiểu khu 68, 75 xã Hàm Ninh. Tiểu khu 77, 79 80 xã Dương Tơ. Tiểu khu 81 phường An Thới.

Thống kê trong mùa khô năm 2020 - 2021 xảy ra 13 vụ cháy:

➤ Rừng đặc dụng (Vườn quốc gia):

- Số vụ cháy xảy ra: 08 vụ.

- Tổng diện tích: 24.412 m².

- Đặc điểm cháy: Các vụ cháy xảy ra hầu hết là cháy lớp thực bì ở khu vực rừng tràm, rừng chồi tái sinh; cháy lướt lớp lá khô thân cây mục trong rừng gỗ lớn; cháy tán và cháy ngầm có nhưng rất ít xảy ra.

- Khu vực thường xảy ra cháy: Nguy cơ cháy cao ở các tiểu khu 52 (khu vực Đá Hang); Tiểu khu 53, 54 (rừng Tràm Bãi Thơm và núi Hàm Rồng); Tiểu khu 56 (khu vực Hòn Một đến Xà Lược); Tiểu khu 60, 61 (khu vực đồng lớn Gành Dầu và đồng Tràm cầu số 8); Tiểu khu 64, 65 (khu vực đồng áp 2, Đồng Bà Cửa Cạn); Tiểu khu 66 (khu vực Ông Thờ); tiểu khu 68 (khu vực Đồng Bãi Bồn); Tiểu khu 69, 70, 73 (khu vực đồi C5, đồi CA, Cây Thông Trong) và các khu vực vùng đệm tiếp giáp với Vườn quốc gia có hiện trạng đồng cỏ, dây leo, cây bụi, tràm thưa.

➤ Rừng phòng hộ:

- Số vụ cháy xảy ra: 05 vụ.

- Tổng diện tích: 83.627 m².

- Đặc điểm cháy: Các vụ cháy xảy ra hầu hết là cháy rừng chồi, rừng non, rừng tràm; đất người dân dọn rẫy đốt cháy lan.

- Khu vực thường xảy ra cháy: Nguy cơ cháy cao ở các tiểu khu 75 (khu vực Đồng tràm cây Sao); Tiểu khu 77 (khu vực Suối Mây); Tiểu khu 79 (khu vực Bảy Rồng, Suối Lớn); Tiểu khu 80 (khu vực núi Vô Hương) xã Dương Tơ; Tiểu khu 81 (khu vực núi Bãi Khem, núi Bãi Sao, núi Rada) phường An Thới. Hiện trạng chủ yếu là đồng cỏ, dây leo, cây bụi, Tràm thưa.

4.2. Thời điểm xảy ra cháy

Thời kỳ cao điểm cháy rừng bắt đầu từ tháng 12 đến tháng 05 năm sau, dự báo cấp cháy rừng từ tháng 12 đến tháng 01 ở cấp III, IV, từ tháng 02 đến tháng 05 dự báo cấp cháy ở cấp V. Thời gian xảy ra cháy cao điểm từ 12 giờ đến 15 giờ hàng ngày.

4.3. Lực lượng tham gia PCCCR:

Lực lượng tham gia PCCCR gồm có Vườn quốc gia Phú Quốc; UBND 07 xã và 02 phường; Các lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn như: Lữ đoàn 950, Vùng 5 Hải quân, Cảnh Sát biển 4, Ban Chỉ huy các Đoàn biên phòng, Đội Cảnh sát

PCCC&CNCH, Hạt Kiểm lâm thành phố Phú Quốc. Tuy nhiên lực lượng trực tiếp tham gia công tác PCCCR vẫn là lực lượng quản lý bảo vệ rừng Vườn quốc gia Phú Quốc là chủ công, chủ lực là lực lượng quân đội.

4.4. Phương tiện, thiết bị, công cụ PCCCR hiện có

- Phương tiện:

+ Xe chuyên dùng chở nước chữa cháy. Xe máy cày: 02 chiếc. Xe ủi: 01 chiếc. Xe tải lớn: 01 chiếc, tải nhỏ: 01 chiếc (chở lực lượng và thiết bị chữa cháy).

- Dụng cụ:

- + Máy bơm phao: 08 cái; dây dẫn nước: 105 cuộn.
- + Máy Honda bơm áp lực: 43 cái; dây dẫn nước P 8,5: 338 cuộn.
- + Bồn nhựa 2.000 lít chứa nước: 44 cái. 10 bồn inox loại 5000 lít, 04 bể xi măng chứa nước thể tích 12 m³/bể
- + Phi nhựa chứa nước: 02 cái.
- + Bình xịt Inox: 31 cái.
- + Máy thổi gió: 09 cái.
- + Máy chữa cháy đeo vai: 80 cái.
- + Ống nhôm: 12 cái.
- + Máy định vị GPS: 11 cái.
- + Dụng cụ thô sơ khác (cái): Rựa 132, lạng 134, bàn cào 28, can nhựa 238.

4.5. Các giải pháp PCCCR đang áp dụng

- Công tác tuyên truyền:

+ Triển khai đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng các hình thức phát loa phóng thanh và họp các cụm dân cư sống gần rừng, ven rừng về nội dung các văn bản của Trung ương, tỉnh, thành phố về bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, về PCCCR nhằm nâng cao ý thức và sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương vào công tác quản lý bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng. Tuyên truyền hướng dẫn hộ gia đình sống gần rừng, ven rừng ký cam kết bảo vệ rừng, PCCCR

+ Thực hiện các phóng sự chuyên mục về công tác quản lý bảo vệ rừng và PCCCR trong các tháng mùa khô.

+ Cắm biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng, bảng cấm, bảng nội quy, bảng tuyên truyền nội dung quản lý, bảo vệ rừng và PCCCR.

- Tổ chức, thực hiện diễn tập PCCCR trang bị kiến thức, kỹ năng và tình huống thực tiễn về cháy rừng cho các xã; các công ty, doanh nghiệp thuê môi trường rừng, các đơn vị nhận khoán bảo vệ rừng; người dân và lực lượng vũ trang đóng quân trên địa bàn Vườn quốc gia.

- Các giải pháp giảm vật liệu cháy:

+ Vào đầu mùa mưa dùng máy cày có gắn bánh lồng sắt tiến hành trục các khu vực đồng cỏ và đầu mùa khô tiến hành cày ủi đường băng cản lửa ở các khu vực trọng điểm rộng từ 15m-20m và cày phân lô các đường băng trắng từ 8m-10m cách ly chống cháy lan vào rừng gỗ lớn; Ngoài ra dùng lềm hoặc máy cắt cỏ tiến hành cắt các đường băng trắng cản lửa ở các khu vực đồng tranh, trắng cỏ, cây bụi,

có địa hình phức tạp không đưa cơ giới vào xử lý được. Diện tích xử lý cây úi hằng năm 622,876 ha (*kèm theo sơ đồ vị trí cụ thể từng khu vực*).

+ Nạo vét, đào mới các giếng khơi để đảm bảo nguồn nước phục vụ công tác PCCCR. Kiểm tra bảo dưỡng các loại máy, phương tiện chuyên dụng để kịp thời chữa cháy rừng.

- Giải pháp tổ chức;

+ Kiện toàn Ban Chỉ huy PCCCR của Vườn quốc gia Phú Quốc thành phần gồm: Ban Giám đốc do đồng chí Giám đốc làm Trưởng ban; Mời Chủ tịch UBND các xã, phường; Mời Các đồng chí: Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 950, Tư lệnh Vùng 5 Hải quân, Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 4, Chỉ huy trưởng BCH Biên phòng Cửa khẩu cảng Dương Đông, Chỉ huy trưởng BCH Quân sự thành phố Phú Quốc, Đội trưởng Đội Cảnh sát PCCC&CNCH thành phố Phú Quốc làm Phó Trưởng ban; Mời Đoàn trưởng các Đoàn Biên phòng: Xà Lục, Rạch Tràm, Gành Dầu, An Thới; Trưởng các Phòng chuyên môn thuộc Vườn quốc gia; các Đội trưởng Đội quản lý bảo vệ rừng ở địa bàn làm thành viên.

+ Xây dựng Quy chế hoạt động của các thành viên ban chỉ huy PCCCR Vườn quốc gia Phú Quốc, phân công rõ trách nhiệm cho Trưởng ban, các phó Trưởng ban và các thành viên Ban Chỉ huy PCCCR Vườn quốc gia trong công tác PCCCR.

+ Đóng các lán trại, hợp đồng nhân sự tăng cường công tác PCCCR, trực tháp quan sát lửa rừng đảm bảo theo quy định.

+ Khoanh vùng trọng điểm, tổ chức tuần tra, kiểm soát chặt chẽ các khu vực trọng điểm dễ xảy ra cháy rừng.

4.6. Các yếu tố tự nhiên, kinh tế xã hội ảnh hưởng đến nguy cơ cháy rừng.

- Yếu tố tự nhiên:

Qua các mùa khô gần đây cho thấy thời tiết hàng năm tiếp tục diễn biến phức tạp, khó dự đoán, mùa mưa chấm dứt sớm, nắng hạn kéo dài, hầu hết các suối đều cạn kiệt nước, lượng nước ngầm giảm sút, do đó nguy cơ xảy ra cháy rừng rất cao và trên diện rộng rất khó kiểm soát.

Địa hình Vườn quốc gia phân bố và chia cắt phức tạp từ Bắc đảo xuống Nam đảo và 17 hòn đảo lớn nhỏ thuộc quần đảo An Thới rất khó khăn cho công tác tổ chức tuần tra bảo vệ cũng như PCCCR.

- Yếu tố Kinh tế - Xã hội:

Vườn quốc gia Phú Quốc có nhiều đường giao thông xuyên qua rừng và ở một số xã, dân cư sinh sống không thành cụm mà rải rác đan xen với rừng. Số dân cư tự do không nghề nghiệp chủ yếu sống dựa vào tài nguyên rừng, phá rừng làm nương rẫy, đặc biệt là việc lán, chiếm rừng, mua bán trái phép đất rừng gây khó khăn trong việc quản lý cũng như công tác xử lý vi phạm. Giá cả đất đai gia tăng dẫn đến việc chiếm đất, đốt cháy cây rừng lấy đất bán, thu lợi bất chính.

PHẦN II PHÒNG CHÁY RỪNG

1. Tổ chức lực lượng phòng cháy và chữa cháy rừng

- Về thành lập Ban Chỉ huy, Tổ, Đội PCCCR;

Theo khoản 20, điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy quy định: *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ sở, chủ rừng, chủ phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi quản lý của mình, chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng phương án chữa cháy sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ đối với thôn, cơ sở, rừng, phương tiện giao thông.* Tuy nhiên, do đặc thù rừng của Vườn quốc gia Phú Quốc trải đều trên địa bàn các xã, phường của thành phố Phú Quốc, các đơn vị lực lượng vũ trang đóng quân và có nhận khoán bảo vệ rừng nên đề thuận tiện cho việc huy động lực lượng chữa cháy rừng, hàng năm Vườn quốc gia Phú Quốc kiến toàn Ban Chỉ huy PCCCR của Vườn quốc gia Phú Quốc có 42 đ/c gồm: Ban Giám đốc Vườn quốc gia Phú Quốc (Do Giám đốc làm Trưởng ban); Mời Chủ tịch UBND các xã, phường; Mời các đồng chí: Lữ đoàn Trưởng Lữ đoàn 950, Tư lệnh Vùng 5 Hải quân, Tư lệnh Vùng Cảnh sát 4, Chỉ huy trưởng BCH Biên Phòng Cửa khẩu cảng Dương Đông, Chỉ huy trưởng BCH Quân sự thành phố, Đội trưởng Đội Cảnh sát PCCC&CNCH thành phố làm Phó Trưởng ban; Mời Đoàn trưởng các Đoàn biên phòng: Xà Lục, Rạch Tràm, Gành Dầu, An Thới làm thành viên; Trưởng Phòng các Phòng chuyên môn và các Đội trưởng Đội Quản lý bảo vệ rừng làm thành viên.

Đa số các thành viên Ban Chỉ huy PCCCR Vườn quốc gia đều được tham gia tổ chức tập huấn, diễn tập PCCCR hàng năm do Vườn quốc gia Phú Quốc tổ chức.

Thành lập 02 Tổ PCCCR của Vườn quốc gia: Tổ 1 gồm có 30 người thuộc bộ phận Văn phòng Vườn quốc gia. Tổ 2: Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng có 60 người, bố trí ở các Đội quản lý bảo vệ rừng địa bàn chịu trách nhiệm thường trực trong công tác PCCCR trên địa bàn quản lý, phối hợp chặt chẽ với UBND các xã, lực lượng vũ trang tuyên truyền, tuần tra kiểm soát PCCCR trên toàn địa bàn.

Đề xuất kiến toàn 17 Đội PCCCR gồm có 989 người ở các xã, phường, các đơn vị lực lượng vũ trang đóng quân trên địa bàn.

- Về quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy PCCCR.

Vườn quốc gia xây dựng quy chế hoạt động của thành viên Ban Chỉ huy PCCCR Vườn quốc gia Phú Quốc, phân công rõ trách nhiệm cho Trưởng Ban, các Phó trưởng ban và các thành viên trong công tác PCCCR. Đội trưởng các Đội quản lý bảo vệ rừng thông báo ngay cho Trưởng Ban PCCCR của Vườn quốc gia Phú Quốc và Ban Chỉ huy PCCCR của xã, phường, đồng thời huy động lực lượng và nhân dân, cùng các phương tiện, dụng cụ hiện có thực hiện phương châm 04 tại chỗ để dập tắt đám cháy kịp thời.

Ngoài ra khi xảy ra cháy ở khu vực nào thì Ban Chỉ huy cấp xã, phường huy động lực lượng quần chúng tại chỗ tham gia chữa cháy.

2. Các biện pháp phòng cháy rừng

2.1. Xác định thời gian dễ xảy ra cháy trên địa bàn

Mùa khô ở Phú Quốc thường bắt đầu từ tháng 12 năm trước đến hết tháng 05 của năm sau, nguy cơ cháy rừng rất cao dự báo cấp cháy ở mức từ cấp III đến cấp V (cấp cực kỳ nguy hiểm) trong suốt các tháng mùa khô.

2.2. Xây dựng bản đồ phân vùng trọng điểm cháy rừng;

*** Địa bàn rừng đặc dụng, diện tích khoảng 5.737,19ha**

- Xã Bãi Thơm gồm: Khu vực rừng Tràm Bãi Thơm, khu vực rừng Rạch Tràm, khu vực núi Hàm Rồng, khu đồng tranh Ba Cường (1.623,22 ha), khu vực từ Hòn Một đến Xà Lược, (247,88 ha) thuộc các tiểu khu 52, 53, 54, 55, 56. Hiện trạng: Tràm thưa xen lẫn cây bụi, cỏ.

- Xã Gành Dầu gồm: Khu vực Đồng lớn Gành Dầu thuộc các tiểu khu 60, 61. Bưng Ba Đình Rạch Vẹm, khu vực đồng Tràm cầu số 8 (846,48 ha). Hiện trạng: Tràm thưa xen lẫn cây bụi, cỏ.

- Xã Cửa Dương gồm: Khu vực Ông Thờ, khu vực Cây Thông Trong, khu vực Đồi C5, khu vực Đồi CA (1.122,54 ha) thuộc các tiểu khu 66, 69, 70, 73. Hiện trạng: Đồng cỏ xen lẫn cây bụi.

- Xã Hàm Ninh gồm: Khu vực đồng Bãi Bồn, Rạch Cá diện tích (1.073,65 ha) thuộc các tiểu khu 68, 72. Hiện trạng: Tràm thưa xen lẫn cây bụi, cỏ.

- Xã Cửa Cạn gồm: Khu vực Đồng Bà, khu vực Đồng áp 2 diện tích (611,75 ha) thuộc các tiểu khu 64, 65 và các khu vực vùng đệm tiếp giáp với Vườn quốc gia. Hiện trạng: Tràm thưa xen lẫn cây bụi, cỏ.

- Xã Dương Tơ diện tích 211,67 ha thuộc tiểu khu 74. Hiện trạng rừng trồng, rừng phục hồi.

*** Địa bàn rừng Phòng hộ diện tích 1.036,37 ha**

- Phường An Thới gồm: Khu vực núi Bãi Khem, núi Bãi Sao, núi Danh Cừ, núi Ông Bồn (diện tích 108,76 ha) thuộc tiểu khu 81.

- Xã Dương Tơ gồm: Khu vực núi Vô Hương, núi Bảy Rồng (diện tích 429,88 ha) thuộc các tiểu khu 74, 77, 78, 80. Hiện trạng tràm thưa xen lẫn cây bụi, cỏ.

- Xã Hàm Ninh khu vực đồng tràm Bãi Vòng, núi Bảy Rồng (diện tích 163,73 ha) thuộc tiểu khu 78. Hiện trạng tràm thưa xen lẫn cây cỏ bụi.

- Xã Cửa Dương khu vực đồng tràm Cây Sao (diện tích 334 ha) thuộc tiểu khu 75. Hiện trạng tràm thưa xen lẫn cỏ bụi.

(Có bản đồ các vùng trọng điểm cháy rừng kèm theo)

2.3. Xây dựng dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy và phát hiện sớm lửa rừng

- Tăng cường tổ chức lực lượng tuần tra kiểm soát PCCCR tại các khu vực được xác định nguy cơ cháy cao. Kiểm soát chặt chẽ người dân ra vào rừng, tuyên truyền vận động người dân không được sử dụng nguồn lửa gây cháy rừng.

- Bố trí lực lượng chốt chặn, ứng trực tại các điểm có nguy cơ dễ xảy ra cháy. Tổ chức đóng 10 lán trại và các Đội tuần tra phòng chống cháy đóng quân thường trực 24/24 tại các khu vực trọng điểm dễ xảy ra cháy.

- Cắm các bảng cắm, bảng dự báo cấp cháy nhằm cảnh báo nguy cơ cháy rừng đến cộng đồng dân cư nhằm nâng cao ý thức trong công tác PCCCR, đồng thời bố trí lực lượng trực tháp quan sát 24/24 trong các tháng cao điểm mùa khô nhằm phát hiện sớm lửa rừng.

- Vận động, tuyên truyền nhân dân sống gần rừng, ven rừng, trong rừng khi phát hiện cháy rừng phải báo ngay cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng Vườn quốc gia gần nhất hoặc chính quyền địa phương để kịp thời xử lý.

2.4. Công tác tuyên truyền giáo dục

- Tổ chức tuyên truyền giáo dục sâu rộng bằng nhiều hình thức; dùng loa phóng thanh lưu động trên xe ô tô. Hợp cụm dân cư sống gần rừng, ven rừng về những nội dung các văn bản quy định về phòng cháy chữa cháy rừng, chống chặt phá rừng của Trung ương, tỉnh, thành phố. Nhằm nâng cao ý thức và sự tham gia của cộng đồng dân cư vào công tác quản lý bảo vệ rừng và PCCCR.

- Tuyên truyền hướng dẫn cho các hộ gia đình sống gần rừng, ven rừng thực hiện ký cam kết bảo vệ rừng, PCCCR.

- Lồng ghép nội dung tuyên truyền vào các cuộc họp của dự án phát triển sinh kế vùng đệm có 21 ấp tham dự.

- Phối hợp với Đài truyền hình tỉnh Kiên Giang, Đài truyền thanh truyền hình thành phố Phú Quốc làm phóng sự chuyên mục về công tác phòng cháy chữa cháy rừng từ 02 đến 03 lần.

- Tuyên truyền trong hoạt động Câu lạc bộ xanh đối với các Trường phổ thông cơ sở trên địa bàn.

2.5. Huấn luyện và diễn tập chữa cháy rừng;

Vườn quốc gia Phú Quốc xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập PCCCR và phối hợp Đội Cảnh sát PCCC&CNCH thành phố Phú Quốc triển khai kiến thức pháp luật về phòng cháy chữa cháy, biện pháp chữa cháy, phương pháp bảo quản, sử dụng phương tiện phòng cháy chữa cháy... cho lực lượng của ngành, lực lượng các xã, các đơn vị lực lượng vũ trang...

Vào tháng 01/2022, Vườn quốc gia sẽ tổ chức 02 cuộc Hội nghị tập huấn, diễn tập công tác PCCCR năm 2022 tại khu vực phía nam (khu rừng Phòng hộ) và phía bắc Vườn quốc gia theo phương châm 04 tại chỗ, lực lượng tham gia, gồm: Vườn quốc gia Phú Quốc, Chỉ huy Kiểm lâm Kiên Giang, Hạt Kiểm lâm thành phố Phú Quốc, Đội Cảnh sát PCCC&CNCH, Ban Chỉ đạo PCCC-CNCH thành phố, Ban Chỉ huy Quân sự thành phố, các đơn vị lực lượng vũ trang, chính quyền địa phương và các đơn vị nhận khoán bảo vệ rừng, các doanh nghiệp thuê môi trường rừng. Nhằm chủ động trong công tác chỉ huy, điều động lực lượng, phương tiện, kỹ thuật, an toàn trong chữa cháy...

2.6. Xây dựng và duy trì các công trình PCCCR.

- Duy trì, sửa chữa, các công trình PCCCR hiện có gồm: Đập tràn: 03 cái; Tháp canh lửa: 08 cái; Giếng khơi: 83 cái; Bể chứa nước: 04 bể, mỗi bể 12 m³, Bồn chứa nước loại 2.000 lít: 26 cái, đặt cố định trong rừng; Bồn chứa nước loại 2.000 lít: 08 cái và téc nước loại 4.000 lít: 02 cái, cơ động đến các địa điểm xung yếu; Bảng nội quy, bảng hướng dẫn vào giếng, bồn chứa nước, biển cấm, biển báo

(lớn, nhỏ): 117 bảng; Hệ thống bảng nội quy bảo vệ rừng Vườn quốc gia Phú Quốc, bảng dự báo cấp cháy, biển báo, biển cấm lửa; Hệ thống tháp canh lửa.

- Kiểm tra sửa chữa các tuyến đường cơ động PCCCR:

+ Tiểu khu 52, tuyến đường Vũng Trâu Nầm - Núi Hòn Chảo (dài 1.350m, rộng 3m),

+ Tiểu khu 53, 55 gồm tuyến đường cơ động Đồng Tràm - Rạch Tràm tới suối lớn Rạch Tràm (dài 1.240m, rộng 3m); Tuyến đường từ lộ Bãi Thơm đến Bào cá rô trong (dài 2.700m, rộng 4m); Tuyến đường Bãi Thơm đi Rạch Tràm đến Bào cá rô ngoài (dài 460m, rộng 4m); Tuyến đường Bãi Thơm từ đường Dương Đông Bắc đảo đến bung Sáu Điền (dài 3.700m, rộng 4m).

+ Tiểu khu 58, tuyến đường liên xóm Rạch Vẹm vào bung Ba Đình (dài 360m rộng 3m).

+ Tiểu khu 60, tuyến đường khu vực đồng lớn Bãi Dài (dài 600m, rộng 3m).

+ Tiểu khu 61, tuyến đường mòn liên xóm từ Xóm Mới vào bung Ba Đình (dài 650m, rộng 3m).

+ Tiểu khu 64, tuyến đường cơ động từ lộ Bãi Thơm - Cửa Dương (dài 1.200m, rộng 3m).

+ Tiểu khu 66, tuyến đường Suối Rùa vào đồng Ông Thu (dài 4.000m, rộng 3m).

+ Tiểu khu 78, các tuyến đường kết nối đường giao thông chính với khu vực Đồng tràm Bãi Vòng, xã Hàm Ninh (dài từ 270m - 700m, rộng 3m).

+ Tiểu khu 64 Phân khu phục hồi sinh thái Vườn quốc gia Phú Quốc, tuyến đường có tổng chiều dài 1.316m x rộng 3,5m, diện tích 5.264 m²; điểm đầu kết nối từ đường giao thông Cửa Cạn - Gành Dầu, điểm cuối giáp ranh giữa Vườn quốc gia Phú Quốc và dự án Khu du lịch sinh thái Vũng Bầu.

2.7. Xây dựng các giải pháp làm giảm vật liệu cháy.

- Tổ chức cây, ủi đường băng trắng cản lửa rộng 16m, chia lô rộng 10m với tổng diện tích cây bao là 410,66 ha, diện tích thực cây 76,32 ha, tại xã Bãi Thơm, và xã Cửa Cạn

- Cày trục cỏ tại đồng tràm Bãi Thơm, đồng Tràm Rạch Tràm, đồng Bà Cửa Cạn với diện tích phải xử lý là: 174,132 ha.

- Xử lý kỹ thuật đốt có kiểm soát tại khu vực Đá Hang núi Hòn Chảo, Vũng Trâu Nầm, ấp Rạch Tràm, xã bãi Thơm, diện tích: 2,29 ha hiện trạng cỏ tranh.

2.8. Xây dựng và thực hiện phát hiện điểm cháy rừng

- Phân công trực tháp quan sát phát hiện sớm lửa rừng trên 08 tháp canh lửa xuyên suốt thời điểm có nguy cơ cháy cao trong ngày và thường xuyên trong mùa khô.

- Bố trí lực lượng đóng 10 lán trại và tổ chức các đội tuần tra phòng chống cháy thường trực 24/24 tại các khu vực trọng điểm dễ xảy ra cháy.

+ Địa bàn Bãi Thơm 05 lán; 01 lán tại đồng Sáu Điền, 01 lán tại Bàu cá rô, 01 lán tại Nghĩa trang tự phát ấp Bãi Thơm; 02 lán tại Vũng Trâu nằm ấp Rạch Trầm lực lượng là 20 người.

+ Địa bàn xã Hàm Ninh 01 lán tại đồng Bãi Bồn, ấp Bãi Bồn xã Hàm Ninh, lực lượng 04 người.

+ Địa bàn xã Cửa Cạn 01 lán tại Đồng Bà ấp 2 xã Cửa Cạn, lực lượng 04 người.

+ Địa bàn xã Gành Dầu 02 lán; 01 lán tại ấp Chuông Vích, 01 tại ấp Gành Dầu, xã Gành Dầu, lực lượng 08 người.

+ Địa bàn xã Dương Tơ 01 lán, lực lượng 04 người.

- Vận động các hộ dân cư sống gần rừng, ven rừng ký cam kết PCCCR, phối hợp cung cấp thông tin khi có cháy rừng xảy ra. Đảm bảo chế độ thông tin liên lạc xuyên suốt giữa người dân với lực lượng quản lý bảo vệ rừng Vườn quốc gia và Ban Chỉ huy PCCCR Vườn quốc gia, các Đội PCCCR của các xã, phường, thành phố, đơn vị lực lượng vũ trang.

3. Trang bị phương tiện và thiết bị phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng:

- Về phương tiện: Xe chuyên dùng chở nước và chữa cháy 4m³: 01 chiếc. Xe máy cày: 02 chiếc. Xe ủi: 01 chiếc. Xe tải lớn: 01 chiếc, tải nhỏ: 01 chiếc (chở lực lượng và trang thiết bị chữa cháy).

- Về dụng cụ: Máy bơm phao: 08 cái; dây dẫn nước: 105 cuộn. Máy Honda bơm áp lực: 44 cái; dây dẫn nước P 8,5: 338 cuộn. Bồn nhựa 2.000 lít chứa nước: 44 cái. Phi nhựa chứa nước: 02 cái. Bình xịt Inox: 31 cái. Máy thổi gió: 09 cái. Máy chữa cháy đeo vai: 80 cái. Thùng tưới nước: 50 và một số dụng cụ thô sơ khác Rựa, lạng, bàn cào, can nhựa,...

- Bố trí trang bị phương tiện, dụng cụ phòng cháy chữa cháy rừng cụ thể:

+ Phòng Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng: 01 xe chuyên dùng chở nước và chữa cháy 4m³, 02 xe máy cày, 01 xe tải lớn, 01 xe tải nhỏ, 02 máy bơm phao, 7 máy Honda bơm áp lực, 11 máy chữa cháy đeo vai, 02 máy thổi gió, 09 bồn nhựa 2.000 lít chứa nước, 18 bình xịt Inox, 07 Thùng tưới nước, 147 cuộn ống dây chữa cháy loại 8,5mm, 20 cuộn dây vải chữa cháy, 06 ống nhôm, 01 máy định vị GPS và dụng cụ thô sơ khác rựa, lạng, bàn cào, can nhựa .

+ Đội QLVR Rạch Cá: 01 máy Honda bơm áp lực, 04 máy chữa cháy đeo vai, 01 máy thổi gió, 02 bình xịt Inox, 10 cuộn ống dây chữa cháy loại 8,5mm, 01 máy định vị GPS và dụng cụ thô sơ khác,...

+ Đội QLVR Cây Sao: 03 máy Honda bơm áp lực, 04 máy chữa cháy đeo vai, 01 máy thổi gió, 37 cuộn ống dây chữa cháy loại 8,5mm, 01 máy định vị GPS và dụng cụ thô sơ khác,...

+ Đội QLVR Đá Chông: 01 máy bơm phao, 02 máy Honda bơm áp lực, 05 máy chữa cháy đeo vai, 01 máy thổi gió, 04 bồn nhựa 2.000 lít chứa nước, 02 bình xịt Inox, 35 cuộn ống dây chữa cháy loại 8,5mm, ống dây vải chữa cháy 17 cuộn 01 máy định vị GPS và dụng cụ thô sơ khác,...

+ **Đội QLVR Bãi Thơm:** 01 máy bơm phao, 05 máy Honda bơm áp lực, 06 máy chữa cháy đeo vai, 01 máy thổi gió, 28 bồn nhựa 2.000 lít chứa nước, 26 cuộn ống dây chữa cháy loại 8,5mm, 01 ống nhôm, 01 máy định vị GPS và dụng cụ thô sơ khác...

+ **Đội QLVR Rạch Tràm:** 01 máy bơm phao, 02 máy Honda bơm áp lực, 04 máy chữa cháy đeo vai, 20 cuộn ống dây chữa cháy loại 8,5mm, dây vải chữa cháy 20cuộn, 01 ống nhôm, 01 máy định vị GPS và dụng cụ thô sơ khác.

+ **Đội QLVR Xóm Mới:** 01 máy Honda bơm áp lực, 02 máy chữa cháy đeo vai, 10 cuộn ống dây chữa cháy loại 8,5mm, 01 máy định vị GPS và dụng cụ thô sơ khác...

+ **Đội QLVR Gành Dầu:** 03 máy Honda bơm áp lực, 06 máy chữa cháy đeo vai, 01 máy thổi gió, 14 cuộn ống dây chữa cháy loại 8,5mm, 01 máy định vị GPS và dụng cụ thô sơ khác...

+ **Đội QLVR Bãi Dài:** 02 máy Honda bơm áp lực, 03 máy chữa cháy đeo vai, 01 máy thổi gió, 02 bồn nhựa 2.000 lít chứa nước, 02 bình xịt Inox, 22 cuộn ống dây chữa cháy loại 8,5mm, 02 ống nhôm, 01 máy định vị GPS và dụng cụ thô sơ khác...

+ **Đội QLVR Cửa Cạn:** 01 máy bơm phao, 02 máy Honda bơm áp lực, 06 máy chữa cháy đeo vai, 08 bồn nhựa 2.000 lít chứa nước, 01 bình xịt Inox, 23 cuộn ống dây chữa cháy loại 8,5mm, dây vải chữa cháy 12 cuộn 01 ống nhôm, 01 máy định vị GPS và dụng cụ thô sơ khác...

+ **Đội QLVR Bến Tràm:** 02 máy Honda bơm áp lực, 03 máy chữa cháy đeo vai, 01 máy thổi gió, 10 cuộn ống dây chữa cháy loại 8,5mm, 01 ống nhôm, 01 máy định vị GPS và dụng cụ thô sơ khác,...

+ **Đội QLVR Rạch Vẹm:** 02 máy Honda bơm áp lực, 04 máy chữa cháy đeo vai, 07 Thùng tưới nước, 10 cuộn ống dây chữa cháy loại 8,5mm, 01 máy định vị GPS và dụng cụ thô sơ khác...

+ **Đội QLVR Hàm Ninh – Dương Tơ:** 02 máy Honda bơm áp lực, 08 máy chữa cháy đeo vai, 01 máy bơm phao, 07 Thùng tưới nước, 30 cuộn ống dây chữa cháy loại 8,5mm, 6 cuộn dây vải chữa cháy, 01 máy định vị GPS và dụng cụ thô sơ khác...

+ **Đội QLVR Suối Lớn:** 01 máy Honda bơm áp lực, 03 máy chữa cháy đeo vai, 07 Thùng tưới nước, 10 cuộn ống dây chữa cháy loại 8,5mm, 01 máy định vị GPS và dụng cụ thô sơ khác...

+ **Đội QLVR An Thới:** 02 máy Honda bơm áp lực, 03 máy chữa cháy đeo vai, 01 máy thổi gió, 07 Thùng tưới nước, 10 cuộn ống dây chữa cháy loại 8,5mm, 01 máy định vị GPS và dụng cụ thô sơ khác...

4. Kinh phí.

Tổng dự toán kinh phí phòng cháy chữa cháy rừng: **4.000.000.000 (Bốn tỷ đồng)**. Kèm theo dự toán chi tiết.

PHẦN III

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG CHÁY RỪNG

1. Tình huống xảy ra cháy rừng (Chủ rừng tự tổ chức chữa cháy)

1.1. Giả định xảy ra cháy khu vực rừng Mũi Dương, ấp Chuông Vích, xã Gành Dầu, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tại Tiểu khu 60 Phân khu phục hồi sinh thái rừng đặc dụng (Vườn quốc gia). Hiện trạng rừng thứ sinh ven biển.

- Lúc giờ G, ngày N, viên chức quản lý bảo vệ rừng trực tháp quan sát phòng cháy chữa cháy rừng Bãi Dài phát hiện đám cháy tại khu vực rừng Mũi Dương, ấp Chuông Vích, xã Gành Dầu, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, lập tức báo cáo cho Đội trưởng Đội Quản lý bảo vệ rừng Gành Dầu. Sau khi nhận được tin báo, Đội trưởng Đội Quản lý bảo vệ rừng Gành Dầu lập tức báo cáo về Ban Chỉ huy PCCCR của Vườn quốc gia Phú Quốc để chỉ đạo, huy động điều động phương tiện, lực lượng và tổ chức chữa cháy. Đồng thời tổ chức ngay lực lượng tại chỗ để xử lý đám cháy.

Sau khi nhận báo cáo từ Đội trưởng Đội Quản lý bảo vệ rừng Gành Dầu; Ban Chỉ huy PCCCR Vườn quốc gia chỉ đạo tập trung huy động lực lượng đến đám cháy, khu vực xảy ra cháy là rừng thứ sinh ven biển, cây chồi tái sinh, có cấp kính nhỏ xen lẫn trảng cỏ, dây leo cây bụi. Thời gian cháy là vào buổi trưa. Dạng cháy tán và đang lúc gió mạnh. Sau khi tiếp cận và quan sát đám cháy. Trưởng Ban Chỉ huy PCCCR Vườn quốc gia trực tiếp chỉ huy và phân công nhiệm vụ, phương tiện, dụng cụ, lực lượng triển khai chữa cháy.

1.2. Chiến thuật chữa cháy rừng:

- Về phương pháp chữa cháy: Áp dụng phương pháp chữa cháy trực tiếp và chữa cháy gián tiếp.

- Về biện pháp chữa cháy:

+ Chữa cháy trực tiếp: Dùng nước phun vào đám cháy, dùng chà cây đập lửa...

+ Chữa cháy gián tiếp: Dùng cưa xăng, máy cắt cỏ, dao, lạng để cưa, cắt dọn cây, cỏ tạo thành đường băng trắng chặn đầu ngọn lửa...

- Các biện pháp bảo đảm an toàn cho lực lượng, phương tiện chữa cháy:

+ Các thành viên tham gia chữa cháy rừng phải chấp hành theo mệnh lệnh của người chỉ huy chữa cháy. Trong quá trình chữa cháy nếu phát hiện có vấn đề gì chưa phù hợp thì phải báo cáo xin ý kiến người chỉ huy chữa cháy, tuyệt đối không được làm theo ý cá nhân.

+ Xe chữa cháy, xe tải chở lực lượng, dụng cụ phải có người trông coi và đậu ở khu vực có đường di chuyển thuận lợi, khoảng cách với đám cháy phải bảo đảm an toàn.

+ Các dụng cụ chữa cháy rừng phải được sử dụng vào mục đích chữa cháy rừng, sau khi sử dụng xong phải bảo quản theo quy định.

- Cơ chế thông tin chỉ huy điều hành chữa cháy: Người chỉ huy chữa cháy phải thường xuyên liên lạc để chỉ đạo lực lượng thực hiện nhiệm vụ chữa cháy

rừng bằng bộ đàm hoặc điện thoại và ngược lại. Trường hợp đám cháy vượt ngoài tầm khống chế của lực lượng và phương tiện tại chỗ phải kịp thời báo cáo đến Ban Chỉ đạo PCCC&CNCH của thành phố để xin hỗ trợ lực lượng và phương tiện.

1.3. Lực lượng, phương tiện dự kiến huy động:

- Về lực lượng: Vườn quốc gia Phú Quốc tham gia chữa cháy: 65 người,
- Về phương tiện, dụng cụ: Điều động 02 xe ô tô tải của Vườn quốc gia Phú Quốc, 06 máy bơm phao và 1.200 mét dây chữa cháy, 10 máy bơm áp lực Honda 5,5HP và 1.500 mét dây chữa cháy, 04 máy xịt nước đeo vai, 02 máy thổi gió, 02 máy Cưa xăng, 10 máy đeo vai, 20 cây Rựa, 20 can nhựa, 30 cây Leng, 20 bàn cào...

- Dự kiến trường hợp đám cháy vượt ngoài tầm kiểm soát sẽ báo cáo Ban Chỉ đạo PCCC&CNCH thành phố Phú Quốc xin hỗ trợ 02 xe chuyên dụng chữa cháy và 50 người để tham gia chữa cháy rừng.

1.4. Tổ chức triển khai chữa cháy:

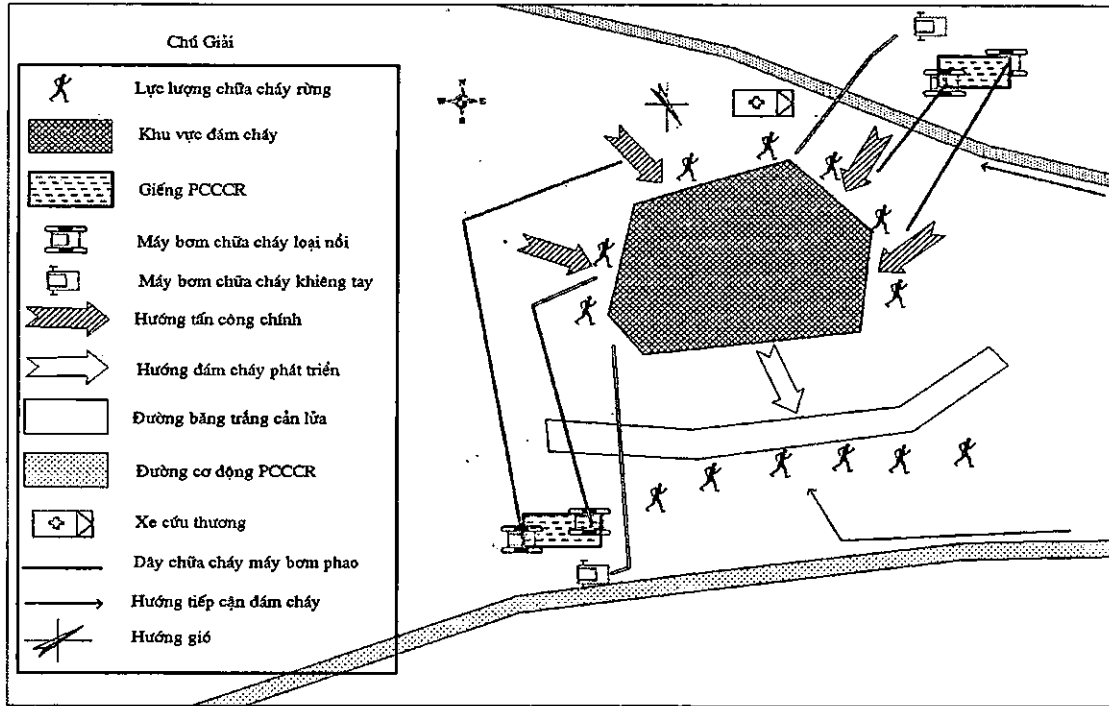
- Về phân công nhiệm vụ và thực hiện biện pháp chữa cháy:

+ Tổ 1: Phó Trưởng Ban chỉ huy PCCCR Vườn quốc gia phụ trách chỉ đạo phát dọn đường băng (bao vây mũi lửa). Tổ chữa cháy 30 người, gồm: Tổ máy 8 người, tổ cắt đường băng 15 người, tổ xe 02 người, tổ hậu cần, y tế 05 người phục vụ nước uống, thức ăn, công tác sơ cấp cứu, chăm sóc nạn nhân trong các vụ cháy, nổ, ngạt khói xảy ra (nếu có). Nhiệm vụ: Sau khi tiếp cận, xác định mũi lửa, hướng gió, tốc độ lây lan của đám cháy, địa hình, địa vật. Áp dụng phương pháp chữa cháy gián tiếp, cắt tạo đường băng cản lửa, đảm bảo khoảng cách an toàn với đám cháy. Lực lượng được dàn thành hàng ngang theo hình cánh cung, dùng cưa xăng, lềm cắt dọn cây, cành nhánh đưa về phía đám cháy. Dùng máy thổi gió, bàn cào cào cành khô; lá mục thực bì đưa về phía đám cháy để tạo thành đường băng trắng cản lửa, dùng máy đeo vai phun ướt vật liệu cháy đã dọn về phía đám cháy và đường băng trắng tạo độ ẩm để làm dịu ngọn lửa, chiều dài đường băng 60m, chiều rộng đường băng 10m, đảm bảo ngọn lửa đến nơi không vượt qua được.

+ Tổ 2: Trưởng phòng Quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng phụ trách chỉ đạo dập tắt đám cháy. Tổ chữa cháy 35 người, gồm: Tổ máy 8 người, tổ xe 02 người, tổ chữa cháy 20 người, tổ hậu cần, y tế 05 người. Nhiệm vụ: Áp dụng phương pháp chữa cháy trực tiếp, lực lượng được chia làm 2 nhóm áp sát bên hông đám cháy. Mỗi bên bố trí 03 máy phao, 05 bơm áp lực, 05 máy đeo vai, leng, xẻng, bàn dập lửa. Dùng vòi phun nước trực tiếp vào hai bên hông đám cháy khống chế ngọn lửa, làm giảm cường độ đám cháy và suy yếu ngọn lửa. Dùng máy bơm áp lực đi phía sau để khống chế cháy lan mặt đất, cắt gốc, cành khô và cây mục. Bộ phận sử dụng thủ công, dàn đều hai bên hông đám cháy, cự ly mỗi người cách nhau 3m để hỗ trợ và quan sát lẫn nhau, có sự hỗ trợ của máy bơm đeo vai, dùng bàn dập, chà cây, leng, để dập, quết vật liệu, thảm mục vào phía trong đám cháy, đảm bảo không để than củi vương lại phía sau cũng như ra ngoài đám cháy. Phối hợp với máy bơm tiến dần về đầu đám cháy và khép dần mũi lửa cho đến khi gặp đường băng cản lửa do Tổ 1 tạo ra, tập trung lực lượng dập tắt hoàn toàn đám cháy.

- Sau khi đám cháy được khống chế và dập tắt hoàn toàn thì lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng phải thực hiện nhiệm vụ thu thập chứng cứ, nguyên nhân xảy ra cháy, lập biên bản, đánh giá mức độ thiệt hại, lập hồ sơ vụ cháy báo cáo Vườn quốc gia Phú Quốc.

1.5. Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy:



1.6. Báo cáo tình hình cháy rừng

Đám cháy xảy ra khu vực rừng Mũi Dương, ấp Chuông Vích, xã Gành Dầu, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, diện tích thiệt hại khoảng 8000m², hiện trạng rừng thứ sinh ven biển, cây chồi tái sinh, có cáp kính nhỏ xen lẫn trắng cỏ, dây leo cây bụi.

Sau khi dập tắt đám cháy, Vườn quốc gia Phú Quốc tiến hành xác định thiệt hại về diện tích, loại rừng, trữ lượng, giá trị kinh tế, điều tra xác minh làm rõ nguyên nhân cháy rừng, thống kê thành phần lực lượng, phương tiện, thiết bị tham gia chữa cháy. Xây dựng báo cáo gửi về Ban Chỉ đạo PCCC-CNCH tỉnh, thành phố và Chi cục Kiểm Lâm theo quy định.

1.7. Khắc phục hậu quả do cháy rừng gây ra:

Với đám cháy xảy ra nêu trên, việc khắc phục hậu quả, xử lý sau cháy rừng thực hiện theo quy định như sau:

- Vườn quốc gia xác định mức độ rừng bị thiệt hại sau khi cháy, thống kê và báo Chi cục Kiểm lâm, Ban chỉ đạo PCCC&CNCH tỉnh và thành phố Phú Quốc

- Sau khi đám cháy được dập tắt, đối với vụ cháy là rừng thứ sinh ven biển, cây chồi tái sinh, có cáp kính nhỏ xen lẫn trắng cỏ, dây leo cây bụi. Vườn quốc gia tiến hành đo vẽ diện tích, mức độ thiệt hại. Hiện trạng đám cháy chủ yếu là cây chồi nhỏ tái sinh, dây leo, cây bụi nên khoanh nuôi tái sinh tự nhiên phục hồi trở lại.

- Đề nghị các cơ quan chức năng điều tra, xác định nguyên nhân, đối tượng gây cháy rừng, mức độ thiệt hại và xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Phương án xử lý tình huống cháy phức tạp nhất

Giả định tình huống cháy rừng dễ dẫn đến cháy lớn cháy lan diện rộng với quy mô lớn, đám cháy gây thiệt hại về rừng. Gây khó khăn phức tạp cho việc chữa cháy rừng, cần phải huy động nhiều lực lượng và phương tiện mới có thể xử lý được.

2.1. Giả định vụ cháy rừng xảy ra tại Tiểu khu 69 Phân khu phục hồi sinh thái rừng đặc dụng (Vườn quốc gia), thuộc ấp Bãi Thơm, xã Bãi Thơm, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (Khu vực cháy trên đồi núi không có đường tiếp cận phương tiện không vào được, chữa cháy bằng phương pháp thủ công kết hợp với máy chuyên dụng).

- Tại địa bàn xã Bãi Thơm lúc giờ G, ngày N viên chức Đội Quản lý bảo vệ rừng Bãi Thơm trực Tháp quan sát lửa rừng phát hiện đám cháy xảy ra khu vực núi sau tổ 08, tiếp giáp Hòn Một tại Tiểu khu 69 Phân khu phục hồi sinh thái rừng đặc dụng (Vườn quốc gia), thuộc ấp Bãi Thơm, xã Bãi Thơm, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (hiện trạng là rừng xanh phục hồi xen trắng tranh), lập tức báo cáo đồng chí Đội trưởng Đội Quản lý bảo vệ rừng Bãi Thơm. Đồng chí Đội trưởng Đội Quản lý bảo vệ rừng Bãi Thơm báo cáo Ban Chỉ huy PCCCR Vườn quốc gia và Ban Chỉ huy PCCC-CNCH xã Bãi Thơm biết để huy động lực lượng, phương tiện sẵn có để xử lý chữa cháy rừng.

Sau khi nhận được tin báo Ban Chỉ huy PCCCR Vườn quốc gia Phú Quốc đã hội ý khẩn trương đánh giá và nhận định tình hình, vụ cháy xảy ra tại thời điểm đang nắng nóng, điều kiện địa hình đồi núi, độ dốc cao, đường tiếp cận để đưa lực lượng, phương tiện không có. Thời gian xảy ra cháy vào buổi trưa. Từ điểm tập kết đến đám cháy xa và đám cháy xảy ra lớn, dạng cháy tản, có nguy cơ cháy lan rộng, khó dập tắt. Đồng chí Trưởng ban chỉ huy quyết định báo cáo tình hình vụ cháy với Ban Chỉ đạo PCCC&CNCH thành phố Phú Quốc xin hỗ trợ lực lượng, phương tiện chữa cháy. Sau khi lực lượng tiếp cận đám cháy, quan sát và hội ý nhanh với Ban Chỉ đạo PCCC&CNCH của thành phố quyết định tổ chức triển khai chữa cháy.

2.2. Chiến thuật chữa cháy rừng:

- Về phương pháp chữa cháy: Áp dụng phương pháp chữa cháy trực tiếp và chữa cháy gián tiếp.

- Về biện pháp chữa cháy:

+ Chữa cháy trực tiếp: Dùng nước phun vào đám cháy, dùng chà cây dập lửa...

+ Chữa cháy gián tiếp: Dùng cưa xăng, máy cắt cỏ, dao, lạng... để cưa, cắt dọn cây, cỏ tạo thành đường băng trắng chặn đầu ngọn lửa...

- Các biện pháp bảo đảm an toàn cho lực lượng, phương tiện chữa cháy:

+ Các thành viên tham gia chữa cháy rừng phải chấp hành theo mệnh lệnh của người chỉ huy chữa cháy. Trong quá trình chữa cháy nếu phát hiện có vấn đề gì

chưa phù hợp thì phải báo cáo xin ý kiến người chỉ huy chữa cháy, tuyệt đối không được làm theo ý cá nhân.

+ Xe chữa cháy, xe cứu thương, xe tải chở lực lượng phải có người trông coi và đậu ở khu vực có đường di chuyển thuận lợi.

+ Các dụng cụ chữa cháy rừng phải được sử dụng vào mục đích chữa cháy rừng, sau khi sử dụng xong phải bảo quản theo quy định.

- Cơ chế thông tin chỉ huy điều hành chữa cháy: Người chỉ huy chữa cháy phải thường xuyên liên lạc để chỉ đạo lực lượng thực hiện nhiệm vụ chữa cháy rừng bằng bộ đàm hoặc điện thoại và ngược lại. Trường hợp đám cháy vượt ngoài tầm khống chế của lực lượng và phương tiện tại chỗ phải kịp thời báo cáo đến Ban Chỉ đạo PCCC&CNCH của thành phố để xin hỗ trợ lực lượng và phương tiện.

2.3. Lực lượng, phương tiện dự kiến huy động:

- Lực lượng 400 người: Trong đó lực lượng vũ trang Lữ đoàn 950 gồm có 205 người, Cảnh sát PCCC&CNCH 24 người, xã Bãi Thơm 80 người; Vườn quốc gia và Hạt Kiểm lâm thành phố 82 người; Trung tâm y tế thành phố 07 người, Trạm y tế xã 02 người.

- Phương tiện: 04 xe Bồn chở nước (Vườn quốc gia: 01 xe; Hạt Kiểm Lâm thành phố: 01 xe; Đội Cảnh sát PCCC&CNCH: 02 xe); 02 xe tải lớn, 02 xe tải nhỏ của Vườn quốc gia và Hạt Kiểm lâm thành phố chở dụng cụ, lực lượng; 20 máy cưa, 15 máy thổi gió; 60 máy bơm đeo vai; 05 máy bơm chuyển nước lên từ bạt chứa nước...

- Dụng cụ: 100 cái lềm phát; 50 leng đào đất; 200 can nhựa loại 20 lít; bàn cào 30 cái; túi bạt li lông chứa nước 05 cái (loại 5m³/ cái); máy định vị GPS bộ đàm liên lạc....

2.4. Tổ chức triển khai chữa cháy:

Phân công nhiệm vụ và chỉ huy chữa cháy như sau:

- Đ/c Phó Trưởng ban chỉ đạo PCCC&CNCH thành phố Phú Quốc chỉ huy và điều động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy, quyết định phương án chữa cháy.

- Đ/c Giám đốc Vườn quốc gia - Trưởng BCH PCCCR Vườn quốc gia Phú Quốc chỉ huy thực hiện các biện pháp chữa cháy rừng.

- Đ/c Đội Trưởng Đội Cảnh sát PCCC-CNCH Công an thành phố Phú Quốc chỉ huy kỹ thuật chữa cháy và bố trí sử dụng phương tiện chữa cháy chuyên dụng.

- Đ/c Lữ đoàn Trưởng Lữ đoàn 950 chỉ huy điều động lực lượng vũ trang trực tiếp tham gia chữa cháy.

- Đ/c Trưởng BCH PCCC-CNCH xã Bãi Thơm phụ trách huy động lực lượng, phương tiện, chỉ huy hậu cần, y tế.

Nhiệm vụ của các tổ trực tiếp chữa cháy:

- Tổ 1: Đồng chí Phó BCH PCCCR Vườn quốc gia Phú Quốc phụ trách. Lực lượng 80 người; sử dụng máy cưa cắt đường băng 15 người; sử dụng lềm phát, máy thổi gió, bàn cào, máy bơm đeo vai dọn đường băng trắng và làm ẩm vật liệu cháy phía trước đường băng 85 người. Nhiệm vụ: Sau khi tiếp cận, xác định mũi lửa, hướng gió, tốc độ lây lan của đám cháy, địa hình, địa vật, áp dụng phương

pháp chữa cháy gián tiếp, cắt tạo đường băng cản lửa. Lực lượng được dàn thành hàng ngang theo hình cánh cung, dùng cưa xăng, lềm cắt dọn cây, cành nhánh đưa về phía đám cháy. Dùng máy thổi gió, bàn cào cào cành khô, lá mục hất về phía đám cháy để tạo thành đường băng trắng cản lửa, chiều dài rộng đường băng khoảng 250m, chiều rộng đường băng 12m đảm bảo mũi lửa không vượt qua.

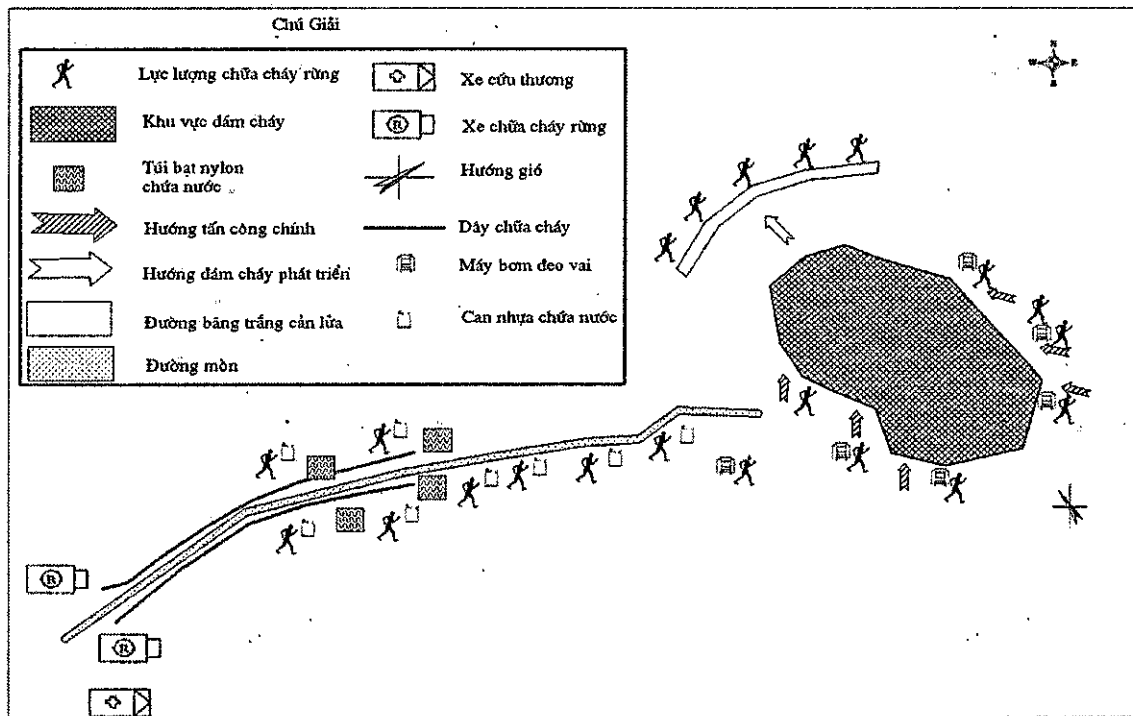
- Tổ 2: Đồng chí Đội Trưởng Đội Cảnh sát PCCC-CNCH Công an thành phố Phú Quốc phụ trách. Lực lượng 180 người. Nhiệm vụ: Bố trí lực lượng men theo hai bên hông đám cháy dùng máy bơm đeo vai phun nước vào chân đám cháy, máy thổi gió làm giảm ngọn lửa đồng thời thổi cành lá mục vào phía đám cháy, để lực lượng phía sau bố trí cự ly mỗi người cách nhau 03m dùng chà cây, bàn đập lửa, bàn cào, lềm đập lửa và quét vật liệu cháy vào trong đám cháy lần dần về hướng mũi lửa cho đến khi tiếp cận đường băng trắng cản lửa theo hình chữ V ngược, để bao vây triệt tiêu đám cháy.

- Tổ 3: Đồng chí Lữ đoàn Trưởng Lữ đoàn 950 phụ trách. Lực lượng 100 người: Tổ máy 20 người sử dụng máy bơm dẫn nước; tổ xe 04 người, 76 người vận chuyển nước. Nhiệm vụ: Đặt máy bơm túi bọt ly lỏng chứa nước tại chân núi và các vị trí tiếp cận dần với đám cháy để bơm chuyển nước lên các túi chứa, sau đó lực lượng vận chuyển nước bằng can phục vụ chữa cháy, phân chia thành nhiều tổ nhỏ, mỗi tổ phụ trách một quãng đường. Nước được lấy từ điểm tập kết vào can nhựa sau đó vận chuyển theo chặng đến khu vực chữa cháy để tiếp nước cho máy đeo vai chữa cháy.

- Tổ 4: Đồng chí Trưởng BCH PCCC-CNCH xã Bãi Thơm có nhiệm vụ chỉ đạo công tác hậu cần, y tế. Lực lượng 20 người (phục vụ cung cấp thức ăn, nước uống); công tác sơ cấp cứu, chăm sóc nạn nhân trong các vụ cháy, nổ, ngạt khói, sập hố, gãy chân tay,... xảy ra (nếu có).

- Sau khi đám cháy được khống chế và dập tắt hoàn toàn thì các lực lượng hỗ trợ, lực lượng của xã được rút về trước. Riêng lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng phải thực hiện nhiệm vụ thu thập chứng cứ, nguyên nhân xảy ra cháy, lập biên bản, đánh giá mức độ thiệt hại, lập hồ sơ vụ cháy báo cáo Vườn quốc gia Phú Quốc.

2.5. Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy:



2.6. Báo cáo tình hình cháy rừng

Đám cháy xảy ra tại khu vực núi sau tổ 08, tiếp giáp Hòn Một tại Tiểu khu 69 Phân khu phục hồi sinh thái rừng đặc dụng (Vườn quốc gia), thuộc ấp Bãi Thơm, xã Bãi Thơm, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Diện tích thiệt hại khoảng 20.000m² (02 ha) hiện trạng là rừng xanh phục hồi xen trắng tranh).

Sau khi dập tắt đám cháy Vườn quốc gia Phú Quốc tiến hành xác định thiệt hại về diện tích, loại rừng, trữ lượng, giá trị kinh tế, điều tra xác minh làm rõ nguyên nhân cháy rừng; thống kê thành phần lực lượng, phương tiện, thiết bị tham gia chữa cháy. Xây dựng báo cáo gửi về Ban Chỉ đạo PCCC-CNCH tỉnh, thành phố và Chi cục Kiểm lâm theo quy định.

2.7. Khắc phục hậu quả do cháy rừng gây ra.

Với đám cháy xảy ra nêu trên, việc khắc phục hậu quả, xử lý sau cháy rừng thực hiện cụ thể như sau:

- Vườn quốc gia xác định mức độ rừng bị thiệt hại sau khi cháy, thống kê và báo cáo Chi cục Kiểm lâm, Ban Chỉ đạo PCCC&CNCH tỉnh và thành phố.
- Sau khi khắc phục xử lý xong đám cháy. Vườn quốc gia tiến hành đo tính diện tích bị cháy, nếu mức độ thiệt hại lớn hơn 60% cây rừng thì thực hiện giải pháp trồng lại loài cây phù hợp với điều kiện, thổ nhưỡng của khu vực xảy ra cháy và thực hiện chăm sóc rừng theo quy định.
- Đề nghị các cơ quan chức năng điều tra xác định nguyên nhân, đối tượng gây cháy rừng, mức độ thiệt hại và xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Đề xuất huy động nguồn lực ứng cứu chữa cháy rừng từng cấp

Cấp	Lực lượng	Phương tiện	Trang thiết bị
Xã, phường (02 phường, 07 xã)	742		23 máy đeo vai; 01 máy bơm phao; 09 máy bơm áp lực; 57 cây rựa; 12 can nhựa.
Thành phố (Đội CS PCCC-CNCH và Hạt Kiểm lâm TP)	35	06 xe chữa cháy; 01 xe tải lớn; 01 xe tải nhỏ	06 máy bơm công suất lớn; 12 máy bơm áp lực; 11 máy thổi gió.
Lực lượng vũ trang (10 đơn vị)	230		02 máy đeo vai; 06 máy bơm áp lực; 70 cây rựa; 65 can nhựa.
VQG Phú Quốc	93	01 xe chuyên dùng chữa cháy; 02 xe máy cày; 01 xe máy ủi; 01 xe tải lớn; 01 xe tải nhỏ	06 máy bơm phao, dây dẫn nước 98 cuộn; 42 máy Honda bơm áp lực, dây 354 cuộn; 09 máy thổi gió; 13 máy định vị GPS; 39 máy chữa đeo vi; 44 bồn nhựa 2000 lít chứa nước; 50 thùng tưới nước và một số dụng cụ thô sơ khác: Rựa, Leng, Bàn cào, Can nhựa,...

4. Công tác khắc phục vụ chữa cháy rừng.

4.1. Công tác hậu cần

Để đảm bảo công việc chữa cháy được diễn ra liên tục và đạt hiệu quả thiết thực công tác hậu cần theo phương châm, hậu cần tại chỗ. Cụ thể lực lượng hậu cần luôn sẵn sàng đáp ứng.

- Chuẩn bị sẵn một số dụng cụ thủ công (dao phát, bàn cào, bàn đập lửa, can đựng nước,...) để phục vụ cho lực lượng chữa cháy tại chỗ và lực lượng được huy động thêm tại địa phương.

- Đảm bảo cung cấp nước uống (5-6 lít/người/ngày) và thực phẩm (cơm hộp bánh mì, mì gói) cho lực lượng chữa cháy.

- Chuẩn bị đèn pin để dùng trong trường hợp chữa cháy rừng cả ban đêm và thuốc men như thuốc bông, bông băng cấp cứu hồi sức,...

4.2. Các công tác khác

Với những vụ cháy lớn, thời gian chữa cháy kéo dài có sự phối hợp của nhiều lực lượng khác.

- Ban Chỉ huy PCCC Vườn quốc gia tiến hành phân công nhiệm vụ, hướng dẫn thực hiện phương án chữa cháy cho lực lượng được huy động.

- Thay đổi lực lượng chữa cháy trong thời gian phù hợp đảm bảo an toàn cho lực lượng tham gia chữa cháy.

PHẦN VI
BỔ SUNG, CHỈNH LÝ PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY
VÀ CHỮA CHÁY HÀNG NĂM (nếu có thay đổi)

TT	Ngày, tháng, năm	Nội dung bổ sung, chỉnh lý	Thủ trưởng đơn vị

Trên đây là phương án PCCCR mùa khô 2021-2022 của Vườn quốc gia Phú Quốc. Kính đề nghị UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo PCCC&CNCH tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp & PTNT, Chi cục Kiểm lâm xem xét phê duyệt và cấp kinh phí phòng cháy chữa cháy rừng để Vườn quốc gia Phú Quốc triển khai thực hiện./.

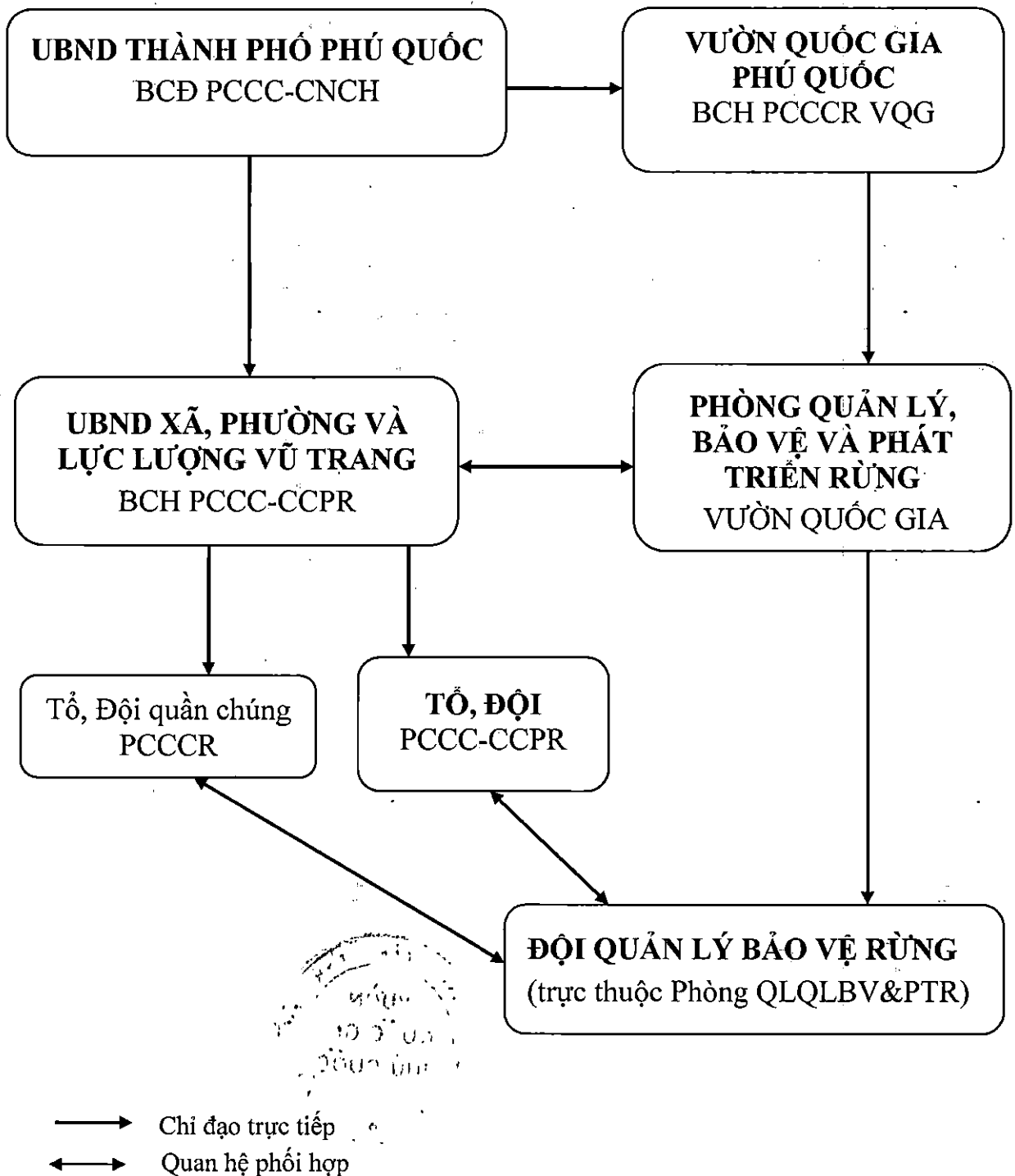
Kiên Giang, ngày 09. tháng 10. năm 2021

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



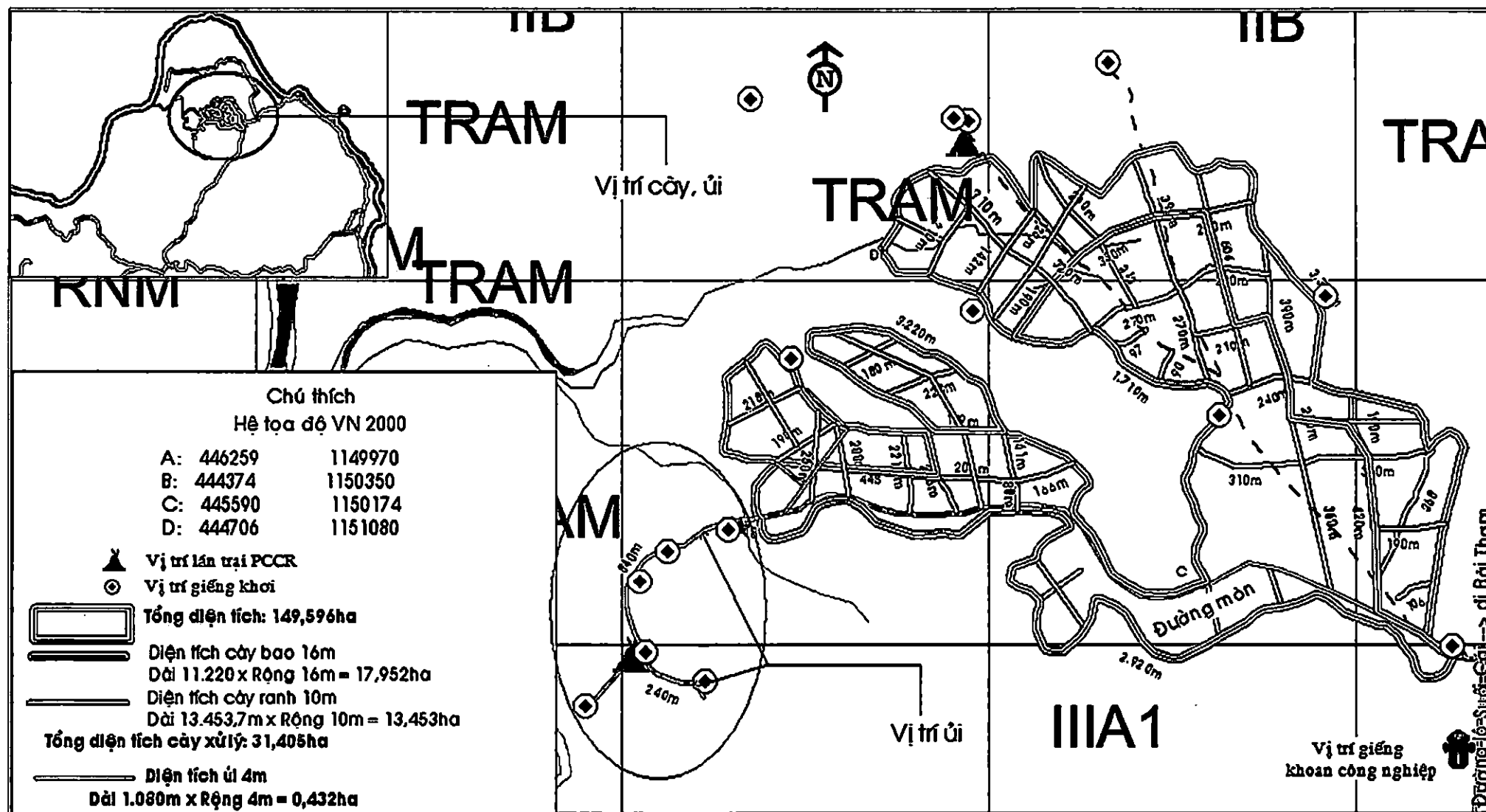
Phạm Hồng Dũng

SƠ ĐỒ PHỐI HỢP TRIỂN KHAI LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG CỦA VƯỜN QUỐC GIA PHÚ QUỐC



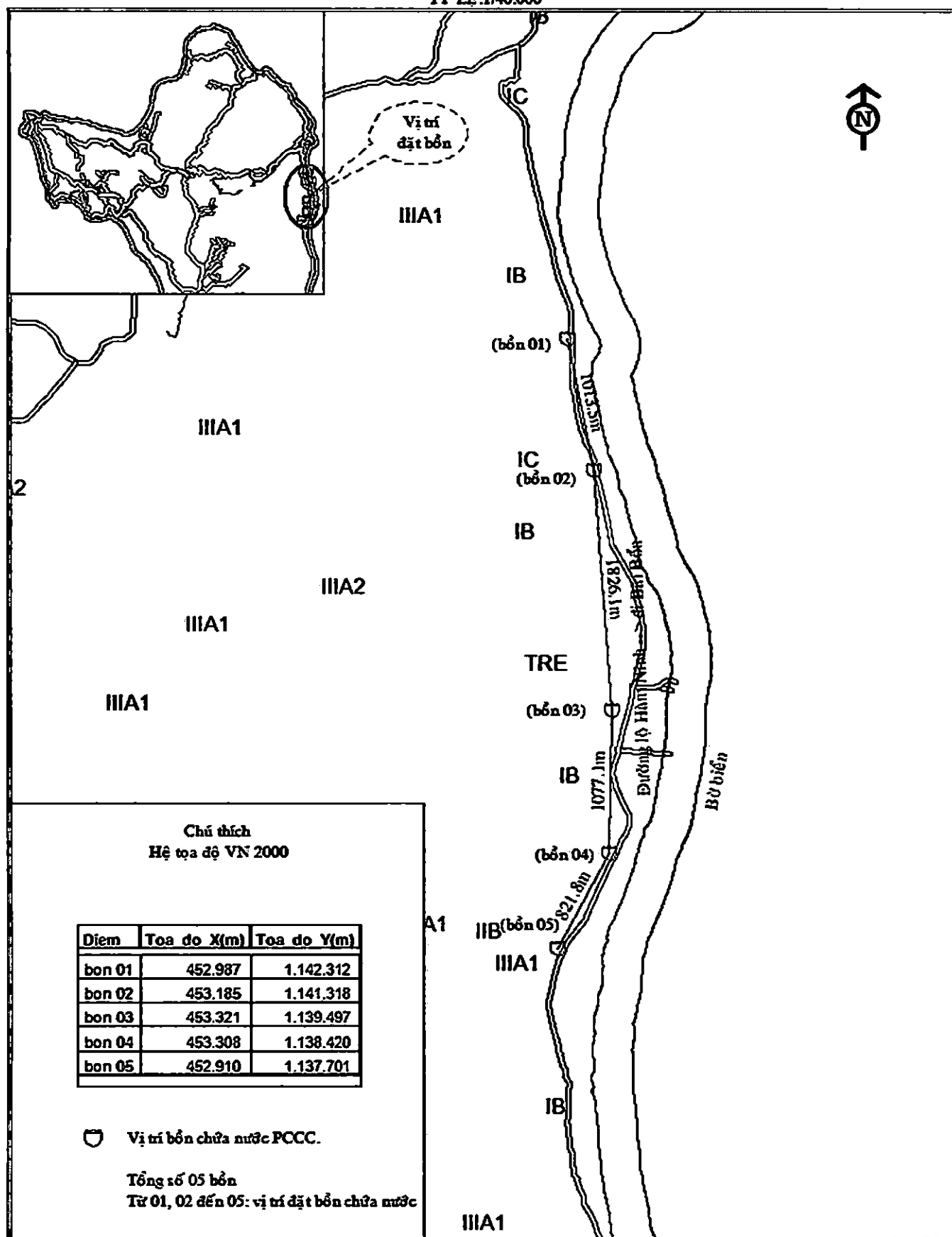
Sơ đồ: Hệ thống chỉ đạo, chỉ huy, phối hợp phòng cháy chữa cháy rừng.

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CÂY, ỦI PCCC NĂM 2021-2022
TẠI KHU VỰC ĐÔNG TRÀM (6 ĐIỂM) TIỂU KHU 53 THUỘC PHÂN KHU PHỤC HỒI SINH THÁI RỪNG ĐẶC DỤNG (VƯỜN QUỐC GIA),
ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH, XÃ BÀI THƠM, THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIẾN GIANG
TỶ LỆ: 1/15.000



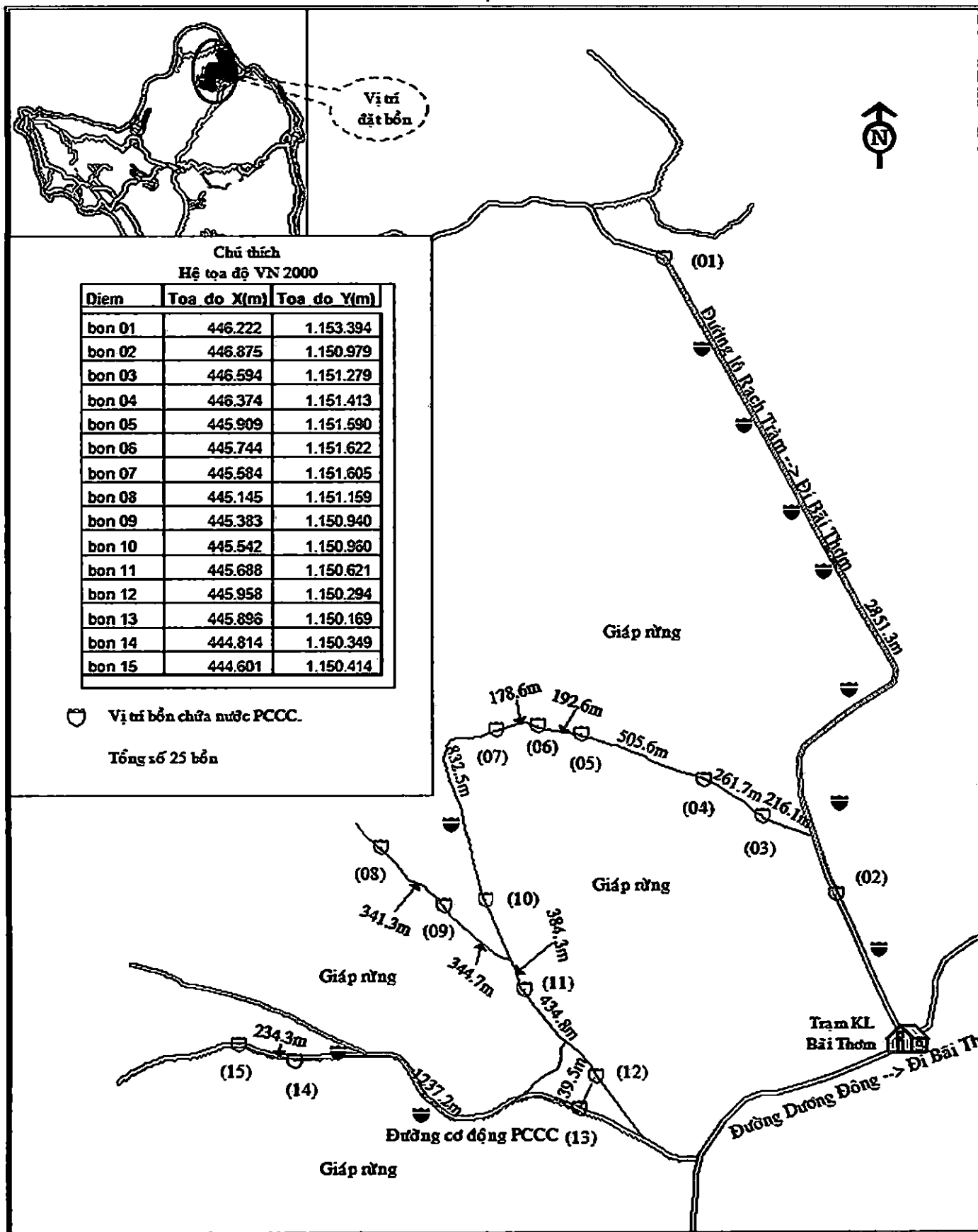
**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ, TỌA ĐỘ BỐ TRÍ BỒN CHỨA NƯỚC PCCC NĂM 2021-2022
TẠI TIỂU KHU 6S (ĐỒNG BÃI BỐN) VƯỜN QUỐC GIA - THUỘC ẤP BÃI BỐN, XÃ HÀM NINH, TP PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG**

TỶ LỆ: 1/40.000



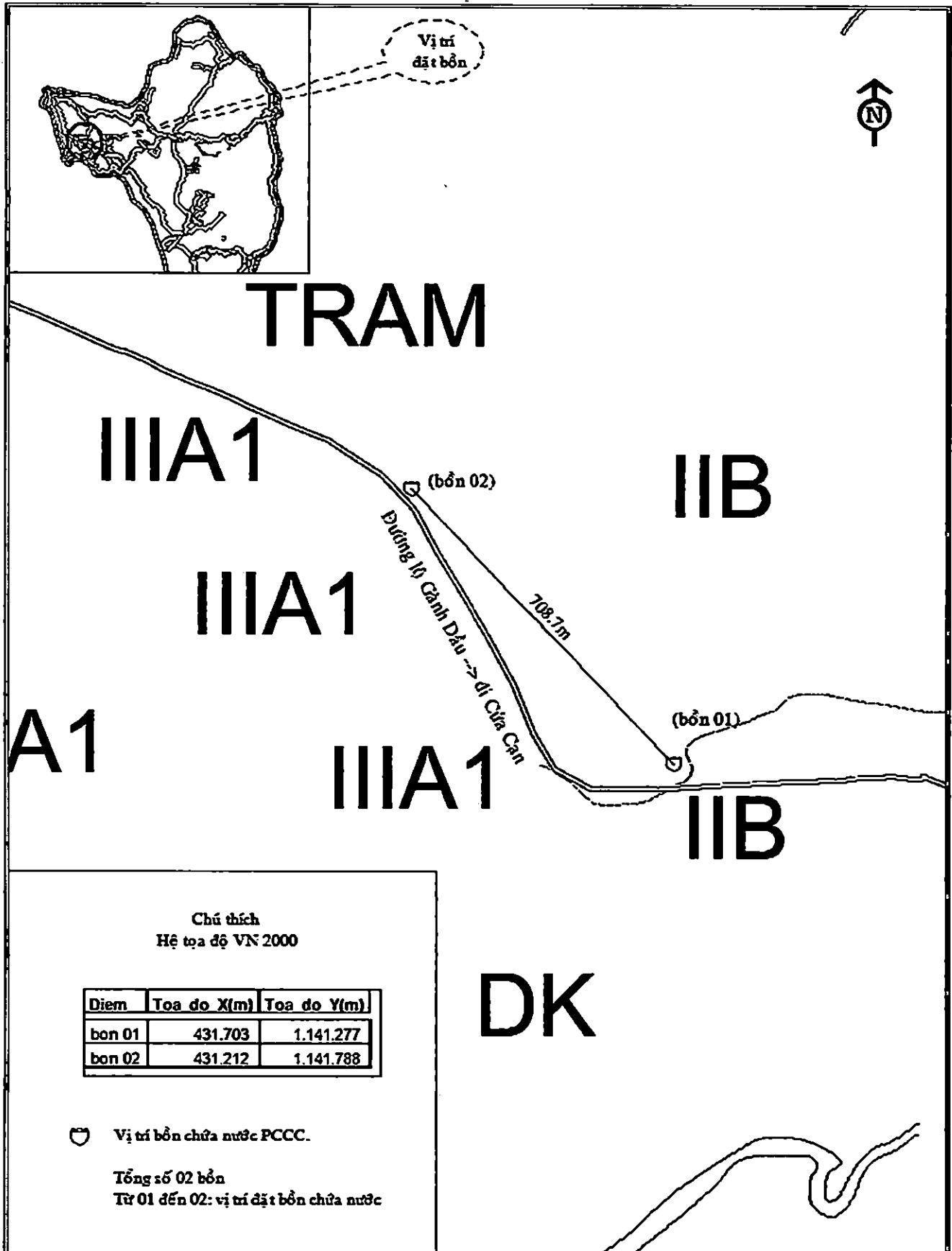
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ, TỌA ĐỘ BỐ TRÍ BỐN CHỨA NƯỚC PCCC NĂM 2021-2022
TẠI TIỂU KHU S3 (ĐỒNG SÁU ĐIỆN) VƯỜN QUỐC GIA - THUỘC ẤP BÀI THƠM, XÃ BÀI THƠM, TP PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

TỶ LỆ: 1/20.000



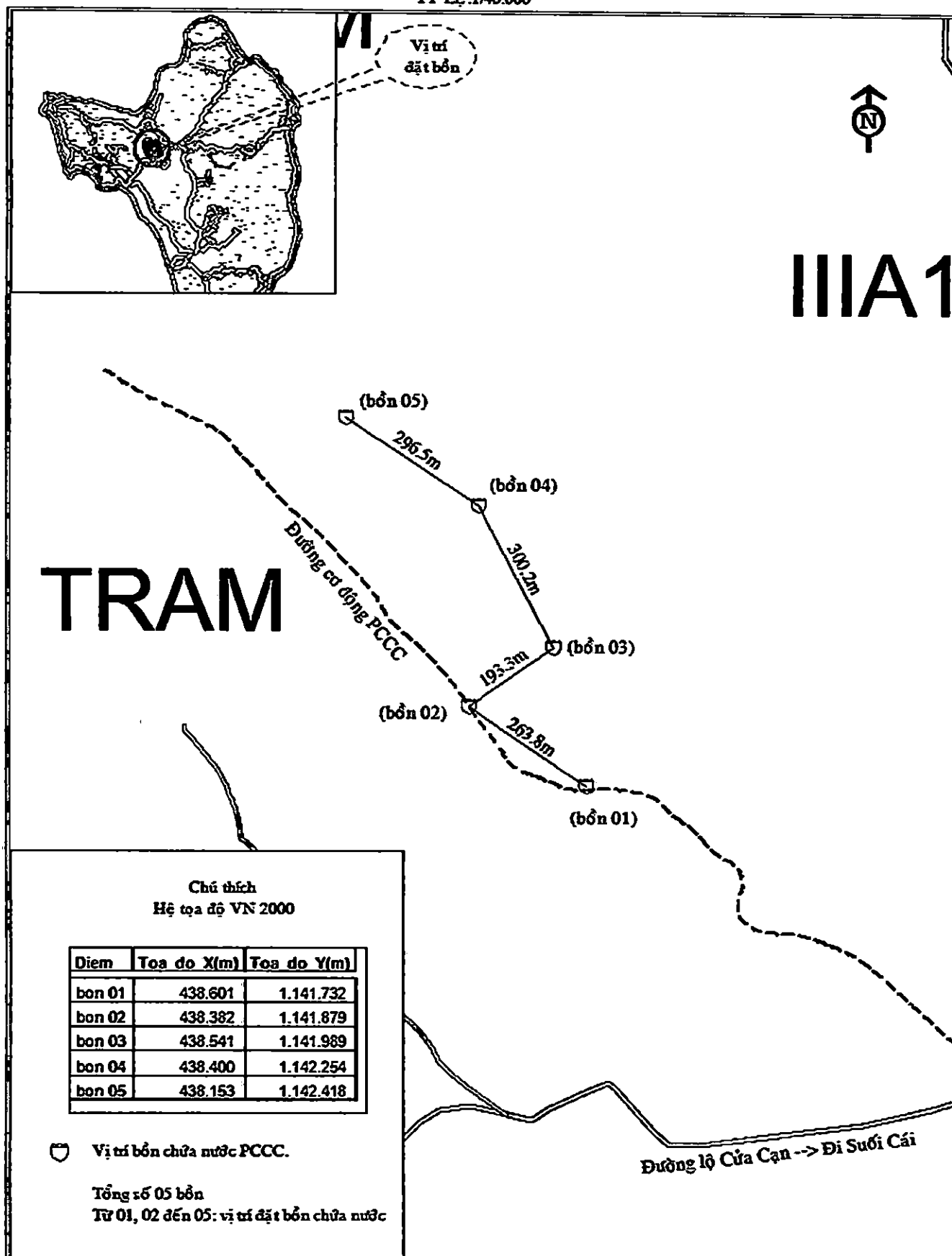
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ, TỌA ĐỘ BỐ TRÍ BỒN CHỨA NƯỚC PCCC NĂM 2021-2022
TẠI HIỆU KHU 64 VƯỜN QUỐC GIA - THUỘC ẤP 4, XÃ CỬA CẠN, TP PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

TỶ LỆ: 1/40.000

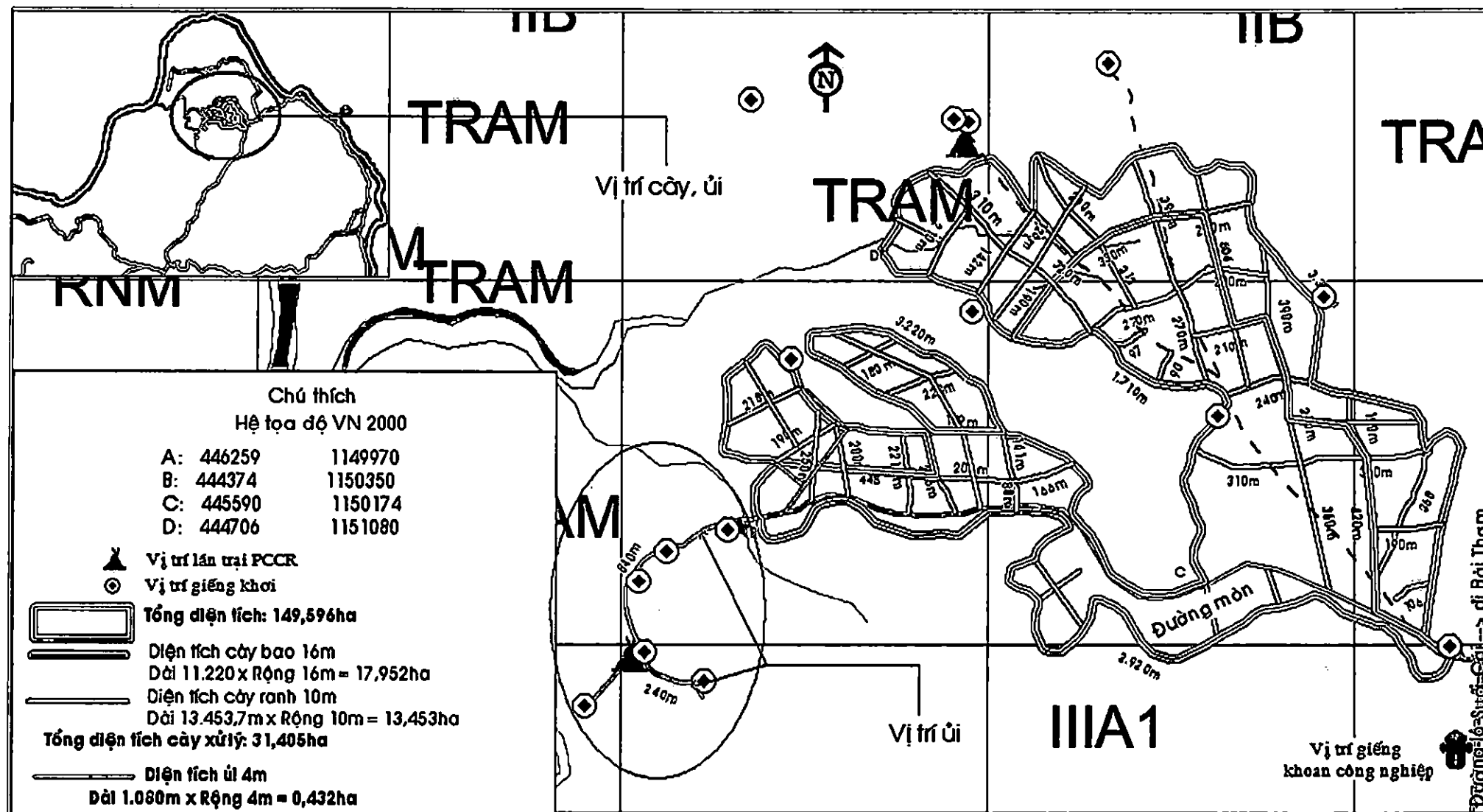


SƠ ĐỒ VỊ TRÍ, TỌA ĐỘ BỐ TRÍ BẾN CHỨA NƯỚC PCCC NĂM 2021-2022
TẠI TIỂU KHU 65 (ĐỒNG BÀ) VƯỜN QUỐC GIA - THUỘC ẤP 2, XÃ CỬA CẠN, TP PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

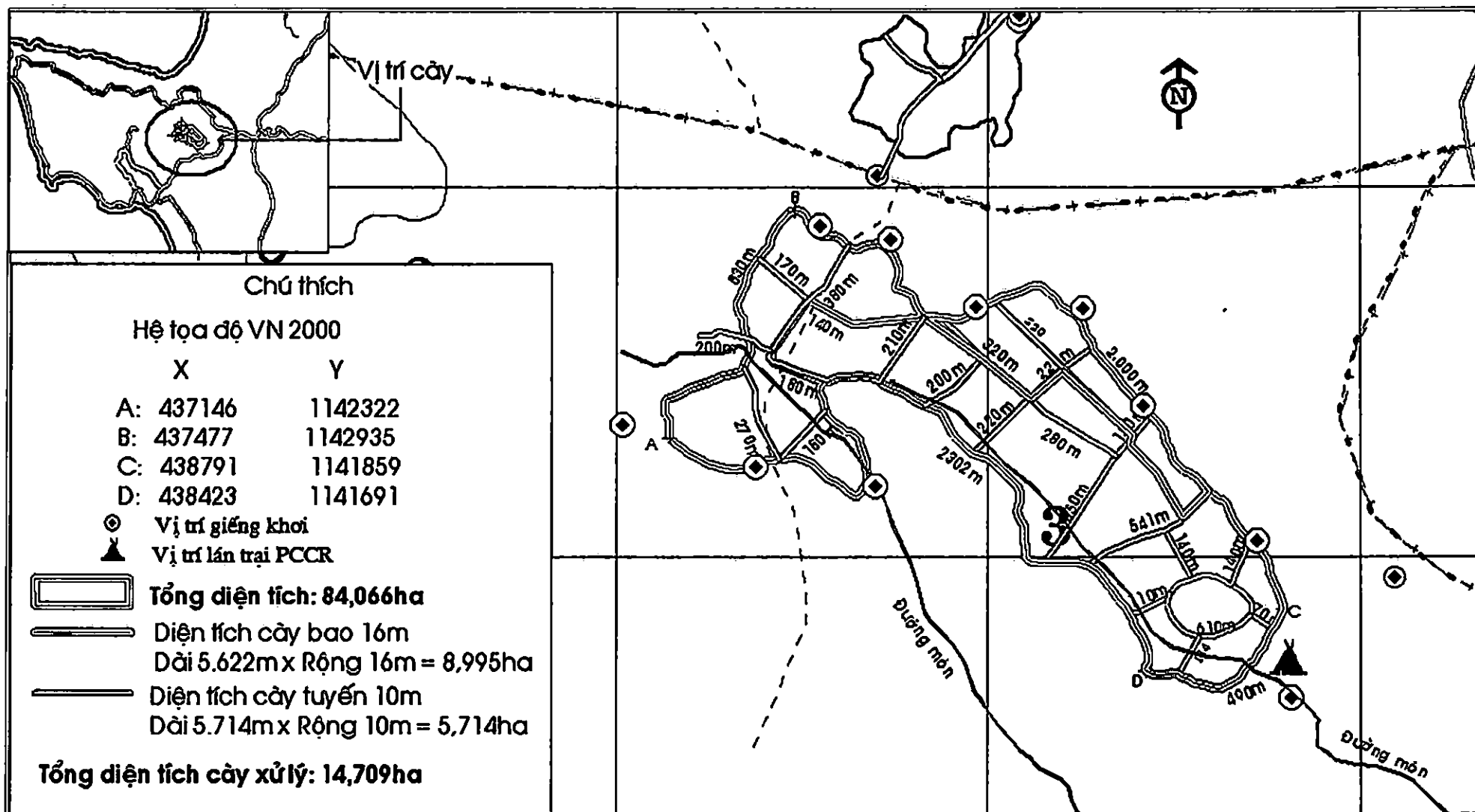
TỶ LỆ 1/40.000



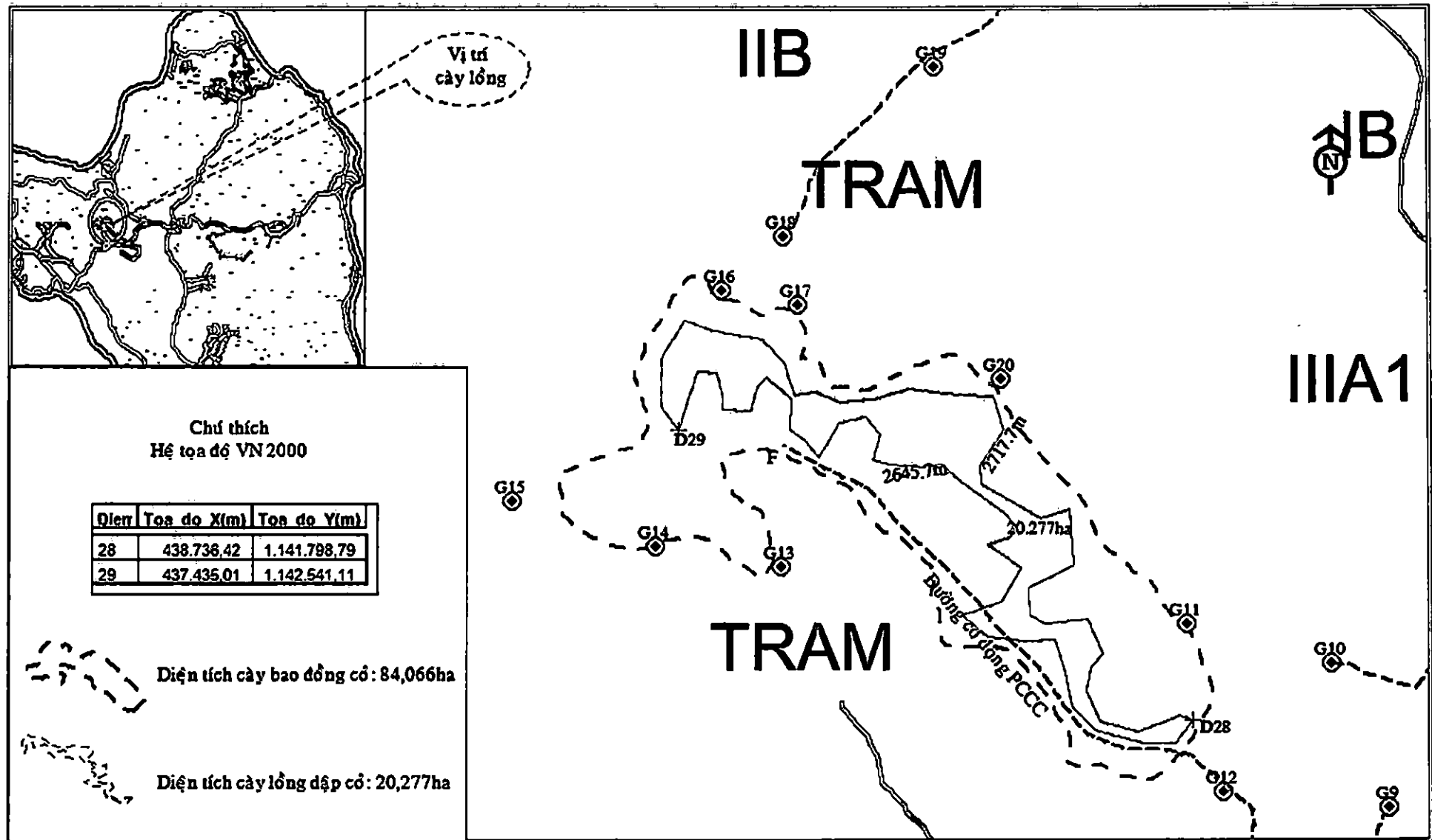
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CÀY, Ủ PCCC NĂM 2021-2022
TẠI KHU VỰC ĐÔNG TRÀM (6 ĐIỂM) TIỂU KHU 53 THUỘC PHẦN KHU PHỤC HỒI SINH THÁI RỪNG ĐẶC DỤNG (VƯỜN QUỐC GIA),
ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH, XÃ BÀI THƠM, THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG
TỶ LỆ: 1/15.000



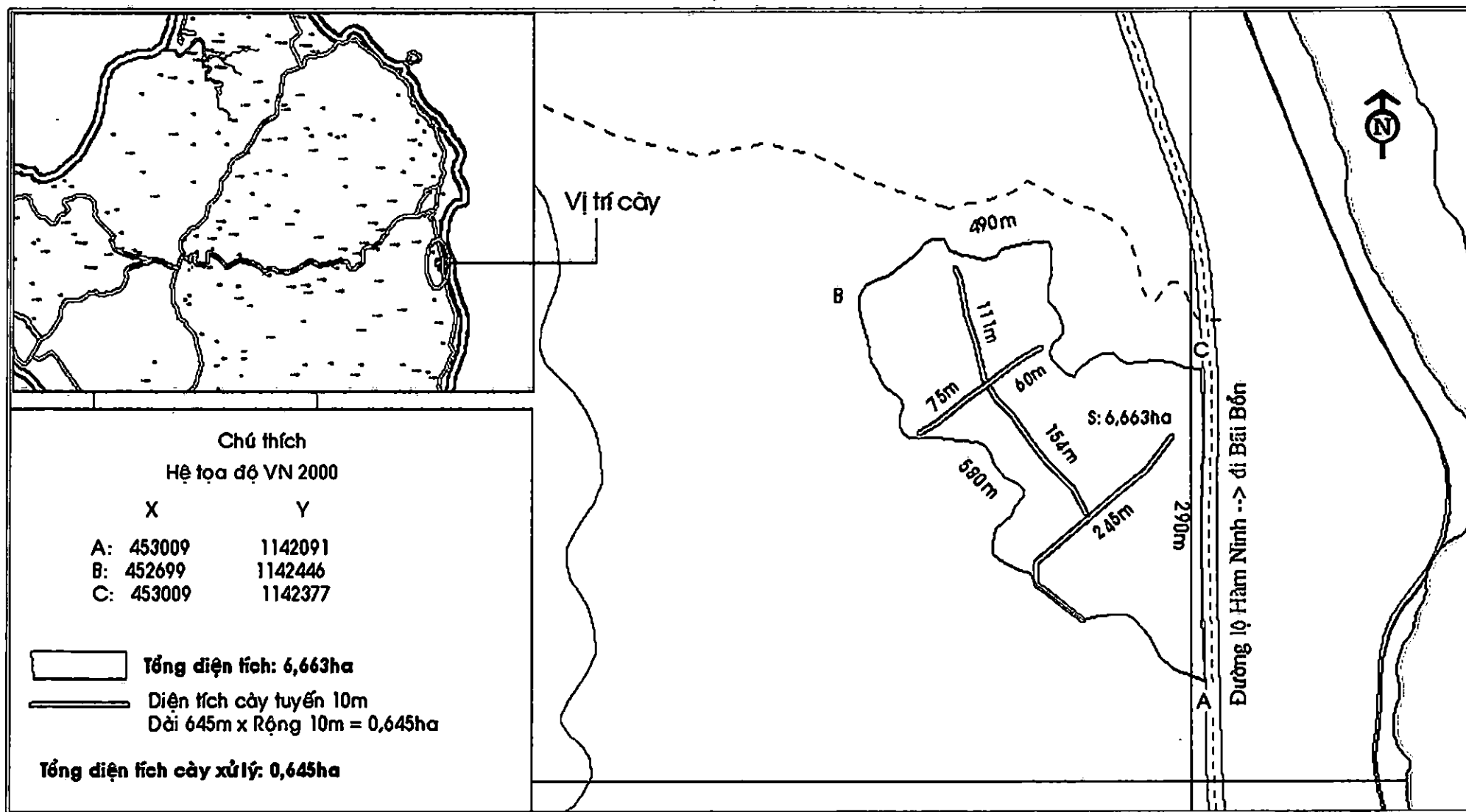
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CÂY PCCC NĂM 2021-2022
TẠI KHU VỰC ĐỒNG TRÀM (ĐỒNG BÀ) TIỂU KHU 65 PHÂN KHU PHỤC HỒI SINH THÁI VƯỜN QUỐC GIA - THUỘC XÃ CỬA CẠN, TP PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG
TỶ LỆ: 1/15.0000



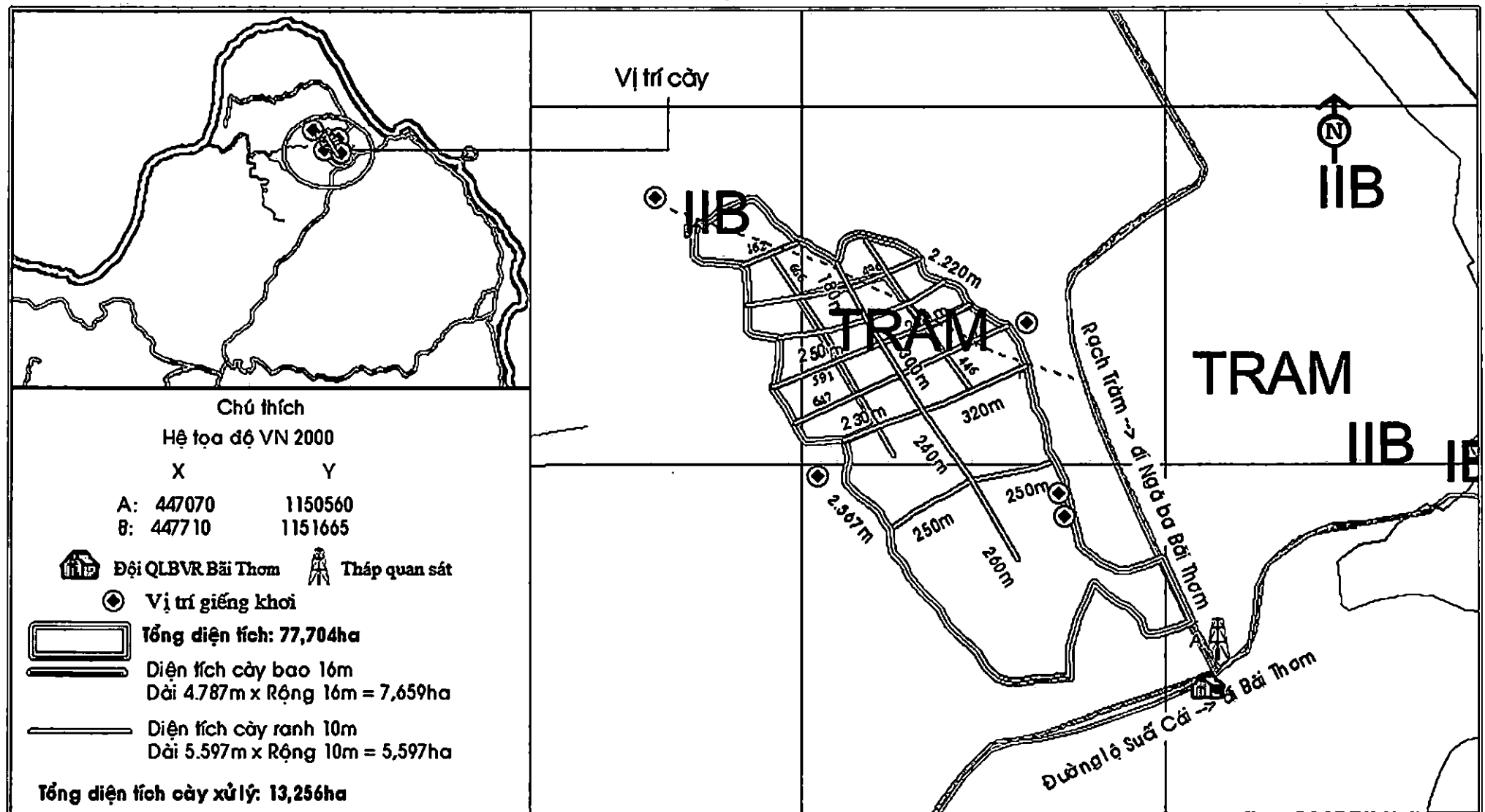
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH CÀY LÔNG ĐẬP CỎ PCCCR NĂM 2021 -2022
TẠI KHU VỰC ĐỒNG TRÀM (ĐỒNG BÀ) TIỂU KHU 65 THUỘC PHÂN KHU PHỤC HỒI SINH THÁI RỪNG ĐẶC DỤNG (VƯỜN QUỐC GIA),
ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH ẤP 2, XÃ CỬA CẠN, TP PHÚ QUỐC, TỈNH KIẾN GIANG
TỶ LỆ: 1/13.000



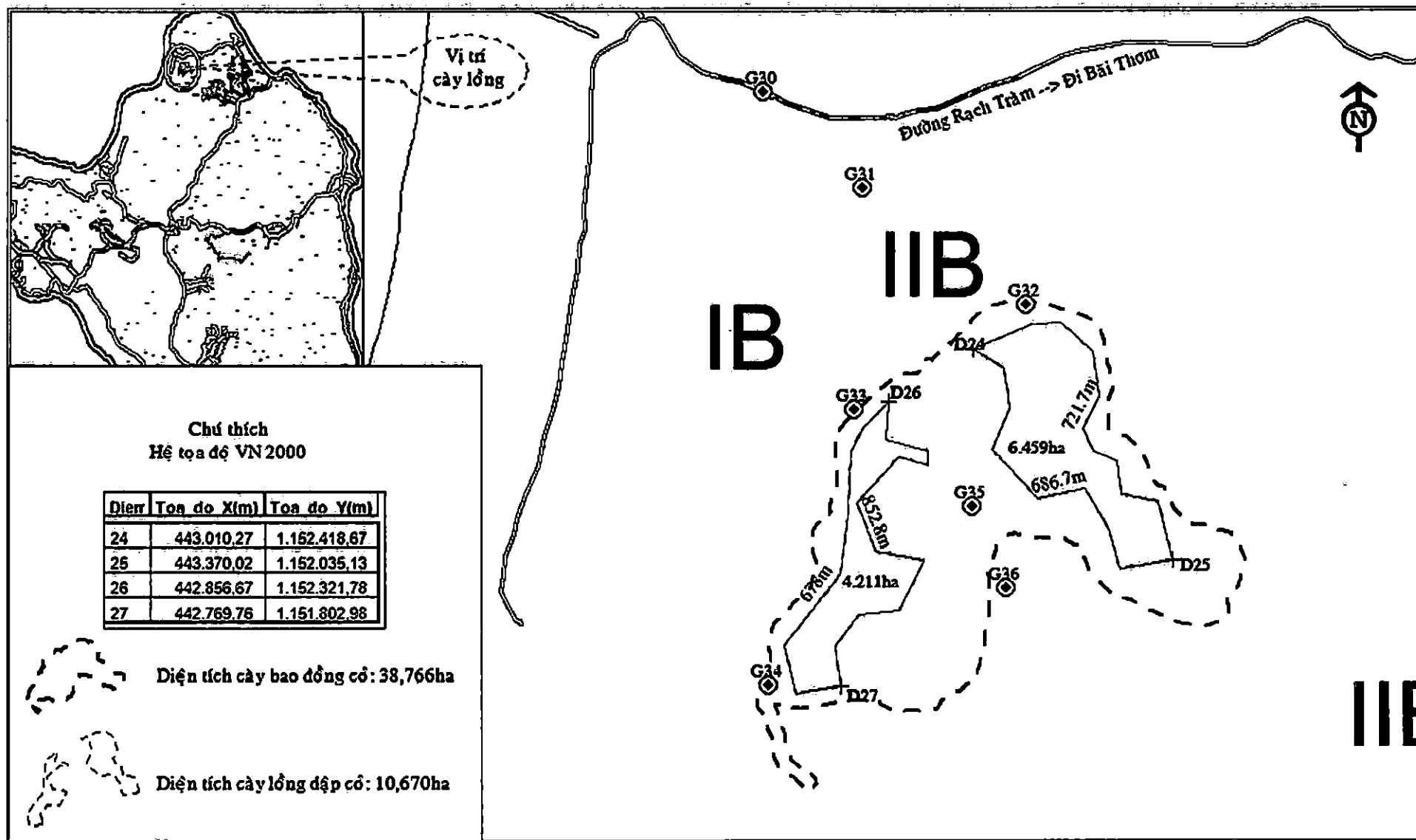
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CÂY PCCC NĂM 2021-2022
TẠI KHU VỰC ĐÔNG CỎ (TRỒNG SAO) TIỂU KHU 68 PHÂN KHU PHỤC HỒI SINH THÁI VƯỜN QUỐC GIA - THUỘC XÃ HÀM NINH, TP PHÚ QUỐC, TỈNH KIẾN GIANG
TỶ LỆ: 1/5.000



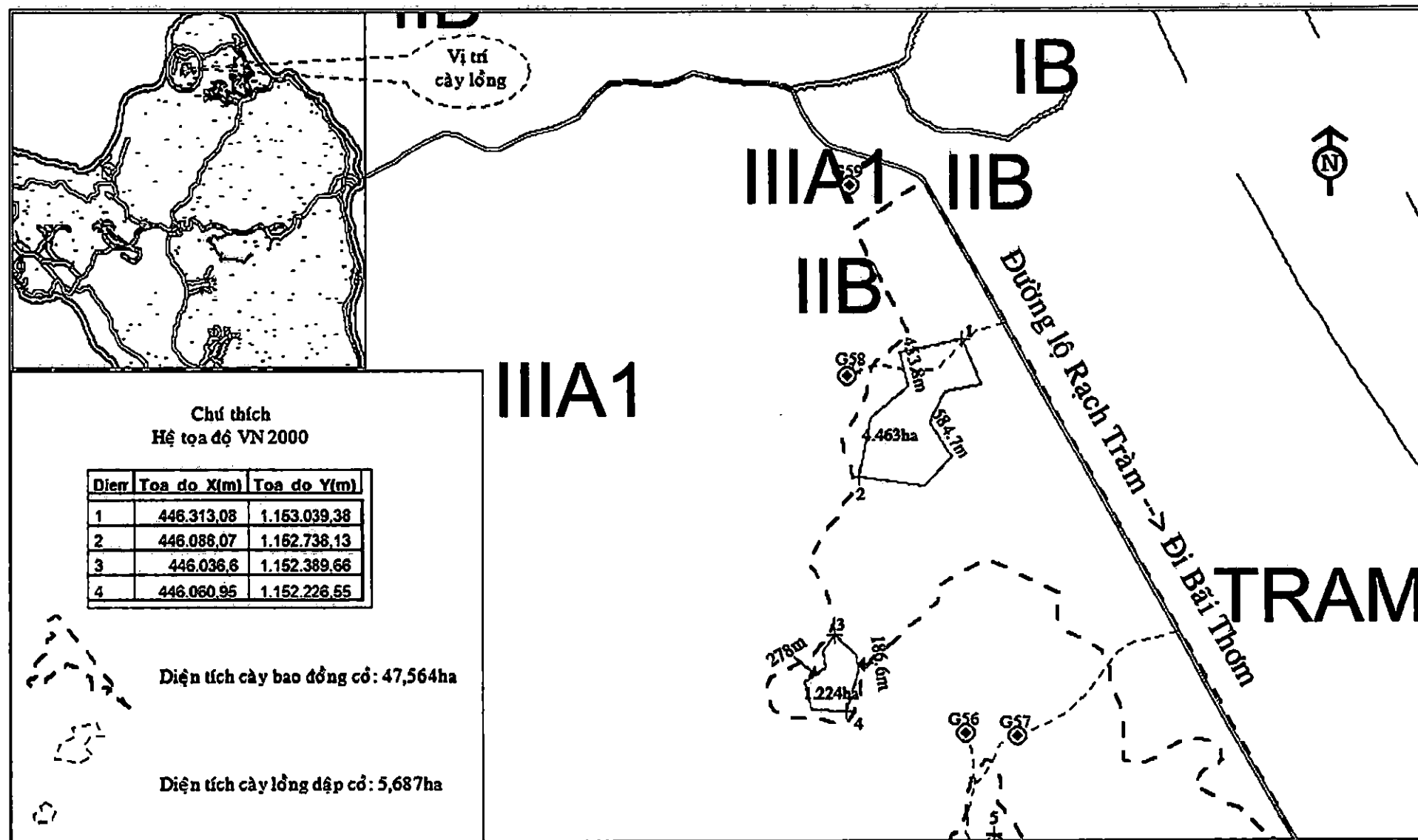
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CÀY PCCC NĂM 2021-2022
TẠI KHU VỰC ĐÔNG TRÀM (ĐÔNG GIỮA) TIỂU KHU 53 PHÂN KHU PHỤC HỒI SINH THÁI RỪNG ĐẶC DỤNG (VƯỜN QUỐC GIA),
ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH XÃ BÃI THƠM, THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIANG GIANG
TỶ LỆ: 1/15.000



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ DIỆN TÍCH CÂY LỒNG DẬP CỎ PCCC NĂM 2021-2022
TẠI KHU VỰC ĐỒNG TRÀM (RẠCH TRÀM) TIỂU KHU 53 THUỘC PHÂN KHU PHỤC HỒI SINH THÁI RỪNG ĐẶC DỤNG (VƯỜN QUỐC GIA),
ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH XÃ BÀI THƠM, THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIẾN GIANG
TỶ LỆ: 1/10.000



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH CÂY LÔNG DẠP CỎ PCCCR NĂM 2021-2022
TẠI KHU VỰC ĐỒNG TRÀM (ĐỒNG TRÊN) TIỂU KHU 53 THUỘC PHÂN KHU PHỤC HỒI SINH THÁI RỪNG ĐẶC DỤNG (VƯỜN QUỐC GIA)
ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH ẤP BÀI THƠM, XÃ BÀI THƠM, THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG
TỈ LỆ: 1/12.000



**TẠI KHU VỰC ĐỒNG TRÀM (ĐỒNG LỚN) TIỂU KHU 68 THUỘC PHÂN KHU PHỤC HỒI SINH THÁI RỪNG ĐẶC DỤNG (VƯỜN QUỐC GIA)
ĐỊA CỚI HÀNH CHÍNH ÁP BÃI BÒN, XÃ HÀM NINH, THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIẾN GIANG**

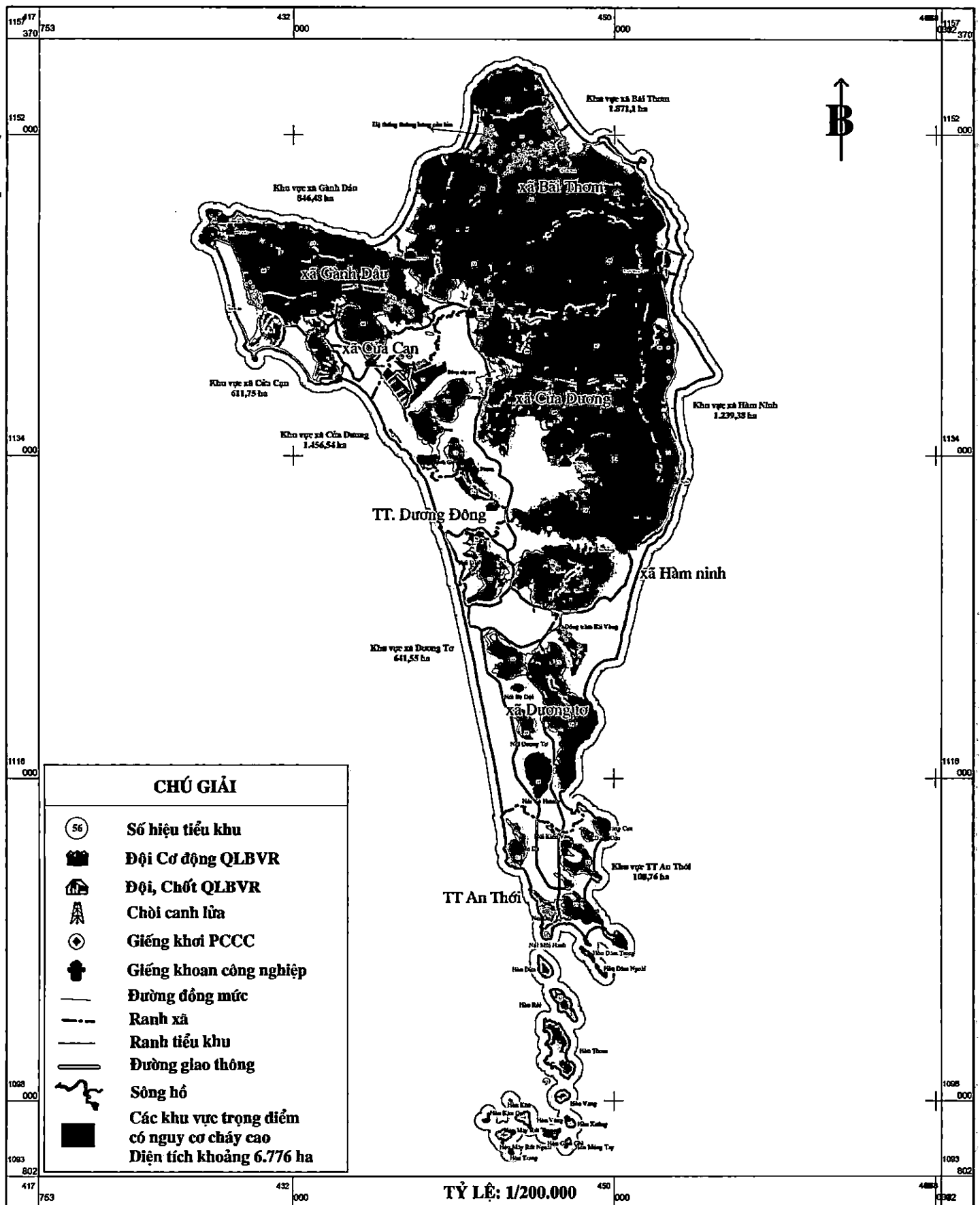
Chú thích
Hệ tọa độ VN 2000

Điểm	Toạ độ X(m)	Toạ độ Y(m)
1	452.400	1.147.043
2	452.922,98	1.140.750,61
3	453.061	1.140.606
4	453.058,18	1.140.032,73
5	453.070	1.139.272
6	453.069	1.138.348
7	452.940	1.137.883
8	452.924	1.137.710

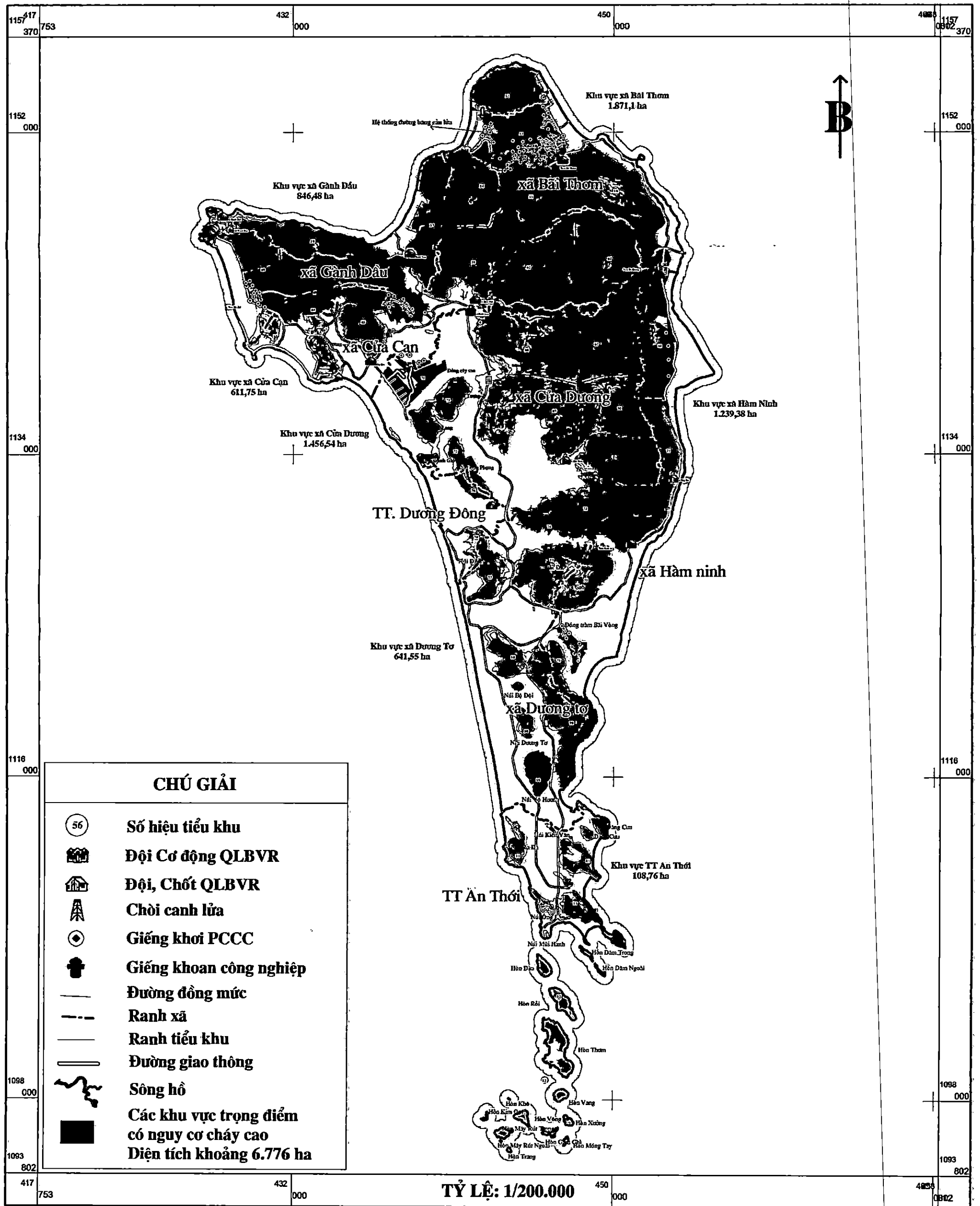
Diện tích cây bao đồng cỏ: 159,174ha

Tổng Đồng lớn: 07 giếng từ G2 đến G8 và giếng G1 thuộc ấp Đá Chông, xã Baitram

BẢN ĐỒ PHÂN VÙNG TRỌNG ĐIỂM CÓ NGUY CƠ CHÁY CAO TRÊN ĐỊA BÀN VƯỜN QUỐC GIA PHÚ QUỐC

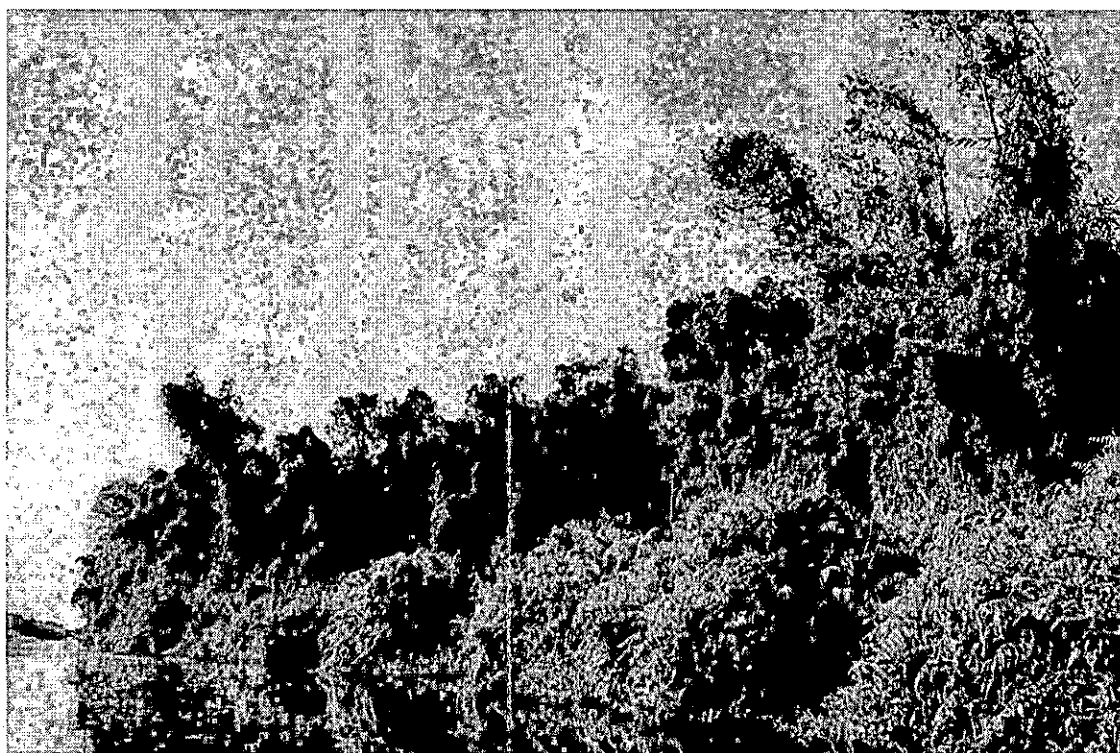


BẢN ĐỒ PHÂN VÙNG TRỌNG ĐIỂM CÓ NGUY CƠ CHÁY CAO TRÊN ĐỊA BÀN VƯỜN QUỐC GIA PHÚ QUỐC



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
VƯỜN QUỐC GIA U MINH THƯỢNG
===***===

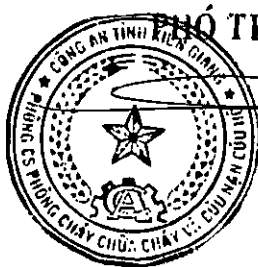
**PHƯƠNG ÁN
PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY RỪNG
NĂM 2021-2022**



U MINH THƯỢNG, 2021

PHƯƠNG ÁN
PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY RỪNG MÙA KHÔ
NĂM 2021 - 2022

TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT
PCCC&CNCH CÔNG AN TỈNH
KT. TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

[Signature]

Thượng tá Phạm Mạnh Hùng

CHỈ CỤC TRƯỞNG
CHỈ CỤC KIỂM LÂM



Đoàn Văn Thanh

BAN CHỈ ĐẠO PCCC & CNCH TỈNH

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



[Signature]

Trương Thanh Hào

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY RỪNG

Tên chủ rừng: Vườn Quốc gia U Minh Thượng

Địa chỉ: Ấp Công Sự, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang

Điện thoại: 0297 3883037

Phần I

CƠ SỞ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Căn cứ pháp lý

- 1- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 25/11/2017;
- 2- Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013.
- 3- Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp.
- 4- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy chữa cháy;
- 5- Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;
- 6- Thông tư 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng cháy chữa cháy rừng;
- 7- Thông tư 149//2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy, chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy và nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- 8- Thông tư 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an Quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy chữa cháy chuyên ngành;

9- Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 của Bộ Công an quy định về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

10- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12-01-2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

11- Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 30/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng;

14- Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 03/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tăng cường các biện pháp cấp bách về bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng;

15- Tiêu chuẩn ngành số 04 TCN 88 – 2006 quy trình phòng cháy, chữa cháy rừng Tràm (*Ban hành kèm theo Quyết định số 4110/QĐ-BNN – KHCN ngày 31/12/2006 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*);

16- Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Phương án chữa cháy Vườn quốc gia U Minh Thượng;

17- Kế hoạch số 09/KHLN KL-CA-QĐ ngày 01/01/2007 về phối hợp giữa lực lượng Kiểm lâm, Công an, Tỉnh đội, Biên phòng, Sư đoàn 4-QK9 trong công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

18- Quy chế phối hợp số 2065/QC-QS-NN&PTNT ngày 22/09/2011 giữa Bộ chỉ huy quân sự tỉnh với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn phối hợp hoạt động giữa lực lượng Dân quân tự vệ với lực lượng Kiểm lâm trong công tác bảo vệ rừng;

19- Công văn số 440/CAT-XDPC ngày 10/5/2021 của Công an tỉnh Kiên Giang về việc hướng dẫn một số nội dung cơ bản của lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành;

20- Công văn 4261/SNNPTNT-KHTC ngày 11/8/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng và xây dựng phương phương án phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2022.

2. Đặc điểm VQG U Minh Thượng

2.1. Vị trí, diện tích

VQG U Minh Thượng nằm trên địa bàn xã An Minh Bắc và xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang có tọa độ địa lý từ 9°31'16" đến 9°39'45" vĩ độ Bắc, 105°03'06" đến 105°07'59" kinh độ Đông. Diện tích tự nhiên của VQG là 21.107 ha, gồm vùng lõi 8.038 ha và vùng đệm 13.069 ha, trong đó:

- | | |
|--------------------------------|----------|
| - Diện tích rừng đặc dụng: | 8.038 ha |
| + Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: | 914 ha |
| + Phân khu phục hồi sinh thái: | 6.924 ha |

+ Phân khu bảo tồn Di tích - Lịch sử: 200 ha
 - Diện tích vùng đệm sử dụng: 59,4 ha
 + Phân khu Hành chính - Dịch vụ: 59,4 ha
 + Diện tích vùng đệm 13.009,6 ha (do Ủy ban nhân dân huyện U Minh Thượng quản lý).

2.2. Trạng thái rừng

Thảm thực vật tự nhiên của VQG U Minh Thượng bao gồm 4 lớp phân loại (rừng tràm, đồng cỏ ngập nước theo mùa, đầm lầy thực vật thủy sinh, các rạch và kênh) như sau:

Bảng 01: Hiện trạng thảm thực vật VQG U Minh Thượng

Stt	Hiện trạng VQG U Minh Thượng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %
I	Rừng tràm	5.178,83	64,43
1	Rừng tràm trên đất than bùn không bị cháy năm 2002	129,65	
2	Rừng tràm tái sinh trên đất than bùn bị cháy năm 2002	2.249,10	
3	Rừng tràm trên đất sét	1.069,06	
4	Rừng tràm trồng	1.731,02	
II	Đồng cỏ ngập nước theo mùa	1.699,40	21,14
III	Đầm lầy thực vật thủy sinh	1.012,86	12,60
5	Loài Súng ma (<i>Nymphaea nouchali</i> Burm. f.) chiếm ưu thế	269,38	
6	Loài Bèo (<i>Pistia stratiotes</i> / <i>Salvinia cucullata</i>) chiếm ưu thế	797,24	
7	Loài Bồn bồn (<i>Typha domingensis</i> Persoon.) chiếm ưu thế	95,13	
8	Mặt nước trống	22,35	
IV	Các rạch, kênh và đê bao trong	146,91	1,83
9	Các rạch tự nhiên	39,24	
10	Kênh đào	56,97	
11	Đê bao trong	50,70	
Tổng		8.038,00	100,00

- Rừng tràm trên đất than bùn không bị cháy năm 2002:

Đây là khu vực rừng còn sót lại không bị cháy trong trận cháy rừng năm 2002. Tám loài cây ưu thế đã được tìm thấy bao gồm Mốp (*Alstonia spathulata*

Bl.), Búi (*Ilex cymosa* Bl.), Tràm (*Melaleuca cajuputi* Powell), Trâm (*Syzygium cumini* (L.) Druce.), Trâm (*Syzygium polyanthum* (Wight.) Walp.), Dầu dẫu ba lá (*Euodia lepta* (Spreng.) Merr.), Bí bái (*Acronichya pedunculata* (L.) Miq.) và Cà na (*Elaeocarpus hygrophylus* Kurz.). Do ảnh hưởng của việc giữ nước PCCCR trong thời gian dài không hợp lý (2004-2009). Các loài cây thân gỗ ưu thế có mật độ giảm đáng kể. Cây tràm có mật độ trung bình 400 cây/ha, đường kính $D_{1.3}$ trung bình là 11,1 cm, chiều cao trung bình là 9,4 m. Mặt đất rừng được phủ bởi dương xỉ, dón, choại như thường thấy tại các tiểu khu rừng tràm trên đất than bùn.

- Rừng tràm tái sinh trên đất than bùn:

Rừng tràm tái sinh trên than bùn là một kiểu thảm thực vật điển hình của vùng đầm lầy than bùn U Minh Thượng. Cây tràm (*Melaleuca cajuputi* Powell.) là loài cây chiếm ưu thế. Cây tràm có mật độ trung bình 1.568 cây/ha, đường kính trung bình 9,28 cm, chiều cao trung bình 9,56 m. Một số loài cây khác cũng xuất hiện tái sinh trong tán rừng nhưng ít phổ biến hơn, như: Mốp (*Alstonia spathulata* Bl.), Búi (*Ilex cymosa* Bl.), Dầu dẫu ba lá (*Euodia lepta* (Spreng.) Merr.) và Trâm (*Syzygium cumini* (L.) Druce.). Loại rừng này được đặc trưng bởi sự phong phú của các loài dương xỉ. Có hai loài dương xỉ phổ biến nhất là loài dương xỉ leo như Choại (*Stenochlaena palustris* (Burm.) Bedd.) và loài dương xỉ trên đất như Dón (*Nephrolepis falcate* (Cav.) C. Chr.).

❖ Rừng tràm trên đất sét:

Trong VQG U Minh Thượng, kiểu rừng này xuất hiện ở rìa của đĩa than bùn. Đây là giai đoạn thứ hai của rừng tràm trên đất than bùn xuất hiện sau khi bị lửa cháy hết lớp than bùn. Tràm (*Melaleuca cajuputi* Powell.) gần như loài duy nhất trong tán rừng. Dương xỉ không phong phú như trong loại rừng trên đất than bùn. Sậy (*Phragmites vallatoria* (L.) Veldk.), Năng (*Eleocharis dulcis* (Burm. f.) Hensch.) và thực vật thủy sinh khá phổ biến dưới tán rừng.

❖ Rừng trồng:

Để phục hồi hệ sinh thái rừng tràm, nâng cao độ che phủ của rừng trong khu vực, thực hiện chương trình 661 và các dự án đầu tư, VQG U Minh Thượng đã triển khai trồng lại rừng trong giai đoạn 2009 - 2019 tại những khu vực rừng tràm trên đất sét đã bị chết do ngập nước trong thời gian dài. Mật độ tràm khi trồng là 20.000 cây/ha, sau đó mật độ giảm dần theo thời gian do quy luật cạnh tranh tự nhiên. Dưới tán rừng thảm tươi phát triển mạnh như Sậy, dón, choại, U du,

❖ Đồng cỏ ngập nước theo mùa:

Đồng cỏ Năng (*Eleocharis dulcis* (Burm. f.) Hensch.) thường xuất hiện ở những vùng trũng, ngập sâu hoặc phèn nặng. Ngoài cỏ năng (*Eleocharis dulcis* (Burm. f.) Hensch.), cũng còn có các loài như: U du (*Cyperus elatus* L.), U du (*Cyperus digitatus* Roxb.), Cú ma (*Cyperus polystachyos* Rottb.), Cỏ đắng tán (*Fuirena umbellata*), Sậy (*Phragmites vallatoria*), Rau dừa nước (*Ludwigia*

adscendens (L.) Hara.), Nghê (*Polygonum barbatum* L.), Bèo cái (*Pistia stratiotes* L.) và Súng ma (*Nymphaea nouchali* Burm. f.), ...

Sậy (*Phragmites vallatoria* (L.) Veldk.) hình thành những vùng đồng cỏ rộng lớn trong VQG U Minh Thượng. Sậy (*Phragmites vallatoria* (L.) Veldk.) có thể cao đến 4 m tạo thành những bụi đơn loài. Các loài khác thường được tìm thấy trong đồng sậy là Dây vác (*Cayratia trifolia* (L.) Domino), Cuồng (*Scleria sumatrensis* Retz.), Mây nước (*Flagellaria indica* L.), Cỏ bắc (*Leersia hexandra* Swartz.), Hoà thảo (*Leptochloa chinensis*), U du (*Cyperus digitatus* Roxb.), Thúi địt (*Paederia consimilis*) và Năng (*Eleocharis dulcis* (Burm. f.) Hensch.).

Có những khu vực, Thực vật chiếm ưu thế là U Du (*Cyperus digitatus* Roxb.) khoảng 45%, Cỏ ống (*Panicum repens* L.) khoảng 30%, Cỏ Lác (*Cyperus sp.*) khoảng 15% và xen lẫn bên trong là Lác (*Cyperus ramosii* Kuk.), những cụm Bồn bồn (*Typha angustifolia* Persoon.) phân bố rải rác (khoảng 5%). Một số loài thực vật ưa nước như Dón (*Blechnum indicum* Burm. f.), Ráng gạc nai (*Ceratopteris thalictroides* (L.) Brogn.)... cũng được tìm thấy ở kiểu thảm thực vật này.

Nhiều khu vực đồng cỏ, thực vật Dón (*Blechnum indicum* Burm. f.) chiếm ưu thế trong kiểu thảm này, khoảng 60 - 70%, xen kẽ trong thảm thực vật này là những đám Choại (*Stenochlaena palustris* (Burm.) Bedd.) với mật độ khoảng 15%. Ngoài ra còn ghi nhận một số loài khác như: Bồng bong (*Lygodium scanden* (L.) Sw.), Cuồng (*Scleria sumatrensis* Retz.), Mây nước (*Flagellaria indica* L.), Cỏ bắc (*Leersia hexandra* Swartz.), Hoà thảo (*Leptochloa chinensis* L.), U du (*Cyperus digitatus* Roxb.), Thúi địt (*Paederia consimilis* Pierre ex Pit.), ... nhưng kém phong phú hơn.

❖ Đầm lầy thực vật thủy sinh:

Bồn bồn (*Typha angustifolia* Persoon.) hiện còn rất ít khu vực đầm lầy của VQG. Quần thể Bồn bồn phân bố ở những nơi địa hình trũng thấp, ngập nước khá cao từ 30 cm trở lên và thường xuyên trong năm. Một số loài thực vật khác như Bèo cái (*Pistia stratiotes* L.), Bèo tai chuột (*Salvinia cucullata* Roxb.), Rau đấng (*Glinus oppositifolius* (L.) DC.), Rau dừa nước (*Ludwigia adscendens* (L.) Hara.), ... cũng được ghi nhận nhưng kém phong phú hơn.

Những thủy vực trống trong vùng lõi VQG U Minh Thượng, do bị cháy hết lớp than bùn có mực nước ngập sâu được bao phủ bởi những loài thực vật thủy sinh trôi nổi như: Bèo cái (*Pistia stratiotes* L.), Lục Bình (*Eichhornia crassipes* (Maret) Solm.) và Bèo tai chuột (*Salvinia cucullata* Roxb.). Những loài này phát triển thành những tấm thảm dày, che phủ toàn bộ diện tích mặt nước.

Kiểu thảm thực vật ưu thế bởi Súng ma (*Nymphaea nouchali* Burm. f.) thường xuất hiện ở những thủy vực nhỏ như là các vũng tự nhiên trong rừng hoặc trên đồng cỏ. Những loài thực vật phổ biến xuất hiện ở kiểu thảm thực vật này là Bèo cái (*Pistia stratiotes* L.), Bèo tai chuột (*Salvinia cucullata* Roxb.), Lục bình (*Eichhornia crassipes* (Maret) Solm.), Năng (*Eleocharis dulcis* (Burm. f.) Hensch.), Rau muống (*Ipomoea aquatic* Forst.), Rau dừa nước (*Ludwigia*

adscendens (L.) Hara.), Bèo hoa dâu (*Azolla pinnata* Br.), Bèo tấm (*Lemna aequinoctialis* Welwitsch.), Mồm mớ (*Hymenachne acutigluma* (Steud.) Gilliland.), Cỏ bắc (*Sacciolepis interrupta* (Willd.) Stapf.), Cỏ bắc (*Leersia hexandra* Swartz.) và Thài lài (*Commelina diffusa* Burm. f.).

Một số loài thực vật thủy sinh như: Rong đuôi chồn (*Ceratophyllum demersum* L.), Rong trứng vàng (*Utricularia aurea* Lour.), Rong trứng (*Utricularia gibba* L.), Rong trứng tím (*Utricularia punctata* Wall.), Rong (*Nechamandra alternifolia* (Roxb.) Thw.), Lồng đèn nước (*Hydrocera triflora* (L.) W. & Arn.), ... phổ biến dưới mặt nước trồng. Ngoài ra, tại sinh cảnh này cũng ghi nhận sự xuất hiện của một số loài thực vật thủy sinh nổi như Bèo cái (*Pistia stratiotes* L.), Bèo tai chuột (*Salvinia cucullata* Roxb.), Lục bình (*Eichhornia crassipes* (Maret) Solm.) do đặc điểm trôi nổi nhờ gió.

Một số rạch nhỏ xuất hiện trong vùng lõi VQG. Nước trong những con rạch này không chảy được vì hệ thống đê xung quanh vùng lõi đã ngăn cản dòng chảy. Rìa của các rạch được bao phủ bởi những thực vật thủy sinh như: Năng (*Eleocharis dulcis* (Burm. f.) Hensch.), Sậy (*Phragmites vallatoria* (L.) Veldk.), Mồm mớ (*Hymenachne acutigluma* (Steud.) Gilliland.), Cỏ bắc (*Sacciolepis interrupta* (Willd.) Stapf.). Các loài thực vật nổi chiếm không gian trồng trên bề mặt của các con rạch là Súng ma (*Nymphaea nouchali* Burm. f.), Bèo cái (*Pistia stratiotes* L.) và Bèo tai chuột (*Salvinia cucullata* Roxb.). Tuy nhiên, các loài thực vật nổi này ít khi che phủ 100% diện tích mặt nước. Mặc dù cấu trúc cảnh quan khác nhau, những trảng trồng và các rạch tự nhiên trong VQG U Minh Thượng có thành phần loài thực vật rất giống nhau.

❖ Kênh, rạch:

Kênh là những thủy vực nhân tạo. Tuy nhiên, các quần xã thực vật sinh sống trong kênh rất đa dạng. Dọc theo hai bờ kênh có các loài Đậu ma bông vàng (*Vigna luteola* (Jack.) Benth.), Nghê (*Polygonum barbatum* L.), Rau trai (*Commelina diffusa* Burm. f.), Lác đỏ xanh (*Cyperus rubroviridis* H. Chermeson), U du (*Cyperus elatus* L.), Gai thảo (*Echinochloa stagnina* (Retz.) P. Beauv.), Mồm mớ (*Ischaemum rugosum* Salisb.), Mồm mớ (*Hymenachne acutigluma* (Steud.) Gilliland.), Cỏ thìa thìa (*Hygroryza aristata* (Retz.) Nees. ex W. & Arn.). Bị chìm một phần hay nổi trên mặt nước kênh là các loài Rong trứng vàng (*Utricularia aurea* Lour.), Rong đá (*Hydrilla verticillata* (L. f.) Royle.), Rong đuôi chồn (*Ceratophyllum demersum* L.), Bèo cái (*Pistia stratiotes* L.), Bèo tai chuột (*Salvinia cucullata* Roxb.), Lục bình (*Eichhornia crassipes* (Maret) Solm.), Kèo nèo (*Limnocharis flava* (L.) Buch.), Bèo tấm (*Lemna aequinoctialis* Welwitsch.), Bèo hoa dâu (*Azolla pinnata* Br.). Nhiều đoạn kênh trong vùng lõi bị bao phủ hoàn toàn bởi những mảng nổi nặng nề được tạo thành bởi Lục bình (*Eichhornia crassipes* (Maret) Solm.) và Bèo cái (*Pistia stratiotes* L.).

2.3. Đa dạng động thực vật

Hệ thực vật trong khu vực đất than bùn U Minh Thượng khá phong phú. Tổng cộng có 258 loài thực vật thuộc 87 họ của 2 ngành thực vật bậc cao có mạch được ghi nhận ở VQG U Minh Thượng, có 03 loài thực vật quý hiếm nằm trong Sách đỏ Việt Nam, chiếm 1,16% tổng số loài của khu hệ thực vật ở VQG U Minh Thượng.

Vườn Quốc gia U Minh Thượng là nơi phân bố của 32 loài thú, 184 loài chim, 49 loài bò sát, lưỡng cư, 64 loài cá, 202 loài côn trùng. Những loài động vật như: Khỉ, Lợn rừng, Rái cá, Trăn, Rắn, Rùa là những loài động vật phổ biến và có số lượng quần thể lớn ở VQG. Các loài thú quý hiếm ở khu vực gồm có Tê tê (*Manis javanica*), Rái cá vuốt bé (*Aonyx cinerea*), Rái cá lông mũi (*Lutra sumatrana*), Cầy giông (*Viverra zibetha*), Cầy giông đốm lớn (*Viverra megaspila*), Cầy hương (*Viverricula indica*), Mèo rừng (*Prionailurus bengalensis*), Mèo cá (*Prionailurus viverinus*), Dơi ngựa lớn (*Pteropus vampirus*)...

2.3. Hệ thống kênh mương PCCCR

Hệ thống công trình PCCCR nói chung và hệ thống kênh mương PCCCR nói riêng ở VQG U Minh Thượng được phát triển qua nhiều thời kỳ, bao gồm: hệ thống kênh và đê bao khép kín, đê bao than bùn, cống tiêu thoát nước. Ngoài ra, để điều tiết nước giữa các khu vực, một số đập ngăn giữa các kênh cùng trạm bơm để bơm bổ sung nước từ ngoài vào khi cần thiết.

- Kênh:

Hệ thống kênh rạch trong vùng lõi có các kênh trục chính, kênh ngang và rất nhiều rạch nhỏ. Các kênh ở VQG U Minh Thượng được phân chia thành 2 loại: kênh chính và kênh nhánh. Các kênh chính gồm kênh bao quanh vùng lõi VQG và hai kênh trung tâm. Giữa các kênh chính có một số kênh nhánh. Hệ thống kênh bao nằm bên trong và nằm sát đê bao có tác dụng dự trữ nước để cung cấp cho mùa khô. Hệ thống kênh trong vùng lõi được nạo vét năm 2003 với độ sâu trung bình 2,5 m, bề rộng mặt kênh trung bình 12 m. Các kênh có thể nối hai kênh chính, nhưng cũng có thể xuất phát từ một kênh chính và đi sâu vào trong rừng, khoảng cách dẫn nước chữa cháy từ kênh đến điểm cháy trung bình 2 km, có những điểm ở xa kênh lên đến 2,5 km. Hệ thống kênh ở VQG U Minh Thượng được tổng hợp như sau:

Bảng 2: Tổng hợp hệ thống kênh trong vùng lõi ở VQG

STT	Tên kênh	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Độ sâu (m)
1	Kênh KT2 (Trung tâm)	10.772	20	2,5
2	Kênh KT1 đoạn 1	3.832	10	2
3	Kênh KT1 đoạn 2	6.396	10	2
4	Kênh KT3 đoạn 1	3.724	10	2

5	Kênh Ngang	7.969	10	2
6	Kênh bao trong	38.400	20	2
7	Kênh bao rừng già	9.900	15	1,7

Các kênh này là nguồn dự trữ nước để chữa cháy rừng trong mùa khô khi có cháy rừng xảy ra. Vào mùa khô các tuyến kênh trong vùng lõi được dọn trống, đảm bảo đi lại cho công tác tuần tra bảo vệ rừng và PCCCR. Phương tiện vận chuyển trang thiết bị chữa cháy rừng được vận chuyển bằng võ lải Composite dài từ 9-12 m.

- Đê bao:

VQG hiện có hệ thống đê bao khép kín trong vùng lõi và đê bao ngoài bao bọc xung quanh vùng đệm. Trên hệ thống đê bao các trục chính được xây dựng bằng bê tông: đường kênh trung tâm 10,7 km, đường kênh ngang (kênh 6 - kênh 19) 7,9 km. Đường bê tông trên tuyến đê bao quanh vùng lõi có chiều dài 30,1 km (đoạn từ trạm bảo vệ rừng kênh 11 đến trạm bảo vệ rừng kênh 17 chưa được xây dựng). Đường bê tông có bề rộng 2,5 - 5,0 m, tải trọng từ 5,0 tấn trở lên. Hệ thống đê bao trong vùng lõi được thống kê như sau:

Bảng 3: Tổng hợp đê bao trong vùng lõi ở VQG

STT	Đê bao	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Cao trình (m)
1	Đê kênh KT2 (Trung tâm)	21.544	10	2
2	Đê kênh KT1 đoạn 1	7.664	5	2
3	Đê kênh KT1 đoạn 2	12.786	5	2
4	Đê kênh KT3 đoạn 1	7.448	5	2
5	Đê kênh ngang	15.938	5	2
6	Đê bao trong	38.400	10	2
7	Đê bao rừng già	9.800	7	2

Hệ thống kênh và đê bao quanh vùng lõi (đê bao trong) có chiều dài 38,4 km, tạo thành một đa giác bốn cạnh dạng hình thoi không cân. Hệ thống đê bao được đào từ năm 1978, đến năm 2003 được nâng cấp bổ sung hoàn chỉnh. Mặt đê có cao trình +2,0, chiều rộng 8 m. Theo quy trình vận hành điều tiết nước hiện nay thì hầu hết đê bao trong không bị nước tràn qua, kể cả lúc tích nước cao nhất. Hệ thống đê bao trong có tác dụng giữ nước để cung cấp cho mùa khô, đồng thời là đường giao thông phục vụ công tác quản lý và phát triển du lịch sinh thái ở VQG. Các tuyến đê này là đường giao thông chủ yếu vận chuyển trang thiết bị chữa cháy khi xảy ra cháy rừng.

- Cổng điều tiết:

Trong vùng lõi VQG có 10 cổng điều tiết nước: 01 cổng có kích thước 5x6 m (cổng số 1); 03 cổng có kích thước 3x4 m; 06 cổng có kích thước 2x3 m.

Cổng số 1 được xây dựng kiên cố, đóng mở tự động, các cổng còn lại có phai đóng mở bằng thủ công.

2.4. Hệ thống tháp quan sát lửa rừng

Các chòi canh lửa được xây dựng tại các trạm bảo vệ rừng trên tuyến đê bao trong và khu vực trung tâm vùng lõi VQG. Khoảng cách trung bình giữa các chòi canh lửa trung bình 4 km. Hiện nay ở VQG U Minh Thượng có tổng cộng 16 chòi canh lửa rừng, trong đó 09 chòi canh kiên cố được xây dựng bằng bê tông và 07 chòi canh được xây dựng bằng sắt. Vị trí các chòi canh lửa tại khu vực như sau:

Bảng 4: Vị trí các chòi canh lửa

TT	Vị trí chòi canh	Vật liệu làm chòi	Chiều cao chòi (m)
1	Hồ Hoa Mai	Bê tông	24
2	Trạm Xáng Mượn	Sắt	12
3	Trạm Kênh 6	Bê tông	14
4	Trạm Kênh 8	Bê tông	14
5	Trạm Kênh 11	Bê tông	14
6	Trạm Kênh 14	Bê tông	14
7	Trạm Kênh 17	Bê tông	14
8	Trạm Kênh 18	Bê tông	14
9	Trạm Kênh 21	Bê tông	14
10	Cổng VQG	Bê tông	14
11	Khu HC-DV	Bê tông	14
12	Cây Gòn	Sắt	14
13	Đê bao rừng già	Sắt	12
14	Kênh 19 nối dài	Sắt	12
15	Kênh trung tâm đi 14	Sắt	12
16	Kênh trung tâm đi 14	Sắt	12

Như vậy, với điều kiện hiện nay của VQG thì có thể phát hiện được đám cháy rừng (nếu có cháy rừng xảy ra) bằng mắt thường kết hợp với ống nhòm ở hầu hết các vùng cao của vườn. Nếu quan sát bằng ống nhòm thì từ các chòi canh lửa có thể nhìn được tất cả VQG U Minh Thượng. Do đó, với hệ thống chòi canh lửa hiện nay của VQG đảm bảo có thể quan sát và phát hiện sớm các đám cháy rừng (nếu có cháy xảy ra). Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả của hệ thống chòi canh lửa cần trang bị cho mỗi chòi canh 01 ống nhòm để có thể quan sát rõ các hiện tượng bất thường ở khoảng cách lớn hơn 4 km so với chòi canh, mặt khác trong mùa cháy tại các trạm phòng cháy đều nên thành lập các chòi canh lửa phụ để có thể quan sát kịp thời những đám cháy nếu nó xảy ra.

Mọi số chòi canh trước đây được xây dựng bằng sắt đang trong tình trạng xuống cấp nghiêm trọng nên trong thời gian tới rất cần có những chính sách đầu tư xây dựng mới để thay thế những chòi này bằng chòi bê tông có độ an toàn cao hơn nhằm tăng hiệu quả phát hiện cháy rừng cho khu vực.

3. Những nguy cơ gây cháy rừng

Tổng hợp các kết quả nghiên cứu về PCCCR ở VQG U Minh Thượng, những nguy cơ liên quan đến cháy rừng ở VQG U Minh Thượng như sau:

- Nguyên nhân tự nhiên quan trọng nhất của cháy rừng ở VQG U Minh Thượng là điều kiện khí hậu khô hạn, nhiều diện tích rừng dễ cháy.

VQG U Minh Thượng là một trong số những khu vực có mùa khô kéo dài ở nước ta. Số tháng khô hạn từ 4-6 tháng, nhiệt độ trong tháng 3-4 ở VQG U Minh Thượng xấp xỉ 29-30°C. Lượng mưa bình quân các tháng khô hạn chỉ 10-20 mm, riêng tháng 3 và tháng 4 gần như hoàn toàn không mưa. Trong những năm gần đây hiện tượng El Niño đã làm cho hạn hán ở khu vực càng trở nên nghiêm trọng. Vào giữa và cuối mùa khô phần lớn các vật liệu cháy dưới rừng đều trở nên khô kiệt, chúng dễ dàng bén lửa và gây cháy rừng.

VQG U Minh Thượng có hệ thực vật rừng tràm, là một trong những kiểu rừng rất dễ cháy. Vào mùa khô hàm lượng nước trong thân, lá tràm giảm thấp, tỷ lệ dầu cao làm cho chúng trở thành vật liệu dễ dàng bén lửa ngay cả ở trạng thái tươi. VQG U Minh Thượng có 5.178,83 ha rừng tràm, chiếm 64,42% diện tích vùng lõi của Vườn. Tổng số có 28 loài thực vật thuộc 20 họ khác nhau tham gia vào quá trình cháy khi cháy rừng xảy ra. Thành phần vật liệu cháy dưới tán rừng tràm ở VQG U Minh Thượng gồm 2 loại: vật liệu cháy khô và vật liệu cháy tươi. Khi cháy rừng xảy ra đến một cường độ nào đó thì vật liệu cháy tươi sẽ biến đổi thành vật liệu cháy khô tạo thành vật liệu bốc cháy. Vật liệu cháy tươi ở VQG U Minh Thượng cũng rất nguy hiểm. Chúng tạo nên lớp thảm dày đặc, có chiều cao trung bình 1,7 m; khối lượng trung bình 19,28 tấn/ha. Vật liệu cháy khô khá dày, được tích tụ qua nhiều năm có bề dày trung bình 50 cm; khối lượng trung bình 12,6 tấn/ha. Tổng khối lượng vật liệu cháy dưới tán rừng tràm trung bình là 31,88 tấn/ha. Phân vùng nguy cơ cháy rừng theo đặc điểm vật liệu cháy gồm 3 cấp: cấp cực kỳ nguy hiểm có diện tích 973,67 ha; cấp rất nguy hiểm có diện tích 968,93 ha; cấp nguy hiểm có diện tích 1.650,14 ha.

- Nguyên nhân xã hội của cháy rừng có liên quan đến nhận thức, kiến thức, tập quán sử dụng lửa, trách nhiệm của cộng đồng dân cư.

Đời sống nhân dân vùng đệm còn nhiều khó khăn, số hộ nghèo còn chiếm tỷ lệ khá cao (trên 12%). Tình hình vi phạm vào rừng săn bắt động vật hoang dã, thủy sản, bắt ong vẫn còn diễn ra, đặc biệt gia tăng trong những tháng mùa khô. Họ ít hiểu biết về luật pháp, về nghĩa vụ bảo vệ phát triển rừng, về kỹ thuật PCCCR và thường sử dụng lửa rất bừa bãi trong quá trình hoạt động trái phép trong rừng. Họ đã tạo ra nguồn lửa và là những thủ phạm chính gây ra cháy rừng.

Một trong những nguyên nhân của gia tăng cháy rừng ở VQG U Minh Thượng là thiếu tổ chức và những quy định cộng đồng về quản lý rừng. Những hộ dân sống ven rừng chưa được tổ chức và thực hiện đúng cam kết bảo vệ rừng và PCCCR, họ thường bất lực trước những kẻ xâm hại rừng.

- Nguyên nhân của cháy rừng còn do thiếu những công cụ quản lý lửa rừng hiệu quả.

Trước hết là biện pháp tuyên truyền giáo dục về PCCCR thực sự chưa hiệu quả. Phương pháp, nội dung, đối tượng tuyên truyền còn đơn điệu, chưa sâu rộng. Đa số người dân sống trong vùng đệm chưa nắm vững những quy định về PCCCR.

Những biện pháp dự báo và cảnh báo cháy rừng hiện tại có chất lượng thấp, chưa có phương pháp dự báo nguy cơ cháy rừng mà tính được cả những yếu tố tự nhiên và yếu tố kinh tế xã hội. Phần lớn công tác dự báo cháy rừng vẫn được thực hiện thủ công với những phương pháp thiếu chính xác và phương tiện truyền thông ít hiệu quả. Còn việc phát hiện cháy rừng vẫn được thực hiện bằng tuần tra mặt đất hoặc quan sát không thường xuyên từ mạng lưới chòi canh. Tất cả đã làm cho hiệu quả của dự báo và phát hiện đám cháy rất thấp.

Những biện pháp phòng cháy chữa cháy rừng chưa hiệu quả cũng là nguyên nhân gia tăng thiệt hại của cháy rừng. VQG chưa xây dựng được quy trình điều tiết nước hợp lý để PCCCR hiệu quả và đảm bảo sự phát triển bình thường của hệ sinh thái rừng tràm. Những biện pháp cơ giới và những biện pháp thủ công để dập tắt đám cháy đều chưa được nghiên cứu một cách kỹ lưỡng. Việc ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ vào dự báo và phát hiện sớm các đám cháy, tăng mức ẩm ướt của rừng để giảm khả năng hình thành các đám cháy, giảm tốc độ và ngăn chặn sự lan tràn của các đám cháy, dập tắt các đám cháy từ khi mới hình thành vẫn chưa được thực hiện.

4. Thực trạng công tác phòng cháy chữa cháy rừng

Những năm qua Nhà nước ngày càng quan tâm chỉ đạo và đầu tư cho công tác PCCCR ở VQG U Minh Thượng. Giai đoạn 2015-2020, UBND tỉnh Kiên Giang đã ban hành Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 về việc phê duyệt dự án Bảo tồn và phát triển bền vững VQG U Minh Thượng đến năm 2020. Trong dự án có các hạng mục đầu tư: xây dựng 08 chòi canh lửa; lắp đặt 120 biển báo cấm lửa; xây dựng trạm quan trắc khí tượng; 06 trạm quan trắc mực nước tự động; 06 trạm quan trắc nước ngầm tự động; lắp 05 đập; xây dựng 05 cống điều tiết nước; gia cố 36.123 m đê bao quanh khu vực than bùn chống thấm thấu, giữ nước PCCCR; mua sắm trang thiết bị PCCCR (kobe, xe tải),... Với kết quả đầu tư trên, trong thời gian qua đã góp phần nâng cao năng lực, từng bước chủ động phòng cháy, chữa cháy rừng có hiệu quả hơn.

Thống kê trang thiết bị chữa cháy hiện nay gồm có: 12 vỏ, máy vận chuyển; 01 xe tải 1,5 tấn; 01 Kobe; 01 máy vớt bèo; 11 máy bơm chữa cháy; 01 cano chuyên dùng chữa cháy; 01 xuồng chuyên dùng chữa cháy; 20.600 m vòi chữa cháy các loại và một số trng thiết bị chữa cháy thủ công.

Thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và PCCCR giai đoạn 2015 - 2020, VQG U Minh Thượng đã triển khai đồng bộ với nhiều biện pháp, giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, nhất là tăng cường tuần tra chống người xâm nhập vào rừng trái phép; chủ động xây dựng phương án, tổ chức triển khai thực hiện

phương án PCCCR kịp thời; nghiêm túc triển khai, thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên có liên quan đến công tác bảo vệ rừng và PCCCR; lực lượng PCCCR được củng cố, kiện toàn, có sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy PCCCR rõ ràng, cụ thể; ý thức bảo vệ rừng, PCCCR trong công chức, viên chức trong toàn đơn vị được nâng lên; mặt khác công tác kiểm tra an toàn về PCCCR được tăng cường. Sự phối hợp giữa VQG với lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội trong công tác bảo vệ rừng, PCCCR ngày càng chặt chẽ hơn. Kinh nghiệm chỉ đạo, điều hành và kiểm tra, kiểm soát cháy PCCCR của Ban chỉ huy và lực lượng chữa cháy rừng từng bước được cải thiện. Phương châm “4 tại chỗ” trong phòng cháy chữa cháy rừng đã được quán triệt và phát huy hiệu quả.

Phần II

PHÒNG CHÁY RỪNG

1. Tổ chức lực lượng PCCCR

1.1. Ban chỉ huy PCCCR

Thành lập Ban chỉ huy PCCCR gồm 9 người: Giám đốc Vườn Quốc gia làm trưởng ban; 02 Phó Giám đốc làm Phó Trưởng ban; 03 Trưởng phòng và tương đương, 03 Phó trưởng phòng và tương đương làm thành viên. Ban chỉ huy PCCCR Vườn Quốc gia U Minh Thượng có nhiệm vụ sau:

- Chỉ đạo thực hiện công tác PCCCR trên địa bàn VQG U Minh Thượng theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng; Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng; chỉ đạo, giải quyết các vấn đề cấp bách trong phòng cháy chữa cháy rừng; xây dựng kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng;

- Kiểm tra, giám sát các đội PCCCR thực hiện phương án PCCCR trên địa bàn để phù hợp với phương án PCCCR của Vườn Quốc gia;

- Huy động lực lượng, phương tiện khi có tình huống trong công tác chữa cháy rừng; chỉ đạo giải quyết hậu quả do cháy rừng gây ra;

- Ban Chỉ huy hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, kinh phí hoạt động do ngân sách cấp theo kế hoạch hàng năm.

Căn cứ Luật Phòng cháy chữa cháy, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng; Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng. Ban chỉ huy PCCCR VQG U Minh Thượng xây dựng Quy chế hoạt động có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

1.2. Chỉ đạo và chỉ huy chữa cháy rừng

Khi có cháy rừng xảy ra, theo quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng; Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng việc chỉ đạo và chỉ huy chữa cháy rừng thực hiện như sau:

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có mặt tại đám cháy rừng là người chỉ đạo chữa cháy rừng. Người chỉ đạo chữa cháy rừng có nhiệm vụ:

a) Huy động, điều phối và phân công các lực lượng, phương tiện, thiết bị, dụng cụ, vật tư, nguồn nước và vật liệu để chữa cháy rừng;

b) Bảo đảm các điều kiện phục vụ chữa cháy như giao thông, trật tự, thông tin liên lạc, hậu cần, y tế và công tác chính trị tư tưởng trong chữa cháy rừng.

2. Người chỉ huy chữa cháy rừng quy định tại Điều 37 Luật Phòng cháy và chữa cháy, khoản 23 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Phòng cháy và chữa cháy. Người chỉ huy chữa cháy rừng có nhiệm vụ:

a) Trực tiếp điều hành các lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng;

b) Tổ chức trinh sát đám cháy; xác định vị trí, hướng chữa cháy chính và việc triển khai lực lượng, phương tiện cần thiết để chữa cháy, các biện pháp để chữa cháy;

c) Quyết định phân chia khu vực chữa cháy và chỉ định người chỉ huy của từng lực lượng chữa cháy rừng theo từng khu vực;

d) Báo cáo lãnh đạo cấp trên trực tiếp quản lý hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền về tình hình, diễn biến của đám cháy;

đ) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy; bảo đảm các hoạt động hỗ trợ trong công tác chữa cháy rừng;

e) Phối hợp tổ chức bảo vệ khu vực chữa cháy, hiện trường vụ cháy; áp dụng các biện pháp bảo vệ tài liệu, đồ vật phục vụ công tác điều tra vụ cháy, xác định nguyên nhân gây ra cháy rừng;

g) Tổ chức tập hợp lực lượng, thu hồi phương tiện trở về đơn vị khi kết thúc nhiệm vụ chữa cháy rừng;

h) Sau khi dập tắt đám cháy, yêu cầu phải thường xuyên kiểm tra hiện trường để đám cháy không bùng phát trở lại;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

3. Trường hợp có nhiều lực lượng tham gia chữa cháy rừng, người chỉ huy chữa cháy rừng của từng lực lượng như sau:

a) Đối với lực lượng quân đội, thủ trưởng đơn vị là người chỉ huy theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy;

b) Đối với lực lượng bảo vệ rừng của chủ rừng là tổ chức, người đứng đầu tổ chức là người chỉ huy hoặc ủy quyền người chỉ huy chữa cháy rừng;

c) Đối với các lực lượng khác tham gia chữa cháy rừng thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

Việc chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng tại VQG U Minh Thượng thực hiện theo Phương án chữa cháy Vườn Quốc gia U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

1.3. Bố trí lực lượng và phương tiện PCCCR

Trên cơ sở biên chế và người lao động hiện có thành lập 03 đội PCCCR, mỗi đội có 15 người, trong đó có 01 đội trưởng và 01 đội phó; Đội hậu cần gồm 12 người. Phân công địa điểm ứng trực PCCCR như sau:

- Đội số 1: phụ trách tiểu khu 45 và 49, bố trí tại (Tháp quan sát cây gòn);
- Đội số 2: phụ trách tiểu khu 44, bố trí tại Trạm K19 (K19 về hướng K21);
- Đội số 3: phụ trách tiểu khu 40, 42, bố trí tại đội bảo vệ rừng kênh 6.
- Ban chỉ huy PCCCR và đội hậu cần được bố trí tại hồ Hoa Mai.

Duy trì lực lượng ứng trực tại 7 đội bảo vệ rừng bao quanh vùng lõi, mỗi đội 1-2 người.

Các thành viên các đội PCCCR được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC lần đầu từ 32 đến 48 giờ và được phòng cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh cấp.

Trang thiết bị chữa cháy được bố trí cho mỗi đội 02 máy chữa cháy chuyên dùng, 500 m vòi chữa cháy $\varnothing$ 65, 300 m vòi chữa cháy $\varnothing$ 50, 02 lăng A, 04 lăng B, 01 vỏ máy chở lực lượng, phương tiện chữa cháy.

2. Các biện pháp phòng cháy rừng

2.1. Xác định thời gian dễ cháy trên địa bàn:

Hàng năm Vườn Quốc gia U Minh Thượng chủ động giữ nước để duy trì độ ẩm nhằm hạn chế cháy rừng xảy ra. Độ ẩm vật liệu cháy của vật liệu dưới rừng trầm không ổn định. Nó phụ thuộc vào điều kiện thời tiết và mực nước ngầm, trong đó quan trọng nhất là mực nước ngầm. Trong những tháng mùa khô kể từ sau tháng 11, lượng mưa ở U Minh gần như không đáng kể. Đến cuối tháng 3, đầu tháng 4 tình trạng không mưa trong nhiều tháng đã làm cho độ ẩm vật liệu cháy ổn định ở mức thấp nhất và cấp nguy cơ cháy rừng xác định theo

điều kiện khí tượng luôn ở cấp IV, cấp V tại các khu vực than bùn cao và trên các tuyến đê.

Căn cứ vào đặc điểm diễn biến thời tiết trong mùa cháy và mức nguy hiểm của lửa do khác biệt về thời tiết gây nên có thể xác định cấp nguy hiểm của thời tiết đối với cháy rừng trầm như sau:

Bảng 5. Nguy cơ cháy rừng trầm theo điều kiện thời tiết

TT	Nguy cơ cháy rừng	Mức nguy hiểm với cháy rừng	Đặc điểm đám cháy	Cấp cường độ cháy
1	Cấp III	Tương đối nguy hiểm	Cháy yếu, lan chậm, chủ yếu cháy mặt đất	I
2	Cấp IV	Nguy hiểm	Cháy mạnh, lan tương đối nhanh, cháy mặt đất một phần tán	II
3	Cấp V	Rất nguy hiểm	Cháy rất mạnh, lan nhanh, xuất hiện đồng thời cháy mặt đất, cháy tán và cháy ngầm	III

2.2. Xây dựng bản đồ phân vùng trọng điểm cháy rừng:

Bản đồ phân vùng trọng điểm cháy rừng được xây dựng trên cơ sở đặc điểm thảm thực vật, điều kiện địa hình, than bùn, mực nước ngầm và vật liệu cháy, trong đó vùng trọng điểm có nguy cơ cháy rừng phụ thuộc hai yếu tố chính, đó là:

- Phân cấp nguy cơ cháy rừng theo mực nước ngầm:

Điều kiện địa hình bằng phẳng trên vùng rộng mà thời tiết khô nóng thường ảnh hưởng mạnh đến mực nước ngầm. Mực nước ngầm lại ảnh hưởng tới độ ẩm vật liệu và khả năng xuất hiện cháy rừng. Độ ẩm vật liệu cháy dưới rừng trầm ở Vườn Quốc gia U Minh Thượng có liên hệ khá chặt chẽ với mực nước ngầm. Dựa vào kết quả phân tích quan hệ của mực nước ngầm với độ ẩm vật liệu cháy trong mùa khô và độ ẩm vật liệu với tốc độ bén lửa có thể phân chia mực nước ngầm thành 3 cấp theo nguy cơ cháy rừng và mức nguy hiểm của nó như sau:

Bảng 6. Phân cấp nguy cơ cháy rừng trầm theo độ sâu mực nước ngầm trong mùa khô

TT	Độ sâu mực nước ngầm (cm)	Độ ẩm vật liệu cháy	Mức nguy hiểm của cháy rừng
1	< 50	Ẩm	Ít nguy hiểm
2	50-90	Khô	Nguy hiểm
3	> 90	Rất khô	Rất nguy hiểm

- Phân cấp nguy cơ cháy rừng theo đặc điểm vật liệu cháy:

Lượng vật liệu cháy là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến chiều cao ngọn lửa, tốc độ lan tràn, khả năng gây hại và mức nguy hiểm đối với người chữa cháy.

Dựa vào đặc điểm đặc điểm thảm thực vật, điều kiện địa hình, than bùn, mực nước ngầm và vật liệu cháy, các khu vực trọng điểm có nguy cơ cháy cao như sau:

Bảng 7. Vùng trọng điểm cháy rừng

Phân cấp nguy cơ cháy	Trạng thái rừng	Diện tích (ha)
Cực kỳ nguy hiểm	Rừng tràm trên than bùn không bị cháy năm 2002	434,67
	Rừng tràm tái sinh trên đất than bùn dày sau cháy năm 2002	539,00
Rất nguy hiểm	Rừng tràm tái sinh trên đất than bùn dày sau cháy năm 2002	968,93
Nguy hiểm	Rừng tràm trên đất sét	426,81
	Rừng tràm trồng phục hồi sinh thái	1223,33

2.3. Xây dựng dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng

Quy trình dự báo nguy cơ cháy rừng gồm các bước sau:

Bước I. Chuẩn bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho dự báo nguy cơ cháy rừng Tràm:

Công việc chuẩn bị cho dự báo nguy cơ cháy rừng được thực hiện vào tháng 11 hàng năm. Đây là tháng có lượng mưa thấp hơn lượng bốc hơi, vật liệu cháy đang khô dần và sắp sửa đến mùa cháy. Nội dung chuẩn bị cho công tác dự báo gồm: phân công viên chức thực hiện thu thập thông tin về mực nước ngầm phục vụ dự báo nguy cơ cháy rừng, phân vùng dự báo nguy cháy rừng Tràm, chuẩn bị bảng biểu thu thập thông tin và phân tích thông tin trong quá trình dự báo, kiểm tra hệ thống thông tin về nguy cơ cháy rừng tràm.

Bước II. Thực hiện công tác dự báo nguy cơ cháy rừng

Công tác dự báo nguy cơ cháy rừng tràm được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc khi nguy cơ cháy rừng xuống dưới cấp III liên tục trong 10 ngày.

Nội dung công tác dự báo gồm: thông tin về mực nước ngầm, thông tin về cấp nguy cơ cháy rừng theo điều kiện thời tiết ở toàn khu vực, xử lý số liệu và tính cấp nguy cơ cháy rừng, truyền tin về nguy cơ cháy rừng như sau:

a) Dự báo cấp cháy rừng tràm trên đất sét và các trạng thái rừng không có than bùn:

Tính chỉ tiêu cháy rừng theo nhân tố khí tượng thủy văn (Nesterov. V. G, 1949; Phạm Ngọc Hưng, 2004). Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo chỉ số P của Nesterov V. G, 1949 như sau:

$$P_i = K \sum_{j=1}^n Tk_{ij} \times D_{ij}$$

Trong đó:

- P_i : Là chỉ tiêu khí tượng tổng hợp đánh giá mức nguy hiểm cháy rừng ngày thứ i.

- K là hệ số điều chỉnh lượng mưa, trong đó:

+ $K = 1$, khi lượng mưa ngày (R_i) = 0 mm;

+ $K = 0$, khi lượng mưa ngày (R_i) ≥ 5 mm;

+ $K = (R_i - R_0)/R_0$, khi lượng mưa ngày nằm trong khoảng: $0 < (R_i) < 5$ mm.

- Tk_{i13} : Nhiệt độ không khí khô lúc 13 giờ ngày thứ i.

- D_{i13} : Độ chênh lệch bão hòa độ ẩm không khí tại thời điểm 13 giờ.

Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo chỉ số H của Phạm Ngọc Hưng:

Chỉ số khô hạn Phạm Ngọc Hưng (H) được tính theo công thức:

$$H_i = K * (H_{i-1} + 1)$$

- H_i là chỉ số ngày khô hạn liên tục (số ngày không mưa hoặc có mưa với lượng mưa < 5 mm).

- H_{i-1} là chỉ số ngày khô hạn liên tục tính đến trước ngày dự báo.

- K là hệ số điều chỉnh lượng mưa ngày, nếu lượng mưa ≥ 5 mm thì $K = 0$, ngược lại $K = 1$.

Đối chiếu chỉ tiêu cháy rừng với giá trị bảng tra cấp dự báo cháy rừng của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn (2000) (Bảng 8).

Bảng 8: Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo nhân tố khí tượng thủy văn

Cấp cháy	Chỉ tiêu P_i	Đặc trưng của các cấp dự báo cháy rừng
I	< 5.000	Cấp thấp, ít có khả năng cháy rừng.
II	5.001-10.000	Cấp trung bình, có khả năng cháy.
III	10.001-15.000	Cấp cao, có khả năng dễ cháy.
IV	15.001 - 20.000	Cấp nguy hiểm, có khả năng cháy lớn.
V	> 20.000	Cấp cực kỳ nguy hiểm, có khả năng cháy lớn, lan tràn nhanh.

b) Đối với rừng tràm trên đất than bùn

❖ Xác định độ ẩm vật liệu cháy theo độ sâu mực nước ngầm theo công thức:

$$\text{Độ ẩm vật liệu cháy (W\%)} = \frac{\text{độ sâu mực nước ngầm (mm)} - 124,376}{-3,3355}$$

Đổi chiều giá trị phần trăm ẩm độ vật liệu cháy với bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo ẩm độ vật liệu cháy với khả năng phát sinh cháy rừng sau:

Bảng 9. Bảng tra cấp cháy rừng theo độ ẩm vật liệu cháy

Cấp cháy	Độ ẩm vật liệu cháy (W%)	Khả năng xuất hiện cháy rừng
I	35-45	Ít có khả năng cháy rừng.
II	25-35	Có khả năng cháy rừng.
III	15-25	Có khả năng dễ cháy rừng.
IV	10-15	Rất dễ xảy ra cháy lớn.
V	<10	Nguy cơ cháy lớn, lan tràn nhanh.

* Truyền tin về nguy cơ cháy rừng

Các thông tin về cấp nguy cơ cháy rừng được truyền đạt đến Ban chỉ huy PCCCR Vườn Quốc gia, Ban chỉ huy PCCCR huyện U Minh Thượng, Chi Cục kiểm lâm. Những thông tin này gồm diện tích có nguy cơ cháy ở các cấp khác nhau và những biện pháp cần áp dụng để phòng cháy chữa cháy rừng. Những biện pháp cần áp dụng cho PCCCR được xác định theo quy định của luật Lâm nghiệp.

- Khi nguy cơ cháy ở cấp III, quan trắc từ 10 giờ đến 20 giờ hàng ngày.
- Khi nguy cơ cháy ở cấp IV, quan trắc từ 9 giờ đến 21 giờ hàng ngày.
- Khi nguy cơ cháy ở cấp V, quan trắc liên tục trong 24/24 giờ hàng ngày.

Việc quan sát lửa rừng từ tháp quan sát được lặp lại với định kỳ thời gian tối đa như sau:

- Khi nguy cơ cháy ở cấp III khoảng giãn cách giữa 2 lần quan trắc là 30 phút.
- Khi nguy cơ cháy ở cấp IV khoảng giãn cách giữa 2 lần quan trắc là 20 phút.
- Khi nguy cơ cháy ở cấp V khoảng giãn cách giữa 2 lần quan trắc là 10 phút.

Theo dõi thời tiết, nắm bắt đầy đủ các thông tin về thời tiết tổ chức dự báo cấp cháy rừng cho từng tiểu khu trong vùng lõi VQG báo cáo kịp thời cho Ban chỉ huy PCCCR; thông báo trực tiếp đến cán bộ viên chức, nhân viên trong đơn vị và báo cáo cho các cơ quan liên quan để có các biện pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả cho từng cấp dự báo cháy rừng.

2.4. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và kiến thức của cộng đồng về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng:

Tổ chức tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các văn bản của các ngành, các cấp về công tác PCCCR đến cộng đồng dân cư và du khách đến tham quan du lịch sinh thái.

- Tổ chức 10 lớp tuyên truyền về công tác bảo vệ rừng và PCCCR cho khoảng 500 lượt người tham dự, đối tượng là các đoàn thể, các chức danh ở các ấp, tổ nhân dân tự quản tại các ấp trong vùng đệm, các hộ dân khu vực kênh 120. Nội dung tuyên truyền như sau:

+ Văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy, Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Trách nhiệm của các ngành, các cấp, các đơn vị, tổ chức, chủ rừng và người dân trong công tác phòng cháy và chữa cháy rừng.

+ Tác hại, tính chất nguy hiểm của cháy rừng; các nguyên nhân gây cháy và giải pháp phòng ngừa; biện pháp xử lý các tình huống cháy rừng; công tác tự kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng cho các chủ rừng.

+ Biện pháp sử dụng lửa an toàn trong sản xuất và sinh hoạt trong thời kỳ cao điểm xảy ra cháy rừng.

+ Thông tin về dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng, phát hiện sớm điểm cháy rừng.

+ Hướng dẫn các biện pháp, quy trình phòng cháy rừng, báo tin khi cháy rừng xảy ra; hướng dẫn quy trình xử lý khi có cháy rừng xảy ra.

- Xây dựng các bảng nội quy bảo vệ rừng và PCCCR; biển cấm lửa và biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng; in ấn và phát hành các tài liệu phổ biến về PCCCR.

- Trung tâm Du lịch sinh thái, Giáo dục môi trường và Cứu hộ, phát triển sinh vật thường xuyên tuyên truyền cho du khách đến tham quan, câu cá giải trí thực hiện các quy định về PCCCR. Khi cấp cháy ở mức cấp IV trở lên, tạm ngưng toàn bộ các hoạt động du lịch sinh thái trong VQG.

- Phối hợp với Đài truyền thanh huyện U Minh Thượng xây dựng các phóng sự, bản tin về phòng cháy chữa cháy rừng, thường xuyên thông báo các bản tin về cảnh báo nguy cơ cháy rừng tập trung tuyên truyền vào thời kỳ cao điểm của mùa khô có nguy cơ cháy rừng cao, thời kỳ đốt đồng... qua các trạm truyền thanh trên địa bàn huyện.

- Phối hợp với UBND hai xã vùng đệm tổ chức tuyên truyền PCCCR đến nhân dân, chủ rừng trên địa bàn thông qua họp dân, trên loa đài truyền thanh của xã vào những thời điểm thời tiết nắng nóng, nguy cơ cháy rừng cao.

2.5. Huấn luyện và diễn tập chữa cháy rừng:

Trong thời gian qua lực lượng PCCCR VQG chưa được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC theo đúng Quy định theo Điều 31, Luật PCCC, Điều 45, Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ. Tuy nhiên, hàng năm VQG U Minh Thượng đều tổ chức thực tập Phương án chữa cháy rừng cho toàn bộ lực lượng tham gia chữa cháy. Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập.

VQG U Minh Thượng chủ động phối hợp với phòng cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC cho các thành viên đội PCCCR và được phòng cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh cấp chứng nhận. Thành viên đội, đơn vị PCCC rừng phải được huấn luyện lần đầu tối thiểu 16 giờ và bồi dưỡng bổ sung hàng năm tối thiểu 08 giờ.

2.6. Xây dựng và duy trì các công trình phòng cháy rừng:

Nạo vét, dọn vệ sinh 07 hồ chứa nước để tăng khả năng dự trữ nguồn nước phục vụ chữa cháy khi có cháy rừng xảy ra.

Cuối mùa mưa (tháng 10) chủ động đắp toàn bộ các cống trong vùng lõi, giữ nước duy trì độ ẩm cho rừng trong suốt mùa khô. Nếu lượng nước có khả năng bị thiếu hụt, triển khai bơm bổ sung nước vào vùng lõi khi nguồn nước ngoài vùng đệm chưa bị nhiễm mặn. Khi lượng nước trong vùng lõi có khả năng dư thừa chủ động điều tiết giữa các phân khu hay mở cống điều tiết ra ngoài vùng đệm tạo điều kiện cho hệ sinh thái rừng sinh trưởng, phát triển.

Dọn lục bình, bèo, cỏ trên các tuyến kênh, để đảm bảo thuận lợi cho công tác tuần tra, kiểm soát, thuận tiện vận chuyển phương tiện kịp thời ứng cứu khi có cháy rừng xảy ra.

Tu sửa các tháp quan sát lửa rừng, phát dọn đường băng cản lửa, dựng bổ sung tháp quan sát lửa tạm tại các khu vực trọng điểm.

Bảo trì, sửa chữa các phương tiện, máy chữa cháy hiện có, mua sắm bổ sung trang thiết bị chữa cháy ngay từ đầu mùa khô theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 của Bộ Công an.

Dự phòng nhiên liệu 1.000 lít xăng, 1.000 lít dầu.

2.7. Xây dựng các giải pháp làm giảm nguồn vật liệu cháy phù hợp

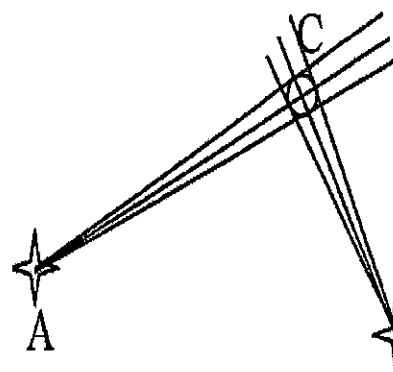
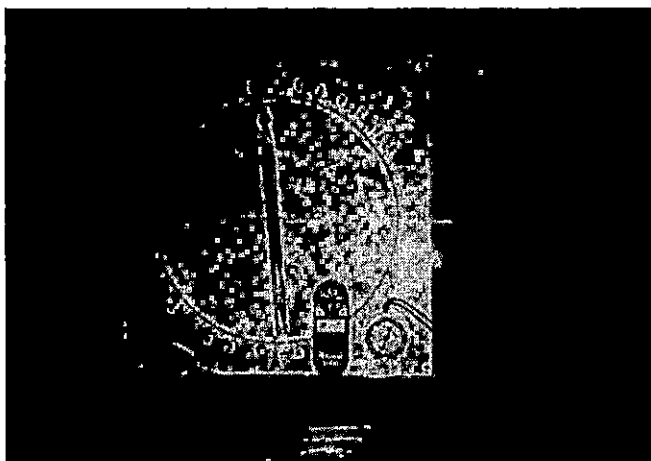
Vào đầu mùa khô (tháng 12) Vườn Quốc gia U Minh Thượng tiến hành phát dọn và kiểm soát các loài cỏ dại là nguồn vật liệu dễ cháy trên các tuyến đê, để khi đến đầu mùa khô hạn chế được lượng thảm khô dày đặc nhằm làm giảm vật liệu cháy rừng trên các tuyến bờ đê, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại tuần tra, kiểm soát và quản lý lửa rừng trong những tháng mùa khô.

2.8. Xây dựng và thực hiện phát hiện phát hiện điểm cháy rừng

Lực lượng ứng trực PCCCR khi phát hiện đám cháy từ chòi canh lửa cần ghi chép và truyền đạt những thông tin về thời gian xuất hiện đám cháy (t), hướng đám cháy (f) và kích thước đám cháy (k).

Thời gian xuất hiện đám cháy là thời điểm bắt đầu phát hiện được đám cháy, hướng đám cháy là góc phương vị của đám cháy quan sát từ chòi canh. Góc phương vị có giá trị nhỏ nhất là 0 nếu hướng nhìn trùng với hướng chính bắc, có giá trị bằng 90° nếu hướng nhìn là chính đông, 180 độ nếu hướng nhìn là chính nam, 270° nếu hướng nhìn là chính tây. Kích thước đám cháy là góc tạo bởi các tia nhìn từ chòi canh đến hai ranh giới của đám cháy.

Để xác định hướng đám cháy (a) và kích thước đám cháy (f) người ta dùng la bàn có trục xoay như hình sau:



Hình 1: Xác định hướng đám cháy

Hướng đám cháy a là góc đọc được khi kim hướng thẳng vào giữa đám cháy. Kích thước đám cháy là hiệu số của hai góc đọc được khi vị trí kim ở hai ranh giới của đám cháy.

Vị trí của đám cháy được xác định theo công thức sau:

$$Y_c = (X_b - X_a + Y_a \cdot \text{tg}(f_a) - Y_b \cdot \text{tg}(f_b)) / (\text{tg}(f_a) - \text{tg}(f_b))$$

$$X_c = X_a + (Y_c - Y_a) \cdot \text{tg}(f_a)$$

Trong các phương trình trên:

- Y_a, Y_b, Y_c là kinh độ của các chòi canh A, B và điểm cháy C
- X_a, X_b, X_c là vĩ độ của các chòi canh A, B và điểm cháy C
- f_a, f_b là góc hợp bởi phương bắc với hướng nhìn từ chòi canh A và chòi canh B đến đám cháy.

Kích thước đám cháy Z_c được xác định theo công thức sau:

$$Z_c = 111000 \cdot (\sqrt{(Y_c - Y_a)^2 + (X_c - X_a)^2} \cdot \text{tg}(k_a) + \sqrt{(Y_c - Y_b)^2 + (X_c - X_b)^2} \cdot \text{tg}(k_b)) / 2$$

Trong đó k_a, k_b là kích thước đám cháy nhìn từ chòi canh A và chòi canh B.

Vị trí đám cháy còn được xác định từ các chòi canh theo phương pháp giao hội điểm. Theo phương pháp này người ta kẻ trên bản đồ các đường thẳng từ các

vị trí chòi canh A và chòi canh B theo hướng nhìn. Giao điểm của hai đường kẻ trên bản đồ là vị trí của đám cháy.

Ngoài việc xác định hướng nhìn bằng la bàn người ta còn sử dụng phương pháp khắc vạch chia độ trên trần quanh chòi canh và dây dọi ở giữa. Góc đám cháy được xác định bằng cách ngắm cho dây dọi trùng vào vị trí đám cháy. Bóng dây dọi trên vị trí của vạch khắc sẽ cho phép đọc được góc phương vị (hướng) của đám cháy.

Phát dọn trên 65 km trên bờ đê, dọn thực vật trôi nổi 70 km trên các tuyến kênh đảm bảo thuận lợi cho công tác tuần tra kiểm soát, vận chuyển phương tiện, kịp thời ứng cứu khi có cháy xảy ra. Tại các khu vực có nguy cơ cháy cao, phát dọn 20 đường tuyến (trung bình mỗi tuyến dài 800 m) phân lô, cắm mốc, số hóa trên bản đồ cơ động lực lượng tiếp cận đám cháy nhằm phục vụ cho công tác quản lý và tổ chức PCCCR kịp thời.

3. Trang thiết bị PCCCR

Trang thiết bị PCCCR gồm trang thiết bị hiện có và mua sắm bổ sung mới như sau:

- Trang thiết bị PCCCR hiện có:

Bảng 9: Trang thiết bị chữa cháy hiện có

TT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	CÔNG TRÌNH PCCCR			
1	Trạm bảo vệ rừng	Trạm	10	
2	Tháp quan sát lửa rừng	Tháp	14	
3	Trạm bơm	Trạm	02	
II	THIẾT BỊ CHỮA CHÁY			
1	Vỏ, máy vận chuyển	Cái	12	
2	Xe tải 1,5 tấn	Chiếc	01	
3	Kobe	Chiếc	01	
4	Máy vớt bèo	Chiếc	01	
5	Máy bơm nổi	Cái	09	
6	Máy 2 thì	Cái	02	
7	Cano chuyên dùng chữa cháy	Cái	01	
8	Xuồng chuyên dùng chữa cháy	Cái	01	
9	Vòi chữa cháy (Ø65)	Mét	11.040	
10	Vòi chữa cháy (Ø 50)	Mét	9.560	
11	Lăng A	Cái	24	
12	Lăng B	Cái	30	
13	Chạc 2 chia	Cái	14	
14	Chòi đập lửa	Cây	14	
15	Cửa máy	Cái	05	

- Trang thiết bị PCCCR mua sắm bổ sung:

Bảng 10: Trang thiết bị mua sắm bổ sung

TT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	THIẾT BỊ CHỮA CHÁY			
1	Máy bơm nổi	Cái	02	
2	Vòi chữa cháy (Ø65)	Mét	1.000	

4. Kinh phí

Kinh phí thực hiện phương án PCCCR năm 2022 của VQG U Minh Thượng là 1.800.000 đồng.

(Có bảng dự toán chi tiết kèm theo).

PHẦN III

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG CHÁY RỪNG

1. Tình huống xảy ra cháy rừng

- Điểm cháy thứ nhất: Giả định xử lý các tình huống cháy rừng xảy ra tại tiểu khu 45 với quy mô nhỏ, lan chậm:

Vào lúc giờ G ngày N, thành viên đội PCCCR số 1 phát hiện đám cháy xảy ra tại tiểu khu 45 (tháp cây gòn) cách kênh trung tâm 250 mét về hướng Đông Nam, cách cầu KT2 đoạn 2 là 2.000 mét về hướng Nam. Thời gian xảy ra cháy vào lúc 13 giờ 30 phút. Diện tích cháy khoảng 300 m², là kiểu rừng tràm trên đất than bùn 20 năm tuổi có sậy, dớn, choại khô cành nhánh cây tràm và tràm khô tốc độ cháy chậm gió yếu, hướng gió theo hướng Tây Nam. Nguyên nhân cháy là do người dân vào rừng bắt ong trái phép.

❖ Tổ chức triển khai chữa cháy

Trường hợp này đội PCCCR số 1 ứng trực tại tháp cây Gòn là đội gần điểm cháy nhất cũng là đội phát hiện đám cháy. Đội trưởng đội 1 có trách nhiệm triển khai lực lượng của tổ sử dụng phương tiện, trang thiết bị tại chỗ tiếp cận đám cháy và triển khai chữa cháy rừng đồng thời **báo cáo điểm cháy** ngay về BCH-PCCCR của Vườn.

❖ Cách tiếp cận đám cháy của đội số 1.

Phương tiện và lực lượng sẵn sàng tại đội triển khai tiếp cận điểm cháy từ kênh phòng cháy theo đường đi nhanh nhất để tiếp cận vào điểm cháy. Triển khai phương tiện gồm 01 máy chữa cháy chuyên dùng đặt dưới mé kênh và nối vòi chữa cháy (vòi A) từ máy đến điểm cháy khoảng cách 250 m. Khi đến điểm cháy nối vòi chữa cháy ra thành 2 hướng (vòi B) để dập tắt lửa bao quanh điểm cháy. Những người còn lại dùng chổi, cành nhánh cây... để bao quanh đám cháy dập lửa.

- Điểm cháy thứ hai: Giả định xử lý các tình huống chữa cháy rừng tiểu khu 42 với quy mô nhỏ lan chậm:

Vào lúc giờ G, ngày N đội phòng cháy chữa cháy số 2 phát hiện đám cháy xảy ra tại tiểu khu 42 (thuộc khu phục dựng căn cứ Tỉnh ủy) cách trạm Xáng Mượn 1.000 m về hướng khu Căn cứ Tỉnh ủy, cách đê bao trong giáp khu căn cứ Tỉnh ủy 500 mét về hướng Nam và cách đê bao trong (hướng Kênh 6) 500 m. Thời gian xảy ra cháy vào lúc 14 giờ 00 phút. Diện tích cháy khoảng 250 m² vật liệu cháy là rừng tràm trên đất than bùn 13 năm tuổi có sậy, dớn, choại khô cành nhánh cây tràm và tràm khô tốc độ cháy chậm gió yếu, hướng gió theo hướng Tây Nam. Nguyên nhân cháy là do người dân vào rừng bắt ong trái phép.

❖ Tổ chức triển khai chữa cháy:

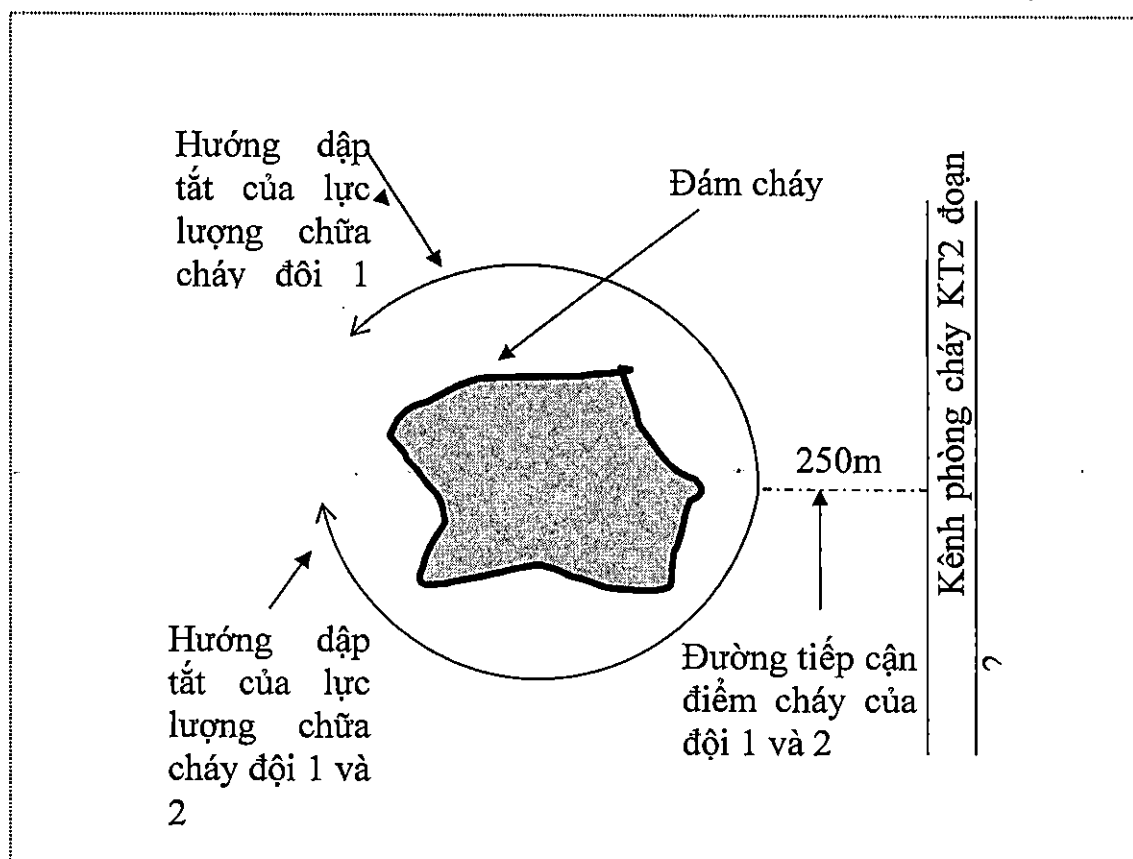
Trường hợp này đội PCCCR số 2 ứng trực tại trạm bảo vệ rừng kênh 6 là đội gần điểm cháy nhất cũng là đội phát hiện đám cháy. Đầu tiên đội trưởng có

trách nhiệm triển khai lực lượng, phương tiện của tổ triển khai chữa cháy đồng thời **báo cáo điểm cháy** ngay về BCH-PCCCR của Vườn Quốc gia bằng điện thoại di động.

❖ Cách tiếp cận đám cháy của đội PCCCR số 3.

Phương tiện và lực lượng sẵn sàng tại đội triển khai lực lượng và phương tiện chữa cháy bằng võ máy đã chuẩn bị sẵn. Tiếp cận điểm cháy từ hướng kênh đi thẳng vào theo hướng vuông góc với điểm cháy để tiếp cận vào điểm cháy một cách nhanh nhất. Triển khai phương tiện gồm máy chữa cháy chuyên dùng đặt dưới mé kênh và nối vòi chữa cháy (vòi A) từ máy đến điểm cháy. Khi đến điểm cháy nối vòi chữa cháy ra thành 2 hướng (vòi B) để dập tắt lửa bao quanh điểm cháy. Những người còn lại dùng chổi, xẻng, cành nhánh cây... để bao quanh đám cháy dập lửa.

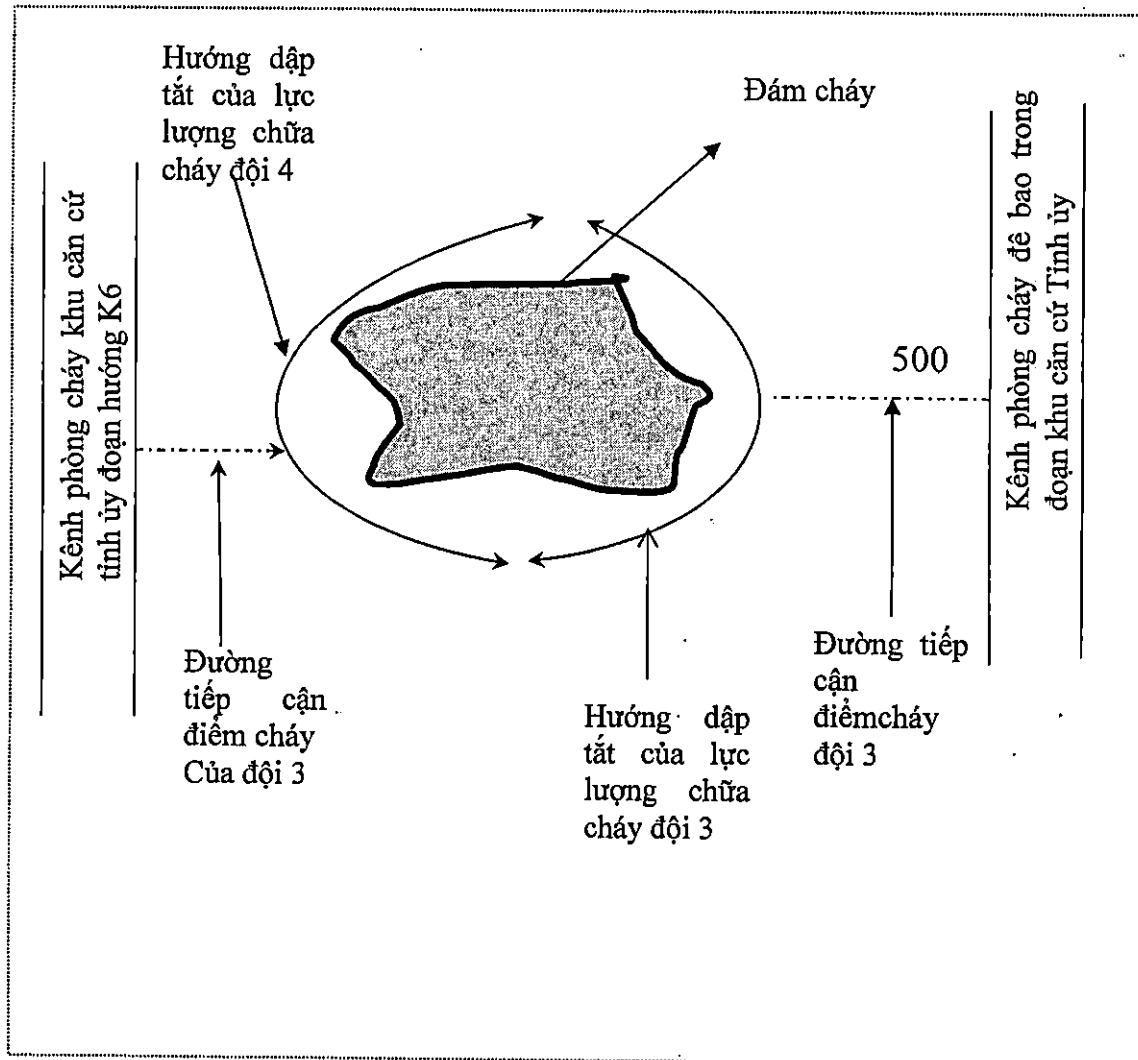
Khi Đội số 1 khống chế lửa chưa kịp thời còn để cháy lan. BCH-PCCCR điều động đội số 2 (đầu k19) đến ứng cứu. Phương tiện và lực lượng chữa cháy được vận chuyển bằng xe tải 1,5 tấn vận chuyển từ đội số 2 đến đường vào điểm cháy của đội số 1 khoảng cách di chuyển 6 km. Khi đến đội số 1 đội số 2 sử dụng võ lái chuyển phương tiện và lực lượng qua sông để tiếp cận điểm cháy và hỗ trợ chữa cháy các thao tác chữa cháy cũng giống như đội chữa cháy số 1. Khi cần thiết thì điều động các đội chữa cháy khác đến ứng cứu đồng thời điều động 2/3 lực lượng các trạm bảo vệ rừng đến cũng thực hiện giống như vậy cho đến khi dập tắt lửa trên bề mặt không còn phát lửa. Trong trường hợp này Giám đốc Vườn Quốc gia (Trưởng Ban chỉ huy PCCCR) là người chỉ huy chữa cháy.



Hình 2. Chữa cháy tiểu khu 45

BCH-PCCCR điều động đội số 3 (tại trạm K6) đến ứng cứu. Phương tiện và lực lượng chữa cháy được vận chuyển bằng võ máy vận chuyển từ đội số 3 đến đường vào điểm cháy của đội số 3, đi theo hướng kênh từ trạm kênh đến hướng trạm Xáng Mượn. Khi đến khu căn cứ rẽ trái đi đường kênh bao của khu căn cứ tỉnh ủy đến khi đối diện với đội số 2 triển khai tiếp cận đám cháy. Tiếp cận điểm cháy từ hướng kênh đi thẳng vào theo hướng vuông góc với điểm cháy để tiếp cận vào điểm cháy một cách nhanh nhất.

Triển khai phương tiện gồm máy chữa cháy chuyên dùng đặt dưới mé kênh và nối dây chữa cháy (vòi A) từ máy đến điểm cháy. Khi đến điểm cháy nối dây chữa cháy ra thành 2 hướng (vòi B) để dập tắt lửa bao quanh điểm cháy. Những người còn lại dùng chổi, xẻn, cành nhánh cây... để bao quanh đám cháy dập lửa. Khi cần thiết thì điều động đội chữa cháy số 1 (Cây gòn) đi theo hướng tiếp cận điểm cháy của đội số 3 và đội số 2 (Kênh 19) đi theo hướng tiếp cận của đội số 3 đồng thời điều động 2/3 lực lượng các trạm bảo vệ rừng đến cũng thực hiện giống như vậy cho đến khi dập tắt lửa trên bề mặt không còn phát lửa. Trong trường hợp này Giám đốc Vườn Quốc gia (Trưởng Ban chỉ huy PCCCR) là người chỉ huy chữa cháy.



Hình 3. Chữa cháy Tiểu khu 45

2. Phương án xử lý tình huống cháy phức tạp nhất

2.1. Giả định tình huống cháy phức tạp nhất

- Thời gian xuất phát cháy: vào lúc giờ G, ngày N.
- Địa điểm xuất phát cháy: Tiểu khu 42 (tháp cây Gòn) cách kênh Trung tâm 300 m về hướng Đông Bắc, cách đê bao rừng già 1.600 m.
- Diện tích đám cháy lúc phát hiện: khoảng 5 ha.
- Chất cháy chủ yếu: thảm khô, thảm tươi (Sậy, choại, dón, Tràm, ...), cây thân gỗ (Tràm, Mốp, Bui, ...).

Nguyên nhân xảy ra cháy: Do một nhóm người vào rừng bắt ong trái phép, do mùa khô vật liệu cháy khô rất dễ bén lửa cùng với gió thổi mạnh làm cho người bắt ong không khống chế được đám cháy làm cho ngọn lửa cháy lan nhanh, phát tán trên diện rộng.

Sau khi phát hiện cháy rừng, BCH PCCCR VQG U Minh Thượng đã thông báo, thông tin cho các đội PCCCR sử dụng các phương tiện chữa cháy rừng tại chỗ khẩn trương tham gia chữa cháy rừng. Tuy nhiên, do nhiệt độ cao, gió Tây Nam thổi mạnh nên đã làm cho đám cháy lan sang các tiểu khu lân cận.

Lúc này, lực lượng tham gia chữa cháy rừng tại hiện trường không thể khống chế được đám cháy, cần huy động thêm lực lượng của xã An Minh Bắc. Trưởng Công an xã An Minh Bắc đã huy động thêm 10 người tham gia chữa cháy. Tuy nhiên, gió Tây Nam thổi mạnh và đổi hướng mang theo tàn lửa làm xuất hiện nhiều đám cháy khác, lực lượng PCCCR Vườn Quốc gia U Minh Thượng và lực lượng tại xã An Minh Bắc không thể khống chế được đám cháy. Vườn Quốc gia U Minh Thượng đã huy động thêm lực lượng và báo cáo với Ban chỉ đạo PCCC-CNCH tỉnh xin chỉ viện lực lượng, phương tiện ứng cứu.

Nhận định đám cháy có diễn biến phức tạp, Giám đốc Công an tỉnh đã báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xin chỉ thị điều động các lực lượng của tỉnh chỉ viện cho công tác chữa cháy và CNCH tại Vườn Quốc gia U Minh Thượng.

2.2. Chiến thuật chữa cháy

a) Nguyên tắc chữa cháy

Tuân thủ phương châm “bốn tại chỗ” gồm: chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ.

- Người chỉ huy chữa cháy rừng tiếp nhận, xử lý thông tin, kết hợp với quan sát diễn biến của đám cháy để quyết định truyền đạt mệnh lệnh. Lực lượng chữa cháy tập trung cao độ và thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật, tổ chức chữa cháy để đạt được hiệu quả chữa cháy cao nhất.

- Lực lượng và phương tiện chữa cháy được chia thành: lực lượng, phương tiện thủ công và lực lượng, phương tiện cơ giới:

+ Lực lượng, phương tiện thủ công: Kiểm lâm, công an, quân đội, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, tổ đội quần chúng bảo vệ rừng, dân quân địa phương và các lực lượng huy động khác cùng với dụng cụ chữa cháy thủ công như: dao, phang, chổi đập lửa, cành cây, ...

+ Lực lượng, phương tiện cơ giới gồm: con người với các thiết bị chữa cháy cơ giới như: máy bơm chữa cháy, máy thổi gió, cưa xăng, kobe,...

Lực lượng chữa cháy được tổ chức thành các tổ, có tổ trưởng và tổ phó. Tổ trưởng là người nắm vững kỹ thuật chữa cháy, đặc điểm khu rừng, có tính quyết đoán nhanh nhẹn, mệnh lệnh dứt khoát, rõ ràng, chính xác.

Tổ chức tốt công tác hậu cần chữa cháy, trong đó cần chuẩn bị đảm bảo về phương tiện cơ giới, dụng cụ thủ công và bảo hộ lao động (quần, áo, giày, mũ, đèn pin, bình nước cá nhân; thuốc uống, bông băng sơ cứu, ...), thức ăn, thực phẩm đảm bảo phục vụ cho lực lượng chữa cháy tại chỗ và lực lượng huy động tại địa phương.

b) Các phương pháp và biện pháp dập tắt các đám cháy rừng

Phương pháp chữa cháy đám cháy rừng thường được chia làm 02 loại: phương pháp chữa cháy trực tiếp và phương pháp chữa cháy gián tiếp:

- Phương pháp chữa cháy trực tiếp là phương pháp bố trí các đội hình chữa cháy trực tiếp “đối đầu”, bao vây ngọn lửa và sử dụng tất cả các phương tiện thủ công và cơ giới tác động trực tiếp vào đám cháy. Phương pháp này được áp dụng với đám cháy có cường độ thấp, dễ tiếp cận. Khi áp dụng phương pháp này cần coi trọng vấn đề an toàn cho con người. Khi cường độ cháy và tốc độ cháy lan của ngọn lửa nhanh ($0,4 \text{ km/giờ}$) thì chỉ áp dụng phương pháp chữa cháy này vào lúc chiều tối khi nhiệt độ đã hạ thấp, tốc độ gió giảm xuống.

- Phương pháp chữa cháy gián tiếp được áp dụng khi đám cháy lớn, cường độ cao, tốc độ cháy lan nhanh, sức nóng lan tỏa trên phạm vi diện tích đám cháy hơn 01 ha , diện tích rừng còn lại cần bảo vệ rất lớn. Bố trí đội hình bằng cách làm băng không chế lửa. Khoảng cách giữa băng không chế lửa với lưỡi lửa tùy thuộc vào cường độ của đám cháy, tốc độ gió nhưng phải bố trí sau khi thi công xong băng không chế lửa thì đám cháy mới tiến đến băng này. Bề rộng băng từ $15 - 20 \text{ m}$, thậm trí đến 30 m .

- Đào rãnh ngăn cháy ngầm: do dưới rừng tràm là lớp than bùn có độ dày từ $0,3 - 1,5 \text{ m}$ có thể sử dụng kobe để đào rãnh ngăn lửa để chặn đứng sự cháy lan của những đám cháy ngầm. Rãnh sâu hơn lớn than bùn từ $20 - 50 \text{ cm}$, rộng $6 - 10 \text{ m}$.

- Biện pháp đốt chặn: BCH triển khai cho phát dọn cây, thảm tươi, đẩy về hướng của đám cháy trước khi lửa lan truyền đến. Sau khi chuẩn bị xong, dùng dầu đốt thành vệt dài trên toàn bộ tuyến băng để cho lửa cháy về phía đám cháy. Người chỉ huy chữa cháy bố trí đội hình thực hiện biện pháp này ngay hai bên sườn của đám cháy nhằm thu hẹp dần diện tích cháy một cách có kiểm soát.

2.3. Lực lượng, phương tiện dự kiến huy động

Thực hiện theo Kế hoạch 130/KH-UBND ngày 08/7/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc huy động lực lượng, phương tiện và tài sản để xử lý các tình huống cháy, sự cố, tai nạn có quy mô lớn, diễn biến phức tạp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Bảng 11. Lực lượng, phương tiện dự kiến huy động

Stt	Đơn vị huy động	Điện thoại	Số người huy động	Số lượng, chủng loại phương tiện huy động	Ghi chú
1	Công an xã An Minh Bắc		10	02 máy bơm nổi, 10 cuộn vòi B, 02 lăng B	Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của BCH
2	Công an xã Minh Thuận	02973.568.005	10	01 máy bơm nổi, 10 cuộn vòi B, 02 lăng B	
3	Chi Cục kiểm lâm	02973.812.009	25	50 máy bơm, 500 cuộn vòi B, 50 lăng B	Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của BCH
4	Công an huyện U Minh Thượng	02973.522.113	20	01 xe trở quân, 01 máy bơm nổi, 05 cuộn vòi A, 10 cuộn vòi B, 01 hai chạc, 03 lăng A, 06 lăng B	Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của BCH
5	Công an huyện An Minh	02973.884.015	28	02 xe trở quân, 01 máy bơm nổi, 15 cuộn vòi B, 02 lăng B, 02 cái hai chạc	
6	Công an huyện Vĩnh Thuận	02973.829.045	50	02 xe trở quân, 02 máy bơm nổi, 05 cuộn vòi A,	

Stt	Đơn vị huy động	Điện thoại	Số người huy động	Số lượng, chủng loại phương tiện huy động	Ghi chú
				10 cuộn vòi B, 01 lăng A, 02 lăng B	
7	Công an huyện An Biên	02973.882.689	22	01 xe trở quân, 02 máy bơm nổi, 06 cuộn vòi A, 25 cuộn vòi B, 01 hai chạc, 03 lăng A, 04 lăng B, 02 cái hai chạc	
8	Đội CC-CNCH khu vực U Minh Thượng	02973.882.114	10	01 xe trở quân, 02 máy bơm nổi, 10 cuộn vòi A, 10 cuộn vòi B, 01 hai chạc, 02 lăng A, 02 lăng B, 02 cái ba chạc	
9	Ban sản xuất phòng hậu cần CAT		10	01 xe trở quân, 04 máy bơm nổi, 31 cuộn vòi A, 25 cuộn vòi B, 01 ba chạc, 02 lăng A, 02 lăng B	
10	Trại giam kênh 7	Võ Văn Vũ, Phó Giám thị 0919.540.041	40	02 xe chở quân	Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của BCH
11	Ban chỉ huy quân sự huyện U Minh Thượng	02973.883.734	30	01 xe chở quân	Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của BCH
12	Ban chỉ huy quân sự huyện Vĩnh		30	01 xe chở quân	Thực hiện

Stt	Đơn vị huy động	Điện thoại	Số người huy động	Số lượng, chủng loại phương tiện huy động	Ghi chú
	Thuận				nhiệm vụ theo sự phân công của BCH
13	Ban chỉ huy quân sự huyện An Minh		30	01 xe chở quân	
14	Ban chỉ huy quân sự huyện An Biên		30	01 xe chở quân	
15	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		500	20 xe chở quân, 12 máy bơm nổi	Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của BCH
16	Tiểu đoàn Cảnh sát Cơ động		200	08 xe chở quân	Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của BCH
17	Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH	02973.815.008	20	01 xe chở quân, 04 máy bơm nổi, 20 cuộn vòi A, 20 cuộn vòi B, 02 lăng A, 02 lăng B, 02 cái ba chạc	Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của BCH

2.4. Tổ chức triển khai chữa cháy

2.4.1. Nhiệm vụ của lực lượng tại chỗ

a) Đội PCCCR Vườn Quốc gia U Minh Thượng:

- Người ứng trực phát hiện thấy cháy nhanh chóng hô hoán cho mọi người biết, báo ngay cho người trực chữa cháy rừng và các đơn vị có liên quan.

- Khi nhận được tin báo cháy: BCH nhanh chóng phát lệnh cho lực lượng PCCCR Vườn Quốc gia tập trung lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng tại chỗ và triển khai các đội hình chữa cháy ban đầu.

b) Nhiệm vụ cụ thể của các đội trong lực lượng PCCCR Vườn Quốc gia:

❖ Chỉ huy chữa cháy:

- Khi có cháy xảy ra, Đội trưởng đội PCCCR số 1 (đội Cây Gòn) là người chỉ huy chữa cháy giai đoạn ban đầu khi lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp chưa đến. Chỉ huy chữa cháy nhanh chóng tập hợp các đội PCCCR Vườn Quốc gia và phân công nhiệm vụ triển khai công tác chữa cháy ban đầu cho các thành viên trong đội như sau:

+ Thông báo trong và ngoài khu vực;

+ Điện báo cho BCH PCCC và CNCH xã An Minh Bắc, Minh Thuận, BCD PCCC và CNCH huyện U Minh Thượng.

❖ Tổ thông tin:

Viên chức trực thực hiện nhiệm vụ gọi điện thoại báo cháy tới:

- Giám đốc Vườn Quốc gia qua số điện thoại 02973.883.269.

- Cử người thường xuyên giữ liên lạc, cập nhật tình hình và đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt.

❖ Tổ bảo vệ, kỹ thuật:

- Tổ bảo vệ phối hợp cùng Công an huyện U Minh Thượng, Công an xã An Minh Bắc, Công an xã Minh Thuận chốt chặn các lối vào Vườn Quốc gia, không cho người không có trách nhiệm vào khu vực cháy rừng.

- Đón, chỉ dẫn các xe của lực lượng được huy động tham gia chữa cháy đến vị trí cần thiết.

- Chuẩn bị bản đồ, sơ đồ khu vực bị cháy và các loại bản đồ có liên quan để cung cấp cho lực lượng đến 32ang cường.

❖ Tổ chữa cháy:

Do Giám đốc Vườn Quốc gia phụ trách khẩn trương triển khai đội hình chữa cháy, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phát tuyến, mở đường tiếp cận đám cháy;

- Thực hiện các biện pháp ngăn chặn cháy lan.

- Triển khai đội hình tham gia chữa cháy theo sự phân công của BCH chữa cháy.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo mệnh lệnh của BCD PCCC và CNCH.

❖ Hậu cần, cứu thương:

- Huy động mọi phương tiện y tế hiện có như bang, cáng cứu thương, thuốc men phục vụ cho công tác sơ cấp cứu cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ bị thương và di chuyển r axe cứu thương khi có sự cố xảy ra.

- Đảm bảo công tác hậu cần phục vụ công tác chữa cháy và có biện pháp khắc phục hậu quả khi đám cháy được dập tắt.

2.4.2. Nhiệm vụ của lực lượng huy động

Lực lượng huy động tham gia chữa cháy được thống kê ở Bảng 11 có nhiệm vụ:

a) Tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy

- Tiếp nhận và báo cáo thông tin ban đầu về vụ cháy cho Thủ trưởng đơn vị.

- Cử người thường xuyên giữ liên lạc, cập nhật tình hình và đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt.

b) Điều động lực lượng, phương tiện đến đám cháy:

Khi nhận được lệnh điều động của Ban chỉ đạo PCCC và CNCH, Thủ trưởng các đơn vị (Trưởng ban chỉ huy PCCC và CNCH) có trách nhiệm điều động lực lượng, phương tiện đến đám cháy.

b) Tổ chức chữa cháy:

Thủ trưởng (Trưởng ban chỉ huy PCCC và CNCH) các đơn vị khẩn trương triển khai đội hình chữa cháy, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Thành lập tổ trinh sát nắm tình hình đám cháy để kịp thời báo cáo về Ban chỉ huy chữa cháy.

- Phát dọn cây, thảm tươi tiếp cận đám cháy.

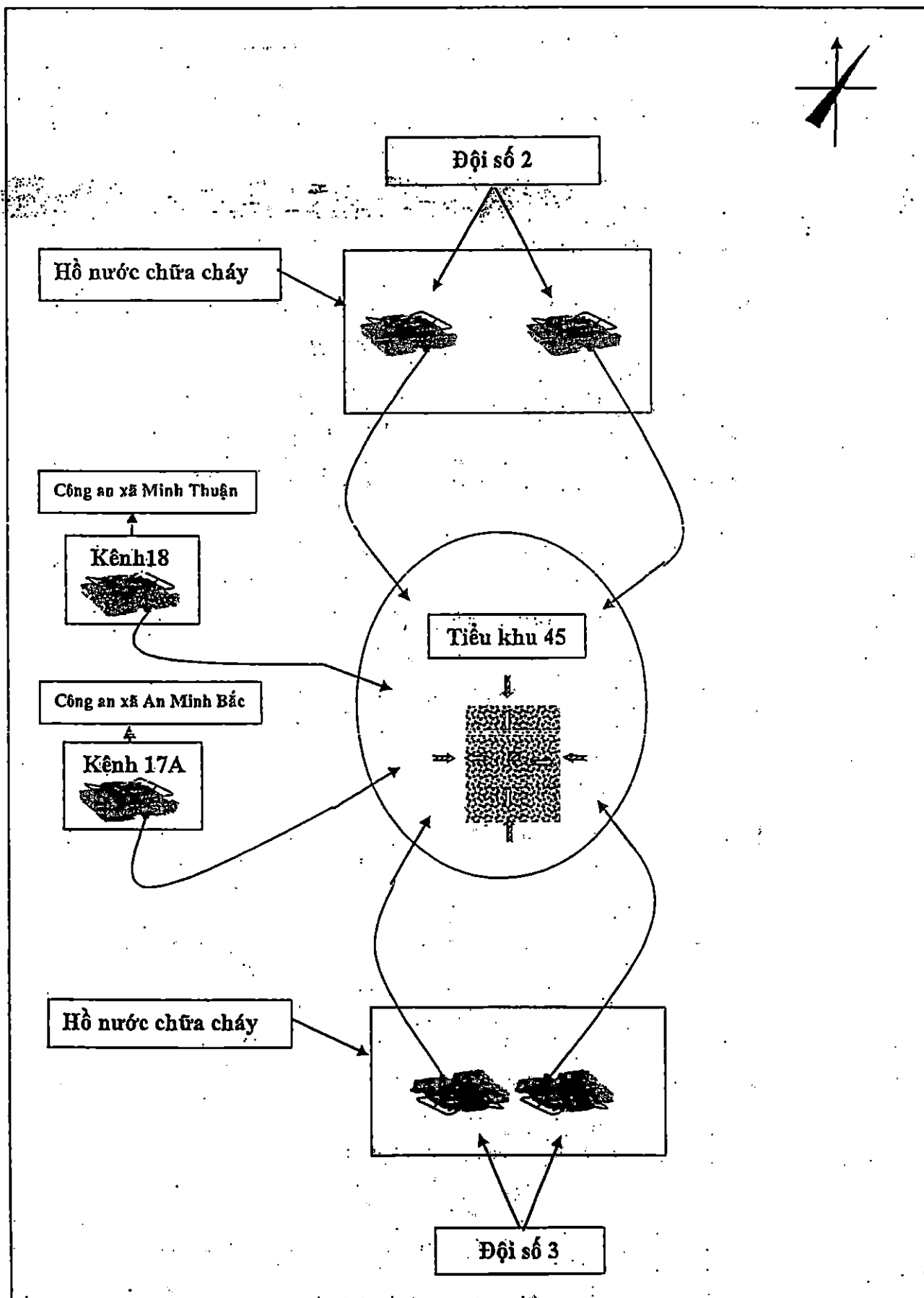
- Thực hiện các biện pháp ngăn chặn cháy lan.

- Triển khai đội hình tham gia chữa cháy theo sự phân công của Ban chỉ huy chữa cháy.

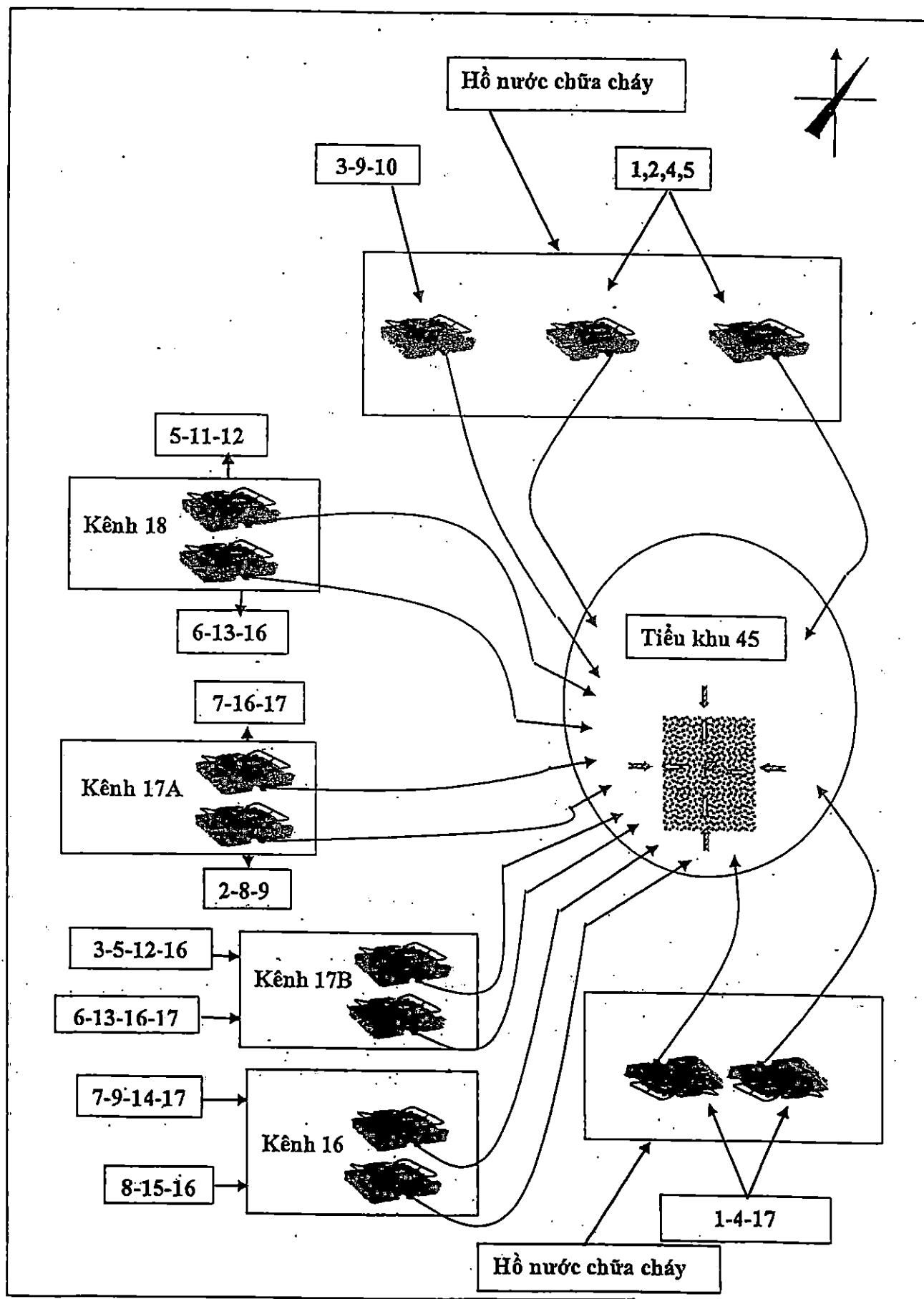
- Tham mưu cho Ban chỉ huy chữa cháy để có biện pháp chữa cháy đạt hiệu quả cao nhất.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo mệnh lệnh của Ban chỉ đạo PCCC và CNCH.

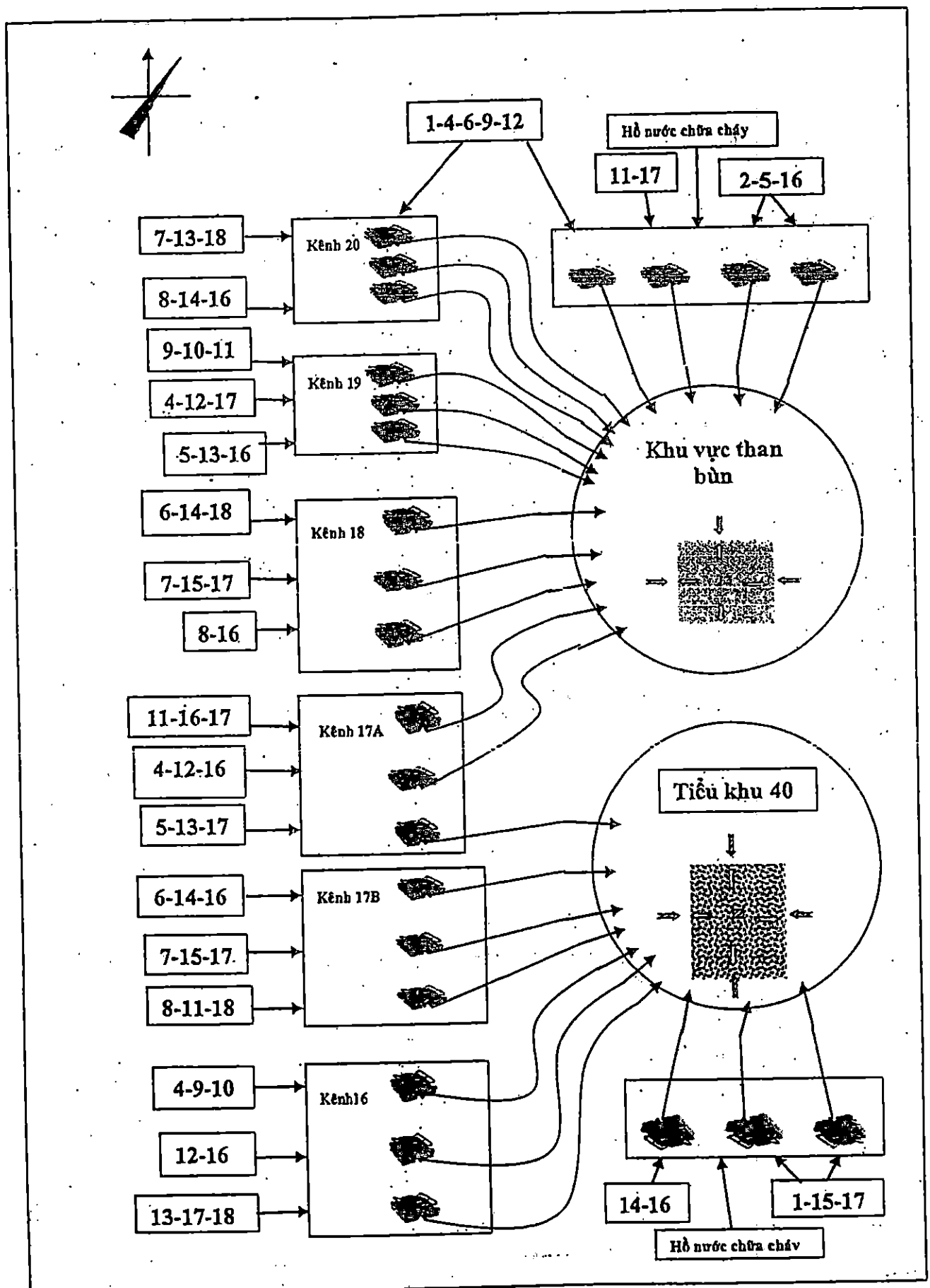
Sơ đồ triển khai lực lượng phương tiện xử lý cấp I



Sơ đồ triển khai lực lượng phương tiện xử lý cấp II



Sơ đồ triển khai lực lượng phương tiện xử lý cấp III



3. Báo cáo tình hình cháy rừng

Sau khi chữa cháy xong đo vẽ thống kê diện tích thiệt hại tổng hợp báo cáo tình hình về vụ cháy rừng cho cơ quan kiểm lâm sở tại, cơ quan kiểm lâm sở tại có trách nhiệm báo cáo về chi cục kiểm lâm tỉnh.

3. Khắc phục hậu quả, xử lý sau cháy rừng

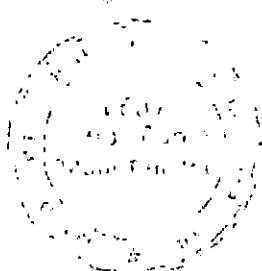
Vườn Quốc gia U Minh Thượng xác định mức độ rừng bị thiệt hại sau cháy, thống kê và báo cáo cơ quan Kiểm lâm.

Căn cứ mức độ thiệt hại, chủ rừng xác định và thực hiện các giải pháp phục hồi rừng sau cháy gồm: Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên hoặc có trồng bổ sung hoặc trồng mới.

Cơ quan Kiểm lâm, cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, cơ quan điều tra xác định nguyên nhân, đối tượng gây cháy rừng mức độ thiệt hại và xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức thực hiện

Vườn Quốc gia U Minh Thượng khẩn trương triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả phương án PCCCR mùa khô năm 2021-2022 đảm bảo các điều kiện PCCCR an toàn trên địa bàn quản lý.



Phần IV
BỔ SUNG, CHỈNH LÝ PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
RỪNG

[illegible]

Đ. GIÁM ĐỐC



TS. Trần Văn Chánh

DỰ TOÁN KINH PHÍ PCCCR NĂM 2022

ĐVT: đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		Dự toán năm 2022	Ghi chú
			Dự toán	Ước thực hiện		
A	B	1	2	3	4	
	Kinh phí sự nghiệp phòng cháy chữa cháy rừng	2.062.000.000	2.090.000.000	2.090.000.000	1.800.000.000	
1	Tuyên truyền	53.000.000	53.000.000	53.000.000	45.000.000	
	Tuyên truyền cho các hộ dân quanh rừng	25.000.000	25.000.000	25.000.000	15.000.000	
	Bảng tuyên truyền	20.000.000	20.000.000	20.000.000		
	Huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy	8.000.000	8.000.000	8.000.000	30.000.000	Theo công văn 440/CV-CA, ngày 10/05/2021 của Công An Tỉnh Kiên Giang về tập Huấn phòng cháy chữa cháy
2	Nhiên liệu (giá tháng 9/2021)	386.000.000	368.000.000	368.000.000	273.476.000	
	Xăng	76.000.000	76.000.000	76.000.000	50.200.000	
	Dầu Diesel	100.000.000	130.000.000	130.000.000	124.076.000	
	Nhớt (castrol)	10.000.000	49.785.000	49.785.000	25.200.000	
	Bơm nước PCCCR (tiền điện)	200.000.000	112.215.000	112.215.000	74.000.000	
3	Biện pháp kỹ thuật	555.324.000	547.139.000	547.139.000	390.924.000	
	Dự báo cấp cháy	44.000.000	40.000.000	40.000.000	48.000.000	
	Dọn kênh mương chống cháy (80km kênh rộng 25m)	165.000.000	201.000.000	201.000.000	100.000.000	

	Dọn đường tuyến phòng cháy trên các khu trọng điểm than bùn cao	164.324.000	124.139.000	124.139.000	98.924.000	
	Phát dọn tuyến đường tuần tra trên các tuyến đê: (Đê bao trong: 38km, K6-K19: 8km, HHM - K14: 7km ...)	162.000.000	132.000.000	132.000.000	104.000.000	
	Dựng lán trại khu trọng điểm	20.000.000	50.000.000	50.000.000	40.000.000	
4	Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị	552.500.000	636.785.000	636.785.000	575.000.000	
	Giày đi rừng, bảo hộ đi rừng	27.000.000	27.000.000	27.000.000	34.000.000	
	Đèn pin đi rừng	12.000.000	12.000.000	12.000.000	14.000.000	
	Công cụ dụng cụ	40.000.000	40.000.000	40.000.000	20.000.000	
	Sửa chữa thiết bị PCCC	130.000.000	180.000.000	180.000.000	182.000.000	
	- Gia cố cống đập	30.000.000	10.000.000	10.000.000	17.000.000	
	- Bảo trì thiết bị PCCCR	30.000.000	10.000.000	10.000.000	18.000.000	
	- Bảo trì bảng cấm	40.000.000	20.000.000	20.000.000	26.000.000	
	- Bảo trì dự báo cấp cháy	30.000.000	20.000.000	20.000.000	27.000.000	
	- Bảo trì phai cống trạm bơm số 1, số 2 và nhà điều hành trạm bơm		120.000.000	120.000.000	94.000.000	
	Mua thiết bị PCCCR	343.500.000	377.785.000	377.785.000	325.000.000	
	- mua phai cống sắt K11, K14, K21	126.000.000	177.785.000	177.785.000		
	- Máy bơm ly tâm 25KVA	137.500.000	200.000.000	200.000.000		
	- Mua máy 3T75 và vỏ composite 9,2m	80.000.000				

	- Máy bơm phao chữa cháy(2 cái)				200.000.000	
	- Vòi chữa cháy(50 cuộn)				125.000.000	
	- Trạm quan sát cháy tự động					
5	Thông tin liên lạc	15.700.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	
	Ban chỉ huy	2.800.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	Theo văn bản số 3221/VP-KTCN của UBND tỉnh KG
	Thành viên ban chỉ huy	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	
	Các trưởng phòng, phó phòng, trạm trưởng	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	
	Phụ trách công cụ dụng cụ	900.000	900.000	900.000	900.000	
6	Công tác phí	50.000.000	20.000.000	20.000.000	10.000.000	
7	Hợp đồng theo thông tư 112	409.476.000	409.476.000	409.476.000	450.000.000	
	Tiền công 6 tháng mùa khô	409.476.000	409.476.000	409.476.000	450.000.000	Theo QĐ 817/QĐ-UBND và công văn chấp thuận 7460 của UBND tỉnh Kiên Giang. (thực hiện trong 6 tháng)
8	Trực phòng cháy	40.000.000	40.000.000	40.000.000	40.000.000	

Bảng chữ: Một tỷ, tám trăm triệu đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY RỪNG
NĂM 2022**

BAN QUẢN LÝ RỪNG KIÊN GIANG

Kiên Giang, tháng 12/2021

SỞ NÔNG NGHIỆP-PTNT
BAN QUẢN LÝ RỪNG KG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN
PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY RỪNG NĂM 2022**

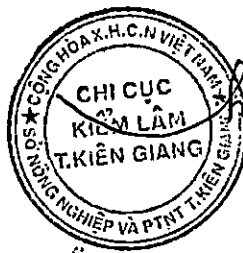
**TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT
PCCC&CNCH-CÔNG AN TỈNH
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



[Signature]

Thượng tá Phạm Mạnh Hùng

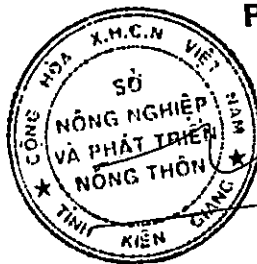
**CHI CỤC TRƯỞNG
CHI CỤC KIỂM LÂM**



[Signature]

Đoàn Văn Thanh

**BAN CHỈ ĐẠO PCCC VÀ CNCH TỈNH
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



[Signature]

Trương Thanh Hào

Kiên Giang, tháng 12/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY RỪNG

Tên chủ rừng: Ban quản lý rừng Kiên Giang

Địa chỉ: Số 09, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường An Hoà, thành phố
Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Điện thoại: 02973.758.758

Phần I

CƠ SỞ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;
- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;
- Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;
- Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Căn cứ Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Quy trình phòng cháy, chữa cháy rừng tràm (Ban hành kèm theo Quyết định số 4110-QĐ/BNN-KHCN ngày 31/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp-PTNT);
- Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT, ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp-PTNT quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng;
- Căn cứ Công văn số 6534/VP-KTCN ngày 04/11/2019 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang về việc chấp thuận chủ trương cho các Ban quản lý rừng được hợp đồng thời vụ đối với lực lượng bảo vệ rừng và chỉ cho công tác thông tin liên lạc phục vụ cho công tác phòng cháy, chữa cháy rừng hàng năm;
- Căn cứ Quyết định số 1494/QĐ-SNNPTNT ngày 22/11/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp-PTNT Kiên Giang về việc quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban quản lý rừng Kiên Giang;
- Căn cứ Công văn số 1261/SNNPTNT-KHTC ngày 11/8/2021 của Sở Nông nghiệp-PTNT Kiên Giang về việc triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng,

HUYỆN HÒN ĐẤT

2. Đặc điểm của khu rừng

Hệ sinh thái rừng tràm ngập nước bảo vệ môi trường 4.297,42 ha. Khu rừng nằm trên địa bàn 2 xã Nam Thái Sơn và Bình Sơn. Diện tích 4.297,42 ha, chia làm 3 khu vực trong đó:

- Khu vực 1: Đã giao khoán cho 226 hộ gia đình diện tích 1.123,2 ha mỗi hộ gia đình được nhận khoán bình quân 5 ha, hiện nay rừng trồng từ 1-5 năm tuổi, thực bì cành nhánh cây khô rất dễ cháy và khó giữ nước vào mùa khô.

- Khu vực 2: Đã giao khoán cho Công ty Cổ phần gỗ MDF diện tích 1.443,8 ha, khu vực này được chia thành 19 lô, lô lớn nhất diện tích 114 ha, lô nhỏ nhất diện tích 28,4 ha, rừng trồng từ năm 2015 – 2018, có kênh phân lô rộng 2,5 m. Thực bì chủ yếu cành nhánh sau khai thác, lung bèo, năng khô, đồng thời cây tràm úc non có nhiều bông, ong ruồi và ong mật về làm tổ, người dân vào bắt ong rất dễ xảy ra cháy rừng vào mùa khô.

- Khu vực 3: Diện tích 1.730,42 ha không giao khoán, khu vực này được chia thành 14 lô rừng, lô lớn nhất diện tích 161 ha, lô nhỏ nhất diện tích 73,5 ha; rừng trồng từ năm 2002- 2004, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, kênh chín rộng từ 7-10 m và có kênh phân lô rộng 2,5m. Thực bì chủ yếu cành nhánh sau khai thác, u du, năng khô, bông bông, nhất các lô rừng trồng từ năm 2014-2018, lớp thực bì dày, cành nhánh sau khai thác số lượng rất lớn, khu vực này có khả năng xảy ra cháy rừng dễ cháy lan và cháy rộng, lớp thực bì cành nhánh sau khai thác là nguồn nhiệt rất lớn. Khu vực này cây tràm non có nhiều bông, ong ruồi và ong mật về làm tổ, người dân vào ăn ong rất dễ xảy ra cháy rừng vào mùa khô.

Giao thông bên trong khu rừng: có 5 kênh đi qua khu rừng, chiều dài của từng kênh Kênh 4H7: 5.000m , Kênh Thầy Thép: 7.500m, Kênh 4H9: 5.000m, kênh đê bao trong 25.000m, và kênh 5: 5.000m.

Giao thông bên ngoài đến khu rừng (đi bằng đường thủy): từ cầu Linh Huỳnh nằm trên quốc lộ 80, đi thẳng 500 m đến bến đò Kênh K4H9, đi thẳng 4 km đến trạm QLVR K4H9.

Nguồn nước và hệ thống lấy nước: Khu rừng có hệ thống kênh đê bao quanh và kênh phân lô đây là băng trắng cản lửa cố định, cũng là con đường giao thông duy nhất trong rừng. Việc tuần tra quản lý bảo vệ và vận chuyển lực lượng, phương tiện phòng cháy chữa cháy rừng hoàn toàn bằng đường thủy.

3. Những nguy cơ gây cháy rừng

Tiểu khu 22, 23, 24A thuộc xã Nam Thái Sơn và tiểu khu 21 thuộc xã Bình Sơn, bao quanh là ruộng lúa của hộ dân nên rất dễ xảy ra cháy rừng trong mùa khô,

đặc biệt khi giao khoán cho các hộ dân, giáp với đất canh tác nông nghiệp người dân đốt đồng rất dễ cháy lan vào rừng. Đồng thời, vào mùa khô ong thường về đây làm tổ nên một số lớn hộ dân sống quanh rừng vào bắt ong lấy mật đã để lại tàn lửa gây ra không ít vụ cháy rừng lớn nhỏ. Nguồn nhiệt gây ra cháy là lửa bắt ong, tàn thuốc lá.

4. Thực trạng công tác phòng cháy và chữa cháy rừng

4.1. Thống kê tình hình cháy rừng trong vòng 5 năm, giai đoạn 2017 – 2021

Tổng số vụ cháy: 04 vụ

Tổng diện tích cháy: 295,87 ha

Đặc điểm cháy: Các vụ cháy xảy ra là cháy lan mặt đất

Khu vực xảy ra cháy: Rừng tràm huyện Hòn Đất

Thời điểm xảy ra cháy: tháng 4 và tháng 5 hàng năm

4.2. Lực lượng PCCCR, phương tiện, thiết bị, công cụ PCCCR hiện có

Khu vực 1: gồm 02 Tổ, 22 hộ nhận khoán rừng, 01 máy chữa cháy, 02 võ máy và 25 cuộn ống dây.

Khu vực 2: gồm 07 Tổ, 26 thành viên, 07 máy chữa cháy và 181 cuộn ống dây, 8 thang canh lửa (5 thang gỗ), 23 bộ đàm

Khu vực 3: gồm 02 Tổ, 09 thành viên, 9 võ máy, 6 máy bơm nổi, 1 máy bơm đứng và 165 cuộn ống dây, 01 trạm bơm nước 3 pha có 06 (04 *Mô-tơ điện công suất 600m³/h* và 02 *Mô-tơ điện bơm Tu hút công suất 20.0000m³/h*), 5 thang canh lửa (3 thang gỗ)

4.3. Giải pháp PCCCR đang áp dụng

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức PCCCR
- Thường xuyên kiểm tra điều kiện an toàn PCCCR
- Xây dựng bản đồ số về các vùng trọng điểm tiềm ẩn nguy cơ xảy ra cháy lớn bao gồm: Nguồn nước, giao thông, hướng tiếp cận...
- Xây dựng phương án, diễn tập phương án PCCC rừng theo phương châm 4 tại chỗ
- Tăng cường công tác thường trực 24/24 giờ, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện

Phần II

PHÒNG CHÁY RỪNG

1. Tổ chức lực lượng phòng cháy và chữa cháy rừng

- Số lượng thành viên phòng cháy chữa cháy rừng: Tổng số gồm 11 tổ, 57 người, cụ thể:

+ Khu vực 1: 2 tổ, 22 người

+ Khu vực 2: 7 tổ, 26 người

+ Khu vực 3: 2 tổ, Trạm K4H9 gồm 9 người (bố trí trạm chỉ huy 3 người, chốt giữa 3 người, chốt thầy thép 3 người).

- Số người đã qua huấn luyện về phòng cháy và chữa cháy rừng: 34 người

- Số người thường trực trong phòng cháy, chữa cháy rừng: 57 người

- Lực lượng còn lại 27 người tăng cường tại UBND 02 xã

Danh sách tổ trực 24/24 giờ và phương tiện tại khu vực 1, cụ thể như sau:

I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
	Lê Văn Hóa	Trưởng áp	0919939087	Chỉ huy
1	Lê Văn Nhiên	Tổ trưởng	0917919746	Tổ 1
2	Nguyễn Văn Bào	Thành viên		
3	Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên		
4	Hà Minh Lùng	Thành viên		
5	Trung Ngọc Thán	Thành viên		
6	Trung Ngọc Nhật	Thành viên		
8	Kiên Chệch	Thành viên		
9	Lê Văn Hợp	Thành viên		
10	Nguyễn Văn Tuấn Anh	Thành viên		
11	Nguyễn Văn Chung	Thành viên		
12	Trần Văn Tèo	Thành viên		
13	Quách Văn Hải	Tổ trưởng	0917215957	Tổ 2
14	Lý Văn Liêm	Thành viên		
15	Lý Văn Lâm	Thành viên		
16	Trương Văn Tài	Thành viên		
17	Trương Thanh Liêm	Thành viên		
18	Nguyễn Quốc Nam	Thành viên		
19	Danh Phúc	Thành viên		
20	Thái Văn Dế	Thành viên		
21	Nguyễn Văn Tùng	Thành viên		
22	Lê Huyền Đức	Thành viên		
II	Phương tiện, công cụ PCCCR	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Võ máy chạy vận chuyển	Bộ	02	
2	Máy bơm nổi chữa cháy	Máy	01	
3	Ống chữa cháy	Cuộn	25	

Danh sách tổ trực 24/24 giờ và phương tiện tại khu vực 2, cụ thể như sau:

I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
1	Quách Long Hải	Phụ trách chung RPH	0384537124	Chỉ huy
2	Trần Quốc Thắng	Tổ trưởng	0945900438	Tổ 1
3	Trương Thiện Quang	Thành viên		
4	Nguyễn Quốc Nam	Thành viên		
5	Nguyễn Văn Sơn	Thành viên		
II	Phương tiện PCCCR	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy phao	Cái	1	
2	Dây chữa cháy	Cuộn	30	
3	Lăng chữa cháy	Cái	2	
4	Bộ đàm	Cái	4	
I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
6	Thái Văn Dẻ	Tổ trưởng	0927896019	Tổ 2
7	Lê Huỳnh Đức	Thành viên		
8	Lê Văn Trọng	Thành viên		
II	Phương tiện PCCCR	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy phao	Cái	1	
2	Dây chữa cháy	Cuộn	20	
3	Lăng chữa cháy	Cái	1	
4	Bộ đàm	Cái	3	
I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
9	Danh Phúc	Tổ trưởng	0839856558	Tổ 3
10	Trương Thanh Liêm	Thành viên		
11	Trương Văn Tú	Thành viên		
II	Phương tiện PCCCR	Đơn vị	Số lượng	
1	Máy phao	Cái	1	
2	Dây chữa cháy	Cuộn	21	
3	Lăng chữa cháy	Cái	1	
4	Bộ đàm	Cái	3	
I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
12	Đỗ Văn Quân	Tổ trưởng		Tổ 4
13	Đào Văn Thuận	Tổ trưởng	0917215957	
14	Lê Tân Lợi	Thành viên		
II	Phương tiện PCCCR	Đơn vị	Số lượng	
1	Máy phao	Cái	1	
2	Dây chữa cháy	Cuộn	30	
3	Lăng chữa cháy	Cái	2	
4	Bộ đàm	Cái	4	
I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
15	Nguyễn Văn Khoa	Phụ trách chung RSX	0919131516	Chỉ huy
16	Trần Thanh Kiên	Tổ trưởng	0919504753	Tổ 5
17	Phạm Văn Thơm	Thành viên		

18	Cao Văn Dạng	Thành viên		
19	Văn Công Thiện	Thành viên		
II	Phương tiện PCCCR	Đơn vị	Số lượng	
1	Máy phao 13 HP	Cái	1	
2	Dây chữa cháy	Cuộn	30	
3	Lăng chữa cháy	Cái	1	
4	Bộ đàm	Cái	3	
I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
20	Phan Văn Thà	Tổ trưởng	0947711620	Tổ 6
21	Nguyễn Văn Hưng	Thành viên		
22	Nguyễn Văn Khanh	Thành viên		
II	Phương tiện PCCCR	Đơn vị	Số lượng	
1	Máy phao 9 HP	Cái	1	
2	Dây chữa cháy	Cuộn	30	
3	Lăng chữa cháy	Cái	1	
4	Bộ đàm	Cái	3	
I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
23	Huỳnh Văn Quân	Tổ trưởng	0368634417	Tổ 7
24	Nguyễn Văn Hùng	Thành viên		
25	Phạm Hoàng Mến	Thành viên		
26	Nguyễn Nhật Giang	Thành viên		
II	Phương tiện PCCCR	Đơn vị	Số lượng	
1	Máy phao	Cái	1	
2	Dây chữa cháy	Cuộn	20	
3	Lăng chữa cháy	Cái	1	
4	Bộ đàm	Cái	3	

Tổ hậu cần phục vụ khu vực 1 và 2

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công	Điện thoại
1	Huỳnh Văn Còn	Nhân viên	Đưa, rước lực lượng tham gia chữa cháy	0889149546
2	Võ Văn Dũ	Nhân viên	Đưa, rước lực lượng tham gia chữa cháy	0585881872
3	Cao Văn Ghê	Nhân viên	Phụ bếp và đưa cơm đến các tổ tham gia chữa cháy	0357992545
4	Nguyễn Minh Phong	Nhân viên	Phụ bếp và cấp nhiên liệu cho các tổ, quản lý tài sản	0565026316
5	Trần Duy Khánh	Lâm sinh	Phụ bếp và đưa cơm đến các tổ tham gia chữa cháy	0368936083
6	Nguyễn Văn Rạng	Nhân viên	Sửa chữa các loại máy	0973150870

Danh sách tổ trực 24/24 giờ và phương tiện tại khu vực 3, cụ thể như sau:

I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
1	Nguyễn Tấn	Phó giám đốc	0919.181.649	Chỉ huy

2	Lê Văn Long	Trạm trưởng	0839.959.989	Tổ trưởng tổ 1
3	Lực lượng hợp đồng			
4	Lực lượng hợp đồng			
5	Lực lượng hợp đồng			
6	Trần Quốc Sự	Nhân viên	0397.750.109	Tổ trưởng tổ 2
7	Lực lượng hợp đồng			
8	Lực lượng hợp đồng			
9	Lực lượng hợp đồng			
II	Phương tiện, công cụ PCCCR	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy chạy võ vận chuyển	Bộ	10	4 máy xe, 6 máy xăng Honda
2	Máy bơm nổi chữa cháy	Máy	6	
3	Máy bơm đứng 2 thì	Máy	1	2 bit tông
4	Ống chữa cháy	Cuộn	155	
5	Ống chữa cháy	Cuộn	15	Dây A

Tổ hậu cần phục vụ khu vực 3 (khi xảy ra cháy lớn)

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công	Điện thoại
1	Võ Châu Hoàn Nhân	Tr. phòng	Chỉ huy Công tác hậu cần	0976280056
2	Phạm Văn Đức	Kế toán	Phục vụ Công tác hậu cần	0357992545
3	Trương Văn Thuốc	Tr. Trưởng	Đưa cơm đến các tổ tham gia chữa cháy	0522337824

- Quy chế hoạt động của tổ, đội phòng cháy chữa cháy rừng, người chỉ huy chữa cháy rừng và các thành viên: Mỗi tổ phòng cháy, chữa cháy rừng gồm có tổ trưởng và các thành viên, tổ trưởng chịu trách nhiệm điều hành, huy động lực lượng, phương tiện, lên kế hoạch tuần tra, bố trí người trực thang trong, báo cáo tình hình phòng cháy, chữa cháy rừng sau 15 giờ hàng ngày (*bằng điện thoại di động hoặc bộ đàm...*). Người chỉ huy chữa cháy phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm ở địa bàn ít nhất 5 năm, nắm toàn diện các vị trí trong khu vực phòng cháy, chữa cháy rừng, phán đoán vị trí khi xảy ra cháy một cách chính xác để ra lệnh điều động kịp thời và hiệu quả. Đồng thời người chỉ huy phải giám sát lịch trực của các tổ, trang bị mỗi tổ đều có bộ đàm để thuận tiện cho công tác liên lạc.

2. Các biện pháp phòng cháy rừng

2.1 Xác định thời gian dễ xảy ra cháy rừng trên địa bàn

Qua tổng kết nhiều năm thì các tháng 3, 4, 5 là những tháng cao điểm dễ xảy ra cháy rừng. Tuy nhiên diễn biến nguy cơ cháy rừng có sự thay đổi theo điều kiện thời tiết.

Thời gian trong ngày được dự báo có nguy cơ cháy cao vào khoảng từ 10 giờ đến 16 giờ.

2.2 Xây dựng bản đồ, phân vùng trọng điểm rừng dễ bị cháy

Tiểu khu 24A, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất (có kèm theo sơ đồ).

2.3 Xây dựng dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng

Dự báo nguy cơ cháy rừng năm 2022 gồm ở các lô rừng trồng năm 2017 và 2018 gồm: khoảnh 5, lô 4, tiểu khu 24A. Khoảnh 5, lô 1, tiểu khu 23. Khoảnh 2, lô 8, tiểu khu 22. Khoảnh 3, lô 5, tiểu khu 22. Vào thời gian cao điểm sẽ cắm biển báo và bố trí người thường xuyên tuần tra, tháo dỡ kèo ong.

2.4 Công tác tuyên truyền giáo dục công tác phòng cháy chữa cháy rừng

04 cuộc, trong đó: 2 cuộc xã Nam Thái Sơn và 2 cuộc xã Bình Sơn, trọng điểm là người dân sống trong khu vực gần rừng tràm. Dự kiến kinh phí 1.000.000 đồng/cuộc.

2.5 Huấn luyện và diễn tập chữa cháy rừng

Số người tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC: 34 người

Số người tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ lần đầu: 23 người

Tổ chức thực tập phương án PCCCR 1 lần/năm

2.6 Xây dựng và duy trì các công trình phòng cháy rừng

Đắp tất cả các con đập để giữ nước ngay từ đầu mùa mưa để dự trữ nước cho công tác chữa cháy. Kinh phí dự kiến đắp 4 đập: 34.000.000 đồng

2.7 Xây dựng các giải pháp làm giảm nguồn vật liệu cháy phù hợp

Kế hoạch đốt trước có kiểm soát để giảm nguồn vật liệu cháy là 5 km tại khu vực đã khai thác. Dự kiến kinh phí: 5.000.000 đồng

2.8 Xây dựng và thực hiện phát hiện điểm cháy rừng

Các biện pháp phòng cháy rừng năm 2022 tập trung phòng là chính

- Tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: Báo, đài truyền thanh, truyền hình hỗ trợ đưa tin, phát loa di động...

- Thành lập 02 tổ hạ kèo ong ngay từ đầu mùa khô,

- Bơm nước, giữ nước, tạo độ ẩm, tu sửa kịp thời các đê bao xung yếu, chống rò rỉ thất thoát nước. Dự kiến kinh phí: 250.000.000 đồng

- Chuẩn bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy rừng đảm bảo chất lượng 100% phục vụ cho phòng cháy chữa cháy.

- Xây dựng tổ, đội thường xuyên tuần tra canh gác: Cần phối hợp cùng lực lượng Kiểm lâm, UBND xã, ấp, có rừng kiến toàn tổ, đội phòng chống cháy rừng của địa phương, đáp ứng nhu cầu thực hiện nhiệm vụ chống chặt phá rừng và phòng

chống cháy rừng trên từng địa bàn.

3. Trang bị phương tiện và thiết bị phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng Hòn Đất.

Sau vụ cháy ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn và phòng thủ dân sự tỉnh Kiên Giang cho chủ trương cấp bách để mức kênh phân lô tại khoảnh 1, lô 2, diện tích 161 ha xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất. Quy cách mức kênh: Mặt kênh rộng 6m, đáy kênh rộng 3m, độ sâu kênh 1,8m. Tổng chiều dài mức kênh: 1.182 mét. Đây là điều kiện thuận lợi để vận chuyển lực lượng, phương tiện, công tác tuần tra, nguồn lấy nước chữa cháy ở các lô lớn.

Đơn vị đã mua 6 bộ võ máy Composite (võ dài 9,9 m, rộng 1,7m; máy động cơ Yamanr 4T, 72 máy bốn thì). Đây là phương tiện rất cần thiết để vận chuyển bằng đường thủy, máy có công suất lớn, tốc độ nhanh đảm bảo phục vụ tốt cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng trong thời gian tới. Hiện tại đã bàn giao cho các lực lượng có liên quan sử dụng gồm:

STT	Đơn vị sử dụng	Số lượng	Ghi chú
1	Tỉnh đội Kiên Giang	02 bộ võ máy	
2	UBND huyện Hòn Đất	02 bộ võ máy	BCH QS 01 bộ, Công an huyện HD 1 bộ
3	Hạt Kiểm lâm huyện Hòn Đất	01 bộ võ máy	
4	Ban quản lý rừng Kiên Giang	01 bộ võ máy	

Tổng kinh phí được cấp bổ sung cho năm 2020 là: 1.224.862.000 đồng

Tổng số phương tiện, thiết bị, công cụ phòng cháy, chữa cháy rừng của Ban quản lý rừng Kiên Giang và Công ty Cổ phần gỗ MDF là

16 máy bơm nổi chữa cháy, 18 bộ võ máy chạy võ, 381 cuộn dây chữa cháy, 01 trạm bơm nước 3 pha (04 Mô tơ điện công suất 600m³/h) 1 máy định vị và một số công cụ thô sơ, len, thùng. 13 chòi canh lửa kiên cố (bê tông cốt thép 02 cái, 05 chòi canh bằng sắt), chất lượng trang thiết bị tốt, đảm bảo phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

Trong năm 2021 chuẩn bị xây dựng và lắp đặt 2 máy bơm nước vào rừng để phòng chống cháy rừng công suất 20.000 m³/giờ vận hành đưa vào sử dụng trong mùa khô năm 2021-2022.

STT	Phương tiện, thiết bị, công cụ PCCCR	Đơn vị	Số lượng
I	Phương tiện		
1	Võ + máy	Cái	18
II	Dụng cụ		
1	Mô tơ điện	Mô tơ	4

2	Mô tơ điện bơm tu hít	Mô tơ	02
3	Máy bơm nổi chữa cháy (01 máy 2 thì)	Máy	16
4	Ống chữa cháy	Cuộn	381
5	Ống nhôm	Ống	4
6	Máy định vị (GPS)	Cái	1
7	Rựa	Cái	5
8	Bộ đàm	Bộ	43
9	Flycam	Cái	01
10	Xô + thau	Cái	200
11	Leng	Cái	22
12	Máy xịt nước áp suất	Cái	04
13	Camera quan trắc cháy rừng 360 độ	Bộ	01

Do giao thông đi lại ở các kênh bao dễ dàng, nên tất cả các phương tiện đều bố trí tập trung ở 02 trạm chính (*trạm K4H9 và trạm kênh 7*), vào thời gian cao điểm các trang thiết bị chữa cháy và nhiên liệu bố trí sẵn sàng trên các vũ máy cơ động cùng lực lượng ở các chốt trực.

Ban quản lý rừng có kế hoạch ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trong năm 2022: 7 người cho trạm QLBV rừng Hòn Đất.

4. Kinh phí: 912.026.000 đồng (chi tiết phụ lục 1)

Phần III

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG CHÁY RỪNG

1. Tình huống xảy ra cháy rừng (chủ rừng tự tổ chức chữa cháy)

Giả định tình huống cháy rừng xảy ra, đám cháy rừng mới phát sinh xảy ra

+ Đám cháy xảy ra tại Lô 2, khoảnh 2, tiểu khu 24A, thuộc xã Nam Thái Sơn. Hiện trạng rừng tràm trồng 5 tuổi.

Thời gian: giờ G ngày N năm 2022

Nguyên nhân: Người dân vào rừng bắt ong và dùng lửa trần gây cháy.

Địa điểm phát sinh đám cháy trong lô rừng có nương bao quanh.

Địa hình bằng phẳng, diện tích bị cháy khi phát hiện khoảng 200 m².

Diễn biến

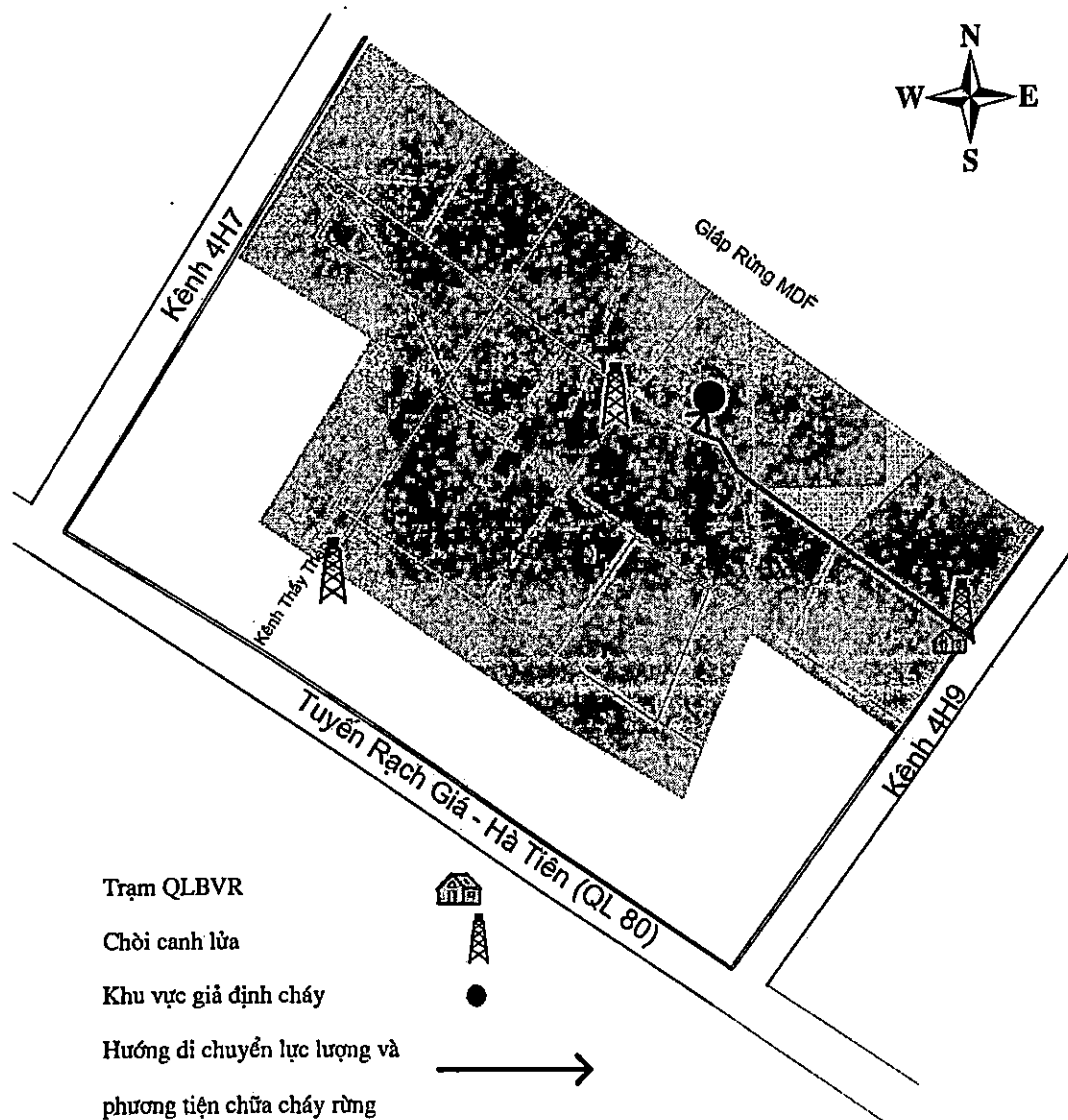
Vào giờ G, ngày N trên chòi quan sát, lực lượng trực phòng chống cháy rừng chốt giữa phát hiện khói phát ra trong khu vực rừng tràm thuộc rừng phòng hộ phạm vi quản lý, lập tức báo ngay cho viên chức phụ trách trạm kiểm tra, xác định đám khói và khẳng định đã xảy ra cháy rừng, nằm trong khu vực 3, sau đó lập tức

thực hiện ngay các biện pháp như sau:

- Điều động 02 tổ đã thành lập chữa cháy cho khu vực 3, lực lượng gồm 09 người, sử dụng phương tiện võ máy vận chuyển trang thiết bị chữa cháy gồm: 03 máy chữa cháy, 150 vôi chữa cháy, nhiên liệu, leng, xô.... di chuyển từ trạm quản lý bảo vệ rừng K4H9 đến khu vực xảy ra cháy.

Do phát hiện kịp thời, xác định đúng vị trí cháy, nên đám cháy được khống chế và dập tắt. Ban quản lý rừng tổng hợp kết quả chữa cháy báo cáo Ban chỉ huy phòng chống cháy rừng. Thiệt hại của đám cháy không lớn, vật liệu cháy chủ yếu là đưng, năn và cành nhánh khô sau khai thác.... Biện pháp khắc phục là khoanh nuôi

**SƠ ĐỒ GIẢ ĐỊNH CHÁY RỪNG KHU VỰC RỪNG TRÀM HUYỆN HỒN ĐẤT
(TÌNH HUỐNG: CHỦ RỪNG TỰ TỔ CHỨC CHỮA CHÁY)**



Sơ đồ 1. Bố trí lực lượng, phương tiện phòng cháy, chữa cháy rừng tại khu vực giả định cháy.

2. Phương án xử lý tình huống cháy phức tạp nhất

Giả định tình huống cháy phức tạp nhất

Tình huống giả định: Cháy rừng xảy ra trong diện tích rừng tràm tại khoảnh 5, Lô 1, tiểu khu 23 thuộc xã Bình Sơn. Hiện trạng rừng tràm trồng 03 tuổi. Khu vực có lớp thực bì dày, cành nhánh sau khai thác, năng khô, cành nhánh sau vệ sinh rừng vị trí cháy nằm giữa lô rừng, nhiệt độ lên đến 38°C, gió mạnh luôn đổi chiều và khả năng cao cháy lan qua các lô bên cạnh, việc đưa phương tiện vào vị trí cháy khó khăn, nguồn nước phục vụ chữa cháy cách đó khoảng 500m.

Vào mùa khô, luôn bố trí lực lượng trực thay phiên trên thang trông và bố trí đội đi tuần tra quanh khu rừng để ngăn chặn người dân vào rừng để bắt ong và xiết cá. Địa bàn rộng, xung quanh nhiều hộ dân sinh sống và có nhiều vị trí ra vào khu rừng. Do đó không kiểm soát được hết người dân ra vào khu rừng.

Vào giờ G ngày N, nhân viên trực trên thang trông (*chốt giữa và chốt tạm kên hai rười*) phát hiện khói, lập tức báo ngay cho toàn bộ lực lượng trực của trạm Quản lý bảo vệ rừng tràm Hòn Đất. Trạm trưởng cùng các nhân viên xác định điểm cháy và khẳng định đã cháy rừng thuộc địa bàn quản lý cụ thể tại khoảnh 5, lô 1, tiểu khu 23, thuộc xã Bình Sơn. Hiện trạng rừng tràm trồng sau khai thác 03 tuổi. Vị trí cháy thuộc phạm vi **khu vực 3 quản lý**. Nguyên nhân cháy: Lúc này chưa xác định rõ.

Phương pháp chữa cháy: sử dụng phương pháp làm lạnh

Biện pháp chữa cháy: chữa cháy theo mặt lửa

2.1 Tổ chức triển khai chữa cháy rừng

Giai đoạn 1: (Các chủ rừng và UBND xã) – Tổ 1

- Điều động lực lượng trực tại chỗ của **khu vực 3** gồm 02 tổ, có 9 đồng chí, 01 đồng chí chỉ huy chung, Chỉ huy (*phó giám đốc phụ trách*) quan sát điểm cháy trên thang trong, hướng gió, xác định điểm cắt lửa an toàn, sau đó thực hiện ngay các giải pháp như sau:

+ Điều động ngay 02 tổ đi bằng phương tiện võ máy chở theo dụng cụ chữa cháy gồm 02 máy chữa cháy, 50 cuộn vòi chữa cháy, nhiên liệu, xô, leng, nước uống....

+ Báo ngay cho lực lượng của UBND 02 xã, đồng thời báo cho khu vực 1 (*các hộ nhận khoán*) và khu vực 2 (*Công ty MDF*) tăng cường hỗ trợ. Do cháy lớn, diện tích cháy vượt 1ha.

Lúc này lực lượng đã huy động được 84 người của 03 khu vực và lực lượng của UBND 2 xã, phương tiện gồm 18 bộ võ máy, 16 máy chữa cháy, 381 cuộn dây. Đang sử dụng 10 máy chữa cháy, còn **6 máy dự phòng**.

Giai đoạn 2: (Ban Chỉ đạo PCCCR huyện Hòn Đất) – Tổ 2

Ban quản lý rừng Kiên Giang báo cáo ngay tình hình cháy rừng đến Ban Chỉ đạo phòng cháy chữa cháy rừng của huyện Hòn Đất. Vào giờ G 60 phút ngày N. Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy rừng huyện Hòn Đất điều động: 21 lực lượng chỉ huy, phương tiện chữa cháy được huy động thêm gồm: 05 máy bơm nổi chuyên dùng và 05 bộ vũ máy cơ động vận chuyển (*phương tiện chủ yếu của Hạt Kiểm Lâm Hòn Đất*).

Danh sách lực lượng và phương tiện của Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy rừng của huyện Hòn Đất

I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
1	Đào Xuân Nha	PCT huyện	0919055533	Trưởng ban
2	Trần Thị Bích Liên	P. CA huyện		Phó ban
3	Bùi Thanh Liêm	Hạt trưởng	0913820572	Phó ban
4	Vũ Thế Văn	CH Trưởng BCHQS		Thành viên
5	Lê Văn Giàu	Tr.P Nông nghiệp		Thành viên
6	Phạm Thanh Thuận	Tr.P KT-Hạ tầng		Thành viên
7	Phạm Minh Khởi	Tr.P TN-MT		Thành viên
8	Ng Trần Tuyết Như	P.P Giáo dục-ĐT		Thành viên
9	Nguyễn Văn Tân	GD TTVHTT		Thành viên
10	Dương Ngọc Yên	P.P Kế hoạch-TC		Thành viên
11	Vũ Việt Hoài	P.P LĐ TBXH		Thành viên
12	Trần Đình Bốn	Tr. Ban QL chợ		Thành viên
13	Ngô Hoàng Tươi	P. Ban dân vận		Thành viên
14	Nguyễn Bích Thảo	PCT HLHPN		Thành viên
15	Vũ Đăng Diên	PGĐ Điện lực		Thành viên
16	Đinh Thị Thu	PCT HND huyện		Thành viên
17	Giang Minh Đức	PBT huyện đoàn		Thành viên
18	Nguyễn Thanh Sang	CB đội C sát		Thành viên
19	Võ Văn Hùng	GD L. Trường 422		Thành viên
20	Thái Văn Mỡ	GD L. Trường HD		Thành viên
21	Nguyễn Anh Tuấn	GD Công ty MDF		Thành viên
II	Phương tiện, công cụ PCCCR (<i>tăng cường</i>)	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy bơm nổi chữa cháy	Cái	05	Chất lượng tốt
2	Ống chữa cháy các loại	Cuộn	50	//
3	Máy bộ đàm	Cái	10	//
4	Vũ, máy	Bộ	03	//
5	Vũ máy lớn đưa rước	Bộ	02	//

Đảm bảo phương tiện 04 vũ máy 4 tấn đưa đón lực lượng, đủ 11 máy chữa cháy kèm theo ống dây và nhiên liệu phục vụ cho Ban chỉ đạo huyện chữa cháy (*chủ rừng 6, Hạt Kiểm lâm 5*). Xác định hướng gió Tây Nam, lập tức điều động

lực lượng vào chữa cắt mặt, ngăn chặn không cháy lan sang lô khác. Tuy nhiên, do thảm thực bì dày, gió mạnh nên đám cháy nhanh chóng bùng phát lớn và việc tiếp cận khó khăn, nên Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy rừng báo ngay cho Ban Chỉ đạo phòng cháy chữa cháy rừng của tỉnh.

Giai đoạn 3: (Ban Chỉ đạo phòng cháy chữa cháy rừng của tỉnh) – Tổ 3

Lực lượng và phương tiện chữa cháy do Ban chỉ đạo tỉnh điều động (*Cục kiểm lâm tỉnh hỗ trợ phương tiện chữa cháy*).

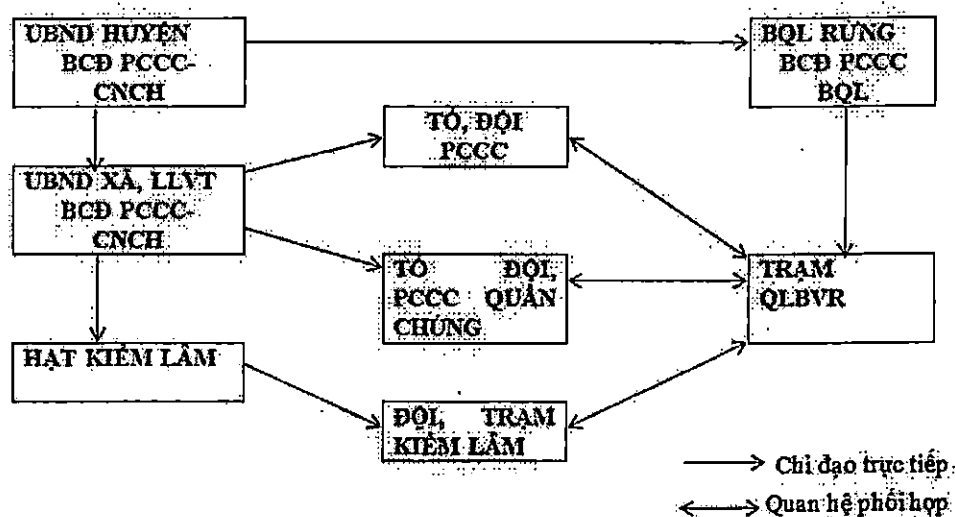
+ Điều động Chi cục Kiểm lâm, Cảnh sát phòng cháy chữa cháy các huyện lân cận, Trung đoàn 893 bố trí lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng, lập tức thành lập tổ chữa cháy, chia mỗi tổ từ 15-20 người có chỉ huy trực tiếp chỉ đạo.

+ Đến 15 giờ cùng ngày vẫn chưa dập tắt, diện tích cháy lan lớn, điều động thêm lực lượng của tỉnh đội vào tham gia chữa cháy.

- Từ chốt trung tâm (chốt giữa), **Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy rừng của tỉnh** đã tích cực chỉ huy, điều động lực lượng, phương tiện, đến 20 giờ cùng ngày ngọn lửa đã bị dập tắt.

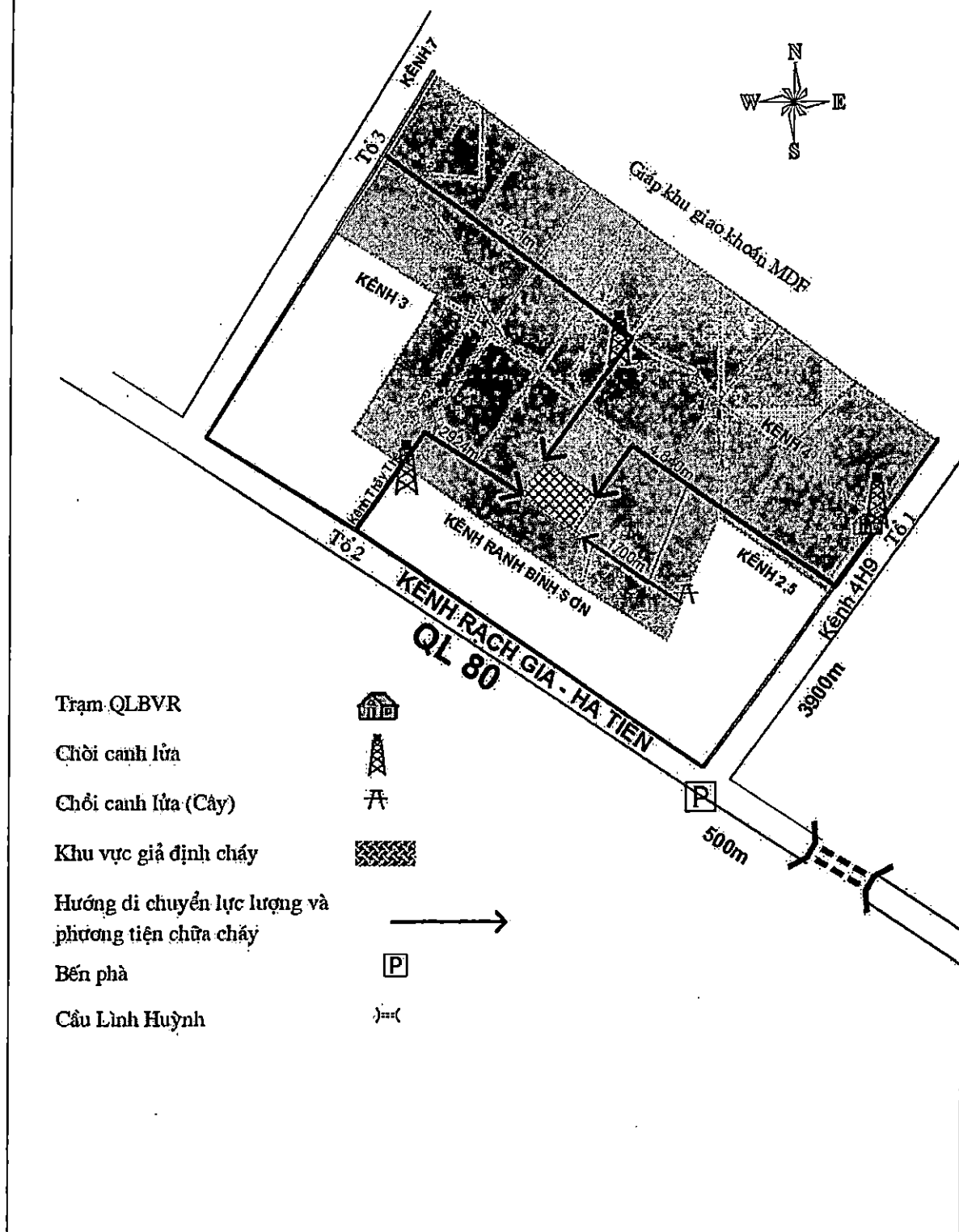
- Tiếp tục chỉ đạo lực lượng kiểm tra, chữa ngùn trong đêm, đặc biệt ở những nơi còn khói, còn có nguy cơ cháy lại, giữ nguyên hiện trạng gồm các phương tiện, lực lượng trong rừng, khi hết khói mới được rút ra khỏi rừng. Việc duy trì chữa ngùn 3 ngày mới kết thúc và được lệnh rút ra khỏi rừng.

2.2 Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy



Sơ đồ 2. Hệ thống chỉ đạo, chỉ huy, phối hợp phòng cháy chữa cháy rừng.

**SƠ ĐỒ GIẢI ĐỊNH CHÁY KHU VỰC RỪNG TRÀM HUYỆN TRÀM HÒN ĐÁ
(TÌNH HUỐNG CHÁY PHỨC TẠP)**



Sơ đồ 3. Bố trí lực lượng, phương tiện phòng cháy, chữa cháy rừng tại khu vực giải định cháy.

2.3 Báo cáo tình hình cháy rừng

Thực hiện Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT, ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp-PTNT. Chủ rừng kiểm tra, xác định diện tích thiệt hại, báo cáo nhanh về Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy rừng, qua đó đã xác định diện tích bị cháy 20 ha, mức độ thiệt hại 100%, do đó Ban quản lý rừng xây dựng kế hoạch xin vốn để trồng lại rừng theo quy định.

2.4 Khắc phục hậu quả do cháy rừng gây ra

Thực hiện theo Điều 52 của Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018. Ban quản lý rừng căn cứ vào kết quả báo cáo nhanh về Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy rừng, đưa ra các giải pháp phục hồi rừng. Do mức độ thiệt hại 100% cho nên xin chủ trương bố trí vốn để trồng mới trên diện tích bị cháy, loài cây tràm nước.

HUYỆN AN MINH

2. Đặc điểm của khu rừng

Tổng diện tích rừng trầm phòng hộ trên địa bàn huyện An Minh là 2.826,49 ha. Rừng trầm của huyện nằm trên địa bàn 03 xã: Vân Khánh, Vân Khánh Tây và Đông Hưng B, là rừng trầm (*Melaleuca cajuputi*) thuần loài, hình thành trên vùng đất bị nhiễm phèn, gồm có rừng tự nhiên và rừng trồng sau khai thác. Gồm 3 tiểu khu:

- Tiểu khu 32 (xã Vân Khánh) giao khoán cho Công ty TNHH Cửu Long Thành Minh, diện tích 151,3 ha. Rừng trồng năm 2018

- Tiểu khu 33 (xã Vân Khánh Tây) giao khoán cho Công ty Cổ phần Gỗ MDF Kiên Giang, diện tích 1.373,15 ha.

- Tiểu khu 34 (xã Đông Hưng B) đã giao khoán cho 145 hộ và 3 đơn vị tập thể nhận khoán, diện tích 1.259,2 ha. Hàng năm hộ và tập thể nhận khoán được phép khai thác rừng trầm từ 10-20% trên diện tích nhận khoán, sau khi khai thác hộ tự trồng lại rừng, cho nên diện tích rừng tự nhiên giảm đi hàng năm. Rừng trồng từ năm 2012 - 2018

Thực bì chủ yếu của 3 tiểu khu là sậy, năng, dón, dây choại...mọc rải rác những nơi rừng thưa, rừng mới trồng và phát triển rất tốt ở những nơi đất trống có diện tích lớn hoặc khu vực khai thác trắng chưa kịp trồng lại rừng. Đây là lớp vật liệu rất dễ cháy vào mùa khô.

Giao thông chủ yếu trong khu vực 3 tiểu khu là hệ thống kênh mương, cụ thể như sau: Tiểu khu 33 khoảng 40 km, tiểu khu 32 khoảng 8 km và tiểu khu 34 khoảng 30 km, tất cả hệ thống kênh mương gồm kênh bao rừng các tuyến kênh trong rừng. **Chiều dài các kênh:** kênh 12: 3.710 m, kênh 11.5: 4.840 m, kênh: 4.582 m, 5 Đất Sét: 3.360 m, kênh 29: 2.050 m, kênh 28: 2.730 m, kênh 27: 2.410 m, kênh 26: 2.520m, kênh 25: 2.620 m. **Khoảng cách giữa các kênh:** từ kênh 12 đến kênh 11.5: 540 m, từ kênh 29 đến kênh 28: 1.070 m, từ kênh 28 đến kênh 27: 1.200 m, từ kênh 27 đến kênh 26: 1.120 m, từ kênh 26 đến kênh 25: 1.080 m.

Hệ thống giao thông đường bộ chủ yếu là giao thông nông thôn, mặt đường 2,5m, hệ thống giao thông này chỉ đi đến bìa rừng, riêng tiểu khu 34 được 3,5 km đi lại được trong rừng.

Vị trí địa lý: Gồm 3 tiểu khu.

Tiểu khu 32, xã Vân Khánh: Diện tích 151,3 ha.

- Phía Bắc giáp: Kênh bờ bao.

- Phía Nam giáp: Các hộ dân thuộc ấp Kênh Năm.

- Phía Tây giáp: Kênh ranh phòng chống cháy rừng.

- Phía Đông giáp: Bờ bao Kênh Năm Đất sét.

Tiểu khu 33, xã Vân Khánh Tây: Diện tích 1.373,1 ha

- Phía Bắc giáp: Bờ bao ấp Kim Qui A1 và A2, xã Vân Khánh Tây.
- Phía Nam giáp: Bờ bao cách Rạch Tiểu Dừa khoảng 150 m.
- Phía Tây giáp: Bờ bao ấp Cây Gõ, xã Vân Khánh Tây.
- Phía Đông giáp: Bờ bao cách Kênh Năm Đất Sét khoảng 300 m.

Tiểu khu 34, xã Đông Hưng B: Diện tích 1.259,2 ha

- Phía Bắc giáp: Kênh Năm Đất Sét.
- Phía Nam giáp: Kênh 25 giáp Cà Mau.
- Phía Tây giáp: Bờ bao Kênh 13.
- Phía Đông giáp: Kênh Năm Ngang.

Khu vực có khả năng xảy ra cháy rừng nằm ở 02 tiểu khu 32 và 34. Riêng tiểu khu 33 đã giao khoán cho Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Kiên Giang có hệ thống đề bao cao và chắc chắn, nên tích trữ được nước và khả năng xảy ra cháy rừng thấp.

3. Những nguy cơ gây cháy rừng

Tiểu khu 32 và tiểu khu 34 bao quanh khu vực là người dân nuôi trồng thủy sản, nước mặn nhiều, không có cá nước ngọt. Do đó, việc vào rừng dùng xiệc để bắt cá thường xuyên xảy ra, sự bất cẩn của con người khi dùng lửa nguy cơ cháy xảy ra cao. Bên cạnh đó đốt thực bì sau khi khai thác, phát dọn bờ bao, bắt ong lấy mật...

Nguy cơ xảy ra cháy chủ yếu là nguồn nhiệt, trong 3 tiểu khu nguồn sinh kế chủ yếu của các hộ nhận khoán và lực lượng bảo vệ rừng là nguồn thu từ việc gát kèo ong để lấy mật, do đó nguy cơ cháy rừng cao nhất trong năm là 6 tháng mùa khô, chủ yếu là từ tháng 2 đến tháng 6 trong năm. Để hạn chế nguy cơ cháy rừng là trong những tháng này yêu cầu hạ tất cả kèo ong trong rừng và thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra việc tháo dỡ kèo ong nhằm hạn chế thấp nhất nguy cơ cháy rừng xảy ra.

4. Thực trạng công tác phòng cháy và chữa cháy rừng

4.1. Thống kê tình hình cháy rừng trong vòng 5 năm, giai đoạn 2017 – 2021: không xảy ra cháy rừng

4.2. Lực lượng PCCCR, phương tiện, thiết bị, công cụ PCCCR hiện có

- Tiểu khu 32: 02 tổ, 8 người, 01 máy chữa cháy chuyên dùng, 17 cuộn dây chữa cháy và 02 võ máy đi lại, 2 chốt trực, 1 chòi canh lửa

- Tiểu khu 33: 01 tổ, với 07 lực lượng chuyên trách (78 hợp đồng luân phiên), 06 máy chữa cháy chuyên dùng và 214 cuộn dây chữa cháy, 06 võ máy vận chuyển, 4 chốt trực, 1 chòi canh lửa

- Tiểu khu 34: 04 Tổ, 39 thành viên, 14 máy chữa cháy, 16 vỏ máy và 245 cuộn dây (gồm của Ban quản lý, Hạt kiểm lâm và 02 đơn vị), 3 chốt trực, 5 chòi canh lửa

4.3. Giải pháp PCCCR đang áp dụng

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức PCCCR
- Thường xuyên kiểm tra điều kiện an toàn PCCCR
- Xây dựng bản đồ số về các vùng trọng điểm tiềm ẩn nguy cơ xảy ra cháy lớn bao gồm: Nguồn nước, giao thông, hướng tiếp cận...
- Xây dựng phương án, diễn tập phương án PCCC rừng theo phương châm 4 tại chỗ
- Tăng cường công tác thường trực 24/24 giờ, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện

Phần II

PHÒNG CHÁY RỪNG

1. Tổ chức lực lượng phòng cháy và chữa cháy rừng

- Lực lượng PCCCR tại chỗ: 54 người

Tiểu khu 32: Công ty TNHH Thương mại Cửu Long Thành Minh gồm 8 lực lượng.

Tiểu khu 33: Ban quản lý Dự án nhà máy chế biến gỗ MDF Kiên Giang gồm 7 lực lượng hợp đồng tại chỗ và 78 lực lượng hợp đồng luân phiên trực PCCC.

Tiểu khu 34: 39 người, gồm các tổ chức và cá nhân như sau:

- + Doanh nghiệp Tư nhân Mười Kèn: 9 lực lượng trực tại chỗ.
- + Doanh nghiệp Tư nhân Quách Văn Dân: 7 lực lượng.
- + Công ty TNHH Mười Bảy Kiên Giang: 12 lực lượng.
- + Lực lượng Ban quản lý rừng Kiên Giang + Hạt Kiểm lâm liên huyện An Biên-An Minh: 7 lực lượng chuyên trách.
- + Lực lượng hợp đồng cơ động: 4 lực lượng.
- Số người đã qua huấn luyện về phòng cháy và chữa cháy rừng: 24 người (CLTM: 02 người, DNTN Quách Văn Dân 01 người, DNTN 10 Kèn 4 người, Công ty TNHH 17 Kiên Giang 4 người, Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Kiên Giang 7 người, lực lượng hợp đồng cơ động của BQL rừng 6 người)
- Số người thường trực trong phòng cháy và chữa cháy rừng: 54 người

Danh sách tổ trực 24/24 giờ và phương tiện tại Tiểu khu 32, cụ thể như sau:

I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
1	Phan Văn Chính	Đội	0918922255	Chỉ huy

		trưởng		
2	Phan Văn Chiến	Tổ viên	0916035379	Sử dụng máy
3	Lê Văn Chính	Tổ viên		Cầm vòi phun
4	Trần Văn Mãi	Tổ viên		Hậu cần
5	Đặng Hoàng Nam	Tổ viên	0913129209	Tổ trưởng tổ 2
6	Huỳnh Văn Hưng	Tổ phó	0843929122	Sử dụng máy
7	Nguyễn Văn Chuyên	Tổ viên	0896276029	Sử dụng máy
8	Lê Văn Mối	Tổ viên	0941212977	Cầm vòi phun
II	Phương tiện, công cụ PCCR	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Võ máy chạy vận chuyển	Bộ	02	
2	Máy chữa cháy chuyên dụng TOHATSUV30A	Máy	01	
3	Vòi chữa cháy	Cuộn	17	

Danh sách tổ trực 24/24 giờ và phương tiện tại Tiểu khu 33, cụ thể như sau:

I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
1	Huỳnh Công Văn	Đội trưởng	0919181679	Chỉ huy
2	Trần Quốc Đỉnh	Chỉ huy chốt 1	0949435875	
3	Nguyễn Hùng Em	Chỉ huy chốt 2	0857264468	
4	Nguyễn Thanh Tuấn	Chỉ huy chốt 3	0949608784	
5	Ngô Văn khởi	Chỉ huy chốt 4	0949982697	
6	Nguyễn Đông Bắc	Chỉ huy chốt 5	0949985581	
7	Nguyễn Văn Gol	Hậu cần	0842145747	
II	Phương tiện, công cụ PCCR	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Võ máy chạy vận chuyển	Bộ	06	
2	Máy bơm nổi chữa cháy	Máy	06	
3	Vòi chữa cháy	mét	4.280	214 cuộn

Danh sách tổ trực 24/24 giờ và phương tiện tại Tiểu khu 34, cụ thể như sau:

I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
1	Trần Phi Hải	Phó GĐ	0919.606.503	Chỉ huy tổ 1,2 và tổ 3
2	Hoàng Văn Giang	Trạm phó	0916774762	Tổ trưởng tổ 1
3	Lực lượng hợp đồng			
4	Lực lượng hợp đồng			
5	Võ Văn Học	Nhân viên	0839.647.472	
6	Bùi Văn Lùng	Nhân viên	0949.290.004	
7	Lực lượng hợp đồng			
8	Lực lượng hợp đồng			
9	Quách Văn Dân	Giám đốc (Đội trưởng)	0919245361	DNTN Q. V. Dân 6 người (Tổ 2)

10	Quách Chiêu	Tổ trưởng		
11	Quách Văn Dâu	Tổ phó		
12	Trương Văn Thơ	Tổ viên		
13	Quách Văn Bình	Tổ viên		
14	Trương Ngọc Định	Tổ viên		
15	Nguyễn Văn Dung	Tổ viên		
16	Tổng Ny Em	Tổ trưởng	0949449953	DNTN Mười Kèn 9 người (tổ 3)
18	Nguyễn Văn Lùng	Tổ viên		
19	Mai Văn Long	Tổ viên		
20	Nguyễn Văn Hải	Tổ viên	0919364460	
21	Nguyễn Văn Cảnh	Tổ viên		
22	Đoàn Quốc Biển	Tổ viên	0944552872	
23	Lưu Văn Dương	Tổ viên	0945116922	
24	Lưu Văn Mâm	Tổ viên		
25	Trần Thị Tím	Tổ viên		Hậu cần
26	Tổng Văn Ni	Giám đốc Tổ trưởng	0945942353	CY TNHH 17 KG 12 người (tổ 4)
27	Võ Chí Nguyễn	Tổ viên	0833022189	
28	Nguyễn Thị Mai	Tổ viên	0842929618	Hậu cần
29	Nguyễn Văn Hên	Tổ viên		
30	Võ Văn Nê	Tổ viên	0948128643	
31	Võ Văn Thật	Tổ viên		
32	Hồ Văn Siêm	Tổ viên	0949065221	
33	Võ Văn Thọ	Tổ viên		
34	Lâm Bạch Đăng	Tổ viên	0834815359	
35	Lâm Chí Nguyễn			
36	Nguyễn Thị Hương			Hậu cần
37	Võ Văn Tân			
II	Phương tiện, công cụ PCCCR	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Máy chạy võ vận chuyển	Cái	16	
2	Máy bơm nổi chữa cháy	Máy	14	BQL 03 ; ; DNTN Quách Văn Dân 01; HKL AB-AM 9, Cty 17 KG: 01
3	Vòi chữa cháy	Cuộn	245	BQL 70 ; HKL 150; DNTN Quách Văn Dân 15; Cty 17 KG: 10
5	GPS 78	Cái	1	BQL rừng
6	GPS 64	Cái	1	BQL rừng

7	Đèn Pin XENON 55W	Cái	03	BQL rừng
---	-------------------	-----	----	----------

Tổ hậu cần phục vụ Tiểu khu 34 (khi xảy ra cháy lớn)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công	Điện thoại
1	Võ Châu Hoàn Nhân	Tr. phòng	Chỉ huy Công tác hậu cần	0976280056
2	Trần Hồng Ứng	Nhân viên	Phục vụ Công tác hậu cần	0948.672.678
3	Danh Thắng	Nhân viên	Đưa cơm đến các tổ tham gia chữa cháy	0977.298.443
4	Trương Minh Ca	Nhân viên	Đưa cơm đến các tổ tham gia chữa cháy	0944.408.564

- Lực lượng Ban chỉ huy, đội và tổ PCCCR ở các xã ven rừng:

*** Xã Đông Hưng B: 54 người**

Ban chỉ đạo của xã: gồm 11 thành viên, đồng chí Phạm Đức Toàn phó chủ tịch UBND xã làm trưởng ban; Phạm Văn Kiên, Trưởng công an xã, phó ban trực.

Đội của xã gồm 19 thành viên, đồng chí Nguyễn Quốc Sử, Phó chỉ huy trưởng- Ban chỉ huy Quân sự xã, làm đội trưởng; Phạm Văn Chung, phó trưởng công an xã đội phó.

Tổ của ấp Cán Gáo gồm 24 thành viên, đồng chí Ngô Văn Chúng làm tổ trưởng.

*** Xã Vân Khánh: 18 người**

Ban chỉ huy của xã gồm 12 thành viên, đồng chí Dương Thanh Phong chủ tịch UBND xã làm trưởng ban; Lê Thanh Hiền, Trưởng công an xã Phó trưởng ban.

Đội của xã gồm 16 thành viên, đồng chí Nguyễn Hồng Xiêm phó Công an xã làm đội trưởng.

*** Xã Vân Khánh Tây: 84 người**

Ban chỉ huy của xã gồm 21 thành viên, đồng chí Võ Thị Hồng Út chủ tịch UBND xã làm trưởng ban; Nguyễn Hoàng Nam, Trưởng Công an xã, Phó ban.

Đội của xã gồm 21 thành viên, đồng chí Huỳnh Văn Khôi phó chủ tịch UBND xã làm đội trưởng; Nguyễn Hoàng Nam, Trưởng Công an xã, đội phó.

Xã thành lập 4 tổ ở các ấp:

Ấp Phát Đạt gồm 10 thành viên, ông Thái Văn Hải, Trưởng ban công tác Mặt trận, Tổ trưởng.

Ấp Kinh 5 Đất Sét gồm 10 thành viên, ông Nguyễn Văn Vẽ, Phó trưởng ấp, Tổ trưởng,

Áp Kim Quy A1 gồm 11 thành viên, ông Huỳnh Văn Sơn, Phó trưởng áp. Tổ trưởng.

Áp cây Gõ gồm 11 thành viên ông ông Lê Văn Nhân, Tổ trưởng

- Quy chế hoạt động của tổ, đội PCCCR, người chỉ huy chữa cháy rừng và các thành viên: Mỗi tổ PCCCR gồm có tổ trưởng và các thành viên; tổ trưởng chịu trách nhiệm điều hành, huy động lực lượng, phương tiện, lên kế hoạch tuần tra, bố trí người trực thang công, báo cáo tình hình PCCCR sau 15 giờ hằng ngày (*bằng điện thoại di động hoặc bộ đàm...*). Người chỉ huy chữa cháy phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm ở địa bàn ít nhất 5 năm, nắm toàn diện các vị trí trong khu vực PCCCR, phán đoán vị trí khi xảy ra cháy một cách chính xác để ra lệnh điều động kịp thời và hiệu quả. Đồng thời người chỉ huy phải giám sát lịch trực của các tổ, trang bị mỗi tổ đều có bộ đàm để thuận tiện cho công tác liên lạc.

2. Các biện pháp phòng cháy rừng

2.1 Xác định thời gian dễ xảy ra cháy rừng trên địa bàn

Dựa vào tình hình thực tế trên địa bàn và qua tổng kết nhiều năm thì các tháng 3, 4, 5, 6 là những tháng cao điểm dễ xảy ra cháy rừng. Thời gian trong ngày được dự báo có nguy cơ cháy cao vào khoảng từ 11 giờ đến 16 giờ.

2.2. Xây dựng bản đồ, phân vùng trọng điểm rừng dễ bị cháy

Rừng tràm nằm trên địa bàn các xã: Vân Khánh và Đông Hưng B huyện An Minh (*kèm theo phần cuối phương án*)

2.3. Xây dựng dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng

Nguy cơ cháy rừng có thể xảy ra ở những nơi có vật liệu cháy nhiều, chủ yếu là những vị trí khai thác vừa xong trong năm 2021 chưa xử lý thực bì hết gồm cành nhánh tràm, sậy, dón, dây leo...những vị trí này được cập nhật trên sơ đồ nguy cơ cháy để có biện pháp phòng cháy tốt hơn.

2.4. Công tác tuyên truyền giáo dục công tác PCCCR

Thường xuyên tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến những người dân sống xung quanh rừng bằng các hình thức phát loa (*1 đến 2 lần/tháng*) vào những tháng cao điểm, xây dựng bảng tuyên truyền, tổ chức họp dân...để cho mọi người dân sống ven rừng hiểu được lợi ích của rừng đối với đời sống của con người. Từ đó làm cho họ có ý thức trách nhiệm hơn trong việc quản lý bảo vệ rừng và PCCC rừng.

2 cuộc, dự toán kinh phí tuyên truyền: 1.000.000 đồng/cuộc

2.5. Huấn luyện và diễn tập chữa cháy rừng

Sẽ thành lập tổ PCCCR chuyên trách tại khu vực rừng Tràm huyện An Minh và cử nhân viên đi tập huấn khi BCD-PCCC tỉnh tổ chức và cấp chứng chỉ theo quy định.

Khi bắt đầu vào mùa PCCCR Ban quản lý rừng sẽ phối hợp với Hạt Kiểm lâm liên huyện An Biên-An Minh và các ngành chuyên môn tập huấn cho tất cả lực lượng PCCCR để có kỹ thuật và biết sử dụng thành thạo tất cả máy chữa cháy và các thiết bị chuyên dùng. Ngoài ra, Ban quản lý rừng sẽ tổ chức cho các hộ nhận khoán và lực lượng trực PCCCR tham gia các đợt tập huấn công tác PCCC do Cảnh sát PCCC huyện An Minh tổ chức.

Số người tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC: 24 người

Số người tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ lần đầu: 30 người

Tổ chức thực tập phương án PCCCR 1 lần/năm

2.6. Xây dựng và duy trì các công trình phòng cháy rừng

Đắp tất cả các con đập để giữ nước ngay từ đầu mùa mưa để dự trữ nước cho công tác chữa cháy. Kinh phí dự kiến đắp 5 đập: 24.689.000 đồng

Tổ chức cấm các băng cấm sử dụng lửa theo quy định của luật PCCCR tại các điểm ra vào rừng và các khu vực trọng điểm cháy. Xây dựng 5 bảng cảnh báo, dự kiến kinh phí 1.000.000 đồng/bảng

2.7. Xây dựng và thực hiện phát hiện điểm cháy rừng

Xây dựng tổ, đội thường xuyên tuần tra canh gác: Phân công người trực thường xuyên trên chòi canh lửa vào các tháng cao điểm, dùng ống nhòm quan sát dấu hiệu cháy rừng để kịp thời báo hiệu địa điểm, vị trí chính xác và đề tập trung nhân lực chữa lửa rừng hiệu quả. Ban quản lý rừng có kế hoạch ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trong năm 2022: 4 người cho trạm An Minh.

3. Trang bị phương tiện và thiết bị phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng

STT	Phương tiện, thiết bị, công cụ PCCCR	Đơn vị	Số lượng
I	Phương tiện		
1	Vỏ + máy	Cái	3
II	Dụng cụ		
1	Máy bơm nổi chữa cháy	Máy	3
2	Vòi chữa cháy	Cuộn	70
3	Đèn chiếu sáng XENON 55W	Cái	03
4	Ống nhòm	Cái	1
5	GPS 64	Cái	1
6	GPS 78	Cái	1

Trong đó ngoài phương tiện của Ban quản lý rừng còn có phương tiện của các đơn vị khác tham gia gồm: 20 máy chữa cháy chuyên dùng, cụ thể:

- Hạt Kiểm lâm liên huyện An Biên-An Minh: Máy chữa cháy chuyên dùng 9 máy, 150 cuộn dây chữa cháy và 02 phương tiện đi lại. Trang bị tại điểm trực kinh 28 là 2 máy.

- Công an huyện An Minh: 2 máy chữa cháy chuyên dùng, vòi chữa cháy, được bố trí tại chỗ khi có cháy xảy ra sẽ điều động đến điểm cháy.

- Công ty TNHH TM Cửu Long Thành Minh 01 máy chữa cháy chuyên dùng, 17 cuộn dây chữa cháy và 2 vỏ máy đi lại. Bố trí tại chốt trực Kinh Tư.

- Công ty Cổ phần Gỗ MDF Kiên giang: 6 máy chữa cháy chuyên dùng, 214 cuộn dây chữa cháy và 5 phương tiện đi lại. Được bố trí ở 6 điểm trực.

- Doanh nghiệp tư nhân Quách Văn Dân: 01 máy phao chữa cháy chuyên dùng, 15 cuộn dây chữa cháy và 02 phương tiện đi lại.

- Công ty TNHH 17 Kiên Giang: 01 máy phao và 10 cuộn dây chữa cháy, 04 vỏ máy đi lại tuần tra.

4. Kinh phí: 378.669.000 đồng (chi tiết phụ lục 1)

Phần III

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG CHÁY RỪNG

1. Tình huống xảy ra cháy rừng (Chủ rừng tự tổ chức chữa cháy)

Giả định tình huống cháy rừng xảy ra, đám cháy rừng mới phát sinh xảy ra:

- Đám cháy xảy ra trên địa bàn rừng tràm huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Thời gian: giờ G ngày N

- Nguyên nhân: Người dân vào rừng tận thu mật ong.

- Địa điểm phát sinh đám cháy trong lô rừng đã thu hồi của hộ Nguyễn Hoàng A, tại tiểu khu 34, hiện tại chưa giao khoán, hiện trạng lô rừng có nương bao quanh;

- Địa hình bằng phẳng, diện tích bị cháy khi phát hiện khoảng 200 m².

Diễn biến

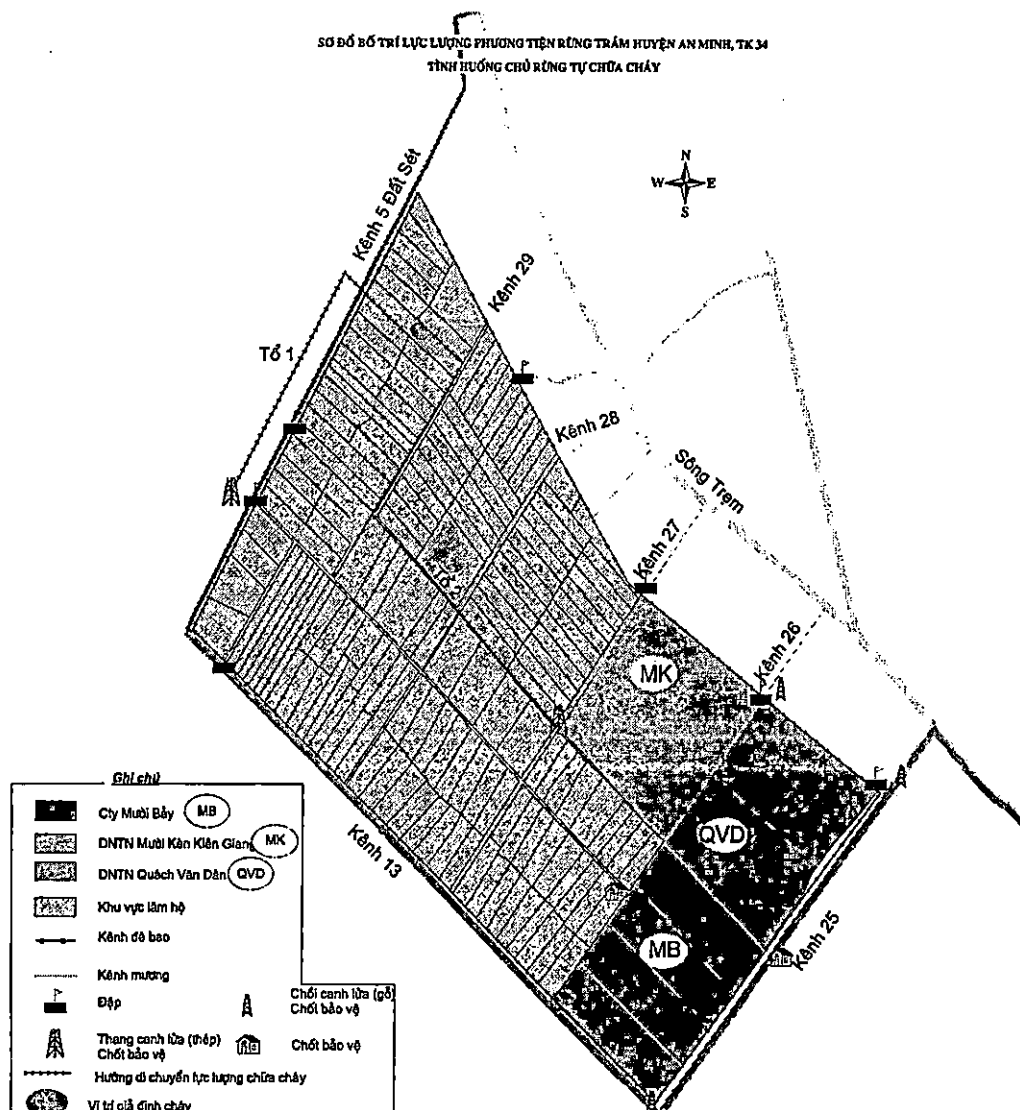
Vào G, ngày N trên chòi quan sát tại chốt trực kênh 12-Kênh 5 Đất Sét, lực lượng trực phòng chống cháy rừng phát hiện khói phát ra từ hộ ông A, khu vực rừng tràm thuộc rừng phòng hộ phạm vi quản lý, lập tức báo ngay cho viên chức phụ trách trạm kiểm tra, xác định đám khói và khẳng định đã xảy ra cháy rừng tại hộ ông A, sau đó lập tức thực hiện ngay các biện pháp như sau:

- Tổ 1, điều động 3 lực lượng, phương tiện tại chỗ, lưu thông từ đầu kênh 12 - kênh 5 đất sét đến vị trí đất của ông A và tiếp cận đám cháy để chữa cháy, lập tức thông báo cho tổ 2 hỗ trợ di chuyển từ kênh 11,5-27 theo đường 11,5 đến kênh 29 ngã phải rồi đi đến hộ ông Nguyễn Hoàng A, đồng thời các tổ còn lại cũng quan

sát kỹ toàn khu vực, chuẩn bị sẵn sàng khi có tình huống phức tạp xảy ra, kịp thời hỗ trợ dập tắt đám cháy.

- Trạm trưởng QL BV rừng báo Phó Giám đốc phụ trách về diễn biến đám cháy và chủ động phân công viên chức lo hậu cầu phục vụ cho lực lượng chữa cháy dập tắt và khắc phục sau cháy.

Do phát hiện kịp thời, lực lượng tại chỗ cơ động nhanh, xác định đúng vị trí cháy, nên đám cháy được khống chế và dập tắt. Ban quản lý rừng tổng hợp kết quả chữa cháy báo cáo Ban chỉ đạo phòng chống cháy rừng. Thiệt hại của đám cháy không lớn, vật liệu cháy chủ yếu là cỏ sậy mọc xen kẽ với rừng non mới trồng sau khi khai thác 2019, hiện tại bước vào chăm sóc năm thứ 2. Biện pháp khắc phục là đưa vào kế hoạch bố trí vốn chăm sóc năm 2, phát dọn cỏ sậy và trồng lại rừng ở vực bị cháy.



Sơ đồ 1. Bố trí lực lượng, phương tiện phòng cháy, chữa cháy rừng tại khu vực giả định cháy.

2. Phương án xử lý tình huống cháy phức tạp nhất

Giả định tình huống cháy phức tạp nhất

Vào G, ngày N trên chòi quan sát tại chốt trực kênh 12- K5 đất sét, lực lượng trực phòng chống cháy rừng phát hiện khói phát ra từ hộ Ông Mai Hùng B, khu vực rừng tràm thuộc rừng phòng hộ phạm vi quản lý, lập tức báo ngay cho viên chức phụ trách trực chốt kiểm tra, xác định đám khói và khẳng định đã xảy ra cháy rừng tại hộ Ông B, sau đó lập tức thực hiện ngay các biện pháp như sau

2.1. Tổ chức triển khai chữa cháy rừng

- Tổ 1 điều động 3 lực lượng, phương tiện tại chỗ, lưu thông từ đầu kênh 12 thẳng vào rừng đến vị trí đất của ông B ngay đầu kênh 28-12 và tiếp cận đám cháy để chữa cháy, lập tức thông báo cho tổ 2 hỗ trợ di chuyển từ kênh 11,5-27 theo đường 11,5 đến đầu kênh 11,5-28 theo kênh đê bao trong khu vực hộ ông B tiếp cận đám cháy để phối hợp với tổ 1 chữa cháy nhưng do tốc độ gió thay đổi đột ngột nên diễn biến đám cháy diễn ra ngày càng phức tạp (diện tích bị cháy khoảng 1 ha) nên Trạm trưởng báo cáo ngay Phó Giám đốc phụ trách báo cáo ngay lập tức về BCĐ-PCCCR huyện An Minh xin hỗ trợ điều động lực lượng và phương tiện chữa cháy đến khu vực cháy theo các hướng di chuyển như sau:

- Tổ 3, tổ 4 di chuyển đến khu vực cháy từ kênh 11,5-25 đến theo đường kênh 12

- Tổ 5 lực lượng của UBND xã Đông Hưng B di chuyển đến khu vực cháy bằng đường kênh 28 thông qua đập 29.

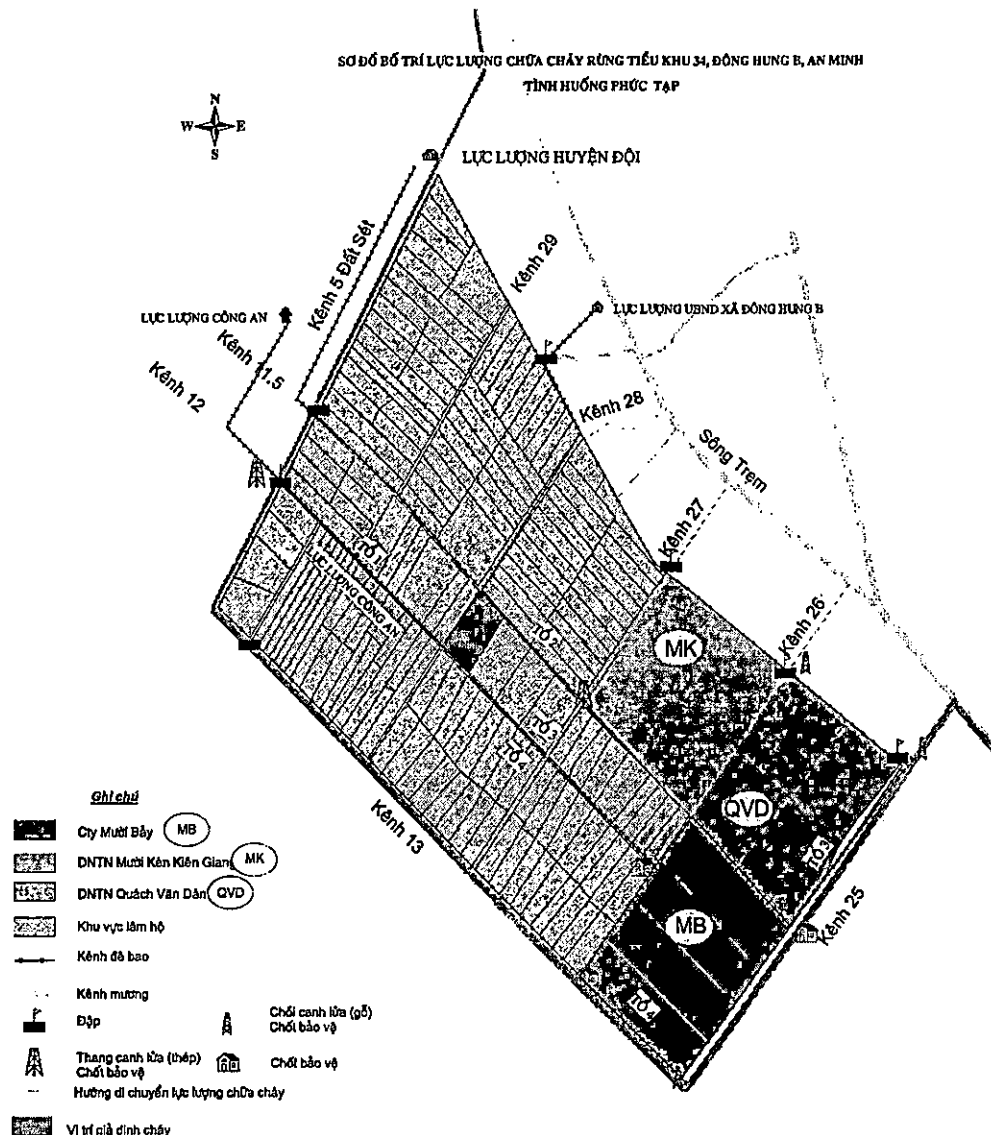
- Lực lượng Huyện đội di chuyển vào khu vực cháy thông qua đập kênh 11,5.

- Lực lượng của Công An huyện di chuyển theo đường kênh 12-5 đất sét tiếp cận đám cháy thông qua đập kênh 12, ngay chốt trực tổ 1.

- Trạm trưởng QLBV rừng An Minh phân công viên chức lo hậu cần phục vụ cho lực lượng chữa cháy dập tắt và khắc phục sau cháy.

Sau 120 phút lực lượng tại chỗ và các lực lượng tăng cường đã dập tắt đám cháy. Diện tích thiệt hại khoảng 3 ha.

Sau khi đám cháy đã dập tắt hoàn toàn vẫn phải duy trì lực lượng tại chỗ tiếp tục kiểm tra và dập tắt dứt điểm các nơi còn cháy ngầm và các gốc cây còn cháy âm ỉ. Sau khi kết thúc việc chữa cháy tổ chức giữ nguyên hiện trường, báo cáo và phối hợp với các ngành chức năng để xác định nguyên nhân cháy, đề ra hướng xử lý, rút kinh nghiệm và khắc phục hậu quả vụ cháy rừng.



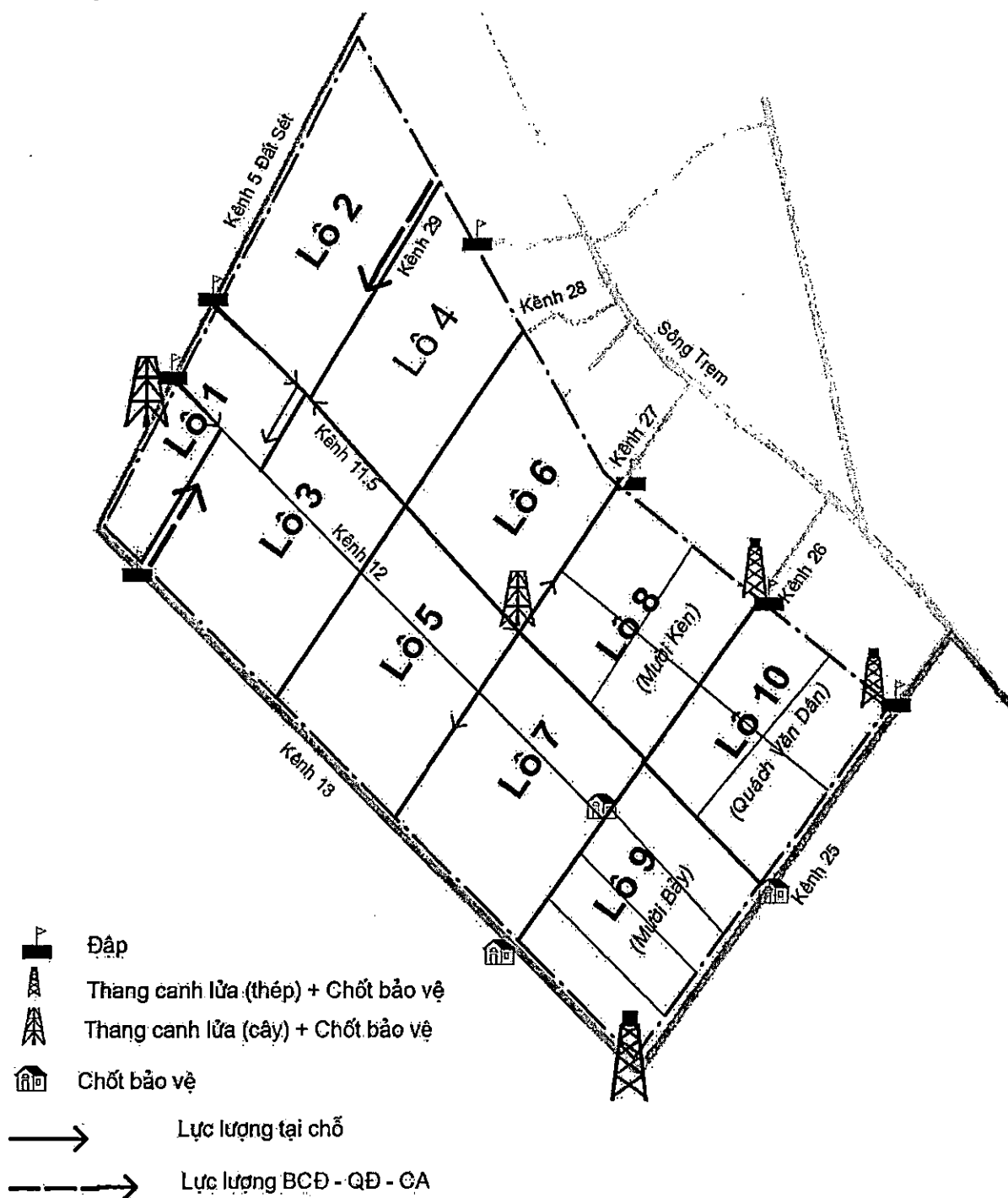
Sơ đồ 2. Bố trí lực lượng, phương tiện phòng cháy, chữa cháy rừng tại khu vực giả định cháy (tình huống phức tạp).

Ngoài ra, khi xảy ra cháy bất cứ lô rừng nào thuộc Tiểu khu 32, 33 và 34, các tổ, đội trực phát hiện báo động khẩn cấp cho các chốt trực toàn Tiểu khu và Thường trực ban chỉ đạo PCCCR huyện An Minh biết, sau đó khẩn trương triển khai đội hình chữa cháy, trực tiếp chỉ huy và tham gia chữa cháy theo phương án của đơn vị đã được Ban chỉ đạo PCCC-CNCH huyện An Minh phê duyệt trên cơ sở Phương án chung của BQL rừng.

***Tiểu khu 34**

- Khi xảy ra cháy rừng tại lô 1 và lô 2 thì điểm trực Kênh 12-Kênh Năm Đất Sét có trách nhiệm điều động lực lượng tại chỗ chỉ huy vào điểm chủ yếu bằng đường kênh 11,5. Điểm trực Kênh 27-11,5 điều động lực lượng tại chỗ chỉ huy vào điểm chủ yếu thứ 2 xuất phát từ trên đoạn kinh kinh 27 dọc theo 11,5 đi ngược lên kinh 29. Nếu có cháy lớn huy động lực lượng Công an, Quân đội và Ban chỉ đạo huyện sẽ di chuyển từ ngoài vào qua 2 vị trí cào là đầu kinh 29 và Cúp 13 tham gia

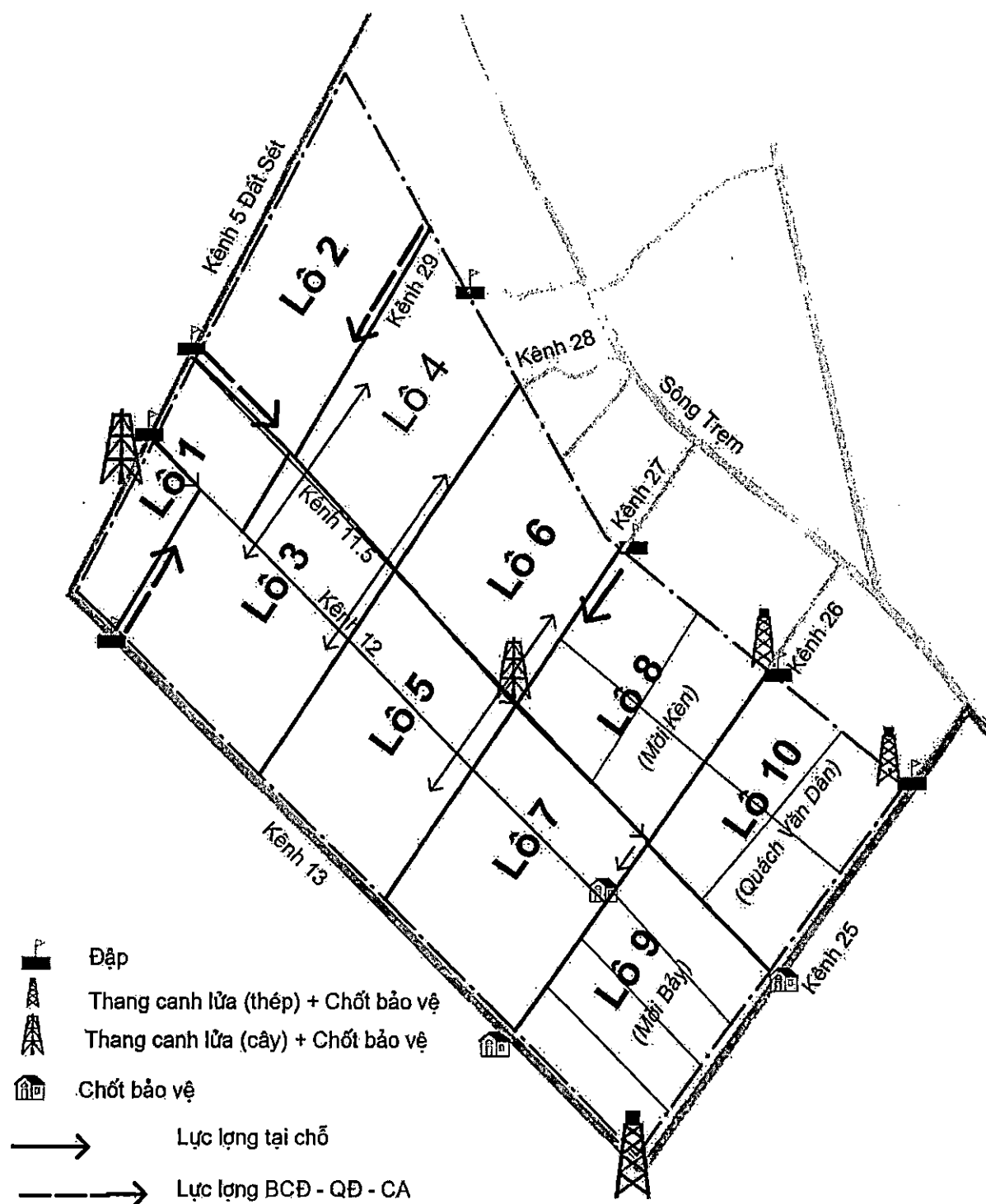
chữa cháy .



Sơ đồ 3: Bố trí lực lượng, phương tiện phòng cháy chữa cháy rừng tại khu vực giả định cháy tại lô 1 và lô 2, tiểu khu 34.

- Khi xảy ra cháy rừng lô 3, 4, 5, 6 và 7 thì điểm trực Kênh 27-11,5 là đơn vị chủ yếu có trách nhiệm điều động lực lượng tại chỗ chỉ huy vào điểm chủ yếu dọc theo tuyến kinh 11,5 và đi đến từng điểm cháy nếu có xảy ra. Doanh nghiệp Tư nhân Mười Kèn, Công ty TNHH Mười Bảy, Doanh nghiệp Tư nhân Quách Văn Dân và Công ty TNHH Thương mại Cửu Long Thành Minh huy động lực lượng tại chỗ và vận động hộ nhận khoán cùng tham gia chữa cháy. Nếu có cháy lớn huy

động lực lượng Công an, Quân đội và Ban chỉ đạo huyện di chuyển từ ngoài vào qua các vị trí cào là đầu kinh 29, Cúp 13, đầu kinh 11,5 giáp kinh Năm đất sét và vị trí cào đầu kinh 27.



Sơ đồ 4. Bố trí lực lượng, phương tiện phòng cháy chữa cháy rừng tại khu vực giả định cháy tại lô 4,5,6 và lô 7, tiểu khu 34.

- Khi xảy ra cháy rừng lô 8 do Doanh nghiệp Tư nhân Mười Kèn là đơn vị chủ công có trách nhiệm điều động lực lượng tại chỗ chỉ huy vào điểm chủ yếu. Khi xảy ra cháy lô 10 Doanh nghiệp Tư nhân Quách Văn Dân là đơn vị chủ công,

có trách nhiệm huy động lực lượng tại chỗ chỉ huy vào điểm chủ yếu. Điểm trực kênh 13-25 do Công ty TNHH Mười Bảy điều động lực lượng chỉ huy vào điểm chủ yếu thứ 2. Điểm trực Kênh 27-11,5 tham gia chữa cháy và điều động lực lượng tại chỗ toàn Tiểu khu và tăng cường lực lượng Công ty TNHH Thương mại Cửu Long Thành Minh tham gia cứu chữa dập tắt kịp thời.

- Khi xảy ra cháy lô 9 thì điểm trực kênh 25 cúp 13 do Công ty TNHH Mười Bảy chủ công có trách nhiệm điều động lực lượng tại chỗ tham gia chữa cháy và đồng thời báo cáo cho Ban quản lý rừng để chỉ đạo, bên cạnh đó điểm trực kênh 26 và kênh 27 – 11,5 điều động phương tiện chữa cháy.

- Khi xảy ra cháy lô 10 thì điểm trực kênh 25 cúp 13 do Doanh nghiệp Quách Văn Dân chủ công có trách nhiệm điều động lực lượng tại chỗ tham gia chữa cháy và đồng thời báo cáo cho Ban quản lý rừng để chỉ đạo, bên cạnh đó điểm trực kênh 26 và kênh 27 – 11,5 điều động phương tiện chữa cháy.

- Khi xảy ra cháy rừng ở bất cứ vị trí, khu vực nào trên toàn tiểu khu, phải huy động lực lượng tại chỗ kịp thời ứng cứu và tham gia chữa cháy, đồng thời báo cáo với Ban chỉ đạo huyện biết và chỉ huy chữa cháy.

lượng canh phòng ngăn chặn không cho cháy lan qua khu vực khác.

* Đối với Tiểu Khu 33 diện tích 1.373,1 ha

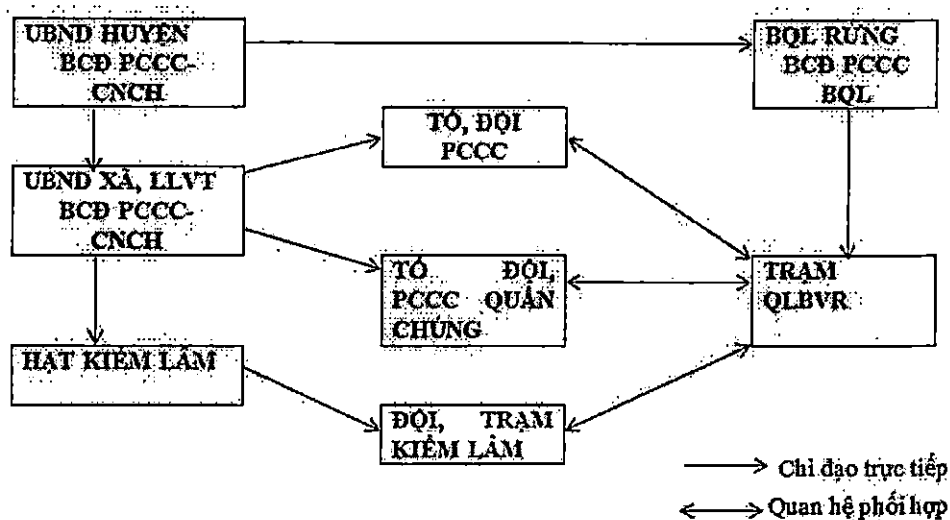
Đặc điểm khu rừng tiểu khu đã có hệ thống kênh bao xung quanh, Công ty cổ phần nhà máy Gỗ MDF Kiên Giang đã có hệ thống kênh phân lô 20 km trong rừng, chia khu vực tiểu khu ra 16 lô riêng biệt để phục vụ cho công tác PCCC rừng. Nếu xảy ra cháy bất cứ ở khu vực nào trong tiểu khu đều tập trung lực lượng, phương tiện tại 4 điểm trực cùng tham gia chữa cháy.

Khi xảy ra cháy bất cứ lô nào trong tiểu khu các tổ đội trực phát hiện thì phải báo động khẩn cấp cho các chốt trực toàn tiểu khu và thường trực Ban chỉ đạo PCCCR Huyện An Minh biết sau đó khẩn trương triển khai đội hình chữa cháy, trực tiếp chỉ huy và tham gia chữa cháy.

Khi xảy ra cháy rừng lô 1, điểm trực chốt 1 là đơn vị chủ công, trực tiếp chỉ huy lực lượng vào điểm chủ yếu. Điểm trực chốt 2 chỉ huy lực lượng vào điểm chủ yếu thứ 2. Điểm trực chốt 3 và chốt 4 chỉ huy lực lượng tập trung một số điểm còn lại.

Tương tự các điểm trực, khi phát hiện điểm cháy ở khu vực chốt nào thì chốt đó là đơn vị chủ yếu, các chốt còn lại tăng cường ứng cứu theo Phương án và do Ban chỉ đạo PCCC huyện An Minh chỉ đạo. (Công ty Cổ phần Gỗ MDF Kiên Giang có phương án PCCC riêng trình BCĐĐ PCCC huyện An Minh thẩm định)

2.2 Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy.



Sơ đồ 6. Hệ thống chỉ đạo, chỉ huy, phối hợp phòng cháy chữa cháy rừng.

Ngoài giả định cháy nhỏ, cháy lớn xảy ra đã có bố trí và triển khai lực lượng, phương tiện tại chỗ để chủ động áp dụng các biện pháp dập tắt đám cháy không cho cháy lan, các vị trí còn lại điều thể hiện trong sơ đồ kèm theo phương án và nếu có cháy xảy ra sẽ triển khai theo phương án đã được phê duyệt.

Ban quản lý rừng Kiên Giang chủ động thực hiện phương án, đặc biệt chú

trọng công tác phòng cháy là chính; đối với huyện An Minh lấy trạm Vân Khánh làm trung tâm điều hành khi mùa khô bắt đầu. Quán triệt sâu rộng phương án này tới từng hộ nhận khoán để thống nhất cùng nhau thực hiện. Ban quản lý rừng sẽ phối hợp chặt với Hạt Kiểm Lâm, chính quyền địa phương bám sát kế hoạch PCCCR của Ban chỉ đạo huyện An Minh để triển khai thật cụ thể trong địa bàn rừng phòng hộ xã Đông Hưng B, Vân Khánh và Vân Khánh Tây hàng tháng có báo cáo kết quả công tác PCCCR.

2.3. Báo cáo tình hình cháy rừng

Thực hiện Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT, ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp-PTNT. Chủ rừng kiểm tra, xác định diện tích thiệt hại, báo cáo nhanh về Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy rừng, qua đó đã xác định diện tích bị cháy 3 ha, mức độ thiệt hại 100%, do đó Ban quản lý rừng xây dựng kế hoạch xin vốn để trồng lại rừng theo quy định.

2.4. Khắc phục hậu quả do cháy rừng gây ra

Thực hiện theo Điều 52 của Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018. Ban quản lý rừng căn cứ vào kết quả báo cáo nhanh về Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy rừng, đưa ra các giải pháp phục hồi rừng. Do mức độ thiệt hại 100% cho nên xin chủ trương bố trí vốn để trồng mới trên diện tích bị cháy, loài cây tràm nước.

HUYỆN GIANG THÀNH

2. Đặc điểm của khu rừng

Có tổng diện tích rừng quản lý là 294,3 ha thuộc xã Vĩnh Phú, hệ sinh thái rừng tràm ngập nước, rừng trồng thuần loài 4 năm tuổi và 6 năm tuổi, thực bì phát triển mạnh mẽ.

Giáp ranh:

- Phía Đông giáp Kênh 9
- Phía Tây giáp Kênh 11
- Phía Nam giáp Kênh 2
- Phía Bắc giáp ruộng lúa của người dân

Dưới tán rừng có lớp than bùn tiềm tàng hình thành do thời gian phân hủy yếm khí của xác thực vật.

Giao thông của khu rừng chủ yếu bằng đường thủy, đây cũng là con đường chính để vận chuyển phương tiện PCCCR.

3. Những nguy cơ gây cháy rừng

Thực bì phát triển mạnh mẽ để lại vật liệu cháy dày, người dân vào rừng bắt ong lấy mật để lại tàn lửa nguy cơ cháy cao.

4. Thực trạng công tác phòng cháy và chữa cháy rừng

4.1. Thống kê tình hình cháy rừng trong vòng 5 năm, giai đoạn 2017 – 2021: không xảy ra cháy

4.2. Lực lượng PCCCR, phương tiện, thiết bị, công cụ PCCCR hiện có

1 tổ, 4 người, 03 võ máy, 2 máy dầu bơm nước, 2 máy phao chữa cháy và một số dụng cụ thô sơ. Trong khu vực có 1 chòi canh lửa.

4.3. Giải pháp PCCCR đang áp dụng

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức PCCCR
- Thường xuyên kiểm tra điều kiện an toàn PCCCR
- Xây dựng bản đồ số về các vùng trọng điểm tiềm ẩn nguy cơ xảy ra cháy lớn bao gồm: Nguồn nước, giao thông, hướng tiếp cận...
- Xây dựng phương án, diễn tập phương án PCCC rừng theo phương châm 4 tại chỗ
- Tăng cường công tác thường trực 24/24 giờ, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện

Phần II PHÒNG CHÁY RỪNG

1. Tổ chức lực lượng phòng cháy và chữa cháy rừng

- Số lượng thành viên phòng cháy chữa cháy rừng: 4 người
- Số người đã qua huấn luyện về phòng cháy và chữa cháy rừng: 2 người
- Số người thường trực trong phòng cháy và chữa cháy rừng: 4 người
- Ngoài ra, lực lượng tăng cường của xã Vĩnh Phú: 16 người

Danh sách tổ trực 24/24 giờ và phương tiện tại Tiểu khu 7, cụ thể như sau:

I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
1	Phạm Văn Nhân	Tổ trưởng	0834048562	Chỉ huy
2	Nguyễn Văn No	Tổ viên	0522337824	
3	Lực lượng hợp đồng	Tổ viên		
4	Lực lượng hợp đồng	Tổ viên		Hậu cần
II	Phương tiện, công cụ PCCCR	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Vỏ + máy	Bộ	03	
2	Máy dầu bơm nước	Cái	02	
3	Máy phao chữa cháy	Cái	02	
4	Vỏ máy lớn vận chuyển lực lượng	Bộ	1	
5	Dây chữa cháy	Cuộn	50	

- Quy chế hoạt động của tổ, đội PCCCR, người chỉ huy chữa cháy rừng và các thành viên: Bố trí nhân viên trong đơn vị tham gia tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy rừng, cập nhật kiến thức, trao dồi kinh nghiệm, nắm vững chiến thuật, đảm bảo an toàn trong lao động, trong công tác phòng chống cháy rừng trên địa bàn.

2. Các biện pháp phòng cháy rừng

2.1 Xác định thời gian dễ xảy ra cháy rừng trên địa bàn

Dựa vào tình hình thực tế trên địa bàn và qua tổng kết nhiều năm thì các tháng 3, 4, 5, 6 là những tháng cao điểm dễ xảy ra cháy rừng. Thời gian trong ngày được dự báo có nguy cơ cháy cao vào khoảng từ 11 giờ đến 16 giờ.

2.2. Xây dựng bản đồ, phân vùng trọng điểm rừng dễ bị cháy

Xã Vĩnh Phú huyện Giang Thành

2.3. Xây dựng dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng

Nguy cơ cháy rừng có thể xảy ra ở những nơi có vật liệu cháy nhiều như bông, Nang, đưng, dây leo... đơn vị sẽ có kế hoạch cắm bảng tuyên truyền cảnh cáo cháy rừng vào mùa khô.

2.4. Công tác tuyên truyền giáo dục công tác PCCCR

Vào mùa khô người dân hay đốt đồng, sẽ dễ lây lan cháy rừng, do đó thường xuyên tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến những người dân sống xung quanh rừng bằng các hình thức phát loa (1 đến 2 lần/tháng) vào những tháng cao điểm, xây dựng kế hoạch tuyên truyền, tổ chức họp dân...làm cho mọi người hiểu được lợi ích của rừng đối với đời sống của con người. Từ đó làm cho họ có ý thức trách nhiệm hơn trong việc quản lý bảo vệ rừng và PCCC rừng. Tổ chức tuyên truyền 1 cuộc, dự kiến kinh phí: 1.000.000 đồng

2.5. Huấn luyện và diễn tập chữa cháy rừng

Cử lực lượng tham gia tập huấn PCCCR do Ban chỉ đạo huyện tổ chức.

Số người tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC: 1 người

Số người tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ lần đầu: 3 người

2.6. Xây dựng và duy trì các công trình phòng cháy rừng

Đắp tất cả các con đập bị rò rỉ. Nghiêm cấm lấy nước trong rừng phục vụ cho công tác tưới tiêu và mục đích khác khi không được phép của cơ quan có thẩm quyền.

2.7. Xây dựng các giải pháp làm giảm nguồn vật liệu cháy phù hợp

Thực hiện phát dọn đường băng cản lửa làm giảm nguy cơ cháy lan là 1,5 km.
Dự kiến kinh phí: 1.500.000 đồng

2.8. Xây dựng và thực hiện phát hiện điểm cháy rừng

Nhằm phát huy nguồn nhân lực tại chỗ, đáp ứng kịp thời khi có tình huống xấu xảy ra. BQL rừng có kế hoạch ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng cho 01 người cho tại Chốt Vĩnh Phú.

3. Trang bị phương tiện và thiết bị phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng

STT	Phương tiện, thiết bị, công cụ PCCCR	Đơn vị	Số lượng
I	Phương tiện		
1	Vỏ máy	Cái	4
2	Máy dầu bơm nước	Cái	2
3	Máy phao chữa cháy	Cái	2
II	Dụng cụ		
1	Xô + thau	Cái	10
2	Dây chữa cháy	Cuộn	50

4. Kinh phí: 359.820.000 đồng (chi tiết phụ lục 1)

Phần III

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG CHÁY RỪNG

1. Tình huống xảy ra cháy rừng (Chủ rừng tự tổ chức chữa cháy)

Giả định tình huống cháy rừng, đám cháy rừng mới phát sinh xảy ra:

+ Đám cháy xảy ra trên địa bàn rừng tràm huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Thời gian: giờ G ngày N tháng N năm 2022
- Nguyên nhân: Người dân vào rừng lấy mật ong.
- Địa điểm phát sinh đám cháy trong lô rừng có mương bao quanh;
- Địa hình bằng phẳng, diện tích bị cháy khi phát hiện khoảng 300 m².

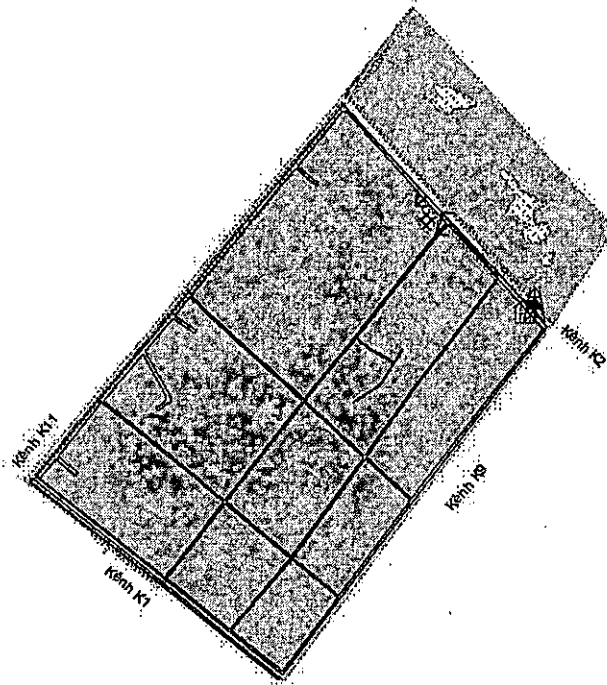
Diễn biến

Vào ngày giờ nêu trên, trên chòi quan sát, lực lượng trực phòng chống cháy rừng phát hiện khói phát ra trong khu vực rừng tràm thuộc rừng phòng hộ phạm vi quản lý, lập tức báo ngay cho viên chức phụ trách trạm kiểm tra, xác định đám khói và khẳng định đã xảy ra cháy rừng, sau đó lập tức thực hiện ngay các biện pháp như sau:

- Điều động lực lượng tại chỗ gồm 04 đồng chí, sử dụng phương tiện vũ máy vận chuyển trang thiết bị chữa cháy gồm: Máy chữa cháy, vòi chữa cháy, nhiên liệu, lều, xô....

- Trạm trưởng QLBV rừng báo Phó Giám đốc phụ trách về diễn biến đám cháy và chủ động phân công viên chức lo hậu cần phục vụ cho lực lượng chữa cháy.

Do phát hiện kịp thời, lực lượng tại chỗ cơ động nhanh, xác định đúng vị trí cháy, nên đám cháy được khống chế và dập tắt. Ban quản lý rừng tổng hợp kết quả chữa cháy báo cáo Ban chỉ đạo phòng chống cháy rừng. Thiệt hại của đám cháy không lớn, vật liệu cháy chủ yếu là Nặng, Bông bong, U du, dây leo... Biện pháp khắc phục là “Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên”



Ghi chú:

- Trạm QL BV rừng
- Chòi canh lửa
- Khu vực giả định cháy
- Hướng di chuyển phương tiện và lực lượng chữa cháy



Sơ đồ 1. Bố trí lực lượng, phương tiện PCCCR tại khu vực giả định cháy.

2. Phương án xử lý tình huống cháy phức tạp nhất

Vào G, ngày N trên chòi quan sát tại chốt trực tại Kênh K2, lực lượng trực phòng chống cháy rừng phát hiện khói phát ra từ Lô 11, Tiểu khu 7, khu vực rừng tràm 4 năm tuổi, lập tức kiểm tra, xác định đám khói và khẳng định đã xảy ra cháy rừng, sau đó lập tức thực hiện ngay các biện pháp như sau

2.1. Tổ chức triển khai chữa cháy rừng

- Tổ 1, điều động 4 lực lượng, phương tiện tại chỗ, lưu thông từ đầu kênh K2 thẳng vào rừng đến vị trí cháy để tiếp cận đám cháy và chữa cháy, nhưng do tốc độ gió thay đổi đột ngột và lực lượng chữa cháy ít nên diễn biến đám cháy diễn ra ngày càng phức tạp (diện tích bị cháy khoảng 1 ha) nên Tổ trưởng báo cáo ngay Phó Giám đốc phụ trách báo cáo ngay lập tức cho Hạt Kiểm lâm huyện và Chính quyền địa phương để được hỗ trợ thêm lực lượng, phương tiện đến khu vực cháy theo các hướng di chuyển như sau:

- Tổ 2 lực lượng Hạt kiểm lâm di chuyển đến khu vực cháy từ kênh K1 đến theo đường kênh phân lô khoảng cách khoảng 1.900m

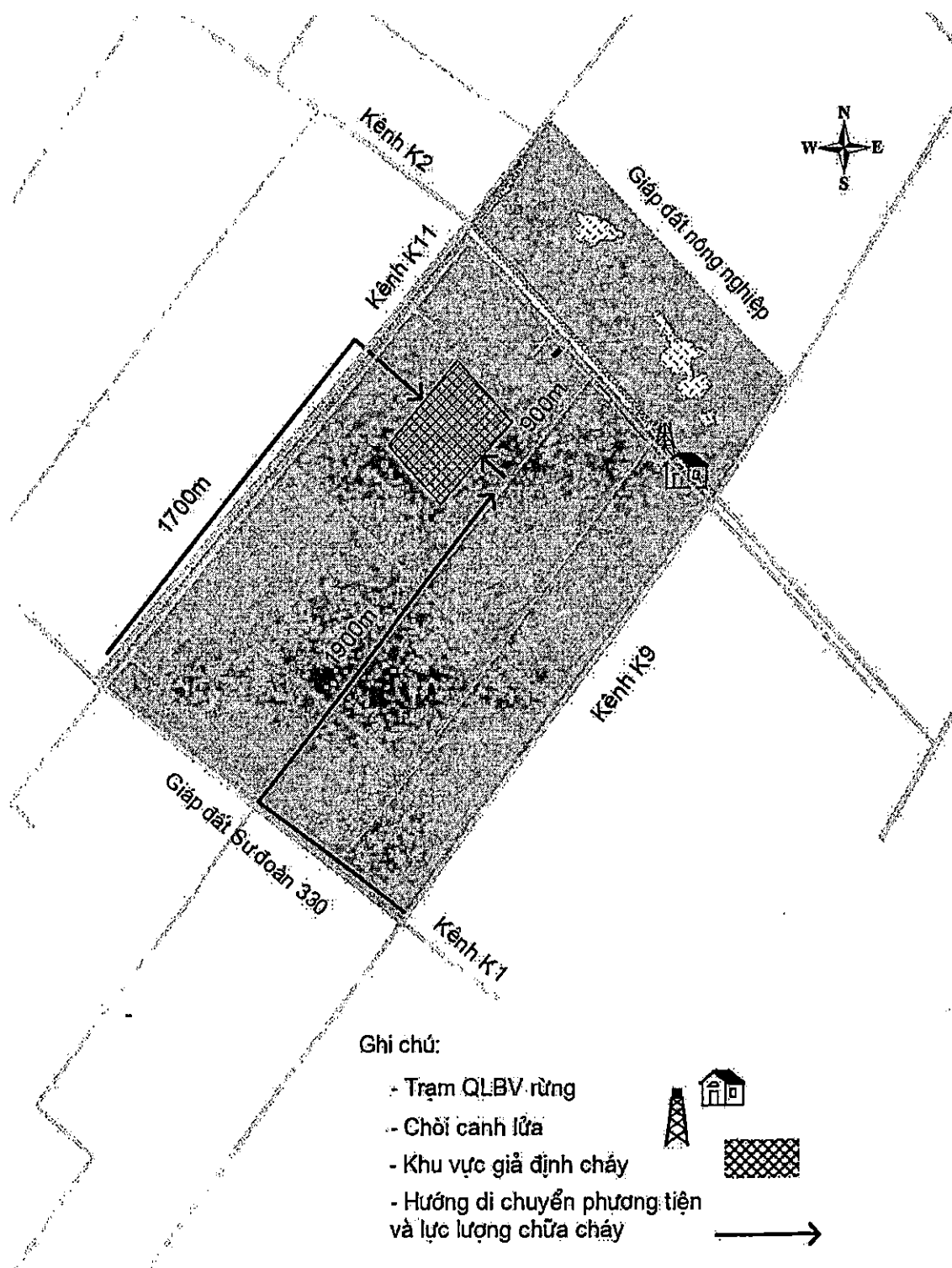
- Tổ 3 lực lượng của UBND xã Vĩnh Phú di chuyển đến khu vực cháy bằng đường kênh K11 khoảng cách di chuyển đến vị trí cháy khoảng 1.700m

Sau 02 giờ đồng hồ lực lượng tại chỗ và các lực lượng tăng cường đã dập tắt đám cháy. Diện tích thiệt hại khoảng 1 ha.

Sau khi đám cháy đã dập tắt hoàn toàn vẫn phải duy trì lực lượng tại chỗ tiếp tục kiểm tra và dập tắt dứt điểm các nơi còn cháy ngầm và các gốc cây còn cháy âm ỉ. Sau khi kết thúc việc chữa cháy tổ chức giữ nguyên hiện trường, báo cáo và phối hợp với các ngành chức năng để xác định nguyên nhân cháy, đề ra hướng xử lý, rút kinh nghiệm và khắc phục hậu quả vụ cháy rừng.

2.2 Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy

SƠ ĐỒ GIÃ ĐỊNH CHÁY RỪNG TRÀM HUYỆN GIANG THÀNH:



2.3. Báo cáo tình hình cháy rừng

Thực hiện Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT, ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp-PTNT. Chủ rừng kiểm tra, xác định diện tích thiệt hại, báo cáo nhanh

về Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy rừng, qua đó đã xác định diện tích bị cháy 3 ha, mức độ thiệt hại 100%, do đó Ban quản lý rừng xây dựng kế hoạch xin vốn để trồng lại rừng theo quy định.

2.4. Khắc phục hậu quả do cháy rừng gây ra

Thực hiện theo Điều 52 của Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018. Ban quản lý rừng căn cứ vào kết quả báo cáo nhanh về Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy rừng, đưa ra các giải pháp phục hồi rừng. Do mức độ thiệt hại 100% cho nên xin chủ trương bố trí vốn để trồng mới trên diện tích bị cháy, loài cây tràm nước.

HUYỆN KIÊN LƯƠNG

2. Đặc điểm của khu rừng

Huyện Kiên Lương tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 2.771,79 ha, gồm: Hệ sinh thái rừng thường xanh mưa ẩm nhiệt đới, có rừng phòng hộ đầu nguồn 1.003,68 ha; rừng ngập mặn ven biển là 732,4 ha, rừng đặc dụng 964,68 ha và rừng phòng hộ môi trường 71,03 ha. Rừng phòng hộ đầu nguồn, đặc dụng và môi trường của huyện nằm trên địa bàn 5 xã: Dương Hòa, Bình An, Bình Trị, Sơn Hải và Hòn Nghệ, những nơi này nằm trong vùng có nguy cơ cháy.

Trọng điểm phòng cháy chữa cháy rừng của huyện gồm có:

- Khu vực 1 xã Hòn Nghệ: Đã giao khoán 43 hộ với diện tích 165,87 ha, mỗi hộ gia đình được nhận khoán bình quân 0,6 ha đến 5 ha, về hiện trạng: Rừng trồng đã thanh lý sau cơn bão số 5 (1997), sau đó người dân nhận khoán trồng những cây bản địa, nông nghiệp để tăng gia sản xuất, lượng thảm thực bì ít do người dân thường xuyên lên vườn vệ sinh thảm thực vật, nguy cơ cháy là không cao.

- Khu vực 2 xã Sơn Hải: Đã giao khoán cho 127 hộ với diện tích 458,79 ha, ngoài 3 hòn Nhum, hòn Ngang và hòn Heo thì các hòn còn lại là cây tái sinh trên núi đất, cây không có giá trị kinh tế, đối với các hòn có người dân sống đất rừng không có thảm thực vật nhiều, khả năng cháy là thấp.

- Khu vực 3 Hòn Chông: Diện tích 964,68 ha rừng đặc dụng không giao khoán, nằm trên địa bàn 02 xã: Bình An và Bình Trị, hàng năm vào mùa khô vẫn thường xảy ra các vụ cháy rừng nhỏ lẻ ở vườn của các hộ nằm ở khu vực vùng đệm, về thực trạng: Đối với những khu vực được hộ dân trồng tiêu, cây ngăn ngày sẽ có nguồn nước tưới tiêu để giữ ẩm khả năng cháy là thấp. Tuy nhiên, đối với khu vực dân không canh tác, cây rừng tự nhiên nhiều, thảm thực vật nhiều khả năng cháy là cao, khu vực dễ cháy thường xảy ra ở Ba Trại, Bãi Giếng, Bình Đông nơi có dân cư sống xung quanh rừng thường bất cẩn dẫn đến cháy. Hệ sinh thái, hiện trạng rừng giống nhau, đa dạng, gồm: rừng gỗ lá rộng thường xanh (*rừng hỗn giao với nhiều loài cây như Huỳnh, Bời lời, Hộ pháp,...*), đất trống có cây gỗ tái sinh, rừng trồng Keo lai, rừng trồng Sao, Dầu.

Giao thông bên ngoài đến khu rừng: khu vực 3 đã có lộ nhựa chạy bao quanh khu rừng đi lại khá thuận lợi, tuy nhiên bên trong rừng chỉ có đường mòn người dân đi lại. Tuần tra đôi khi gặp nhiều khó khăn. Khu vực 1 và 2 đi lại rất khó khăn, nhất là việc vận chuyển phương tiện chữa cháy.

Thực bì phát triển mạnh vào mùa mưa từ tháng 7 đến tháng 12 như bông bong, cỏ hôi,... Một số cây bụi có tinh dầu khả năng bắt lửa khá cao, tầng thảm mục vùng ven rừng khá dày. Do chưa xây dựng được bể chứa nước PCCCR trên địa bàn, nguồn nước chữa cháy chủ yếu lấy từ giếng nước đào của hộ dân trong khu vực và vận chuyển từ xa đến.

3. Những nguy cơ gây cháy rừng

- Khu vực dễ cháy thuộc rừng đặc dụng Hòn Chông thuộc xã Bình An, Bình Trị. Nguy cơ cháy còn đến từ nguyên nhân mang tính tâm linh và tín ngưỡng như việc thả đèn trời; sử dụng lửa khi đi tảo mộ vào dịp Thanh minh - tháng 3 (âm lịch) hàng năm - thời gian cao điểm của mùa. Do lịch sử để lại người dân có mồ mả trong khu vực đồi núi có diện tích rừng được quy hoạch.

- Người dân vào rừng đốt nương rẫy lấy đất trồng trọt, dùng lửa bắt ong do bất cẩn có thể làm lửa cháy lan gây cháy rừng.

4. Thực trạng công tác phòng cháy và chữa cháy rừng

4.1. Thống kê tình hình cháy rừng trong vòng 5 năm, giai đoạn 2017 – 2021: không xảy ra cháy

4.2. Lực lượng PCCCR, phương tiện, thiết bị, công cụ PCCCR hiện có

Khu vực 1 xã Hòn Nghê: 01 Tổ 13 đồng chí tham gia, công cụ chữa cháy: 01 máy thổi gió, một số công cụ thô sơ.

Khu vực 2 xã Sơn Hải: 01 tổ, 12 người, công cụ chữa cháy: 12 máy thổi gió và một số công cụ thô sơ

Khu vực 3 Hòn Chông: gồm 1 Tổ, 9 thành viên, công cụ chữa cháy 02 máy thổi gió và một số công cụ thô sơ

4.3. Giải pháp PCCCR đang áp dụng

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức PCCCR: Hướng dẫn các chủ rừng, đồng bào các dân tộc thiểu số trong việc dọn nương rẫy tạo đường băng cản lửa đúng quy trình kỹ thuật; nghiêm cấm việc sử dụng lửa trong rừng và ven rừng, đồng thời không để người dân vào rừng đốt rừng làm rẫy.

- Thường xuyên kiểm tra điều kiện an toàn PCCCR

- Xây dựng bản đồ số về các vùng trọng điểm tiềm ẩn nguy cơ xảy ra cháy lớn bao gồm: Nguồn nước, giao thông, hướng tiếp cận...

- Xây dựng phương án, diễn tập phương án PCCC rừng theo phương châm 4 tại chỗ

- Tăng cường công tác thường trực 24/24 giờ, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện

Phần II

PHÒNG CHÁY RỪNG

1. Tổ chức lực lượng phòng cháy và chữa cháy rừng

- Số lượng thành viên phòng cháy chữa cháy rừng: Tổng số gồm 3 tổ, 34 người, cụ thể:

+ Khu vực 1: 13 người (lực lượng của xã)

+ Khu vực 2: 12 người (lực lượng của xã)
 + Khu vực 3: 9 người
 + Lực lượng còn lại 22 người tăng cường tại UBND 02 xã: Bình An và Bình Trị.

- Số người đã qua huấn luyện về phòng cháy và chữa cháy rừng: 29 người
- Số người thường trực trong phòng cháy và chữa cháy rừng: 34 người

Danh sách tổ trực 24/24 giờ và phương tiện tại khu vực 1, cụ thể như sau:

I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Túy	Tổ trưởng		Chỉ huy
2	Quách Thu Hoài	Thành viên		
3	Lâm Thị Thanh Thảo	Thành viên		
4	Cao Phú Trường	Thành viên		
5	Lâm Việt Thuần	Thành viên		
6	Nguyễn Đức Minh	Thành viên		
8	Huỳnh Thị Kim Tuyền	Thành viên		
9	Quách Lâm Châu Tuấn	Thành viên		
10	Đặng Văn Nam	Thành viên		
12	Nguyễn Minh Kha	Thành viên		
13	Lâm Phú Hữu	Thành viên		
II	Phương tiện, công cụ PCCR	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy thổi gió	Máy	01	
2	Bàn cào	Cái	15	
3	Chổi, dẽ	Cái	16	
4	Xô nước	Cái	20	

Danh sách tổ trực 24/24 giờ và phương tiện tại khu vực 2, cụ thể như sau:

I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
1	Lê Hoàng Khiêm	Tổ trưởng		Chỉ huy
2	Mai Hồng Tươi	Thành viên		
3	Võ Vũ Linh	Thành viên		
4	Lê Hoàng Thắng	Thành viên		
5	Lê Quốc Tú	Thành viên		
6	Huỳnh Hữu Nghĩa	Thành viên		
8	Đoàn Thiện Sang	Thành viên		
9	Nguyễn Văn Triều	Thành viên		
10	Trưởng ấp Hòn Heo	Thành viên		
12	Trưởng ấp Hòn Ngang	Thành viên		
II	Phương tiện, công cụ PCCR	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy thổi gió	Máy	01	
2	Bàn cào	Cái	12	
3	Chổi, dẽ	Cái	14	

4	Xô nước	Cái	14	
---	---------	-----	----	--

Danh sách tổ trực 24/24 giờ và phương tiện tại khu vực 3, cụ thể như sau:

I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Trí	Phó giám đốc	0918.267879	Chỉ huy
2	Đình Công Dương	Nhân viên	0918083338	
3	Người dân hỗ trợ			
4	Người dân hỗ trợ			
5	Người dân hỗ trợ			
6	Lê Thị Kim Anh	Nhân viên	0386621685	
7	Người dân hỗ trợ			
8	Người dân hỗ trợ			
9	Người dân hỗ trợ			
II	Phương tiện, công cụ PCCR	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy thổi gió	Máy	02	
2	Bàn cào	cái	24	
3	Chổi, dẽ	cái	27	
4	Xô nước	cái	30	
5	Can chứa nước	cái	10	
6	Máy bơm loại 5,5HP	máy	3	
7	Leng	cái	10	
8	Rửa	cái	5	
9	Thùng tưới	cái	8	

Tổ hậu cần phục vụ khu vực 3 (khi xảy ra cháy lớn)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công	Điện thoại
1	Trần Thị Thuý Trang	Nhân viên	Chỉ huy Công tác hậu cần	0985.224456
2	Nguyễn Thị Chiêu	Nhân viên	Phục vụ Công tác hậu cần	0986552557
3	Trần Thanh Ngân	Nhân viên	Đưa com đến các tổ tham gia chữa cháy	0914567724

- Quy chế hoạt động của tổ, đội PCCCR, người chỉ huy chữa cháy rừng và các thành viên: Mỗi tổ PCCCR gồm có tổ trưởng và các thành viên; tổ trưởng chịu trách nhiệm điều hành, huy động lực lượng, phương tiện, lên kế hoạch tuần tra, bố trí người trực thang trống, báo cáo tình hình PCCCR sau 15 giờ hằng ngày (bằng điện thoại hoặc bộ đàm...). Người chỉ huy chữa cháy phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm ở địa bàn ít nhất 5 năm, nắm toàn diện các vị trí trong khu vực PCCCR, phán đoán vị trí khi xảy ra cháy một cách chính xác để ra lệnh điều động kịp thời và hiệu quả. Đồng thời người chỉ huy phải giám sát lịch trực của các tổ, trang bị mỗi tổ đều có bộ đàm để thuận tiện cho công tác liên lạc.

2. Các biện pháp phòng cháy rừng

2.1 Xác định thời gian dễ xảy ra cháy rừng trên địa bàn

Qua tổng kết nhiều năm thì các tháng 3, 4, 5, 6 là những tháng cao điểm dễ xảy ra cháy rừng. Tuy nhiên diễn biến nguy cơ cháy rừng có sự thay đổi theo điều kiện thời tiết.

Thời gian trong ngày được dự báo có nguy cơ cháy cao vào khoảng từ 10 giờ đến 16 giờ.

2.2. Xây dựng bản đồ, phân vùng trọng điểm rừng dễ bị cháy

Rừng phòng hộ đồi núi và hải đảo thuộc xã Sơn Hải và Hòn Nghê thuộc huyện Kiên Lương, rừng đặc dụng Hòn Chông thuộc huyện Kiên Lương

(Có kèm theo phần cuối phương án).

2.3. Xây dựng dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng

Dự báo nguy cơ cháy rừng năm 2022 gồm ở các khu vực đường vào ấp Ba Trại (đoạn qua ngã ba Hòn Trẹm) và một phần trên đầu hồ nước ngọt Bình An, nguyên nhân dễ cháy: Đối với khu vực Ba Trại, đây là khu rừng có hệ thảm thực vật dày, cây rừng dây leo, cây bụi, hệ tự nhiên, ít tác động do đó nếu xảy ra cháy thì rất khó có thể chữa. Đối với khu vực đầu hồ nước ngọt, khu vực này người dân đi lại nhiều, dễ xảy ra cháy rừng do thói quen hút thuốc, cắm trại, ăn uống..

2.4. Công tác tuyên truyền giáo dục công tác PCCCR

- Tuyên truyền 4 cuộc, trong đó 01 cuộc tại xã Bình An, 01 cuộc tại xã Bình Trị, 01 cuộc tại xã Hòn Nghê và 01 cuộc tại xã Sơn Hải. Dự kiến kinh phí 1.000.000 đồng/cuộc.

- Xây dựng tổ, đội thường xuyên tuần tra canh gác: Tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra các điểm có nguy cơ cháy cao, chủ động tập trung nhân lực, phương tiện vào giờ cao điểm và những nơi có thực bì nhiều, nguy cơ cháy cao.

2.5. Huấn luyện và diễn tập chữa cháy rừng

Cử lực lượng tham gia cùng Ban chỉ huy PCCCR của huyện Kiên Lương để được huấn luyện và diễn tập.

Số người tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC: 29 người

Số người tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ lần đầu: 5 người

Tổ chức thực tập phương án PCCCR 1 lần/năm

2.6. Xây dựng và thực hiện phát hiện điểm cháy rừng

Các biện pháp phòng cháy rừng năm 2022 tập trung phòng là chính:

- Tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: Báo, đài truyền thanh, truyền hình hỗ trợ đưa tin, phát loa di động...

- Chuẩn bị phương tiện PCCCR đảm bảo chất lượng 100% phục vụ cho

phòng cháy chữa cháy.

- Xây dựng tổ, đội thường xuyên tuần tra canh gác: Cần phối hợp cùng lực lượng Kiểm lâm, UBND xã, ấp, có rừng kiện toàn tổ, đội phòng chống cháy rừng của địa phương, đáp ứng nhu cầu thực hiện nhiệm vụ chống chặt phá rừng và phòng chống cháy rừng trên từng địa bàn.

3. Trang bị phương tiện và thiết bị phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng Kiên Lương.

Tổng số phương tiện, thiết bị, công cụ PCCCR của Trạm Kiên Lương

Hiện có 03 máy bơm loại 5,5HP, 3 máy thổi hơi, 1 ống nhôm, 3 máy định vị, 04 bình inox phun sương và một số dụng cụ chữa cháy thô sơ khác.

STT	Phương tiện, thiết bị, công cụ PCCCR	Đơn vị	Số lượng
1	Máy bơm loại 5,5HP	Máy	3
2	Máy thổi hơi	Máy	3
3	Bình inox đeo vai	Bình	4
4	Thùng tưới	Thùng	8
5	Ống nhôm	Ống	1
6	Máy định vị (GPS)	Cái	3
7	Can nhựa đựng nước	Can	10
8	Bàn cào	Cái	5
9	Rựa	Cái	5
10	Xô + thau	Cái	12
11	Leng	Cái	10

5. Kinh phí: 64.825.000 đồng (chi tiết phụ lục 1)

Phần III

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ MỘT TÌNH HUỐNG CHÁY RỪNG

1. Tình huống xảy ra cháy rừng (*Chủ rừng tự tổ chức chữa cháy*)

Tình huống giả định: Đám cháy trên rừng đặc dụng Hòn Chông tại khu vực ấp Bãi Giếng, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian: Giờ G ngày N tháng N năm 2022

Nguyên nhân: Trẻ em lên rừng bẻ trái điều, nướng hạt.

Địa điểm phát sinh đám cháy: Cao so với mặt nước biển, khoảng 50 m, cách đường lộ khoảng 200 m, phía sau hồ nước ngọt Bình An; Đường tới địa điểm cháy là đường mòn, duy nhất;

Địa hình: Dốc khoảng 15°. Phán đoán ban đầu, đám cháy mới phát sinh, đám cháy nhỏ khoảng 60 m², có khả năng cháy lan lên trên sườn dốc. Tầng thảm thực

vật mỏng nhưng không đồng nhất, tốc độ lan rộng của đám cháy chậm.

Diễn biến

Trong quá trình tuần tra trên địa bàn rừng Đặc dụng Hòn Chông, tổ tuần tra phát hiện đám cháy thuộc địa bàn ấp Bãi Giếng, xã Bình An, huyện Kiên Lương. Tổ tuần tra lập tức báo cáo về Trạm QLBV rừng Kiên Lương, phó giám đốc phụ trách trực tiếp cận hiện trường.

Qua quan sát đánh giá hiện trường: Địa điểm phát sinh đám cháy cao so với mặt nước biển, khoảng 50 m, cách đường lộ khoảng 100 m, đường tới địa điểm cháy là đường mòn duy nhất; Địa hình dốc khoảng 15°. Phán đoán ban đầu, đám cháy mới phát sinh, đám cháy nhỏ khoảng 60 m², có khả năng cháy lan lên trên sườn dốc. Tầng thảm thực vật mỏng nhưng không đồng nhất, tốc độ lan rộng của đám cháy chậm. Tình hình đám cháy diễn ra không quá phức tạp, BQL rừng Kiên Giang chủ động thực hiện các biện pháp chữa cháy rừng tập trung nhân viên trạm Quản lý bảo vệ rừng Kiên Lương tiến hành dùng các công cụ PCCCR dập tắt và báo cáo lại.

Lực lượng và phương tiện di chuyển: Bằng 09 xe gắn máy, lực lượng bao gồm lực lượng Ban quản lý và người dân khu vực xung quanh hỗ trợ

Dụng cụ: Mang theo gồm có rựa, bàn cào, bình phun sương đeo vai, can đựng nước, cưa máy...

Chữa cháy: Nhận được sự chỉ đạo của Phó Giám đốc Ban quản lý rừng Kiên Giang, các thành viên trạm QLVR Kiên Lương đang có mặt tại hiện trường tiến hành các bước dập tắt đám cháy.

+ Khi đến hiện trường, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Phó giám đốc tham gia nhanh chóng quan sát tình hình, phác họa sơ đồ khu vực cháy, hướng gió, địa hình và đánh giá tình hình cháy. Đồng chí đưa ra phương hướng chữa cháy và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Trạm, kết hợp với xã huy động người dân cùng tham gia, tiếp cận địa điểm cháy, huy động phương tiện chữa cháy trong dân.

+ Hình thức dập lửa: dùng rựa chặt cành tươi để dập lửa; dùng rựa phát băng, dùng bàn cào thu gom thảm mục, xung quanh đám cháy, nhằm cô lập đám cháy. Sau khi cô lập đám cháy, dùng bình phun nước đeo vai phun sương nhằm dập tắt nguồn lửa phòng khả năng cháy lại và lan ra khu rừng. Trước khi rút lui, nhân viên Trạm kiểm tra lại hiện trường để đảm bảo đám cháy đã được hoàn toàn dập tắt.

+ Tính từ thời điểm phát hiện đám cháy đến lúc đám cháy được dập tắt hoàn toàn là 01 giờ.

Tổng hợp báo cáo kết quả: Sau khi đám cháy được khống chế và dập tắt, Ban quản lý rừng tổng hợp kết quả chữa cháy báo cáo Ban chỉ đạo phòng chống cháy

rừng. Thiệt hại của đám cháy không lớn, tầng lá khô và cây bụi hầu như bị phá hủy, cây gỗ gần như không bị ảnh hưởng.

Biện pháp khắc phục: “Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên”. Khoanh nuôi phục hồi rừng là hệ thống các biện pháp nhằm lợi dụng tối đa các quy luật tái sinh và diễn thế tự nhiên với sự can thiệp hợp lý của con người để trong khoảng thời gian nhất định phục hồi được những thảm rừng có giá trị kinh tế và sinh thái cao.

2. Phương án xử lý tình huống cháy phức tạp

Giả định tình huống cháy phức tạp nhất

Tình huống giả định: Đám cháy xảy ra trên địa bàn rừng đặc dụng Hòn Chông, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Thời gian: giờ G ngày N tháng N năm 2022

- Nguyên nhân: Người dân vào rừng chặt cây, vô ý gây cháy rừng

- Địa điểm phát sinh đám cháy trong khu vực rừng đặc dụng Hòn Chông thuộc ấp Ba Trại, xã Bình An, huyện Kiên Lương đám cháy cao so với mặt nước biển, khoảng 250 m, cách đường lộ khoảng 400 m, đường tới địa điểm cháy là đường mòn, duy nhất;

- Địa hình dốc khoảng 35°. Phán đoán ban đầu, đám cháy mới phát sinh, đám cháy khoảng 3000 m², có khả năng cháy lan lên trên sườn dốc. Tầng thảm thực vật dày đồng nhất, tốc độ lan rộng của đám cháy nhanh.

2.1 Tổ chức triển khai chữa cháy rừng

Giai đoạn 1: (Các chủ rừng và UBND xã) – Tổ 1

Trong khi đi tuần tra khu vực rừng đặc dụng Hòn Chông, tổ công tác QL BVR thuộc Trạm Quản lý BVR Kiên Lương, kiểm lâm địa bàn Kiên Lương phát hiện vị trí đám cháy tại khu vực rừng đặc dụng Hòn Chông thuộc ấp Ba Trại, xã Bình An, huyện Kiên Lương, nhân viên trực phòng cháy báo cáo về lãnh đạo trực ngày hôm đó và liên hệ với hạt Kiểm lâm Kiên Lương. Hạt Kiểm lâm báo về Ban chỉ đạo PCCC huyện Kiên Lương và những thông tin ban đầu của vụ cháy.

Hiện trạng rừng và thực bì: Vị trí cháy là thực bì khô, qua khảo sát ban đầu được xác định do người dân lên chặt hạ cây, hút thuốc vô ý gây ra cháy, nguy cơ cháy lan là rất cao. Lý do: Lớp thực bì khô và dày, ngọn lửa cháy không có khả năng cháy vượt tán, tốc độ lan của đám cháy khá nhanh, do đó cần phải có lực lượng đông để dập tắt.

Cách khoảng 500m từ đám cháy theo hướng Tây Nam có khoảng 7 giếng nước của người dân đang sinh hoạt đảm bảo nguồn nước để chữa cháy.

Lãnh đạo BQL rừng Kiên Giang hội ý và xác định đám cháy diễn ra khá phức tạp và có nhiều nguy cơ tiềm ẩn.

Sau khi khảo sát sơ bộ, Ban chỉ đạo PCCC do đồng chí hạt trưởng Kiểm lâm

Kiên Lương chỉ đạo phân công các đơn vị trực tiếp chuẩn bị lực lượng, phương tiện, dụng cụ PCCCR và cách tiếp cận vị trí cháy để thuận lợi cho việc dập tắt đám cháy. Để tiếp cận vị trí đám cháy, lực lượng PCCCR chia làm 03 tổ được xuất phát tại 03 vị trí khác nhau để thuận tiện cho việc tiếp cận đám cháy. Các thành viên cũng thống nhất nếu đám cháy có dấu hiệu phức tạp khó kiểm soát sẽ báo Ban Chỉ đạo PCCCR nhờ quân đội, công an hỗ trợ. Lực lượng hậu cần đảm nhận công tác chuẩn bị, phục vụ âm thanh, nước uống...

- Tổ 01: Do đồng chí Hạt trưởng hạt Kiểm lâm Kiên Lương tổ trưởng chỉ đạo trực tiếp trạm Quản lý Bảo vệ rừng Kiên Lương gồm 16 đồng chí (04 đồng chí BQL rừng, 02 đồng chí hạt Kiểm lâm, 10 đồng chí ở tổ, đội ấp Ba Trại, Hòn Trẹm), dụng cụ chữa cháy mang theo gồm có rựa, bàn cào, bình phun sương đeo vai, can đựng nước, cưa máy, bàn cào...

- Tổ 02: Do đồng chí Giám đốc BQL rừng Kiên Giang tổ trưởng chỉ đạo trực tiếp Hạt Kiểm lâm Kiên Lương gồm 12 đồng chí (04 đồng chí BQL rừng, 01 đồng chí hạt Kiểm lâm, 07 đồng chí ở tổ, đội ấp Hòn Chông, Bình Đông), dụng cụ chữa cháy gồm có rựa, bàn cào, bình phun sương đeo vai, can đựng nước, cưa máy...

- Tổ 03: Do đồng chí Chủ tịch UBND xã Bình An tổ trưởng chỉ đạo trực tiếp các tổ chức đoàn thể trong xã Bình An gồm 11 đồng chí Dụng cụ mang theo gồm có rựa, bàn cào, bình phun sương đeo vai, can đựng nước, cưa máy...

Sau khi đã phân công nhiệm vụ, vị trí dập, làm đường băng cản lửa, đốt trước có kiểm soát cụ thể từng tổ, các tổ đã xuất phát đến điểm cháy rừng.

Xác định hướng gió hiện tại là hướng Tây Nam đồng thời sử dụng nước chữa cháy là không khả thi, nên 03 tổ trưởng chỉ đạo các thành viên trong tổ phải dùng bình phun sương tưới cho ẩm thực bì, tiến hành dùng máy thổi, dẽ, máy cưa làm đường băng cản lửa không cho đám cháy cháy lan. Các tổ được bố trí ở 2 bên và trên đầu đám cháy.

Giai đoạn 2: (Ban Chỉ đạo PCCCR huyện Kiên Lương) – Tổ 2

Ban Quản lý rừng Kiên Giang báo cáo ngay tình hình cháy rừng đến Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy rừng của huyện Kiên Lương. Ban Chỉ huy PCCCR huyện Kiên Lương điều động: 20 lực lượng chỉ huy, phương tiện chữa cháy được huy động thêm gồm: 02 xe chữa cháy (01 Công an Phòng cháy, 01 nhà máy Holcim), lực lượng công an, Biên phòng...

Danh sách lực lượng và phương tiện của BCH PCCCR của huyện Kiên Lương

I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
1	Lê Thanh Hương	CT huyện	0939699099	Trưởng ban
2	Nguyễn Huy Chương	P. CA huyện		Phó ban

3	Phạm Thanh Dũng	Hạt trưởng		Phó ban
4	Trần Thanh Vân	Phó chỉ huy BCHQS		Thành viên
5	Lâm Hồng Thẩm	Tr.P TC-KH		Thành viên
6	Vũ Hữu Dự	Phó viện KSND		Thành viên
7	Nguyễn Hữu Phước	Tr.VH		Thành viên
II	Phương tiện, công cụ PCCR (tăng cường)	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Xe cứu hoả	Cái	02	Chất lượng tốt
2	Ổng chữa cháy các loại	Cuộn	50	//
3	Máy bộ đàm	Cái	4	//

Đảm bảo phương tiện, nhân lực, lực lượng tham gia chữa cháy đã sử dụng các công cụ chữa cháy, tìm nguồn nước, huy động nhân lực tại chỗ để tiến hành chữa cháy. Tuy nhiên, do thảm thực bì dày, gió mạnh nên đám cháy nhanh chóng bùng phát lớn và việc tiếp cận khó khăn, nên BCH PCCCR báo ngay cho Ban Chỉ đạo PCCCR của tỉnh.

Giai đoạn 3: (Ban Chỉ đạo PCCCR của tỉnh) – Tổ 3

Lực lượng và phương tiện chữa cháy do BCD tỉnh điều động (Cục kiểm lâm tỉnh hỗ trợ phương tiện chữa cháy).

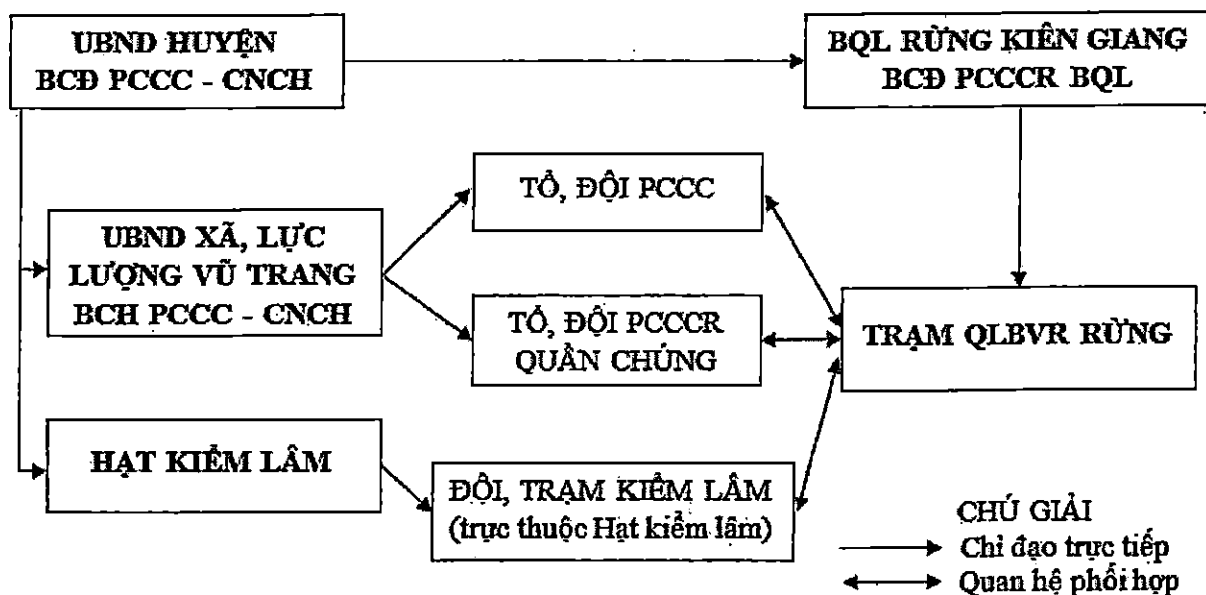
+ Điều động Chi cục Kiểm lâm; Cảnh sát phòng cháy chữa cháy các huyện lân cận; Trung đoàn 20 bố trí lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng, lập tức thành lập tổ chữa cháy, chia mỗi tổ từ 15-20 người có chỉ huy trực tiếp chỉ đạo.

+ Đến 15 giờ cùng ngày vẫn chưa dập tắt, diện tích cháy lan lớn, điều động thêm lực lượng của tỉnh đội vào tham gia chữa cháy.

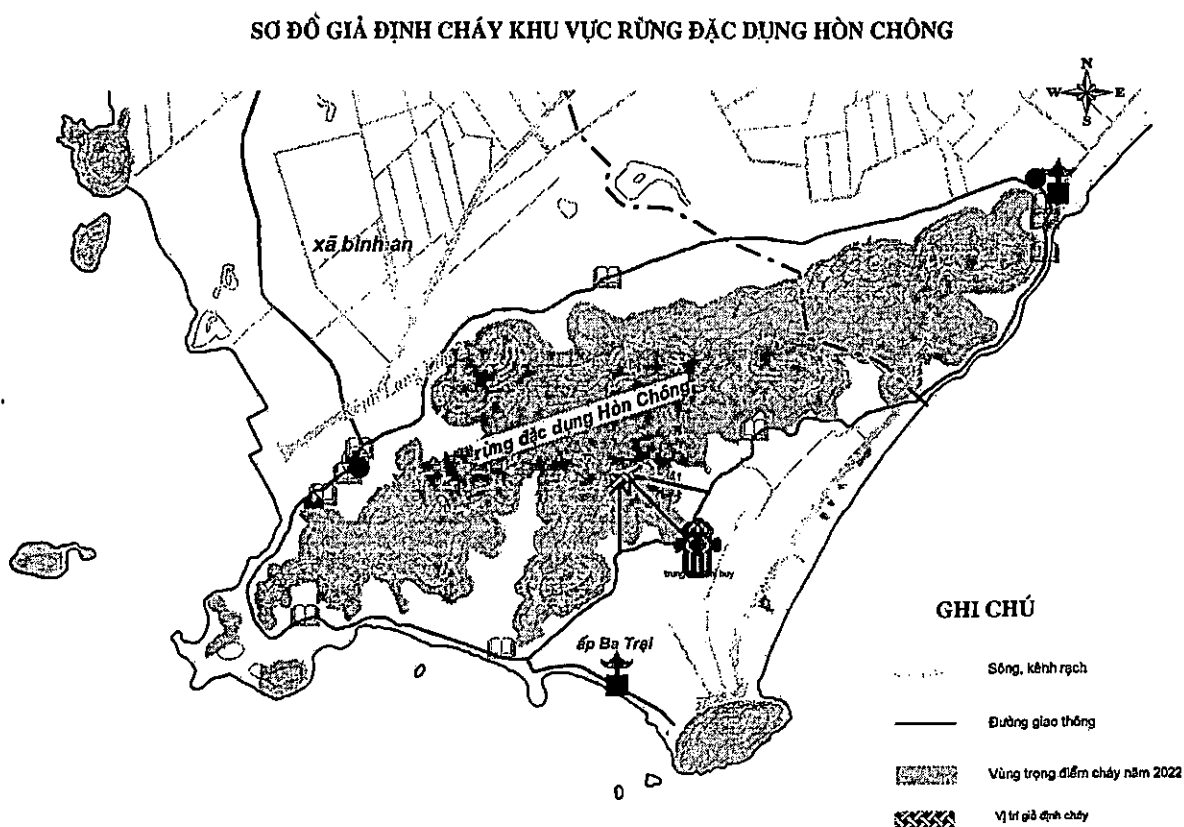
- Từ chốt trung tâm (ngoài lộ), Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy rừng của tỉnh đã tích cực chỉ huy, điều động lực lượng, phương tiện, đến 20 giờ cùng ngày ngọn lửa đã bị dập tắt.

- Tiếp tục chỉ đạo lực lượng kiểm tra, chữa ngùn trong đêm, đặc biệt ở những nơi còn bốc khói, còn có nguy cơ cháy lại, giữ nguyên hiện trạng gồm các phương tiện, lực lượng trong rừng, khi hết khói mới được rút ra khỏi rừng. Việc duy trì chữa ngùn 3 ngày mới kết thúc và được lệnh rút ra khỏi rừng.

2.2 Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy



Sơ đồ 01: Hệ thống chỉ đạo, chỉ huy, phối hợp phòng cháy chữa cháy rừng.



Sơ đồ 02: Bố trí lực lượng, phương tiện PCCCR tại khu vực giả định cháy.

2.3 Báo cáo tình hình cháy rừng

Trong quá trình chữa cháy, các tổ thường xuyên báo cáo về Ban chỉ đạo

PCCCR đề xin ý kiến về cách chữa, bổ sung phương tiện, hỗ trợ lực lượng qua lại thực tế đám cháy có diện tích 1ha, mức độ thiệt hại 100%, đa số cây đã bị cháy đen tỷ lệ tái sinh không cao, do đó cần phải có hướng trồng lại cho phù hợp theo quy định

2.4 Khắc phục hậu quả do cháy rừng gây ra

2.4.1. Tìm nguyên nhân và thủ phạm gây cháy rừng.

Tìm nguyên nhân cháy rừng là công việc cần phải có tính chuyên nghiệp cao, cần có những những cán bộ trong ngành có thâm niên, tay nghề và trình độ điều tra của ngành công an cơ bản để xác định nguyên nhân đám cháy.

Cần nắm bắt thông tin, để tìm ra nguyên nhân. Khi bắt quả tang người gây ra cháy rừng phải giữ ngay, sau đó chuyển giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định.

Đặc điểm khu vực là rừng đặc dụng, sau cháy diện rộng, xem xét khả năng tái sinh của khu vực mà thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả: Phục hồi rừng sau khi cháy bằng những giải pháp khoanh nuôi tái sinh tự nhiên kết hợp với trồng bổ sung và trồng lại rừng mới.

2.4.2. Khắc phục hậu quả

- Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên kết hợp với trồng bổ sung là giải pháp khoanh nuôi vừa dựa vào năng lực tái sinh tự nhiên. Biện pháp kỹ thuật được áp dụng vừa bảo vệ đối tượng khoanh nuôi, giải phóng và tạo điều kiện thuận lợi cho tái sinh tự nhiên vừa trồng thêm những loài cây có giá trị kinh tế cao. Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh kết hợp với trồng bổ sung thường được áp dụng ở những nơi điều kiện lập địa còn tốt, đối tượng khoanh nuôi đang ở giai đoạn tương đối phát triển nhưng mật độ cây tái sinh thấp.

- Phục hồi rừng sau cháy bằng trồng rừng mới: Tái sinh nhân tạo phục hồi rừng sau cháy là giải pháp trồng mới trên đất rừng đã bị cháy loài bản địa, cây gỗ lớn. Nội dung của tái sinh nhân tạo sau cháy rừng là thực hiện hệ thống các biện pháp kỹ thuật trồng rừng để phục hồi lại hệ sinh thái rừng ở nơi đã bị cháy.

THÀNH PHỐ HÀ TIÊN

2. Đặc điểm của khu rừng

Tổng diện tích đất rừng là 1.577,2 ha, gồm: Hệ sinh thái rừng thường xanh mưa ẩm nhiệt đới vùng đồi núi và hải đảo là 1.466,88 ha; hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển là 110,32 ha. Khu vực có khả năng cháy cao gồm: Rừng đồi núi và hải đảo của huyện nằm trên địa bàn 5 xã, phường: Tiên Hải, Mỹ Đức, Pháo Đài, Bình San, Thuận Yên, Tô Châu.

Địa hình manh mún, khó khăn trong việc tập trung lực lượng và phương tiện chữa cháy, khó khăn trong việc đầu tư công trình phòng cháy chữa cháy tại địa phương. Nguồn nước chữa cháy lấy từ giếng nước của người dân sống trong khu vực.

Chủ yếu là rừng lá rộng thường xanh, đặc điểm quy hoạch rừng đồi núi ở địa bàn thành phố Hà Tiên từ ranh giới quy hoạch đất rừng phòng hộ, hiện tại có một số lượng lớn hộ dân sinh sống, sản xuất nông nghiệp, trồng cây ăn trái, làm vườn và việc chôn cất làm mồ, mã tiếp giáp liền kề với rừng. Mặt khác trong những năm gần đây tình hình kinh tế - xã hội của thành phố phát triển, nhiều con đường giao thông được hình thành theo ven rừng và xuyên qua rừng phục vụ cho công tác quốc phòng và kinh tế - xã hội, từ đó đã hình thành nhiều cửa rừng, nhiều cụm dân cư sống rải rác ven rừng. Phần lớn người dân ở các xã, phường tiếp cận với rừng sống bằng nghề nông, mức thu nhập thấp, các hoạt động sản xuất, sinh hoạt hàng ngày của người dân đều tác động trực tiếp tới rừng, đây là nguy cơ dễ xảy ra cháy rừng trong các tháng mùa khô mà chúng ta rất khó kiểm soát. Đặc biệt rừng lá rộng thường xanh là đối tượng chính của việc cháy rừng.

3. Những nguy cơ gây cháy rừng

Giao thông đi lại khó khăn, trình độ dân trí thấp (chủ yếu là người dân tộc Khơ Me), nghề nghiệp chủ yếu là làm biển, làm vườn, rất khó cho công tác huy động chữa cháy nếu xảy ra. Người dân có thói quen đi rừng làm vườn giáp với đất địa phương quản lý (sổ đỏ) xen kẽ theo từng địa hình. Việc khách du lịch đến Hà Tiên tham quan còn đi nhỏ lẻ và vào các quán ven rừng do người dân tự lập để phục vụ nhu cầu khách ngày càng nhiều, đây là nguy cơ có tiềm ẩn trong PCCCR vào mùa khô.

4. Thực trạng công tác phòng cháy và chữa cháy rừng

4.1. Thống kê tình hình cháy rừng trong vòng 5 năm, giai đoạn 2017 – 2021: không xảy ra cháy

4.2. Lực lượng PCCCR, phương tiện, thiết bị, công cụ PCCCR hiện có

1 tổ 3 người trực tại Trạm QL BV rừng Hà Tiên, phương tiện và thiết bị chi tiết tại phần II mục 3

4.3. Giải pháp PCCCR đang áp dụng

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức PCCCR
- Thường xuyên kiểm tra điều kiện an toàn PCCCR
- Xây dựng bản đồ số về các vùng trọng điểm tiềm ẩn nguy cơ xảy ra cháy lớn bao gồm: Nguồn nước, giao thông, hướng tiếp cận...
- Xây dựng phương án, diễn tập phương án PCCC rừng theo phương châm 4 tại chỗ
- Tăng cường công tác thường trực 24/24 giờ, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện

Phần II

PHÒNG CHÁY RỪNG

1. Tổ chức lực lượng phòng cháy và chữa cháy rừng

- Số lượng thành viên phòng cháy chữa cháy rừng: 3 người
- Số người đã qua huấn luyện về phòng cháy và chữa cháy rừng: 2 người
- Số người thường trực trong phòng cháy và chữa cháy rừng: 3 người
- Lực lượng tăng cường khi có cháy rừng xảy ra:
 - Ban chỉ đạo PCCC&CNCH thành phố Hà Tiên gồm: 24 thành viên.
 - Ban chỉ huy PCCC&CNCH, BVR cấp xã, phường gồm: 105 thành viên.
 - Cấp xã, phường và ấp, khu phố có 27 tổ, đội gồm có: 150 lực lượng, cụ thể như sau:
 - + Ban chỉ huy PCCC&CNCH, bảo vệ rừng phường Mỹ Đức 30 đồng chí; 04 tổ, đội PCCCR có 31 lực lượng tham gia.
 - + Ban chỉ huy PCCC&CNCH, bảo vệ rừng phường Pháo Đài 16 đồng chí; 01 tổ, đội PCCCR có 20 lực lượng tham gia.
 - + Ban chỉ huy PCCC&CNCH, bảo vệ rừng phường Bình San 14 đồng chí; 01 tổ, đội PCCCR có 06 lực lượng tham gia.
 - + Ban chỉ huy PCCC&CNCH, bảo vệ rừng xã Thuận Yên 15 đồng chí; 05 tổ, đội PCCCR có 31 lực lượng tham gia.
 - + Ban chỉ huy PCCC&CNCH, bảo vệ rừng phường Tô Châu 16 đồng chí; 01 tổ, đội PCCCR có 12 lực lượng tham gia.
 - + Ban chỉ huy PCCC&CNCH, bảo vệ rừng xã Tiên Hải 14 đồng chí; 05 đội PCCCR có 50 lực lượng tham gia.

Danh sách tổ trực 24/24 giờ và phương tiện tại Trạm QLBV rừng Hà Tiên, cụ thể như sau:

I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
1	Võ Thanh Tú	Trạm trưởng	0919.068.393	Chỉ huy
2	Thị Thúy	Thành viên	0706.363.880	
3	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên	0348.734.871	

- Quy chế hoạt động của tổ, đội PCCCR, người chỉ huy chữa cháy rừng và các thành viên: Mỗi tổ PCCCR gồm có tổ trưởng và các thành viên; tổ trưởng chịu trách nhiệm điều hành, huy động lực lượng, phương tiện, lên kế hoạch tuần tra, bố trí người trực thang trống, báo cáo tình hình PCCCR sau 15 giờ hằng ngày (bằng điện thoại hoặc bồ đàm...). Người chỉ huy chữa cháy phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm ở địa bàn ít nhất 5 năm, nắm toàn diện các vị trí trong khu vực PCCCR, phán đoán vị trí khi xảy ra cháy một cách chính xác để ra lệnh điều động kịp thời và hiệu quả. Đồng thời người chỉ huy phải giám sát lịch trực của các tổ, trang bị mỗi tổ đều có bộ đàm để thuận tiện cho công tác liên lạc.

2. Các biện pháp phòng cháy rừng

2.1 Xác định thời gian dễ xảy ra cháy rừng trên địa bàn

Qua tổng kết nhiều năm thì các tháng 3, 4, 5, 6 là những tháng cao điểm dễ xảy ra cháy rừng. Tuy nhiên diễn biến nguy cơ cháy rừng có sự thay đổi theo điều kiện thời tiết.

Thời gian trong ngày được dự báo có nguy cơ cháy cao vào khoảng từ 10 giờ đến 16 giờ.

2.2. Xây dựng bản đồ, phân vùng trọng điểm rừng dễ bị cháy

- Phường Bình San: Gồm núi Bình San, núi Đê Liêm.
- Phường Pháo Đài: Gồm các núi Giếng Tượng, Xóm giữa, Dùm Trua, Xóm Eo, Tà Lu, Tà Pang, Đền Rọi, Ông Doãn.
- Phường Tô Châu: Gồm các núi Tiểu Tô Châu, Đại Tô Châu.
- Phường Mỹ Đức: Gồm các núi Địa Tạng, Thạch Động, Sa Kỳ, Bà Lý.
- Xã Thuận Yên: Gồm các núi Bào Sen, Lãng Ông, Núi Đông, Núi Nhọn, Núi Đồng, Xoa Áo, núi Ông Cọp.
- Xã Tiên Hải: Gồm Hòn Tre, Hòn Đước, Hòn Giang.

(Có kèm theo sơ đồ).

2.3. Xây dựng dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng

Với hệ sinh thái rừng lá rộng thường xanh đặc điểm phân bố trên các đồi núi, khi xảy ra cháy việc cứu chữa rất khó khăn do địa hình và nguồn nước quanh chân núi cạn kiệt.

2.4. Công tác tuyên truyền giáo dục công tác PCCCR

Hà Tiên 4 cuộc, trong đó: 02 cuộc tại phường Mỹ Đức và 01 cuộc tại phường

Pháo Đài, 01 cuộc cho xã đảo Tiên Hải. Dự kiến kinh phí 1.000.000 đồng/cuộc.

2.5. Huấn luyện và diễn tập chữa cháy rừng

Cử lực lượng tham gia cùng Ban chỉ huy PCCCR của UBND TP Hà Tiên để được huấn luyện và diễn tập.

Số người tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC: 2 người

Số người tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ lần đầu: 1 người

2.6. Xây dựng và duy trì các công trình phòng cháy rừng

Đường băng trắng, đường băng xanh cản lửa, băng cấm lửa, vận động các hộ nhận khoán vệ sinh sạch thực bì trong lâm phần mình quản lý.

2.7. Xây dựng các giải pháp làm giảm nguồn vật liệu cháy phù hợp

Thông báo cho các tổ chức và cá nhân nhận khoán tiến hành dọn vệ sinh rừng và thực hiện việc đốt trước có kiểm soát ở những nơi có thể thực hiện được.

Phát dọn đường băng cản lửa 2 km. Dự kiến kinh phí: 4.000.000 đồng

2.8. Xây dựng và thực hiện phát hiện điểm cháy rừng:

Các biện pháp phòng cháy rừng năm 2022 tập trung phòng là chính:

- Tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: Báo, đài truyền thanh, truyền hình hỗ trợ đưa tin, phát loa di động...

- Chuẩn bị phương tiện PCCCR đảm bảo chất lượng 100% phục vụ cho phòng cháy chữa cháy.

- Xây dựng tổ, đội thường xuyên tuần tra canh gác: Cần phối hợp cùng lực lượng Kiểm lâm, UBND xã, ấp, có rừng kiến toàn tổ, đội phòng chống cháy rừng của địa phương, đáp ứng nhu cầu thực hiện nhiệm vụ chống chặt phá rừng và phòng chống cháy rừng trên từng địa bàn.

3. Trang bị phương tiện và thiết bị phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng

Chủ yếu sử dụng trang thiết bị của Hạt Kiểm lâm thành phố Hà Tiên và của UBND phường Pháo Đài

Tổng số phương tiện, thiết bị, công cụ PCCCR của Hạt Kiểm lâm và TP Hà Tiên gồm:

STT	Phương tiện, thiết bị, công cụ PCCCR	Đơn vị	Số lượng
1	Xe chữa cháy chuyên nghiệp	Chiếc	2
2	Xe tải chở lực lượng	Chiếc	2
3	Máy bơm chuyên dùng	Máy	3
4	Dây chữa cháy	mét	400
5	Máy bơm áp lực	máy	3
6	Máy thổi gió	Máy	9

7	Bình xịt inox	Cái	10
8	Máy xịt áp lực	Cái	1
9	Bình bơm bằng điện đeo vai dung tích 20lit	Cái	3
10	Bồn chứa nước 200 lít	Cái	3
11	Bộ đàm	Cái	5
12	Quạt dập lửa sắt	Cái	40
13	Cal đựng nước	Cái	226
14	Dao + Liềm	Cây	101

4. Kinh phí: 154.420.000 đồng (chi tiết phụ lục 1)

Phần III

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG CHÁY RỪNG

1. Tình huống xảy ra cháy rừng (*chủ rừng tự tổ chức chữa cháy*)

- + Đám cháy xảy ra trên địa bàn phường Pháo Đài, tỉnh Kiên Giang.
- Thời gian: giờ G ngày N tháng N năm 2022
- Nguyên nhân: chưa xác định
- Địa hình đồi núi dốc, diện tích bị cháy khi phát hiện khoảng 200 m².

Diễn biến

Nhận được tin báo cháy của người dân, viên chức trực cháy lập tức báo ngay cho Trạm trưởng trạm QLBRV Hà Tiên, sau đó lập di chuyển ngay đến hiện trường nơi xảy ra cháy thực hiện các biện pháp như sau:

- Điều động lực lượng tại chỗ gồm 03 đồng chí, di chuyển bằng đường bộ vận chuyển trang thiết bị chữa cháy gồm: lều, xô, máy thổi gió....
- Trạm trưởng QLBRV rừng báo Phó Giám đốc phụ trách về diễn biến đám cháy.

Do phát hiện kịp thời, lực lượng tại chỗ cơ động nhanh, xác định đúng vị trí cháy, có sự hỗ trợ của người dân nên đám cháy được khống chế và dập tắt. Ban quản lý rừng tổng hợp kết quả chữa cháy báo cáo Ban chỉ đạo phòng chống cháy rừng. Thiệt hại của đám cháy không lớn, biện pháp khắc phục là “Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên”, kết hợp trồng bổ sung.

2. Phương án xử lý tình huống cháy phức tạp nhất

Giả định tình huống cháy phức tạp nhất

Tình huống giả định: Do người dân đi làm vườn, rẫy giáp đất rừng sơ ý gây ra cháy lan sang rừng, tại khu vực đồi dốc cao, không có nước, lối mòn, tại xóm giữa, khu phố II phường Pháo Đài, thành phố Hà Tiên.

- Thời gian: giờ G ngày N tháng N năm 2022

- Nguyên nhân: Người dân dọn rẫy vô ý gây cháy lan vào rừng

2.1 Tổ chức triển khai chữa cháy rừng

Nắm được thông tin từ địa bàn, người dân cấp báo, phát hiện cháy rừng, Trạm Hà Tiên báo cáo ngay về lãnh đạo đơn vị, đồng thời báo ngay cho Hạt Kiểm lâm Hà Tiên, UBND phường pháo đài để được hỗ trợ, huy động các tổ đội phòng chống cháy rừng trên địa bàn và người dân sống trên địa bàn tham gia chữa cháy.

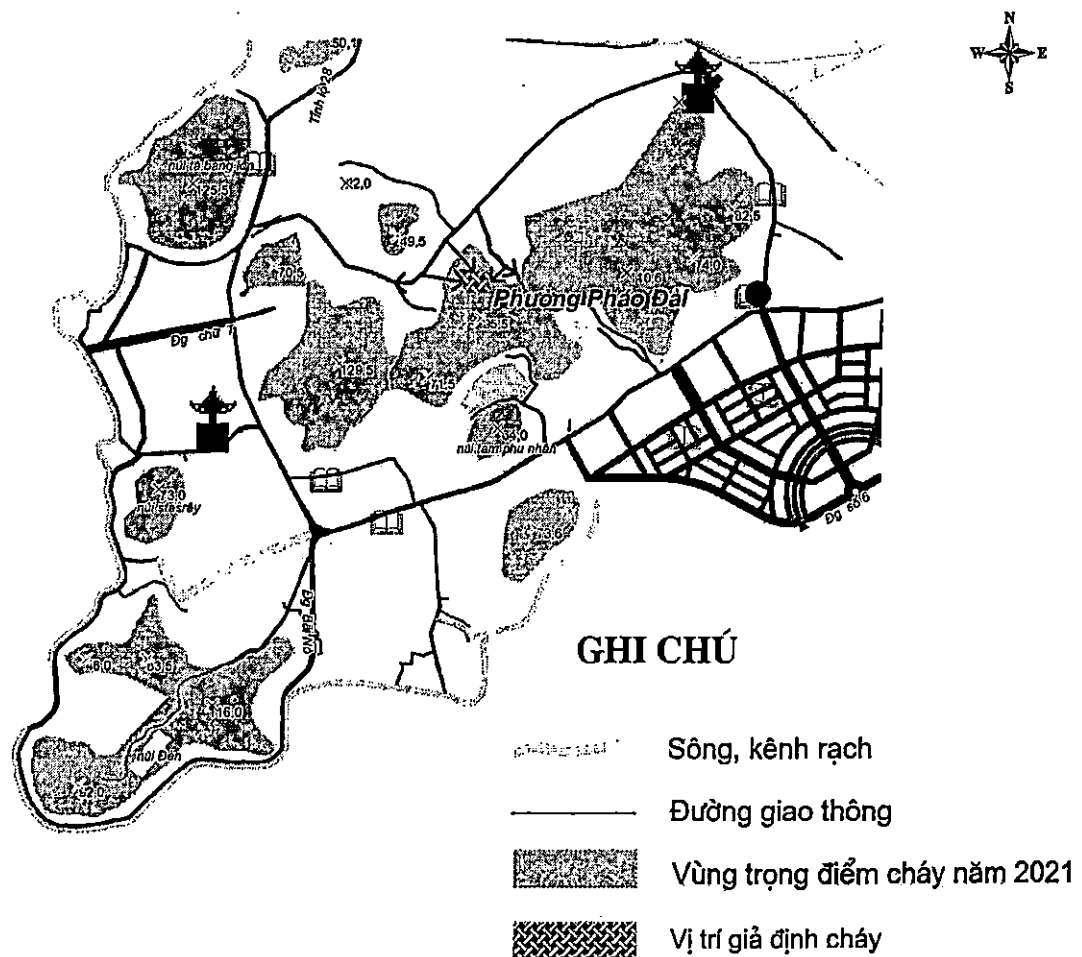
Đánh giá nhanh hướng gió, mức độ cháy, lực lượng tại chỗ, huy động động lực lượng chữa cháy (người dân sống trên địa bàn) và tiến hành dập lửa bằng các biện pháp thô sơ như: phát đường băng hạn chế lửa, dùng gậy, chà cây, bình xịt nước đeo vai (18 lít), máy thổi gió tiến hành làm hạn chế dần ngọn lửa.

Do thảm thực bì nhiều, gió mạnh nên đám cháy nhanh chóng bùng phát lớn và việc tiếp cận khó khăn, nên giám đốc Ban quản lý rừng điều động thêm lực lượng của đơn vị tăng cường thêm từ Trạm quản lý bảo vệ rừng Kiên Lương và Trạm quản lý bảo vệ rừng ven biển Hòn Đất gồm 4 lực lượng và 02 máy thổi hơi. Chỉ đạo kỹ thuật lập tức vẽ sơ đồ vị trí cháy, khoanh rõ vùng cháy, hướng đi, hướng gió, hướng có nguy cơ bị cháy lan, để chủ động phát cho chỉ huy từng tổ chỉ đạo thực hiện và lập tức báo cáo đến ban chỉ huy phòng cháy chữa cháy rừng của tỉnh để xin ý kiến chỉ đạo. Sắp xếp công tác hậu cần phục vụ cho chữa cháy.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của Ban chỉ đạo, cùng ngày đám lửa được dập tắt.

2.2. Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy

SƠ ĐỒ GIẢ ĐỊNH CHÁY KHU VỰC TP. HÀ TIÊN



Sơ đồ 1. Bố trí lực lượng, phương tiện phòng cháy chữa cháy rừng tại khu vực giả định cháy.

2.3. Báo cáo tình hình cháy rừng

Thực hiện Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT, ngày 27 tháng 12 năm 2019 của BNNPTNT. Chủ rừng kiểm tra, xác định diện tích thiệt hại, báo cáo nhanh về Ban chỉ đạo PCCCR, qua đó đã xác định diện tích bị cháy không lớn, giải pháp phục hồi là khoanh nuôi sức tiến tái sinh tự nhiên.

2.4. Khắc phục hậu quả do cháy rừng gây ra

Thực hiện theo Điều 52 của Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018. Ban Quản lý rừng căn cứ vào kết quả báo cáo nhanh về Ban chỉ đạo PCCCR, đưa ra các giải pháp phục hồi rừng. Do mức độ thiệt hại 100% cho nên xin chủ trương bố trí vốn để trồng mới trên diện tích bị cháy, loài cây Sao, Dầu.

HUYỆN KIÊN HẢI

2. Đặc điểm của khu rừng

Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp của huyện là 1.275,17 ha. Đặc trưng của khu vực là hệ sinh thái rừng thường xanh mưa ẩm nhiệt đới vùng đồi núi và hải đảo. Địa hình chia cắt, dốc lập trên biển, đỉnh cao nhất là 395 m và thực vật chủ yếu là đất trống có cây gỗ rải rác. Hiện tại khu vực này đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ giao khoán cho hộ dân, rừng nơi đây thuộc trạng thái rừng 1C, rừng có nhiều cây lâu năm mọc xen kẽ như: xoài, dừa, mít...do nơi đây là địa hình đồi núi cho nên vào mùa khô thì hầu như nguồn nước rất khan hiếm, một số hộ dân tranh thủ dọn cỏ và gom đống lại để đốt nên dễ xảy ra cháy rừng.

Giao thông bên trong khu rừng: đi bằng đường bộ

Giao thông bên ngoài đến khu rừng (đi bằng đường thủy): Di chuyển trong khu vực chủ yếu bằng tàu, khó khăn trong vận chuyển máy chữa cháy, tốn kém tiền bạc và thời gian.

3. Những nguy cơ gây cháy rừng

Các hoạt động du lịch diễn ra tự phát và các dự án phát triển du lịch sinh thái, tập trung số lượng người nhất định sinh hoạt ven rừng tạo ra những nguy cơ cháy rừng tiềm ẩn.

4. Thực trạng công tác phòng cháy và chữa cháy rừng

4.1. Thống kê tình hình cháy rừng trong vòng 5 năm, giai đoạn 2017 – 2021: không xảy ra cháy

4.2. Lực lượng PCCCR, phương tiện, thiết bị, công cụ PCCCR hiện có

Xã Lại Sơn chia làm 4 khu vực: lực lượng PCCCR của Ban quản lý có 3 thành viên

- Ấp Bãi Bắc: gồm 13 thành viên, 01 máy bơm 5,5H và 04 cuộn ống dây, xăng dự phòng 20 lít.

- Ấp Thiên Tuế: gồm 10 thành viên, 01 máy xịt đeo vai và 10 can nước.

- Ấp Bãi Nhà A: gồm 11 thành viên, 01 máy thổi đeo vai và 20 lít xăng.

- Ấp Bãi Nhà B: gồm 8 thành viên, 01 máy bơm 5,5H và 04 cuộn ống dây, xăng dự phòng 20 lít

Xã An Sơn chia làm 3 khu vực, lực lượng PCCCR của Ban quản lý có 2 thành viên

- Ấp Cù Tron: 1 tổ gồm 13 thành viên, 01 máy bơm 5,5H và 05 cuộn ống dây, xăng 01 can 20 lít

- Ấp An Cư: 1 tổ gồm 10 thành viên, 01 máy thổi gió và 01 can xăng 20 lít

- Ấp Bãi Ngự: 1 tổ gồm 09 thành viên, 01 máy bơm 5,5 H và 20 lít xăng

Xã Hòn Tre chia làm 2 khu vực, lực lượng PCCCR của Ban quản lý có 2 thành viên

- Ấp 1: 1 tổ gồm 15 thành viên, 01 máy bơm 5,5H và 04 cuộn ống dây, xăng dự phòng 20 lít

- Ấp 2: 1 tổ gồm 08 thành viên, 01 máy thổi gió và 01 can xăng 20 lít

Xã Nam Du chia làm 3 khu vực, lực lượng PCCCR của Ban quản lý có 2 thành viên

- Ấp An Bình: 1 tổ gồm 09 thành viên, 01 máy bơm 5,5H và 05 cuộn ống dây, xăng 01 can 20 lít

- Ấp An Phú: 1 tổ gồm 07 thành viên, 01 máy thổi gió và 01 can xăng 20 lít

- Ấp Hòn Mấu: 1 tổ gồm 06 thành viên, 01 máy bơm 5,5 H và 20 lít xăng

4.3. Giải pháp PCCCR đang áp dụng

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức PCCCR

- Thường xuyên kiểm tra điều kiện an toàn PCCCR

- Xây dựng bản đồ số về các vùng trọng điểm tiềm ẩn nguy cơ xảy ra cháy lớn bao gồm: Nguồn nước, giao thông, hướng tiếp cận...

- Xây dựng phương án, diễn tập phương án PCCC rừng theo phương châm 4 tại chỗ

- Tăng cường công tác thường trực 24/24 giờ, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện

Phần II

PHÒNG CHÁY RỪNG

1. Tổ chức lực lượng phòng cháy và chữa cháy rừng

- Số lượng thành viên phòng cháy chữa cháy rừng: 9 người

- Số người đã qua huấn luyện về phòng cháy và chữa cháy rừng: 4 người

- Số người thường trực trong phòng cháy và chữa cháy rừng: 9 người

- Lực lượng của UBND xã tăng cường: 119 người

- + Xã Lại Sơn: 42 người

- + Xã An Sơn: 32 người

- + Xã Hòn Tre: 23 người

- + Xã Nam Du: 22 người

Danh sách tổ trực 24/24 giờ và phương tiện tại xã An Sơn, cụ thể như sau:

I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
1	Đoàn Văn Thắng	Trạm phó	0814441477	Chỉ huy

2	Lực lượng hợp đồng			
3	Lực lượng hợp đồng			
II	Phương tiện, công cụ PCCCR	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Xe ba gác	Chiếc	01	Trung dụng hoặc thuê
2	Máy bơm 5,5H	Máy	01	
3	Ống chữa cháy	Cuộn	04	
4	Xăng dự phòng	Can	20 lít	
5	Máy thổi gió	Cái	01	
6	Bình xịt đeo vai	Cái	01	
7	Vỏ máy trong	Bộ	01	

Danh sách tổ trực 24/24 giờ và phương tiện tại xã Lại Sơn, cụ thể như sau:

I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
1	Võ Văn Đức	Tổ trưởng	0977655993	Chỉ huy
2	Châu Tiến Đạt	Thành viên		
II	Phương tiện, công cụ PCCCR	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Xe ba gác	Chiếc	01	Trung dụng hoặc thuê
2	Máy xịt đeo vai	Máy	01	
3	Can đựng nước	Can	10	
4	Máy thổi gió	Cái	01	

Danh sách tổ trực 24/24 giờ và phương tiện tại xã Nam Du, cụ thể như sau:

I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Vũ	Tổ trưởng	0822409351	Chỉ huy
2	Lực lượng hợp đồng			
II	Phương tiện, công cụ PCCCR	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Xe ba gác	Chiếc	01	Trung dụng hoặc thuê
2	Máy thổi đeo vai	Máy	01	
3	Xăng dự phòng	Can	20 lít	
4	Máy thổi gió	Cái	01	

Danh sách tổ trực 24/24 giờ và phương tiện tại xã Hòn Tre, cụ thể như sau:

I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
1	Lê Trung Hòa	Tổ trưởng	0838554912	Chỉ huy
2	Lực lượng hợp đồng			
II	Phương tiện, công cụ PCCCR	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Xe ba gác	Chiếc	01	Trung dụng hoặc thuê
2	Máy bơm 5,5H	Máy	01	

3	Ổng chữa cháy	Cuộn	04	
4	Xăng dự phòng	Can	20 lít	
	Máy thổi gió	Cái	01	

- Quy chế hoạt động của tổ, đội PCCCR, người chỉ huy chữa cháy rừng và các thành viên: Mỗi tổ PCCCR gồm có tổ trưởng và các thành viên; tổ trưởng chịu trách nhiệm điều hành, huy động lực lượng, phương tiện, lên kế hoạch tuần tra, bố trí người trực thang trống, báo cáo tình hình PCCCR sau 15 giờ hằng ngày (bằng điện thoại hoặc bộ đàm...). Người chỉ huy chữa cháy phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm ở địa bàn ít nhất 5 năm, nắm toàn diện các vị trí trong khu vực PCCCR, phán đoán vị trí khi xảy ra cháy một cách chính xác để ra lệnh điều động kịp thời và hiệu quả. Đồng thời người chỉ huy phải giám sát lịch trực của các tổ, trang bị mỗi tổ đều có bộ đàm để thuận tiện cho công tác liên lạc.

2. Các biện pháp phòng cháy rừng

2.1 Xác định thời gian dễ xảy ra cháy rừng trên địa bàn

Qua tổng kết nhiều năm thì các tháng 3, 4, 5, 6 là những tháng cao điểm dễ xảy ra cháy rừng. Tuy nhiên diễn biến nguy cơ cháy rừng có sự thay đổi theo điều kiện thời tiết.

Thời gian trong ngày được dự báo có nguy cơ cháy cao vào khoảng từ 10 giờ đến 16 giờ.

2.2 Xây dựng bản đồ, phân vùng trọng điểm rừng dễ bị cháy

Rừng phòng hộ đồi núi và hải đảo thuộc xã An Sơn và Lại Sơn huyện Kiên Hải. (Có kèm theo sơ đồ).

2.3 Xây dựng dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng

Với hệ sinh thái rừng trên các đồi núi, khi xảy ra cháy việc cứu chữa rất khó khăn do địa hình và nguồn nước quanh chân núi cạn kiệt.

2.4 Công tác tuyên truyền giáo dục công tác PCCCR

- Thực hiện 4 cuộc, trong đó: 01 cuộc tại xã Hòn Tre, 01 cuộc tại xã Lại Sơn, 01 cuộc tại xã An Sơn và 01 cuộc tại xã Nam Du. Dự kiến kinh phí 1.000.000 đồng/cuộc.

- Xây dựng tổ, đội thường xuyên tuần tra canh gác: BQL rừng có kế hoạch ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trong năm 2022: 03 người cho Trạm Kiên Hải.

2.5 Huấn luyện và diễn tập chữa cháy rừng

Cử lực lượng tham gia cùng Ban chỉ đạo PCCCR của huyện Kiên Hải để được huấn luyện và diễn tập.

Số người tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC: 4 người

Số người tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ lần đầu: 5 người

2.6 Xây dựng và duy trì các công trình phòng cháy rừng

Đường băng trắng, đường băng xanh cản lửa, băng cản lửa, vận động các hộ nhận khoán vệ sinh sạch thực bì trong lâm phần mình quản lý.

2.7 Xây dựng các giải pháp làm giảm nguồn vật liệu cháy phù hợp

Thực hiện phát dọn băng trắng cản lửa là 1 km. Dự kiến kinh phí 2.500.000 đồng

2.8 Xây dựng và thực hiện phát hiện điểm cháy rừng

Các biện pháp phòng cháy rừng năm 2022 tập trung phòng là chính:

- Tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: Báo, đài truyền thanh, truyền hình hỗ trợ đưa tin, phát loa di động...

- Chuẩn bị phương tiện PCCCR đảm bảo chất lượng 100% phục vụ cho phòng cháy chữa cháy.

- Xây dựng tổ, đội thường xuyên tuần tra canh gác: Cần phối hợp cùng lực lượng Kiểm lâm, UBND xã, ấp, có rừng liên hoàn tổ, đội phòng chống cháy rừng của địa phương, đáp ứng nhu cầu thực hiện nhiệm vụ chống chặt phá rừng và phòng chống cháy rừng trên từng địa bàn.

3. Trang bị phương tiện và thiết bị phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng Kiên Hải.

Tổng số phương tiện, thiết bị, công cụ PCCCR của Trạm Kiên Hải

Hiện có 02 máy bơm nổi chữa cháy, 02 máy bơm loại 5,5HP, ống chữa cháy 24 cuộn và 01 máy định vị GPS, 02 máy thổi gió, 01 vỏ máy trong vận chuyển các đảo nhỏ.

STT	Phương tiện, thiết bị, công cụ PCCCR	Đơn vị	Kiên Hải
1	Máy bơm nổi chữa cháy	Máy	2
2	Máy bơm loại 5,5HP	Máy	2
3	Ống chữa cháy	Cuộn	24
4	Máy định vị (GPS)	Cái	1
5	Máy thổi gió	Cái	2
6	Vỏ máy trong	Bộ	01

4. Kinh phí: 130.240.000 đồng (chi tiết phụ lục 1)

Phần III

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ MỘT TÌNH HUỐNG CHÁY RỪNG

1. Tình huống xảy ra cháy rừng (Chủ rừng tự tổ chức chữa cháy)

Giả định tình huống cháy rừng xảy ra, đám cháy rừng mới phát sinh

+ Đám cháy xảy ra tại ấp Thiên Tuế, Lại Sơn, huyện Kiên Hải. Hiện trạng rừng đồi núi thuộc trạng thái 1C có xen lẫn một số cây ăn trái như mít, xoài, dứa...

- Thời gian: Giờ G ngày H năm 2022

- Nguyên nhân: Người dân gom thực bì (chủ yếu là cỏ khô) lại đốt vô ý gây cháy lan

- Địa điểm phát sinh đám cháy trong khu rừng phòng hộ thuộc ấp Bãi Nhà B trên địa hình đồi núi hiểm trở

- Diện tích đám cháy phát hiện khoảng 150 m²

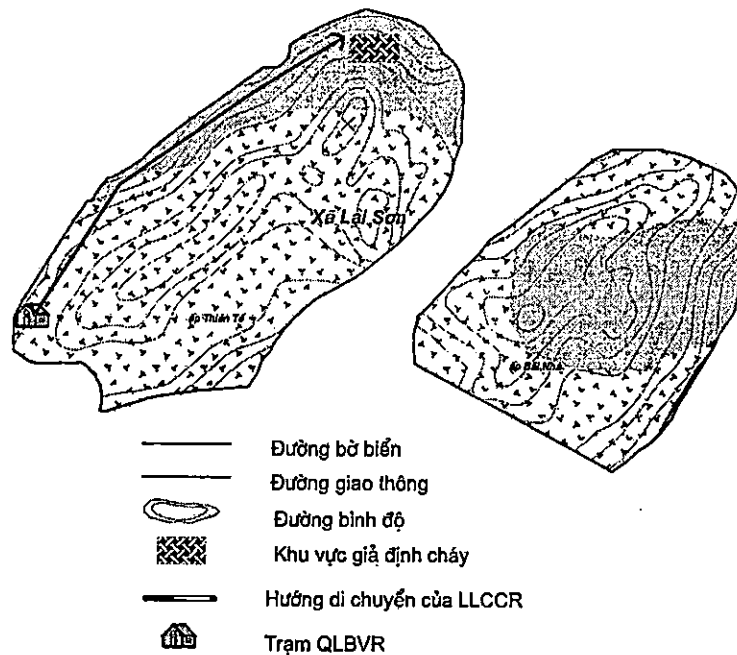
Diễn biến:

Vào giờ G người dân phát hiện khói bốc lên từ khu vực ấp Thiên Tuế thuộc khu vực rừng phòng hộ phạm vi quản lý, lập tức báo ngay cho viên chức phụ trách Trạm kiểm tra, xác định đám khói và khẳng định đã xảy ra cháy rừng thuộc khu vực ấp Bãi Nhà B, sau đó lập tức thực hiện ngay các biện pháp như sau:

- Điều động 04 tổ đã thành lập chữa cháy cho khu vực 4 (thuộc ấp Bãi Nhà B), lực lượng gồm 42 người, sử dụng phương tiện xe ba gác chuyển trang thiết bị chữa cháy gồm: 02 máy bơm 5,5H (tận dụng nguồn nước ở các suối), 01 máy xịt nước loại đeo vai, 01 máy thổi gió loại đeo vai, 12 vòi chữa cháy, nhiên liệu, xô, thùng, dao rựa... di chuyển từ Trạm QL BV rừng xã Lại Sơn đến khu vực xảy ra cháy

- Do phát hiện kịp thời, lực lượng 04 tổ cơ động nhanh, xác định đúng vị trí cháy nên đám cháy được khống chế và dập tắt. Ban quản lý rừng tổng hợp kết quả chữa cháy báo cáo Ban chỉ đạo phòng chống cháy rừng. Thiệt hại của đám cháy không lớn, vật liệu cháy chủ yếu là cỏ khô và lá cây khô. Biện pháp khắc phục là trồng lại rừng tại khu vực cháy với loài cây thích hợp.

**SƠ ĐỒ KHU VỰC GIẢ ĐỊNH CHÁY XÃ LẠI SƠN, HUYỆN KIÊN HẢI
(TÌNH HUỐNG CHỦ RỪNG TỰ CHỮA CHÁY)**



Sơ đồ 1: Bố trí lực lượng, phương tiện PCCCR tại khu vực giả định cháy.

2. Phương án xử lý tình huống phức tạp nhất

Giả định tình huống cháy phức tạp nhất

Tình huống giả định: Cháy rừng xảy ra tại Hòn Hàng, xã An Sơn, huyện Kiên Hải. Khu vực là hòn đảo tách rời khu dân cư ít người sinh sống, có mật độ cây rừng dày đặc, vị trí cháy nằm gần đỉnh Hòn Hàng, nhiệt độ lên đến 38 độ C, gió mạnh luân hồi chiều và khả năng cháy lan qua các khu rừng bên cạnh, việc đưa phương tiện lên vị trí cháy khó khăn, nguồn nước phục vụ chữa cháy khan hiếm (chủ yếu là nước biển và nước suối cách khu vực cháy tương đối xa, khoảng 250m)

Vào mùa khô, luôn bố trí lực lượng thay phiên nhau tuần tra quanh đảo để tuyên truyền, nhắc nhở người dân sông ven rừng mang lửa vào rừng đun nấu, nhất là những hộ đi ghe, tàu và khách tham quan du lịch trên các đảo. Chính vì thế mà không kiểm soát được hết người dân ra vào rừng.

- Vào giờ G ngày N năm 2022, lúc 12 giờ, nhân viên tuần tra khu vực quanh đảo phát hiện khói trên Hòn Hàng, lập tức báo ngay cho lực lượng của Trạm QLBBV rừng An Sơn. Trạm phó cùng nhân viên xác định điểm cháy và khẳng định đã cháy rừng thuộc địa bàn quản lý, cụ thể là xảy ra tại Hòn Hàng, xã An Sơn. Hiện trạng rừng là rừng phòng hộ đồi núi thuộc trạng thái rừng 1C. Vị trí cháy thuộc phạm vi khu vực tổ 1 (ấp Củ Tron, xã An Sơn). Nguyên nhân cháy: lúc này chưa xác định rõ.

2.1. Tổ chức triển khai chữa cháy rừng

Giai đoạn 1: (Các chủ rừng và UBND xã) – Tổ 1

- Điều động lực lượng tại chỗ của khu vực ấp Củ Tron gồm 01 tổ, có 3 đồng chí, 01 đồng chí chỉ huy chung, Chỉ huy (phó giám đốc phụ trách) quan sát điểm cháy, hướng gió, xác định điểm cắt lửa an toàn, sau đó thực hiện ngay các giải pháp như sau:

+ Di chuyển bằng tàu (thuyền) chở theo dụng cụ chữa cháy gồm 01 máy phao, 02 máy bơm 5,5 H, 01 máy thổi gió, 15 cuộn vòi chữa cháy, nhiên liệu, xô, chậu, dao rựa...

+ Báo ngay cho lực lượng PCCCR của 2 ấp còn lại của UBND xã An Sơn, đồng thời huy động các chủ ghe đánh bắt quanh đảo tăng cường hỗ trợ. Do cháy lớn, diện tích cháy vượt 1 ha.

Lúc này lực lượng huy động được 45 người của 3 ấp, phương tiện gồm 10 ghe tàu các loại, cùng các dụng cụ chữa cháy khác nhau của các ngư dân sống quanh đảo, gồm 30 thau chậu, 20 dao rựa phát tuyến cản lửa.

Giai đoạn 2: (Ban chỉ đạo PCCCR huyện Kiên Hải) – Tổ 2

Ban quản lý rừng Kiên Giang báo cáo ngay tình hình cháy đến Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy rừng của huyện Kiên Hải. Ban chỉ đạo PCCCR huyện Kiên Hải điều động: 70 lực lượng chỉ huy và 13 tổ gồm 118 lực lượng của 04 xã. Phương tiện chữa cháy được huy động thêm gồm: 04 máy bơm nổi chuyên dùng, 07 máy thổi gió, 04 bình xịt đeo vai, 03 tàu cơ động vận chuyển và một số thiết bị cầm tay khác (phương tiện chủ yếu của Hạt KL, Công an huyện và các xã)

Danh sách lực lượng và phương tiện của Ban chỉ đạo PCCCR của huyện Kiên Hải

I	Lực lượng	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
1	Huỳnh Thanh Bình	PCT huyện	0918379504	Trưởng ban
2	Hoàng Văn Tài	P. CA huyện		Phó ban
3	Phạm Trường An	Hạt trưởng	0913820230	Phó ban
4	Tiết Văn Tạo	Trưởng Ban Dân vận Huyện ủy		
5	Đoàn Hữu Lợi	CH Trưởng BCHQS		Thành viên
6	Đào Hữu Hiền	Tr.P NN&PTNT		Thành viên
7	Ấu Vinh Quang	Tr.P TC-KH		
8	Huỳnh Văn Lôi	Tr.P KT Hạ tầng-TNMT		Thành viên
9	Trương Đức Thành	Tr.P Nội vụ		Thành viên
10	Ngô Thành Nam	Phó GEĐ BQL rừng	0918361044	Thành viên
11	Nguyễn Thanh Vũ	Tr.P VH&TT		Thành viên

12	Phùng Cẩm Loan	Tr. P. LĐ TBXH		Thành viên
13	Võ Hồng Phú	Tr.P ĐT&GD		
14	Nguyễn Tất Linh	GD TTVH, TT&TT		
15	Nguyễn Văn Đượm	CT HND		Thành viên
16	Trần Thanh Lên	Đội tr. Đội cảnh sát		Thành viên
17	Nguyễn Chí Linh	Đồn Tr Đồn BP HS		
18	Mai Văn Cảnh	Đồn Tr Đồn BP ND		Thành viên
19	UBND các xã	Chủ tịch		Thành viên
II	Phương tiện, công cụ PCCCR (tăng cường)	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy bơm nổi chữa cháy	Cái	04	Chất lượng tốt
2	Ống chữa cháy các loại	Cuộn	50	//
3	Máy thổi gió	Cái	07	//
4	Bình xịt đeo vai	Cái	04	//
5	Cây đập lửa	Cây	50	//
6	Bình xịt tay	Cái	02	//

Đảm bảo phương tiện, lực lượng, dụng cụ chữa cháy và nhiên liệu phục vụ cho Ban chỉ đạo huyện, xác định hướng gió lập tức điều động lực lượng vào chữa cắt mặt, ngăn chặn không để cháy lớn. Tuy nhiên, do thảm thực bì dày, gió mạnh nên đám cháy nhanh chóng bùng phát lớn và việc tiếp cận khó khăn, nên Ban chỉ đạo PCCCR báo ngay cho Ban Chỉ đạo PCCCR của tỉnh

Giai đoạn 3: (Ban Chỉ đạo PCCCR của tỉnh) – Tổ 3

Lực lượng và phương tiện chữa cháy do Ban chỉ đạo tỉnh điều động (Cục kiểm lâm tỉnh hỗ trợ phương tiện chữa cháy).

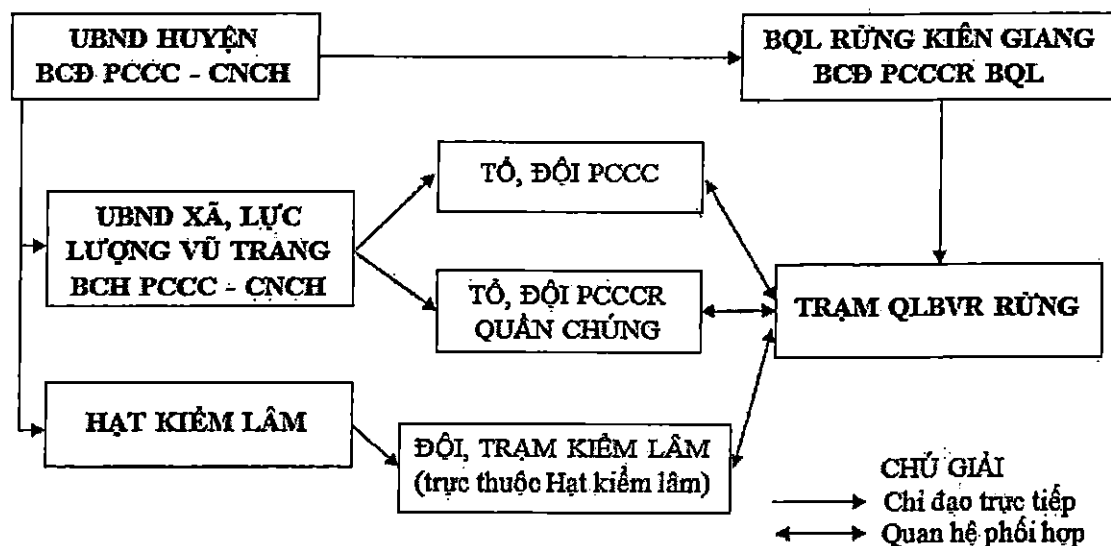
+ Điều động Chi cục Kiểm lâm; Cảnh sát phòng cháy chữa cháy của huyện; bố trí lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng, lập tức thành lập tổ chữa cháy, chia mỗi tổ từ 10-15 người có chỉ huy trực tiếp chỉ đạo.

+ Đến 15 giờ cùng ngày vẫn chưa dập tắt, diện tích cháy lan lớn, điều động thêm lực lượng của tỉnh đội vào tham gia chữa cháy.

Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy rừng của tỉnh đã tích cực chỉ huy, điều động lực lượng, phương tiện, đến 20 giờ cùng ngày ngọn lửa đã bị dập tắt.

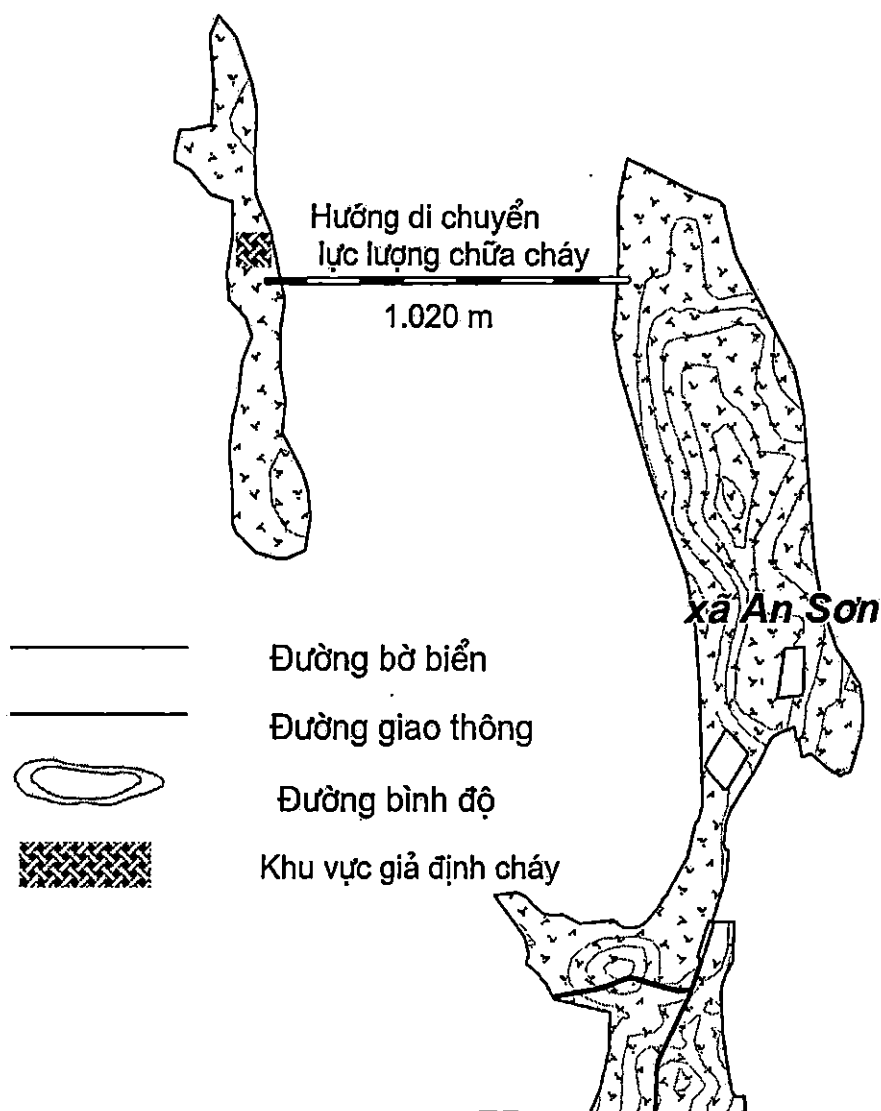
- Tiếp tục chỉ đạo lực lượng kiểm tra, chữa ngùn trong đêm, đặc biệt ở những nơi còn bốc khói, còn có nguy cơ cháy lại, giữ nguyên hiện trạng gồm các phương tiện, lực lượng trong rừng, khi hết khói mới được rút ra khỏi rừng.

2.2. Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy



Sơ đồ 02. Hệ thống chỉ đạo, chỉ huy, phối hợp phòng cháy chữa cháy rừng.

SƠ ĐỒ GIẢ ĐỊNH CHÁY KHU VỰC HÒN HÀNG



Sơ đồ 03. Bố trí lực lượng, phương tiện PCCCR tại khu vực giả định cháy.

2.3. Báo cáo tình hình cháy rừng

Thực hiện Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT, ngày 27 tháng 12 năm 2019 của BNNPTNT. Chủ rừng kiểm tra, xác định diện tích thiệt hại, báo cáo nhanh về Ban chỉ đạo PCCCR, qua đó đã xác định diện tích bị cháy 15ha, mức độ thiệt hại 100%, do đó Ban Quản lý rừng xây dựng kế hoạch xin vốn để trồng lại rừng theo quy định.

2.4. Khắc phục hậu quả do cháy rừng gây ra

Thực hiện theo Điều 52 của Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018. Ban Quản lý rừng căn cứ vào kết quả báo cáo nhanh về Ban chỉ đạo PCCCR, đưa ra các giải pháp phục hồi rừng. Do mức độ thiệt hại 100% cho nên xin chủ trương bố trí vốn để trồng mới trên diện tích bị cháy, loài cây Sao, Dầu.

Phần IV
BỔ SUNG, CHỈNH LÝ PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA
CHÁY HÀNG NĂM

TT	Ngày, tháng, năm	Nội dung bổ sung, chỉnh lý	Thủ trưởng đơn vị

Kiên Giang, ngày 22 tháng 12 năm 2021

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký ghi rõ họ tên)



[Handwritten signature]

Phan Văn Hùng

Phụ lục 1. Bảng dự toán kinh phí PCCCR năm 2022

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
TỔNG CỘNG					2.000.000.000	
I	HUYỆN HÒN ĐẤT				912.026.000	
1	Tuyên truyền				4.000.000	
1.1	Triển khai ra dân, thông báo truyền hình về công tác PCCCR	Cuộc	4	1.000.000	4.000.000	
2	Nhiên liệu				290.000.000	
2.1	Xăng	Lít	1.000	22.500	22.500.000	
2.2	Dầu	Lít	700	15.000	10.500.000	
2.3	Nhớt	Hộp	70	100.000	7.000.000	
2.4	Tiền bơm nước vào rừng (điện)				250.000.000	
3	Các biện pháp kỹ thuật lâm sinh				5.000.000	
3.1	Đốt trước có kiểm soát	km	5	1.000.000	5.000.000	
4	Xây dựng mới, mua sắm và sửa chữa thiết bị PCCCR				348.000.000	
4.1	Sửa chữa máy phao	Cái	2	7.500.000	15.000.000	
4.2	Bảo trì trang thiết bị PCCCR (máy chữa cháy, máy nổ vận chuyển)				10.000.000	
4.3	Máy bơm phao chữa cháy	Cái	1	90.000.000	90.000.000	
4.4	Vòi chữa cháy	Cuộn	50	1.800.000	90.000.000	
4.5	Máy xịt nước áp suất	máy	2	3.500.000	7.000.000	
4.6	Thay cách quạt hút bơm nước của 4 mô tơ	Cái	4	9.000.000	36.000.000	
4.7	Thay Bạch đạn, làm lại cốt mô tơ trạm bơm	Cái	4	7.000.000	28.000.000	
4.8	Nhân công rà ráp sửa Mô tơ	Cái	4	2.000.000	8.000.000	

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
4.9	Thây mới lúp bê bơm nước	Cái	3	5.000.000	15.000.000	
4.10	Ổng nhôm	Cái	2	5.000.000	10.000.000	
4.11	Mua 10 cái lăng B, 03 cái lăng A, 2 chạc 3 chia, 500 cái ron B, 100 cái ron A		1	15.000.000	15.000.000	
4.12	Thay mới thùng điện, hệ thống khởi động từ trạm bơm, ống bơm nước;	Cái	4	6.000.000	24.000.000	
5	Gia cố đập giữ nước	Cái	4		34.000.000	
5.1	Đập kênh kênh 4	Cái	1	7.500.000	7.500.000	
5.2	Đập kênh kênh 3	Cái	1	4.500.000	4.500.000	
5.3	Đập Lung Sư Nam	Cái	1	7.500.000	7.500.000	
5.4	Đập kênh 3 Thầy thép	Cái	1	14.500.000	14.500.000	
6	Thông tin liên lạc				5.000.000	
7	Kinh phí hỗ trợ đồ bảo hộ cho lực lượng hợp đồng trực PCCCR.	Người	7	200.000	1.400.000	
8	Thông tin liên lạc				5.000.000	
9	Công tác phí				20.000.000	
10	Hợp đồng trực PCCCR (6 tháng)	Người/6 tháng	7	18.420.000	128.940.000	Lương tối thiểu vùng 4 năm 2021 là 3.070.000 đồng/tháng
11	Trực PCCC rừng				70.686.000	
II	HUYỆN AN MINH				378.669.000	
1	Tuyên truyền				2.000.000	
1.1	Triển khai họp dân, thông báo truyền hình về công tác PCCCR	Cuộc	2	1.000.000	2.000.000	
2	Nhiên liệu				30.000.000	
2.1	Xăng	Lít	800	22.500	18.000.000	
2.2	Dầu	Lít	600	15.000	9.000.000	

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
2.3	Nhót	Hộp	30	100.000	3.000.000	
3	Làm mới, mua mới và sửa chữa trang thiết bị PCCCR				172.500.000	
3.1	Bảo trì trang thiết bị PCCCR (máy chữa cháy, máy nổ vận chuyển)				10.000.000	
3.2	Xuống điện chốt trực tại Kênh 5 Đất Sét -12	Cái	1	5.000.000	5.000.000	
3.3	Khoan cây nước, cán nền và làm mái che	Cái	1	10.000.000	10.000.000	
3.4	Mua mới vòi chữa cháy Ø 65	cuộn	15	2.500.000	37.500.000	
3.5	Mua mới vòi chữa cháy Ø 50	cuộn	50	1.800.000	90.000.000	
3.6	Xây nhà vệ sinh tại chốt Vân Khánh (điểm trực PCCCR)	Cái	1	20.000.000	20.000.000	
4	Đắp đập giữ nước	Cái	5		24.689.000	
4.1	Đập kênh 27	Cái	1	7.315.000	7.315.000	
4.2	Đập kênh 29	Cái	1	3.147.000	3.147.000	
4.3	Đập kênh 11,5	Cái	1	5.414.000	5.414.000	
4.4	Đập kênh 12	Cái	1	5.894.000	5.894.000	
4.5	Đập kênh 13	Cái	1	2.919.000	2.919.000	
5	Xây dựng bảng cấm sử dụng lửa	Cái	5	1.000.000	5.000.000	
6	Kinh phí hỗ trợ đồ bảo hộ cho lực lượng hợp đồng trực PCCCR.	Người	4	200.000	800.000	
7	Thông tin liên lạc				5.000.000	
8	Công tác phí				15.000.000	
9	Hợp đồng trực PCCCR (6 tháng)	Người/6 tháng	4	18.420.000	73.680.000	Lương tối thiểu vùng 4 năm 2021 là 3.070.000 đồng/tháng
10	Trực PCCC rừng				50.000.000	
III	HUYỆN GIANG THÀNH				359.820.000	

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Tuyên truyền					
1.1	Triển khai ra dân, thông báo truyền hình về công tác PCCCR	Cuộc	1	1.000.000	1.000.000	
2	Nhiên liệu					
2.1	Xăng	Lít	400	22.500	30.000.000	
2.2	Dầu (Bơm nước vào rừng)	Lít	1200	15.000	9.000.000	
2.3	Nhớt	Hộp	30	100.000	18.000.000	
3	Các biện pháp kỹ thuật lâm sinh				3.000.000	
3.1	Phát dọn băng cản lửa	Km	1,5	1.000.000	1.500.000	
4	Xây dựng mới, mua sắm và sửa chữa thiết bị PCCCR				1.500.000	
4.1	Máy Yamar 4T	Máy	2	50.000.000	270.900.000	
4.2	Máy phao chữa cháy		1	90.000.000	100.000.000	
4.3	Dây chữa cháy dây B	Cuộn	30	1.800.000	90.000.000	
4.4	Vòi phun nước B (vòi rồng)	cái	2	1.500.000	54.000.000	
4.5	Biển A-B	cái	2	200.000	3.000.000	
4.6	Bồn nhựa chứa nước 2000 lít	cái	1	5.000.000	400.000	
4.7	Bình ác quy 70 AP	cái	1	2.000.000	5.000.000	
4.8	Chân vịt thau chạy vò	cái	2	1.500.000	2.000.000	
4.9	Sơn sửa, lót ván chòi canh lửa	cái	1	10.000.000	3.000.000	
4.10	Mua mới dụng cụ (dao, thau, leng, xô, thùng,...)			3.500.000	10.000.000	
5	Thông tin liên lạc				3.500.000	
6	Công tác phí				3.000.000	
7	Hợp đồng trực PCCCR (6 tháng)	Người/6 tháng	1	18.420.000	10.000.000	
					18.420.000	Lương tối thiểu vùng 4 năm

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
						2021 là 3.070.000 đồng/tháng
8	Trực PCCCR rừng				25.000.000	
IV	HUYỆN KIÊN LƯƠNG				64.825.000	
1	Tuyên truyền				4.000.000	
1.1	Triển khai ra dân, thông báo truyền hình về công tác PCCCR	Cuộc	4	1.000.000	4.000.000	
2	Nhiên liệu				15.825.000	
2.1	Xăng	Lít	650	22.500	14.625.000	
2.2	Nhớt	Hộp	12	100.000	1.200.000	
3	Xây dựng mới, mua sắm và sửa chữa thiết bị PCCCR				5.000.000	
3.1	Mua bổ sung dụng cụ thô sơ				5.000.000	
4	Thông tin liên lạc				10.000.000	
5	Công tác phí				10.000.000	
6	Trực PCCC rừng				25.000.000	
V	THÀNH PHỐ HÀ TIÊN				154.420.000	
1	Tuyên truyền				4.000.000	
1.1	Triển khai ra dân, thông báo truyền hình về công tác PCCCR		4	1.000.000	4.000.000	
2	Nhiên liệu				12.250.000	
2.1	Xăng	Lít	500	22.500	11.250.000	
2.2	Nhớt	Hộp	10	100.000	1.000.000	
3	Các biện pháp kỹ thuật lâm sinh				4.000.000	
3.1	Phát dọn băng cản lửa	km	2	2.000.000	4.000.000	

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
4	Xây dựng mới, mua sắm và sửa chữa thiết bị PCCCR				75.750.000	
4.1	Máy thổi hơi gió 02 cái	cái	2	35.000.000	70.000.000	
4.2	Bình xịt phun nước 5 cái	cái	5	350.000	1.750.000	
4.3	Mua dụng cụ (Dèn pin, thùng, xô, dao, chổi....)				4.000.000	
5	Kinh phí hỗ trợ đồ bảo hộ cho lực lượng hợp đồng trực PCCCR.	Người/6 tháng	10	200.000	2.000.000	
6	Thông tin liên lạc				3.000.000	
7	Công tác phí				10.000.000	
8	Hợp đồng trực PCCCR (6 tháng)	Người/6 tháng	1	18.420.000	18.420.000	Lương tối thiểu vùng 4 năm 2021: 3.070.000 đồng/tháng
9	Trực PCCC rừng				25.000.000	
VI	HUYỆN KIÊN HẢI				130.240.000	
1	Tuyên truyền				4.000.000	
1.1	Triển khai ra dân, thông báo truyền hình về công tác PCCCR	Cuộc	4	1.000.000	4.000.000	
2	Nhiên liệu				14.500.000	
2.1	Xăng	Lít	600	22.500	13.500.000	
2.2	Nhớt	Hộp	10	100.000	1.000.000	
3	Các biện pháp kỹ thuật lâm sinh				2.500.000	
3.1	Phát dọn băng cản lửa	Km	1	2.500.000	2.500.000	
4	Xây dựng mới, mua sắm và sửa chữa thiết bị PCCCR				4.500.000	

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
4.1	Mua mới dụng cụ (xô, thau, thùng,...)				4.500.000	
5	Thông tin liên lạc				3.000.000	
6	Công tác phí				20.000.000	
7	Hợp đồng trực PCCCR (6 tháng)	Người/6 tháng	3	20.580.000	61.740.000	Lương tối thiểu vùng 3 năm 2021 là 3.430.000 đồng/tháng
8	Trực PCCC rừng				20.000.000	

Phụ lục 2. Bảng dự toán kinh phí PCCCR cho từng huyện

STT	Công việc	ĐVT	Đơn giá	Hòn Đất	Kiên Lương	Giang Thành	Kiên Hải	TP. Hà Tiên	An Minh	Tổng	Kinh phí
1	-Tuyên truyền	cuộc	1.000.000	4	4	1	4	4	2	19	19.000.000
2	- Nhiên liệu										142.575.000
	+ Xăng	Lít	22.500	1.000	650	400	600	500	800	3.950	88.875.000
	+ Dầu	Lít	15.000	700		1.200			600	2.500	37.500.000
	+ Nhớt	Hộp	100.000	70	12	30	10	10	30	162	16.200.000
3	- Hợp đồng PCCCR	Người/6 tháng		7		1	3	1	4	16	301.200.000
4	- Đốt trước có kiểm soát	Km	1.000.000	5						5	5.000.000
5	- Phát dọn băng cản lửa	Km				1,50	1	2		2,50	8.000.000
6	- Tiền điện bơm nước	đồng		250.000.000							250.000.000
7	- Thông tin liên lạc	đồng		5.000.000	10.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	5.000.000	29.000.000	29.000.000
8	- Công tác phí	đồng		20.000.000	10.000.000	10.000.000	20.000.000	10.000.000	15.000.000	85.000.000	85.000.000
9	- Trục cháy	đồng		70.686.000	25.000.000	25.000.000	20.000.000	25.000.000	50.000.000	215.686.000	215.686.000
10	- Đắp đập	đồng		34.000.000					24.689.000	58.689.000	58.689.000
12	- Mua mới dụng cụ, trang thiết bị	đồng		236.000.000	5.000.000	260.900.000	4.500.000	75.750.000	142.500.000	724.650.000	724.650.000
13	- Sửa chữa, bảo trì trang thiết bị	đồng		112.000.000		10.000.000			10.000.000	132.000.000	132.000.000
14	- Xây dựng mới (nhà vệ sinh, băng cấm lửa)	đồng							25.000.000	25.000.000	25.000.000
15	Kinh phí hỗ trợ cho lực lượng HĐ	đồng		1.400.000				2.000.000	800.000	4.200.000	4.200.000
TỔNG				912.026.000	64.825.000	359.820.000	130.240.000	154.420.000	378.669.000		2.000.000.000

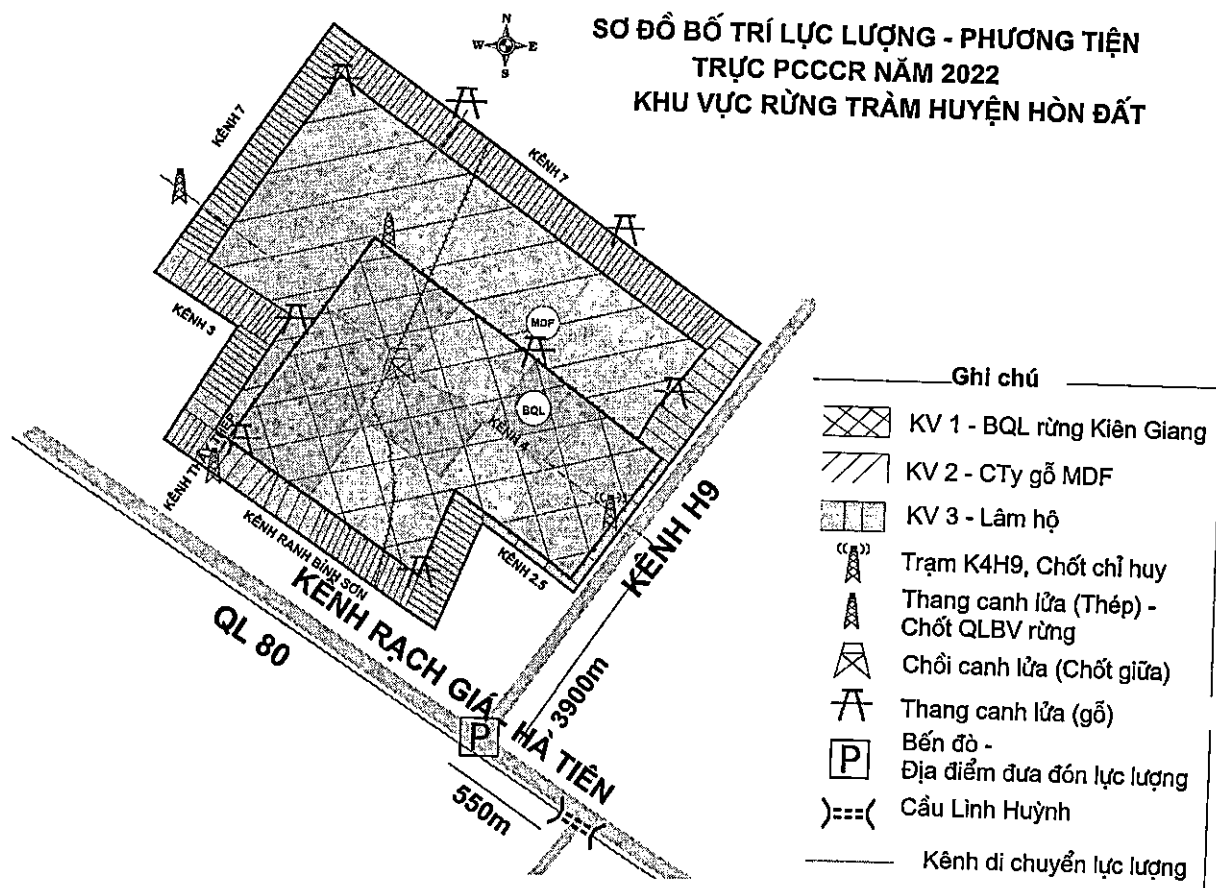
Phụ lục 3. Kế hoạch thực hiện

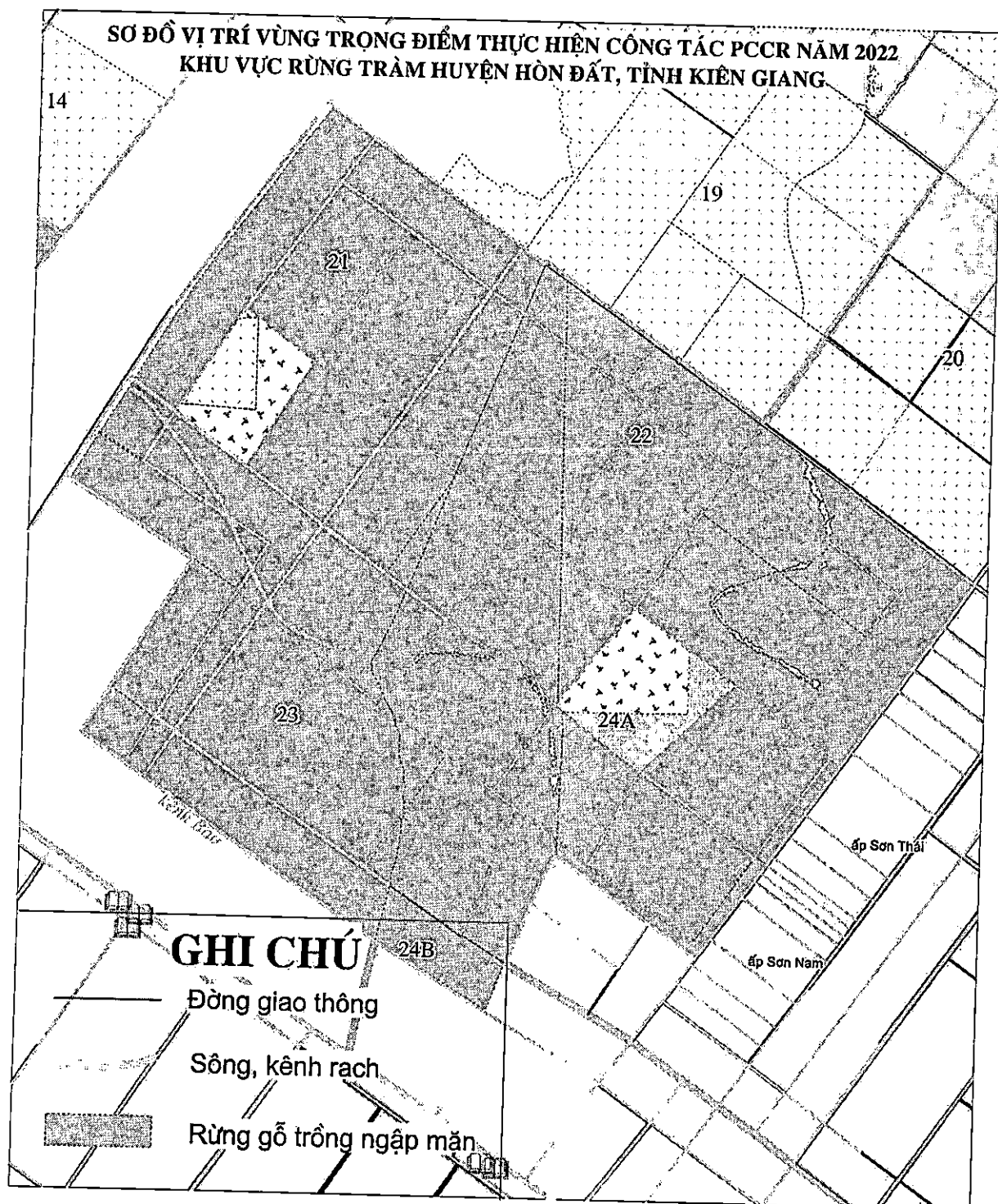
STT	Công việc	10/2021	11/2021	12/2021	01/2022	02/2022	03/2022	04/2022	05/2022	06/2022
1	- Tuyên truyền				x	x	x			
2	- Nhiên liệu				x	x	x	x	x	x
	+ Xăng				x	x	x	x	x	x
	+ Dầu				x	x	x	x	x	x
	+ Nhớt				x	x	x	x	x	x
3	- Hợp đồng PCCCR				x	x	x	x	x	x
4	- Đốt trước có kiểm soát				x					
5	- Phát dọn băng cản lửa				x					
6	- Bơm nước vào rừng							x	x	x
7	- Thông tin liên lạc				x	x	x	x	x	x
8	- Công tác phí				x	x	x	x	x	x
9	- Trục cháy				x	x	x	x	x	x
10	- Đắp đập			x						
11	- Mua mới dụng cụ, trang thiết bị				x					
12	- Sửa chữa, bảo trì trang thiết bị				x					
13	- Xây dựng mới						x			

Phụ lục 4. Dự toán đắp 5 đập huyện An Minh

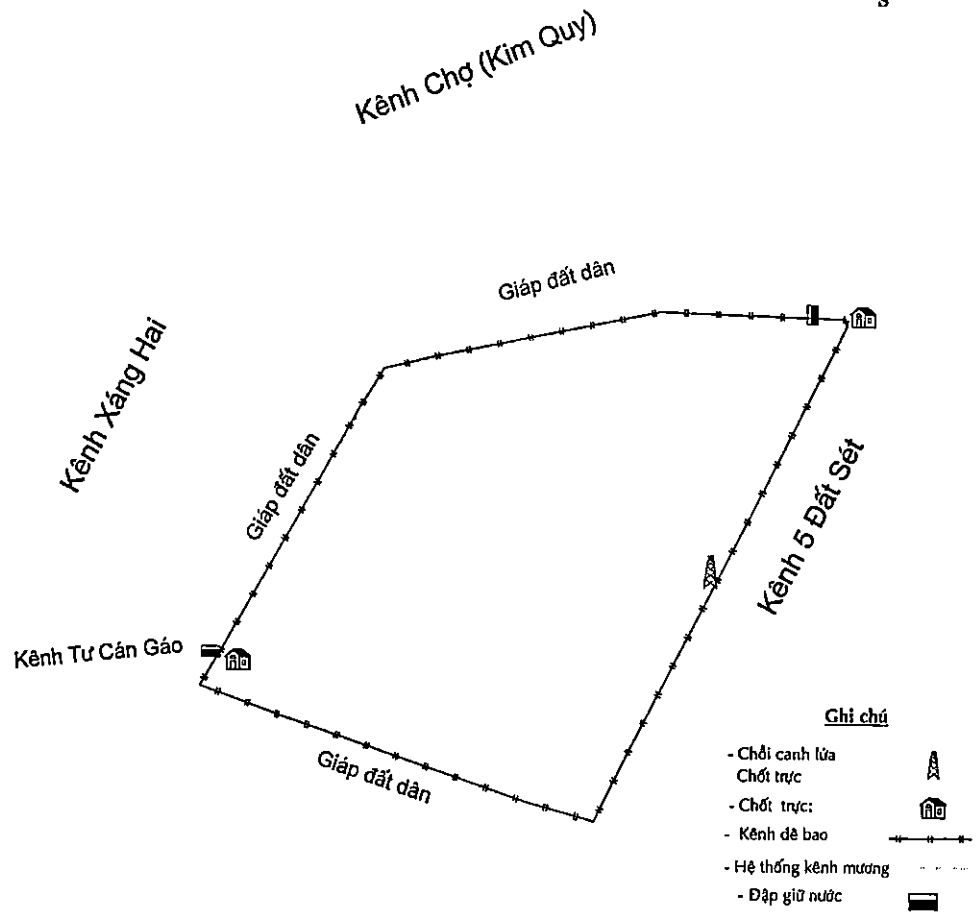
Số đập	Tên đập	Quy cách	Số lượng		Thành tiền
			M3, cây,M,Kg	đồng	
1	Đập 27	dài 4m x ngang 5m x sâu 2m	40 m3	40.000	1.600.000
		Nóng 4:dài 3,7 mét trở lên	100 cây	30.000	3.000.000
		Nóng 5 nẹp và chéo hàng rào	12 cây	40.000	480.000
		Sắt 6 mm	10 kg	18.000	180.000
		Đinh: 10 cm-12 cm	2 kg	50.000	100.000
		Tiền công cặm cây,lót lưới và cột dây chì	6 công	250.000	1.500.000
		dây chì buộc	1 kg	30.000	30.000
		Lưới cước	25 m	17.000	340.000
Cộng					7.315.000
2	Đập 29	dài 4m x ngang 2m x sâu 1,5m	12 m3	40.000	480.000
		Nóng 4:dài 3,7 mét trở lên	40 cây	30.000	1.200.000
		Nóng 5 nẹp và cặp cây chéo	04 cây	40.000	160.000
		Sắt 6 mm	4 kg	18.000	72.000
		Đinh: 10 cm-12 cm	1 kg	50.000	50.000
		Tiền công cặm cây,lót lưới và cột dây chì	4 công	250.000	1.000.000
		Dây chì buộc	0,5 kg	30.000	15.000
		Lưới cước	10 m	17.000	170.000
Cộng					3.147.000
3	Đập 11.5	dài 4m x ngang 4m x sâu 1,5m	24 m3	40.000	960.000
		Nóng 4:dài 3,7 mét trở lên	80 cây	30.000	2.400.000
		Nóng 5 nẹp và cặp cây chéo	6 cây	40.000	240.000
		Sắt 6 mm	8 kg	18.000	144.000
		Đinh: 10 cm-12 cm	1 kg	50.000	50.000
		Tiền công cặm cây,lót lưới và cột dây chì	5 công	250.000	1.250.000
		Dây chì buộc	1 kg	30.000	30.000
		Lưới cước	20 m	17.000	340.000
Cộng					5.414.000

4	Đập 12	dài 4m x ngang 4m x sâu 2m	32 m3	40.000	1.280.000
		Nóng 4:dài 3,7 mét trở lên	80 cây	30.000	2.400.000
		Nóng 5 nẹp và cặp cây chéo	10 cây	40.000	400.000
		Sắt 6 mm	8 kg	18.000	144.000
		Đinh: 10 cm-12 cm	1 kg	50.000	50.000
		Tiền công cặm cây,lót lưới và cột dây chì	5 công	250.000	1.250.000
		Dây chì buộc	1 kg	30.000	30.000
		Lưới cước	20 m	17.000	340.000
Cộng					5.894.000
5	Đập 13	dài 4m x ngang 2m x sâu 1m	8 m3	40.000	320.000
		Nóng 4:dài 3,7 mét trở lên	40 cây	30.000	1.200.000
		Nóng 5 nẹp và cặp cây chéo	4 cây	40.000	160.000
		Sắt 6 mm	4 kg	18.000	72.000
		Đinh: 10 cm-12 cm	1 kg	50.000	50.000
		Tiền công cặm cây,lót lưới và cột dây chì	4 công	250.000	1.000.000
		Dây chì buộc	0,5 kg	30.000	15.000
		Lưới cước	6 m	17.000	102.000
Cộng					2.919.000
TỔNG CỘNG					24.689.000

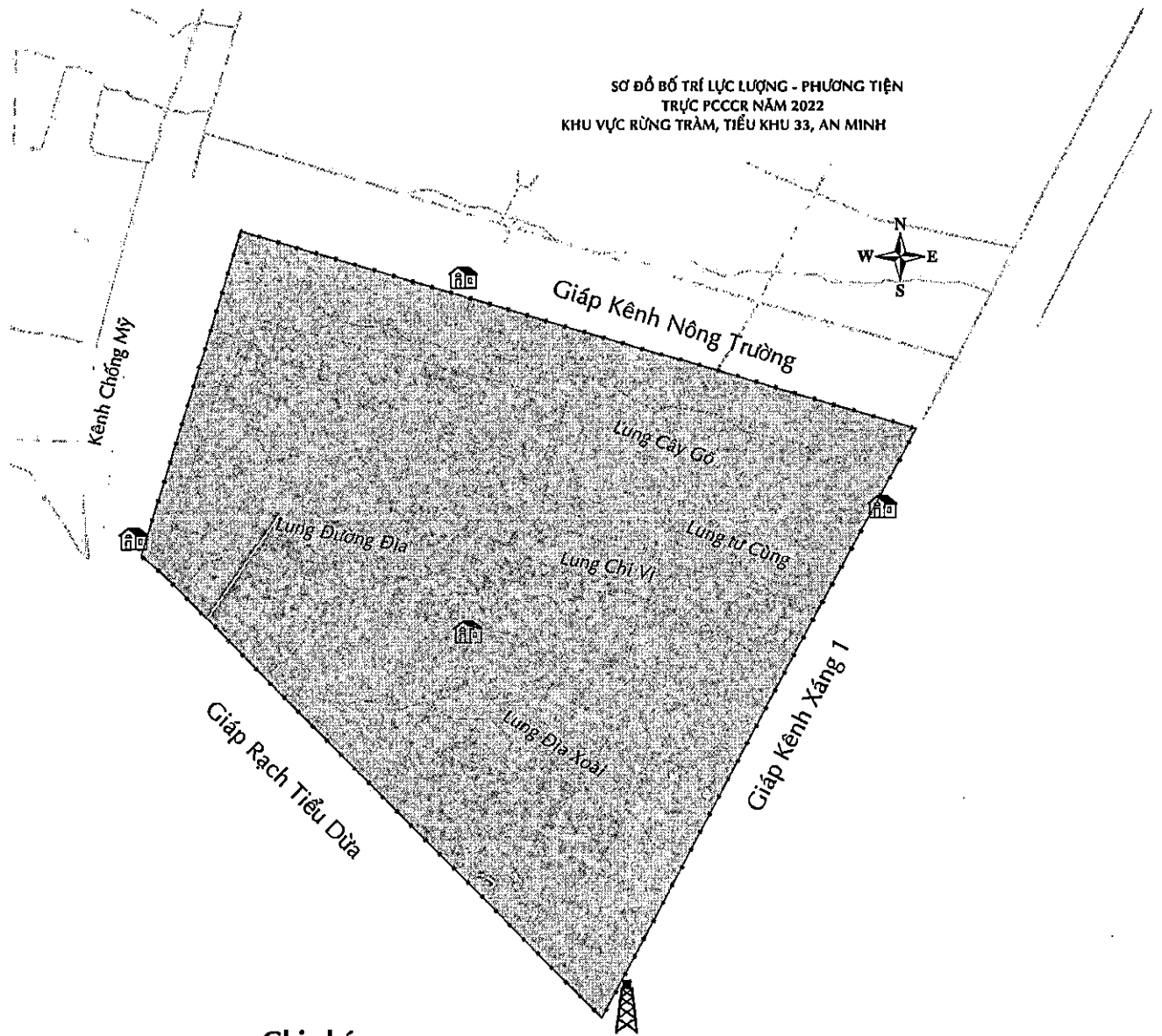




SƠ ĐỒ BỐ TRÍ LỰC LƯỢNG - PHƯƠNG TIỆN
TRỰC PCCC NĂM 2022
KHU VỰC RỪNG TRẦM, TIỂU KHU 32, AN MINH

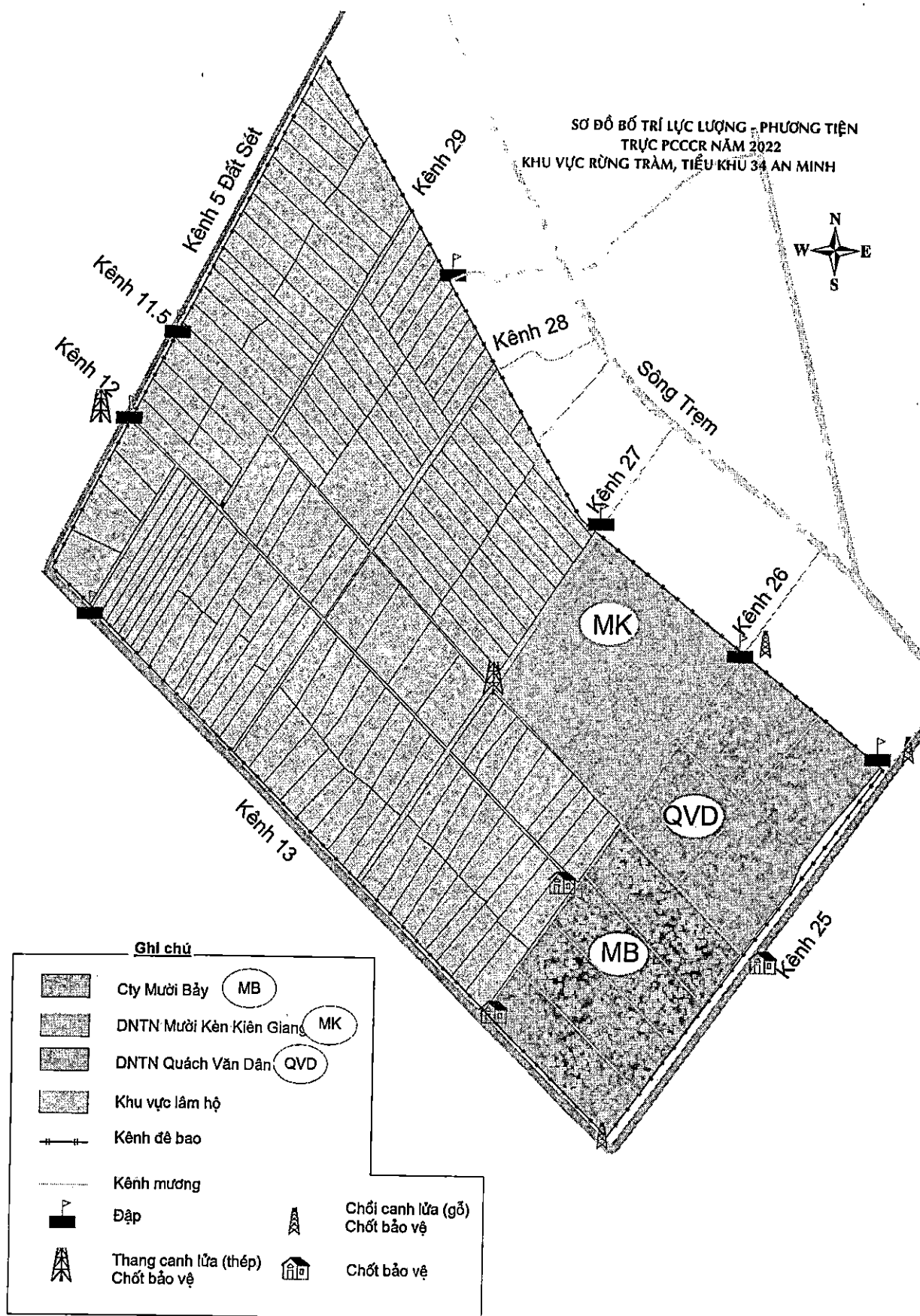


SƠ ĐỒ BỐ TRÍ LỤC LƯỢNG - PHƯƠNG TIỆN
TRỰC PCCC NĂM 2022
KHU VỰC RỪNG TRÀM, TIỂU KHU 33, AN MINH

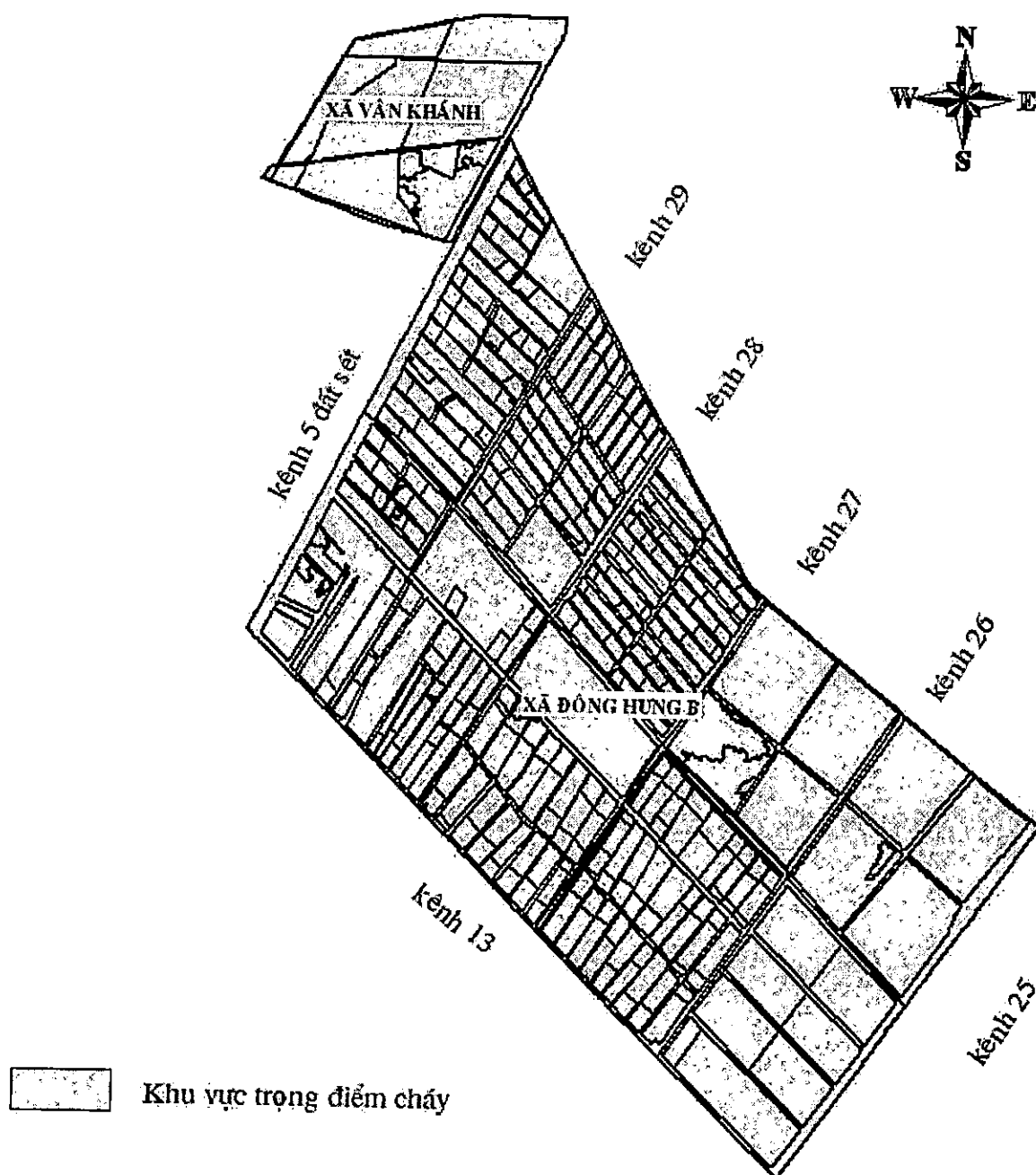


Ghi chú

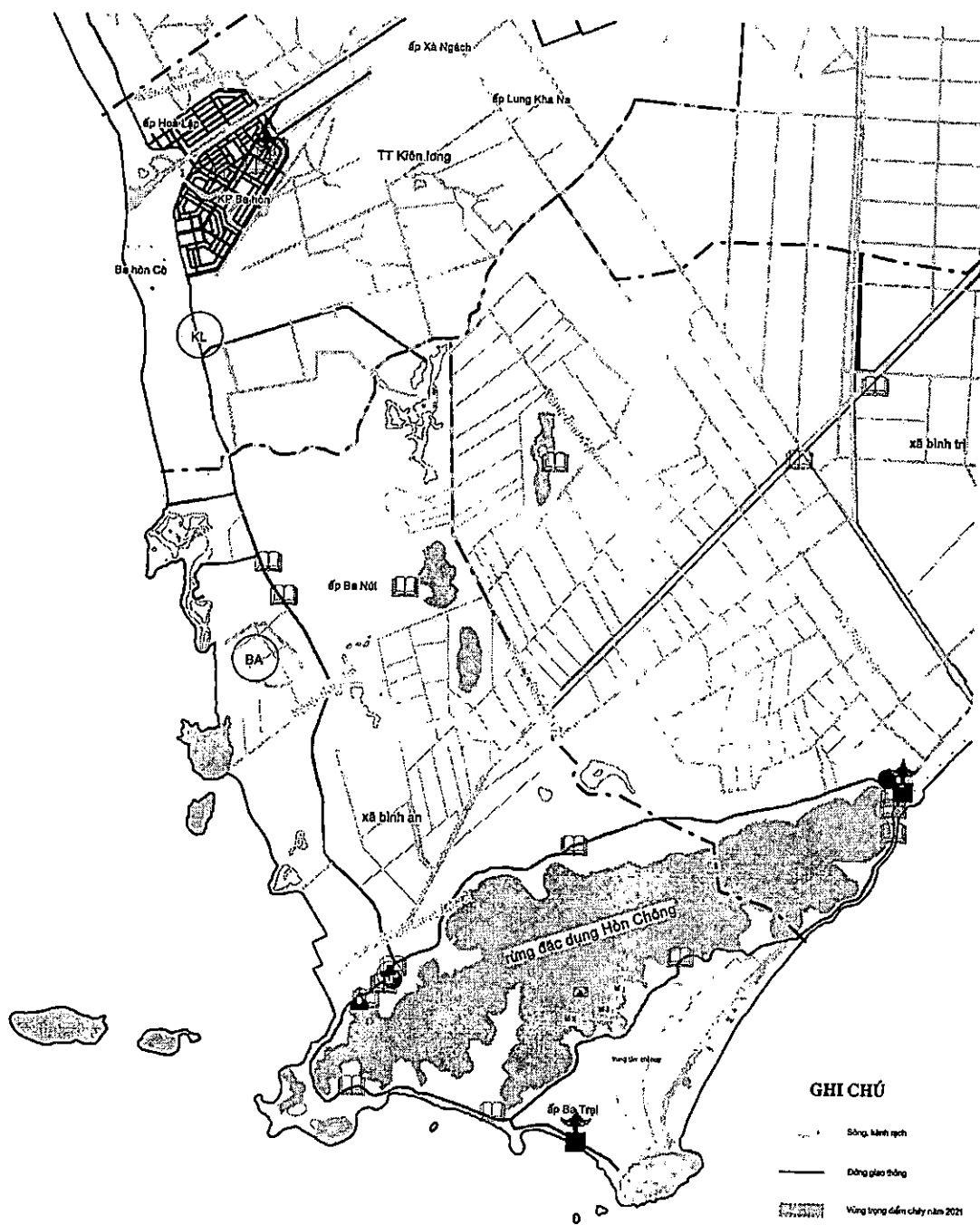
-  - Chòi canh lửa - Chốt bảo vệ
-  - Chốt bảo vệ
-  - Hệ thống kênh mương
-  - Kênh đê bao



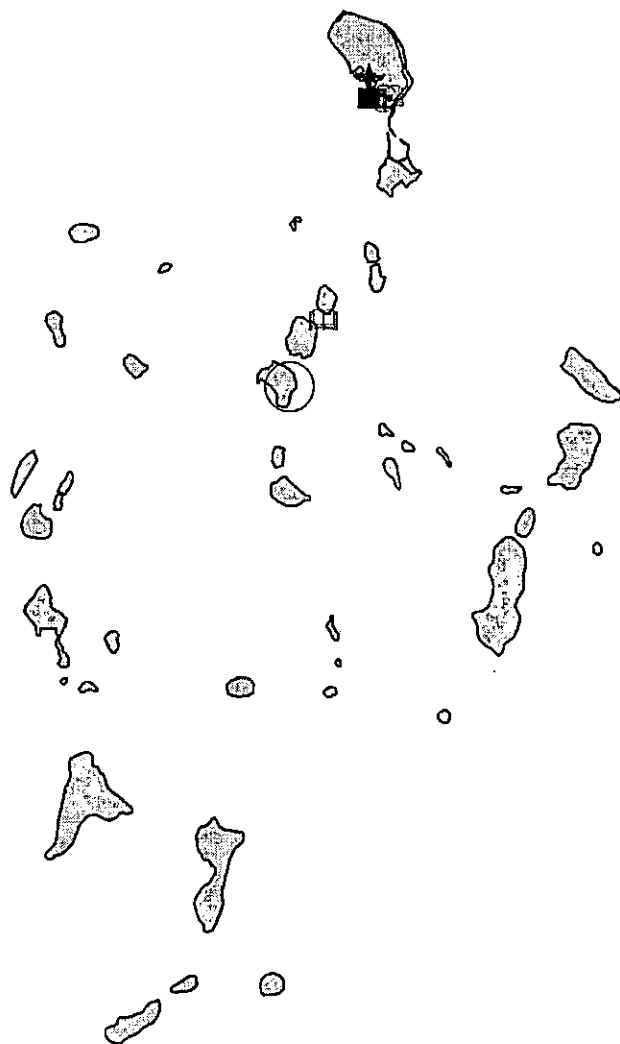
SƠ ĐỒ KHU VỰC TRỌNG ĐIỂM THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCCCR NĂM 2022
KHU VỰC XÃ VĂN KHÁNH VÀ ĐÔNG HUNG B, HUYỆN AN MINH



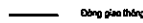
**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÙNG TRỌNG ĐIỂM THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCCR NĂM 2022
KHU VỰC HUYỆN KIÊN LONG, TỈNH KIÊN GIANG**



**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÙNG TRỌNG ĐIỂM THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCCR NĂM 2022
KHU VỰC HUYỆN KIÊN LÔNG, TỈNH KIÊN GIANG**

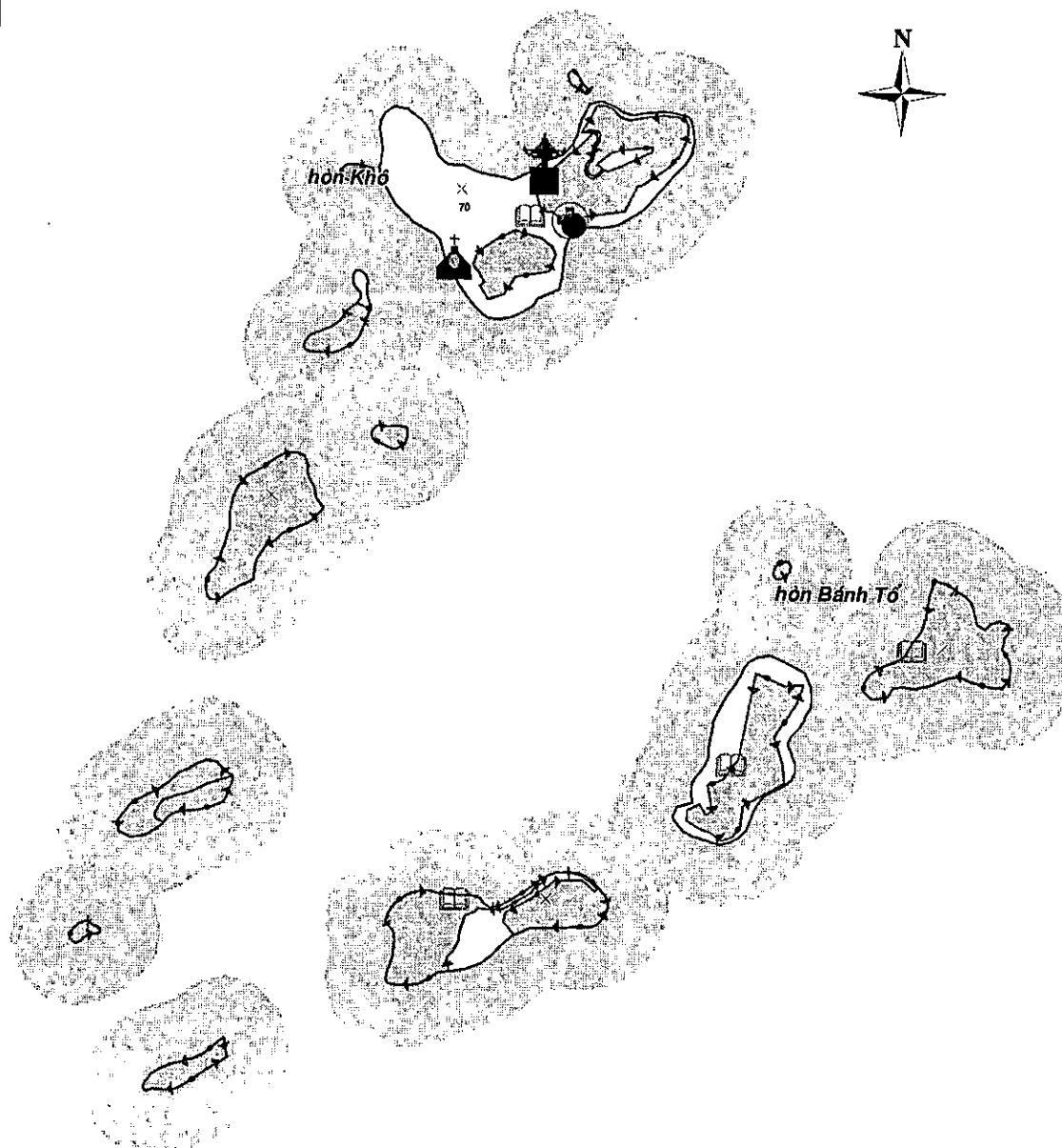


GHI CHÚ

-  Sông, kênh rạch
-  Đường giao thông
-  Vùng trọng điểm cháy năm 2021



**SƠ ĐỒ VÙNG TRỌNG ĐIỂM THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCCR NĂM 2022
KHU VỰC XÃ TIỀN HẢI, THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

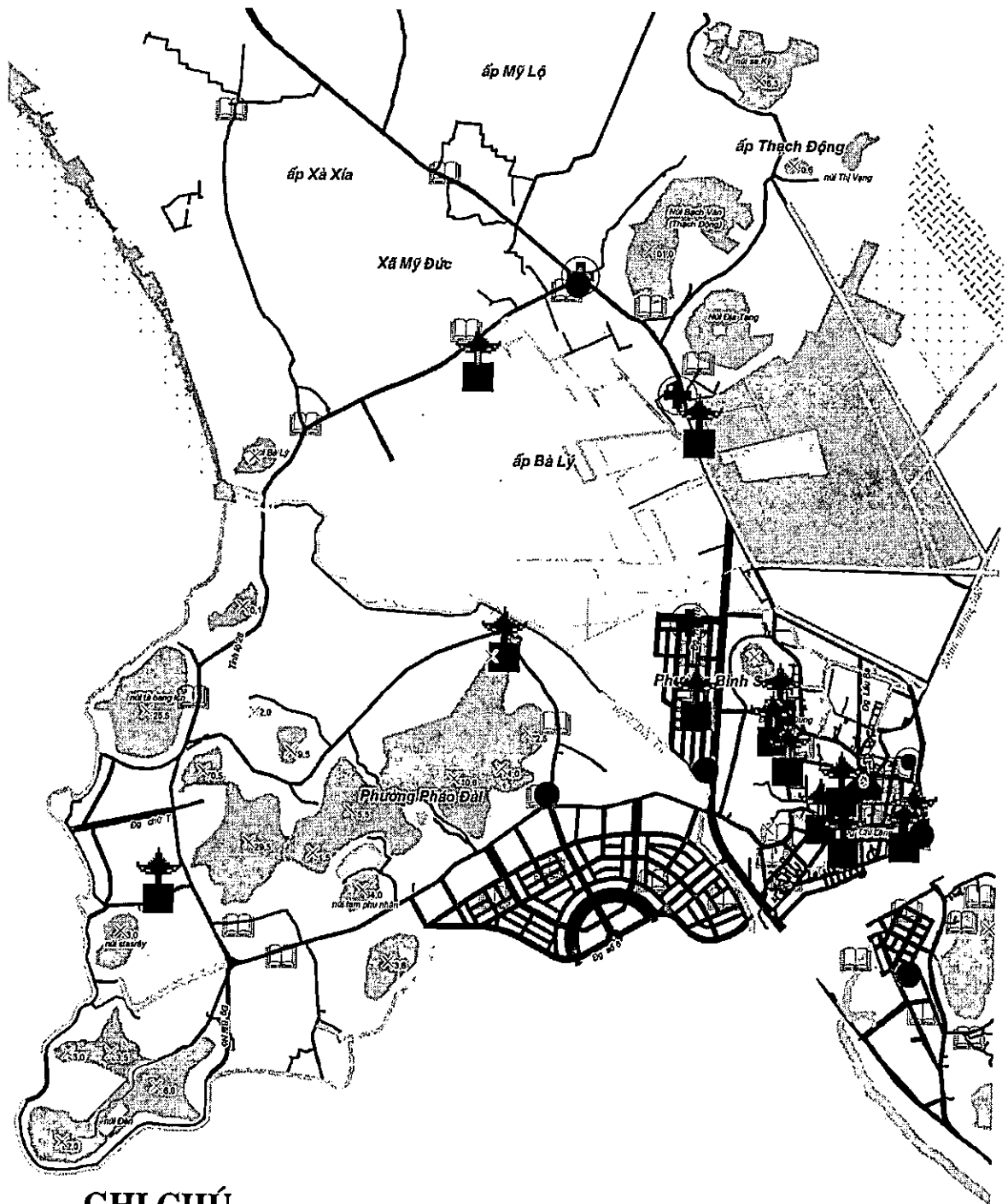


GHI CHÚ

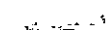
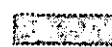


Vùng trọng điểm cháy

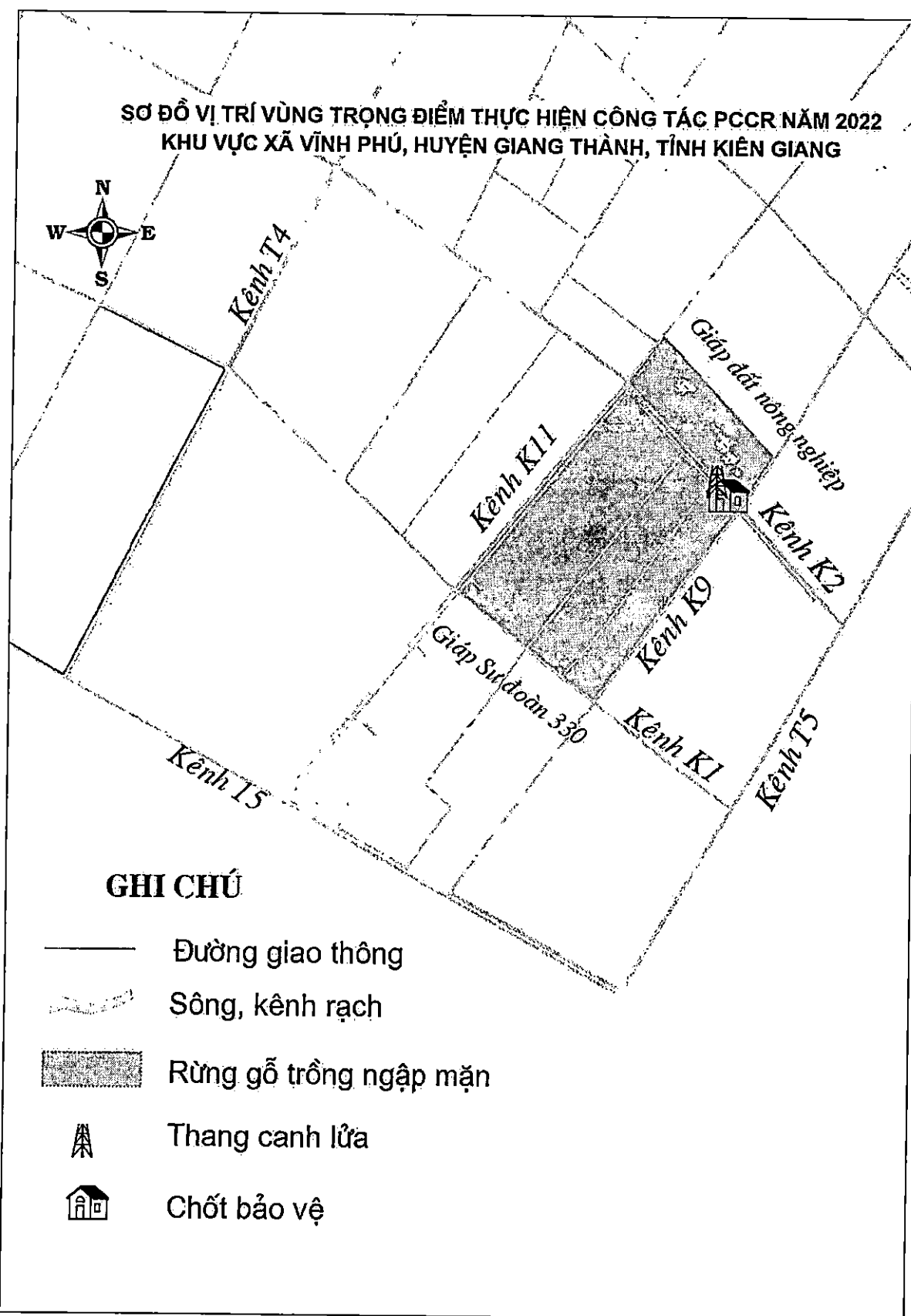
SƠ ĐỒ VÙNG TỌNG ĐIỂM THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCCR NĂM 2022
KHU VỰC P.MỸ ĐỨC, P.PHÁO ĐÀI, THÀNH PHỐ HÀ TIỀN, TỈNH KIÊN GIANG



GHI CHÚ

-  Sông, kênh rạch
-  Đường giao thông
-  Vùng trọng điểm cháy

**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÙNG TRỌNG ĐIỂM THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCCR NĂM 2022
KHU VỰC XÃ VINH PHÚ, HUYỆN GIANG THÀNH, TỈNH KIẾN GIANG**



GHI CHÚ

- Đường giao thông
- ~~~~ Sông, kênh rạch
- ▨ Rừng gỗ trồng ngập mặn
- 🚧 Thang canh lửa
- 🏠 Chốt bảo vệ

SƠ ĐỒ PHÂN VÙNG TRỌNG ĐIỂM PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY NĂM 2022
HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG

